

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM THỊ TRỌNG HIẾU

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN
TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI
VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM THỊ TRỌNG HIẾU

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN
TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI
VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

Chuyên ngành: Triết học
Mã số: 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- TS. Vũ Văn Hậu
- TS. Nguyễn Thị Như Huế

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, trích dẫn đầy đủ theo đúng quy định.

Tác giả

Phạm Thị Trọng Hiếu

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	9
1.1. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	9
1.2. Giá trị các công trình được tổng quan, những vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của luận án	33
Tiểu kết chương 1	38
Chương 2: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	39
2.1. Một số khái niệm cơ bản	39
2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay.....	52
Chương 3: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	84
3.1. Khái quát vùng Tây Bắc và đặc điểm nông dân Tây Bắc.....	84
3.2. Thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc và nguyên nhân	92
3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay	141
Tiểu kết chương 3	147
Chương 4: MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỜI GIAN TỚI	148
4.1. Một số quan điểm nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới.....	148
4.2. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới	155
Tiểu kết chương 4	178
KẾT LUẬN	179
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182
PHỤ LỤC	1.PL

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH	: Biến đổi khí hậu
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DTTS	: Dân tộc thiểu số
HTCT	: Hệ thống chính trị
HTX	: Hợp tác xã
KHCN	: Khoa học công nghệ
NNST	: Nông nghiệp sinh thái
NTM	: Nông thôn mới
Nxb	: Nhà xuất bản

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1.	Tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn nghèo đa chiều phân theo địa phương	121
Bảng 3.2.	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế phân theo địa phương ..	122
Bảng 3.3.	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nguồn thu và theo địa phương	132
Bảng 3.4.	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh phân theo địa phương và năm.....	133
Bảng 3.5.	Chất lượng không khí tại các địa phương	134
Bảng 3.6.	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI) phân theo địa phương	136

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ - SƠ ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1.	Hình thức công cấp thông tin về NNST cho nông dân	99
Biểu đồ 3.2.	Khó khăn của nông dân khi lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST.....	103
Biểu đồ 3.3.	Nguyên nhân khiến cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST còn hạn chế	140
Sơ đồ 2.1.	Quan hệ ràng buộc giữa các yếu tố của nền NNST	47

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xây dựng nông nghiệp sinh thái là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta phù hợp với xu thế chung của thế giới nhằm hướng tới giá trị gia tăng và bảo đảm phát triển bền vững, đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho nông dân, phát triển nông thôn hiện đại, văn minh. Việt Nam với hơn 60% cư dân sống ở nông thôn và là một trong những nước đang đặt ra vấn đề về ô nhiễm môi trường cần giải quyết. Từ kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, để phát triển nông nghiệp bền vững, giải quyết những thách thức đang đặt ra với nông nghiệp, nông dân, nông thôn thì trước hết phải thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Thực chất của chủ trương này là nhằm tạo sự chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống chạy theo sản lượng, sử dụng hóa chất, khai thác kiệt quệ tài nguyên, hủy hoại môi trường sang mô hình NNST lấy giá trị làm mục tiêu, cốt lõi là giá trị sinh thái – nhân văn, ứng dụng KH-CN, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, khai thác tiềm năng, thế mạnh sẵn có của các vùng miền, nâng cao giá trị và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp hướng đến xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, tạo cơ sở vật chất vững chắc cho quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Do đó, xây dựng NNST chính là cách thức khắc phục hạn chế trong tư duy phát triển nông nghiệp truyền thống, giải quyết tốt mối quan hệ cân bằng, bền vững giữa các yếu tố môi trường sinh thái với sự phát triển của con người.

Trong tiến trình thực hiện chính sách này, nông dân - vai trò của giai cấp - với tư cách là một yếu tố cấu thành quan trọng nhất của lực lượng sản xuất, quyết định hiệu quả thực hiện chính sách. Vai trò đó biểu hiện cụ thể ở các mặt: nông dân với toàn bộ trình độ, kỹ năng, ý thức tổ chức kỷ luật là lực lượng sử dụng toàn bộ tư liệu sản xuất để tạo nên một phương thức sản xuất; nông dân cũng chính là lực lượng trực tiếp tiến hành các hoạt động tổ chức, quản lý quá trình sản xuất cũng như

quá trình phân phối, trao đổi hoạt động của quy trình sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy, có thể khẳng định rằng, nông dân chính là chủ thể quyết định hiệu quả của quá trình xây dựng NNST, phát triển nông thôn bền vững.

Trong thời gian tới, Đảng ta khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn sẽ tiếp tục đóng vai trò chiến lược và “là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế” [35]. Điều này hơn bao giờ hết đòi hỏi nông dân phải trở thành chủ thể thực sự, là trung tâm quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM. Qua đó, nông dân có đủ năng lực, cơ hội tham gia và hưởng thụ thành quả phát triển của đất nước; nông dân có thu nhập ổn định và điều kiện sống văn minh, có cơ hội phát triển. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM... Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình NNST, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh” [34, tr.166-167]. Trước những yêu cầu mới đặt ra đó, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân cần được nhận thức và triển khai thực hiện nhất quán từ Trung ương đến địa phương góp phần thực hiện thành những mục tiêu mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đem đến sự phát triển toàn diện, bền vững trên địa bàn nông thôn, đặc biệt là những vùng còn khó khăn về kinh tế - xã hội.

Tây Bắc là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nơi "địa đầu", "phên giậu", "lá phổi" của Tổ quốc, địa bàn có nhiều tộc người sinh sống và là nơi có những “điểm nóng” về tôn giáo, có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước. Tại đây, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đã đạt được những kết quả nhất định: Từ tâm lý trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của nhà nước, người dân đã chủ động tham gia vào công tác quy hoạch;

tích cực dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi thích hợp, ứng dụng tiến bộ KHCN, cơ giới hóa nông nghiệp; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa; xây dựng mô hình kinh tế trang trại, gia trại, kinh tế tập thể... Nhờ vậy mà đến nay đã hình thành nhiều vùng chuyên canh; nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi, nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao ra đời... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở đây còn gặp phải không ít khó khăn, hạn chế như: việc chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái còn chậm; khả năng ứng dụng KHCN còn hạn chế do thiếu các yếu tố đầu vào; cơ cấu dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người trình độ hiểu biết, năng lực thấp; sự tham gia của người dân từ khâu hoạch định đến thực thi chính sách về xây dựng NNST còn yếu... Điều này đang đặt ra vấn đề cần có những nghiên cứu từ cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn để có những đề xuất nhằm phát huy sự tích cực, chủ động, sáng tạo của nông dân các tỉnh Tây Bắc trong tiến trình xây dựng NNST.

Chính vì vậy, để phát triển Tây Bắc xanh, bền vững, toàn diện trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc cần phải nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò chủ thể của nông dân, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết, xây dựng một hệ thống các giải pháp toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, khả thi để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là yêu cầu cấp bách đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Với những lý do vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc, luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp

chủ yếu nhằm phát huy có hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nghiên cứu tổng quan những công trình liên quan tới đề tài của luận án nhằm kế thừa những giá trị của các công nghiên cứu trước; đồng thời, định hướng nội dung tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, phân tích thực trạng, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra trong việc thực hiện vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay.

Thứ tư, đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là chủ trương lớn, lâu dài của Đảng bao gồm nhiều nội dung và được tiếp cận ở các góc độ khác nhau, nhưng trong phạm vi luận án, tác giả tập trung nghiên cứu:

(1) *Nội dung* phát huy vai trò chủ thể của nông dân: Trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST; trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng KHCN xây dựng NNST; trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST; trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội;

(2) *Phương thức* chủ yếu để phát huy vai trò chủ thể của nông dân bao

gồm: Truyền thông, tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giáo dục, kinh tế, nêu gương, kiểm tra, giám sát;

(3) *Các chủ thể* tham gia phát huy vai trò chủ thể của nông dân bao gồm: HTCT, các tổ chức khác (Doanh nghiệp, HTX, tổ chức xã hội nghề nghiệp...) và bản thân người nông dân.

Về không gian: Vùng Tây Bắc gồm 6 tỉnh là Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình nhưng trong phạm vi nghiên cứu luận án, tác giả nghiên cứu việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST tại 03 tỉnh là Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình.

Về thời gian: Tập trung nghiên cứu việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc từ 2015 đến nay và đề xuất giải pháp từ nay đến 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát huy vai trò chủ thể của nông dân và xây dựng NNST.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu cụ thể*: Luận án đặc biệt chú trọng phương pháp lịch sử - logic, phân tích - tổng hợp; phương pháp định lượng, phương pháp định tính... để làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc hiện nay.

+ *Phương pháp phân tích - tổng hợp*: Luận án sử dụng phương pháp này để thu thập, nghiên cứu, đánh giá vấn đề trên cơ sở dữ liệu thu thập được từ các nguồn: Văn kiện Đại hội và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam; sách, báo, tạp chí chuyên ngành; các báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu có liên quan; các niên giám thống kê được công bố hàng năm của Tổng cục

thống kê; báo cáo của cơ quan quản lý thuộc các tỉnh, các huyện, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và các tài liệu tham khảo khác. Những dữ liệu thu được từ quá trình phân tích tài liệu giúp tác giả có cái nhìn tổng quan, cụ thể về những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Việt Nam nói chung và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST thái ở Tây Bắc nói riêng.

+ Phương pháp định lượng (điều tra bảng hỏi): Được sử dụng để thu thập thông tin về thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay gồm 3 tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình để tiến hành điều tra bảng hỏi. Kết quả khảo sát (dữ liệu sơ cấp) được sử dụng nhằm củng cố và xác định các phân tích định lượng của luận án về các vấn đề: Nhận thức của nông dân và cán bộ về NNST, vai trò của nông dân trong xây dựng NNST; những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc.

Đối tượng khảo sát gồm: nông dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong HTCT ở địa phương.

Số lượng phiếu: Luận án khảo sát 510 phiếu. Với đối tượng nông dân, thực hiện khảo sát 300 phiếu chia đều cho 3 tỉnh, mỗi tỉnh chọn 2 huyện, mỗi huyện chọn 2 xã, mỗi xã phát 25 phiếu. Với đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong HTCT khảo sát 210 phiếu, mỗi tỉnh 70 phiếu, trong đó: cấp tỉnh 20 phiếu (cơ quan Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội); cấp huyện 20 phiếu; cấp xã 30 phiếu (cán bộ lãnh đạo phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hội Nông dân..., cán bộ đảng, chính quyền xã, các tổ chức chính trị xã hội...).

Cách thức chọn mẫu: Đối với các xã được lựa chọn khảo sát mang tính đại diện trên cơ sở có lợi thế về phát triển nông nghiệp, đạt được những kết quả nhất định trong triển khai thực hiện xây dựng NNST, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và những xã khó khăn trong phát triển nông nghiệp.

Xử lý số liệu: Dữ liệu sau khi thu thập được tổng hợp thông qua phần mềm SPSS và bảng tính Excel. Từ kết quả xử lý, luận án tổng hợp thành các bảng số liệu,

thiết kế các hình, biểu đồ sử dụng trong luận án.

+ Phương pháp định tính (phỏng vấn sâu): Đề tài thực hiện 30 cuộc phỏng vấn sâu với 3 đối tượng: chuyên gia, nhà khoa học đã và đang nghiên cứu về vấn đề NNST, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; cán bộ chủ chốt giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện, xã - người trực tiếp tham gia vào quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; Chủ các doanh nghiệp, HTX, tổ chức xã hội nghề nghiệp... hỗ trợ và tham gia liên kết hợp tác sản xuất với nông dân. Kết quả được sử dụng để củng cố những phân tích định tính của luận án về những nội dung nghiên cứu.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ thêm lý luận về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội hoạch định các chủ trương chính sách để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST tại các tỉnh Tây Bắc.

Luận án có thể được dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy những nội dung có liên quan tại các trường đại học, học viện.

6. Điểm mới của luận án

- Luận án thiết lập được hệ thống cấu trúc về mặt lý luận của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình xây dựng NNST, bao gồm: Khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức và các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST

- Luận án đã phân tích, đánh giá được những thành tựu, hạn chế trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc hiện nay và xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- Luận án đã đề xuất được một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát

huy hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững và toàn diện của các tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục gồm có 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. 1. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về xây dựng nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái

Hiện nay, ở trong và ngoài nước có nhiều công trình nghiên cứu về xây dựng nông nghiệp, NNST. Các nghiên cứu đó đề cập cả về lý luận và thực tiễn việc xây dựng NNST ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tổng quan một số công trình tiêu biểu sau:

C. Francis and his colleagues (2003) *Agroecology: The Ecology of Food Systems, Journal of Sustainable Agriculture*, Vol. 22(3), 99-118, (NNST: Sinh thái học của hệ thống lương thực) [168], các tác giả đã phân tích những quan niệm khác nhau về NNST và đưa ra định nghĩa về NNST theo cách tiếp cận của cá nhân. Trong đó, NNST được hiểu là nghiên cứu tổng hợp về hệ sinh thái của toàn bộ hệ thống thực phẩm, bao gồm các khía cạnh sinh thái, kinh tế và xã hội. Hệ thống nông nghiệp là một hệ thống mở, tương tác với thiên nhiên và xã hội, và việc phát triển hệ thống lương thực bền vững sẽ đòi hỏi phải quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả của toàn bộ quá trình chuyển đổi tài nguyên thiên nhiên thành những gì đến tay người tiêu dùng. Điều này bao gồm phân tích sản xuất, chế biến, tiếp thị và tiêu thụ thực phẩm. Và do đó, NNST cần có sự tham gia của tất cả các bên, từ nhà khoa học đến nhà sản xuất, nhà chế biến, nhà tiếp thị đến người tiêu dùng, nếu mục tiêu là xây dựng hệ thống thực phẩm của chúng ta dựa trên nền tảng khoa học có thể xử lý được sự phức tạp và thay đổi.

Fred Magdoff (2007): “Ecological agriculture: Principles, practices, and constraints”, *Renewable Agriculture and Food Systems*: 22(2) (NNST: Nguyên tắc, thực tiễn và hạn chế) [169], tác giả đã phân tích lý do vì sao phải phát triển NNST, những nguyên tắc của NNST, những hạn chế của NNST ở Mỹ và các nước nghèo.

Tác giả cho rằng: các chính phủ phải tham gia tích cực vào việc thúc đẩy nông nghiệp thay vì dựa vào nguyên tắc của chủ nghĩa tư bản về “thị trường tự do” như câu trả lời cho mọi vấn đề. Có thể tạo ra một nền nông nghiệp dựa trên cơ sở sinh thái, tập trung vào những người nông dân quy mô nhỏ ở Thế giới thứ ba, chủ yếu cung cấp lương thực cho chính họ và những người khác ở nước họ. Có nhiều kỹ thuật và phương pháp tiếp cận đã được chứng minh là có thể giúp những người nông dân này đạt được năng suất cao với chi phí đầu vào thấp. [184, tr116]

Reyes Tirado and his colleagues (2009): “*Defining Ecological Farming*”, Greenpeace Research Laboratories Technical Note 04/2009 (Định nghĩa NNST) [174], bài viết đã đưa ra định nghĩa NNST, các tác giả khẳng định: NNST đảm bảo canh tác lành mạnh cho hôm nay và ngày mai, bằng cách bảo vệ đất, nước và khí hậu, thúc đẩy đa dạng sinh học và không làm ô nhiễm môi trường do hóa chất đầu vào hoặc kỹ thuật di truyền. Các tác giả cũng phân tích lợi ích của NNST, phân tích những mô hình nông nghiệp tàn phá, gây ô nhiễm hiện nay và khẳng định giải pháp để giải quyết những vấn đề đó chính là thay thế bằng các mô hình NNST. Bởi, NNST dựa vào bảo vệ thiên nhiên bằng cách tận dụng hàng hóa và dịch vụ của thiên nhiên, như đa dạng sinh học, chu trình dinh dưỡng, tái tạo đất và kẻ thù tự nhiên của sâu bệnh, đồng thời tích hợp hàng hóa tự nhiên này vào hệ thống sinh thái nông nghiệp để bảo đảm lương thực cho cả hôm nay và ngày mai.

FAO, “*Agroecology for food Security And nutrition Proceedings of the Fao international symposium*”, 18-19 September 2014, Rome, Italy [160], Kỷ yếu hội thảo quốc tế FAO, năm 2014 tại Rome về NNST vì an ninh lương thực và dinh dưỡng, bao gồm các bài nghiên cứu của các học giả trên thế giới, tập trung làm rõ một số nội dung: Nguyên tắc của NNST; Phương pháp tiếp cận sinh thái; Xây dựng sức mạnh tổng hợp; Con người và Kinh tế; NNST trong thực tế; và đưa ra các đề xuất kiến nghị đưa NNST lên quy mô lớn. Trong đó, các nhà khoa học cho rằng: Hệ thống lương thực toàn cầu của chúng ta đang ở ngã ba đường. Nông nghiệp phải đáp ứng những thách thức về nạn đói và suy dinh dưỡng – trong bối cảnh tăng trưởng dân số, áp lực gia tăng đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm

đất và nước, mất đa dạng sinh học và những bất ổn liên quan đến BĐKH. Trong khi những nỗ lực trước đây tập trung vào việc thúc đẩy sản lượng nông nghiệp để sản xuất nhiều lương thực hơn, thì những thách thức ngày nay - bao gồm cả BĐKH - đòi hỏi một cách tiếp cận mới. Và NNST mang lại khả năng giải pháp đôi bên cùng có lợi. Bằng cách xây dựng sự phối hợp, NNST có thể tăng cường sản xuất đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng đồng thời khôi phục sự đa dạng sinh học cần thiết cho sản xuất nông nghiệp bền vững và thích ứng với BĐKH. FAO coi NNST là một giải pháp tích cực cho việc xóa đói, giảm nghèo, đồng thời là phương tiện tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang các hệ thống thực phẩm năng suất, bền vững và toàn diện hơn.

FAO, *“The 10 elements of agroecology: Guiding the transition to sustainable food and agricultural systems”* (2018) (10 yếu tố của sinh thái nông nghiệp: Hướng dẫn chuyển đổi sang hệ thống nông nghiệp và thực phẩm bền vững) [161]. Tác giả đã làm rõ khái niệm NNST và phân tích 10 thành tố cấu thành của NNST, đưa ra giải pháp để các nước chuyển đổi hệ thống nông nghiệp sang NNST.

Hatta T. (eds), *Economic Challenges Facing Japan's Regional Areas* (2018) (Những thách thức kinh tế mà các khu vực của Nhật Bản phải đối mặt) [170]. Cuốn sách này tập hợp 19 bài viết do các học giả hàng đầu của Nhật Bản phân tích các vấn đề liên quan đến những thách thức kinh tế đối với sự phục hồi các khu vực của Nhật Bản, các phản ứng của Nhật Bản đối với những thách thức này. Trong lĩnh vực nông nghiệp, (1) Tác giả Honma M với bài viết: “Chính sách nông nghiệp: Hỗ trợ những phát triển mới trong nông nghiệp Nhật Bản” đã phân tích cho thấy nông nghiệp Nhật Bản đang thay đổi cả về mặt thực tế và chính sách. Thay đổi đầu tiên là phát triển các hoạt động nông trại mới và hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp, thay đổi còn lại là phá vỡ “tam giác sắt” vốn là nền tảng của chính sách nông nghiệp Nhật Bản cho đến nay. Trên thực tế, các nhà quản lý thực hành nông nghiệp tiên tiến đang bắt đầu xuất hiện. Nhưng việc tạo ra chuỗi giá trị thực phẩm dựa trên chiến lược “thị trường trong” đang tụt hậu và đang bị cản trở bởi hệ thống phân phối của Nhật Bản. Các HTX nông nghiệp (JA) của Nhật Bản là những tổ

chức đứng sau các vấn đề phân phối. Chính phủ đang nỗ lực phá vỡ “tam giác sắt” bao gồm các JA, nhưng quá trình này vẫn đang diễn ra cần phải cải cách thêm nữa; (2) Tác giả Ohizumi K với bài viết: “Một hướng đi mới cho nông nghiệp ở Nhật Bản” đã khẳng định, cách duy nhất mà Nhật Bản có thể làm để tăng tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp quốc gia là mở rộng lĩnh vực quản lý trang trại, lĩnh vực tạo ra giá trị sản xuất cao nhất, đặc biệt là “quản lý nông nghiệp tiên tiến”, tạo ra doanh số hơn 50 triệu yên mỗi năm. Nền tảng kinh doanh cho quản lý loại hình này được cung cấp bằng cách tạo ra các chuỗi thực phẩm với khái niệm “thị trường trong”. Chuỗi thực phẩm có thể được coi là một hệ thống liên kết duy nhất kết hợp tất cả các chức năng liên quan đến cung cấp thực phẩm, từ sản xuất hàng hóa nông nghiệp đến chế biến, phân phối và tiêu thụ. Loại hình nông nghiệp này được gọi là “nông nghiệp chuỗi thực phẩm”. Tác giả đã trong phân tích về các đặc điểm của nông nghiệp chuỗi thực phẩm và tiềm năng của nông nghiệp Nhật Bản; (3) Tác giả Yamashita K với bài viết: “Chính sách nông nghiệp của Nhật Bản: Thoát khỏi chế độ cũ” đã cho thấy tại Nhật Bản, giá gạo cao, được hỗ trợ bởi các HTX nông nghiệp Nhật Bản (JA) và thực hiện thông qua các chương trình giảm diện tích đất nông nghiệp trợ cấp cho nông dân trồng các sản phẩm khác ngoài gạo để tiêu dùng, đã giúp những người nông dân bán thời gian quy mô nhỏ, kém hiệu quả có thể tồn tại. Thu nhập mà những người nông dân bán thời gian kiếm được từ các công việc phi nông nghiệp được gửi vào Ngân hàng JA, khiến đây trở thành ngân hàng lớn thứ hai của Nhật Bản. Chính phủ đã khởi xướng cải cách JA nhưng không đạt được tiến triển đáng kể nào. Thay vào đó, chính quyền đã tăng trợ cấp giảm diện tích đất nông nghiệp cho gạo làm thức ăn gia súc. Điều này sẽ làm giảm đáng kể lượng ngô nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Nếu Hoa Kỳ đưa tranh chấp ra WTO, họ sẽ được phép áp dụng thuế quan trả đũa đối với ô tô nhập khẩu từ Nhật Bản. Điều này có thể dẫn đến việc bãi bỏ chính sách giảm diện tích đất nông nghiệp.

Hwang, J., Park, J., Lee, S, *The impact of the comprehensive rural village development program on rural sustainability in Korea* (2018) (Tác động của chương trình phát triển làng nông thôn toàn diện đến tính bền vững của nông thôn ở Hàn Quốc)

[171]. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng ở Hàn Quốc trong sáu thập kỷ qua đã được ca ngợi là không gì sánh bằng trên toàn cầu. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế quốc gia này là sự gia tăng cả về sản lượng nông nghiệp và thu nhập của nông dân. Tuy nhiên, môi trường nông thôn và nông nghiệp ở Hàn Quốc đã trải qua sự thay đổi nhanh chóng trong năm mươi năm qua. Đặc biệt, xu hướng đô thị hóa, vốn đã tăng tốc kể từ giữa những năm 1970, đã dẫn đến việc giảm khả năng cạnh tranh tương đối của việc sử dụng đất nông nghiệp ở các vùng nông thôn của Hàn Quốc, nơi hiện đang phải chịu đựng một cách không cân xứng các vấn đề như dân số già hóa, sự sụp đổ của các ngành công nghiệp cơ bản và thiếu vốn xã hội, ảnh hưởng xấu đến điều kiện sống của cư dân nông thôn. Để ứng phó, chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện một số sáng kiến nhằm phục hồi các vùng nông thôn và đảm bảo một xã hội nông thôn bền vững. Trong đó có chương trình phát triển làng nông thôn toàn diện (CRVDP). Sáng kiến này là một trong những yếu tố chính để phục hồi nền kinh tế nông thôn cho cả các nước phát triển và đang phát triển. Mặc dù vậy, vẫn có mối quan ngại ngày càng tăng bắt nguồn từ những thay đổi trong quan điểm của người dân về khoản đầu tư lớn của chính phủ vào việc giải quyết các vấn đề nông thôn như vậy. Nghiên cứu này tiến hành đánh giá định lượng sau thực tế về chương trình phát triển làng nông thôn toàn diện và đã thấy tác động tích cực đáng kể của chính sách này trong việc nâng cao mức sống ở các vùng nông thôn đồng thời đề xuất một số hàm ý chính sách.

Agroecology dialogue series - The interface between agroecology and territorial Approaches for food systems transformation, Outcome brief no. 1, January 2023 (Chuỗi đối thoại NNST: Mối liên hệ giữa NNST và các phương pháp tiếp cận lãnh thổ để chuyển đổi hệ thống lương thực) [164], bài viết trình bày 5 thông điệp chính và các khuyến nghị cách tích hợp NNST và các phương pháp tiếp cận lãnh thổ có thể hỗ trợ và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hệ thống ở quy mô lớn trong hệ thống lương thực. NNST đưa ra các giá trị và nguyên tắc củng cố các giải pháp bền vững cho những thách thức xung quanh tình trạng mất an ninh lương thực, bất bình đẳng xã hội, BĐKH và các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên. Cách tiếp cận theo lãnh thổ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi

cho các bên liên quan hợp tác ở quy mô cần thiết cho thực hiện hiệu quả, bền vững giải pháp phát triển trong khuôn khổ Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc. Việc kết hợp các nguyên tắc NNST trong các phương pháp tiếp cận lãnh thổ sẽ đảm bảo rằng chúng ta giải quyết được đồng thời các mục tiêu kinh tế, môi trường, khí hậu, sức khỏe và xã hội, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi hệ thống thực phẩm công bằng và hợp lý.

Agroecology dialogue series - Agroecology as a response to agri-input scarcity, Outcome brief no. 3, January 2023, (Chuỗi đối thoại NNST - NNST như một giải pháp cho sự khan hiếm đầu vào nông nghiệp) [166], tác giả cho rằng: Giá đầu vào nông nghiệp, đặc biệt là phân bón và năng lượng, đang ở mức cao kỷ lục. Giá phân bón bắt đầu tăng vào cuối năm 2021 và đạt đến đỉnh điểm bởi cuộc chiến ở Ukraine. Sự gián đoạn về khả năng chi trả và nguồn cung của phân bón đang tạo ra mối lo ngại về vụ thu hoạch trong tương lai và sản xuất nông nghiệp toàn cầu. Tình trạng này trở nên trầm trọng hơn bởi các yếu tố khí hậu và chính trị khác. Do đó, NNST được coi như một giải pháp cho sự khan hiếm đầu vào nông nghiệp. Bài báo trình bày 4 thông điệp: (1) Các hệ thống canh tác NNST có khả năng phục hồi tốt hơn trước sự khan hiếm đầu vào so với hệ thống canh tác thông thường; (2) Cuộc khủng hoảng đầu vào nông nghiệp là cơ hội để chuyển đổi hệ thống thực phẩm; (3) Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang NNST là điều tối quan trọng trong bối cảnh giá đầu vào nông nghiệp tăng; (4) Việc thay đổi quan niệm và tư duy về NNST là cần thiết để kích hoạt quá trình chuyển đổi sang lĩnh vực này và các khuyến nghị về vai trò của NNST trong việc tăng cường khả năng phục hồi đối với tình trạng khan hiếm đầu vào nông nghiệp trong bối cảnh khủng hoảng lương thực toàn cầu hiện nay. Việc chuyển đổi hệ thống lương thực theo hướng NNST đòi hỏi phải bảo vệ môi trường, mang lại lợi nhuận cho nông dân và phúc lợi của con người tốt hơn.

FAO, The impact of disasters on agriculture and food security - Avoiding and reducing losses through investment in resilience (2023), (Tác động của thiên tai tới nông nghiệp và an ninh lương thực - Phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại thông qua

đầu tư vào khả năng chống chịu) [167], các tác giả cho rằng: thiên tai đang gây ra mức độ hủy diệt chưa từng có trên toàn cầu, đòi hỏi các phương pháp tiếp cận mới để giảm thiểu rủi ro, tăng cường khả năng ứng phó và xây dựng năng lực phục hồi. Nông nghiệp là một trong những ngành các lĩnh vực dễ bị tổn thương trong bối cảnh rủi ro thiên tai, do sự phụ thuộc sâu sắc của nó vào tài nguyên thiên nhiên và điều kiện khí hậu. Thiên tai tái diễn có khả năng ảnh hưởng đến an ninh lương thực và làm suy yếu tính bền vững của hệ thống nông nghiệp. Bằng kết quả nghiên cứu của mình các tác giả đã đánh giá tác động của thiên tai trong nông nghiệp, xác định những nguyên nhân của rủi ro thiên tai và đưa ra các giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai, thúc đẩy các hệ thống thực phẩm nông nghiệp hiệu quả, toàn diện, linh hoạt và bền vững hơn vì một tương lai tốt đẹp của thế giới.

Cuốn sách *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra* (2008) [153] tập hợp các bài viết trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu về “tam nông” của Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS). Các bài viết tập trung làm rõ những vướng mắc trong xây dựng nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tìm nguyên nhân cốt lõi và đề xuất hướng giải quyết những vướng mắc đó theo cách tiếp cận của cá nhân các tác giả. Trong đó giáo sư Trương Lai cho rằng:

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, vấn đề người nông dân và xã hội nông thôn cũng lại ít được chú ý đúng như nó cần phải có. Bàn nhiều về nông nghiệp, song lại không gắn kết sản xuất nông nghiệp với phát triển nông thôn, trong đó nông dân là chủ thể của toàn bộ sự phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn nông thôn, lại đang là người chịu gánh nặng của công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa hơn là hưởng thụ thành quả của chúng [153; tr10];

Do đó, “vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở nước ta hiện nay về thực chất là vấn đề phát triển bền vững” [153, tr121]. Đây là ba vấn đề khác nhau nhưng nếu không được giải quyết một cách đồng bộ thì việc CNH, HĐH đất nước không thể vững chắc được.

Cuốn sách *Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái*

Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam (2018) do tác giả Phạm Thị Thanh Bình (chủ biên) đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững; nghiên cứu, phân tích chính sách nông nghiệp bền vững của Trung Quốc, Thái Lan, Israel từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam. Tác giả cho rằng:

Một nền nông nghiệp được coi là bền vững khi đạt được 3 mục đích: *Thứ nhất*, đạt hiệu quả kinh tế cao; *Thứ hai*, đảm bảo công bằng kinh tế và công bằng xã hội; *Thứ ba*, giữ gìn và làm phong phú môi trường sinh thái. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững để đạt giá trị lớn hơn về kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh xã hội và hạn chế ô nhiễm môi trường là vấn đề cấp thiết. [15, tr20]

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Báo cáo chuyên đề phục vụ tổng kết Nghị quyết 26 – NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (2022) của Ban chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26 – NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (tập 1, tập 2, tập 3) [13] bao gồm 26 báo cáo chuyên đề của các cơ quan khoa học nghiên cứu tổng thể các nội dung quan trọng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, có đề cập đến việc chuyển đổi nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng hiện đại phù hợp với xu thế chung của thế giới và xác định vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng các cộng đồng nông thôn, phát triển nông nghiệp, nông thôn, đề xuất các giải pháp để nông dân phát huy được vai trò chủ thể của mình, xây dựng và phát triển cộng đồng nông thôn. Tài liệu này cung cấp các luận cứ khoa học để Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII nghiên cứu ban hành Nghị quyết số 19 – NQ/TTW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái (2004) của Phạm Văn Khôi [64] đã làm rõ cơ sở khoa học, thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp để phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng NNST. Tác giả đã tìm hiểu mô hình sản xuất nông nghiệp nguyên thủy, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ cổ truyền, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ cải tiến,

mô hình sản xuất nông nghiệp công nghiệp cao độ, mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng NNST – Nông nghiệp bền vững. Trong đó, nội hàm khái niệm và đặc điểm NNST đã được tác giả đào sâu nghiên cứu. Tài liệu này cung cấp những luận cứ khoa học để tác giả xây dựng cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu của luận án.

Hội đồng lý luận Trung ương với cuốn sách *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh* (2022) [49], gồm các bài viết được tuyển chọn các tham luận tham gia Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” do Hội đồng lý luận Trung ương tổ chức tháng 12/2021. Các bài viết đã làm rõ nhưng vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW và đề xuất các giải pháp đột phá để xây dựng NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

“Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, *Tạp chí Cộng sản chuyên đề số 4/2022* [103] bao gồm một loạt các bài viết của các nhà khoa học đã phân tích làm rõ nhưng vấn đề lý luận và thực tiễn và đưa ra định hướng phát triển mới cho vấn đề “tam nông” theo hướng NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Trong đó, (1) về vấn đề lý luận đặc biệt có các bài: “Tam nông” trong cấu trúc kinh tế - xã hội chuyển đổi thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế” của tác giả Lê Minh Hoan; “Phát triển nông nghiệp sinh thái hướng tới giá trị và đảm bảo phát triển bền vững” của tác giả Cao Đức Phát; “Xây dựng nông dân văn minh – chủ thể phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại” của tác giả Đoàn Minh Huân. Các bài viết này đã nhấn mạnh vị trí, vai trò của phát triển NNST cũng như việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này để thực hiện chủ trương mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. (2) Về các nội dung cụ thể và giải pháp để phát triển NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh có rất nhiều bài viết của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu tập trung vào các vấn đề như: Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị dựa trên sự tham gia liên kết của nhiều tác nhân, lấy nông dân làm

chủ thể; Tích tụ, tập trung ruộng đất phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp: những vấn đề vướng mắc; Ứng dụng KHCN trong phát triển nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn; Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân đáp ứng yêu cầu phát triển NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của HTCT và phát huy dân chủ ở nông thôn; Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong phát triển NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; Những vấn đề đặt ra cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trước tác động của BĐKH; Phát triển NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh – những vấn đề đặt ra cho vùng DTTS... Các bài viết này cung cấp luận cứ khoa học giúp tác giả luận án định hình nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

“Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp ứng phó” của các tác giả Phan Sĩ Mẫn, Hà Huy Ngọc (2013) [85], đã chỉ ra tác động của BĐKH tới nông nghiệp, nông thôn: “Trong lĩnh vực nông nghiệp, thiệt hại do thiên tai gây ra rất đáng kể. Thiên tai làm gia tăng sự phân hóa mức sống dân cư, làm cản trở và làm chậm quá trình xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt ở những vùng thường xuyên phải đối mặt với thiên tai” [85, tr12] từ đó đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH, trong đó cần có sự thay đổi trong cách thức sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái và nâng cao năng lực tự ứng phó với BĐKH cho cán bộ và người dân.

Đào Thế Anh, Lê Thành Ý, Chu Tiến Quang: “Phát triển nền nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển nông thôn bền vững” (2020) cho thấy: “Ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước một số thách thức như quá trình thâm canh nông nghiệp hiện tại đang dẫn đến việc giảm đa dạng về cảnh quan nông nghiệp, suy thoái đất đai và suy giảm đa dạng sinh học, tăng rủi ro sức khỏe cho nông dân và người tiêu dùng. Năng suất và lợi nhuận nông nghiệp ngày càng dễ bị tổn thương trước BĐKH” [5]. Từ đó, đã chỉ rõ phát triển nền NNST là cách thức để thúc đẩy tăng trưởng, giải quyết thách thức mới đặt ra, tiến tới hiện đại hóa nông

nghiệp.

Bài viết “Phát triển nông nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị” (2022) của tác giả Lê Minh Hoan [45], đã phân tích làm rõ NNST và vai trò của nông nghiệp sinh trong nền nông nghiệp; thực trạng phát triển NNST ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất giải pháp phát triển NNST và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Trong đó, tác giả cho rằng:

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong quá trình phát triển nhưng chất lượng, tính bền vững của tăng trưởng nông nghiệp và phương thức phát triển còn nhiều hạn chế; phát triển nông nghiệp dựa trên việc gia tăng diện tích, thâm dụng tài nguyên thiên nhiên, lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu độc hại làm tăng chi phí sản xuất và giảm khả năng cạnh tranh của nông sản cũng như tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái; tổ chức sản xuất, kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết, hợp tác. Hơn nữa, BĐKH diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng thường xuyên, kèm với dịch bệnh diễn biến khó lường, đã tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp.

[45]

Chính vì vậy, để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần áp dụng các mô hình sản xuất NNST phù hợp với xu thế của thế giới: “xu hướng chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ ngày càng diễn ra mạnh mẽ nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững và thích ứng, giảm thiểu những rủi ro của BĐKH và những rủi ro khác về thị trường” [45]

“Cơ hội và thách thức của hộ nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp và nông thôn” (2022) của tác giả Đào Thế Anh [6], cho thấy xu hướng chuyển đổi số phục vụ nông dân có thể tập trung vào hai loại nền tảng chính là: Cơ sở dữ liệu nông nghiệp số và Làng thông minh bao gồm các dịch vụ nông nghiệp số. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp số và Làng thông minh trên thế giới, tác giả đã chỉ ra những cơ hội và các thách thức chuyển đổi số nông nghiệp và nông thôn thông qua làng thông minh, đồng

thời đề xuất giải pháp nắm bắt cơ hội chuyển đổi số nông nghiệp và nông thôn.

Tác giả Trần Đức Viên với bài viết, “Xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái: Một tầm nhìn thời đại, một triết lý phát triển từ thực tiễn Việt Nam” (2023) đã cho rằng: “NNST cũng chính là nông nghiệp bền vững, là nền nông nghiệp tràn đầy năng lượng: Năng suất cao, sản lượng lớn, hiệu quả cao, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, vì bản thân nông nghiệp chính là văn hóa của các vùng đất, chính là sự vun trồng thiên nhiên; đó là hướng đi, là đích đến và là một ‘con đường dài’ đầy đèo dốc” [150]. Trong bài viết, tác giả đã làm rõ thế nào là NNST; đồng thời khẳng định NNST là một triết lý sống, một cách tiếp cận, một quan niệm phát triển mang tầm thời đại; khái quát các mô hình canh tác sinh thái truyền thống của Việt Nam và làm rõ hiệu quả của các mô hình NNST mang lại cho người dân và xã hội.

Các tác giả Nguyễn Thế Kiên, Trần Quý với bài viết “Chuyển đổi số để phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đa chức năng, kinh tế tuần hoàn” (2023) [62], đã làm rõ nội dung cốt lõi của phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đa chức năng trong nền nông nghiệp tuần hoàn; nông nghiệp đa chức năng ngoài sản xuất lương thực, thực phẩm còn có các chức năng, như bảo vệ môi trường, giáo dục, bảo tồn văn hóa địa phương, chăm sóc sức khỏe, giải trí và du lịch... Đây cũng chính là mục tiêu hướng tới của NNST.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Trong những năm qua, vấn đề phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST luôn tập trung được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học. Đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu của tập thể, của các nhà khoa học về vấn đề này tiếp cận ở những góc độ khác nhau.

Cuốn sách “*Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác và nghiên cứu ứng dụng*” của tác giả Trung Quốc Trịnh Ân Phú (2022) [105]. Tác giả đã phân tích ứng dụng lý luận chủ nghĩa Mác trong các vấn đề cốt yếu của thực tiễn Trung Quốc, trong đó có đề cập đến quan điểm phát triển khoa học về phát triển kinh

tế là “phải lấy con người làm gốc, chính là tôn trọng vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển kinh tế, phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, luôn đặt việc thực hiện tốt, bảo vệ tốt, phát triển tốt lợi ích căn bản của đông đảo quần chúng nhân dân làm điểm xuất phát và đích đến, thực hiện được phát triển dựa vào nhân dân, phát triển vì nhân dân, thành quả phát triển do nhân dân cùng thụ hưởng, đi theo con đường cùng giàu có” [105, tr257]. Thực hiện con đường công nghiệp hóa kiểu mới tăng cường thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời thúc đẩy phát triển xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường và “phát triển kinh tế tuần hoàn là con đường quan trọng để xây dựng một xã hội tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường và đạt được sự phát triển bền vững” [105, tr260] . Trong xây dựng NTM theo quan điểm phát triển khoa học nhấn mạnh đến việc “kiên trì lấy người nông dân làm chủ thể. Đông đảo quần chúng nông dân là chủ thể của công cuộc xây dựng NTM xã hội chủ nghĩa. Dựa vào quần chúng nông dân, tôn trọng ý nguyện, quyền lợi, tinh thần chủ động sáng tạo của họ, phát huy đầy đủ tính tích cực của quần chúng nông dân trong xây dựng NTM xã hội chủ nghĩa sẽ quyết định hiệu quả xây dựng NTM” [105, tr270].

Yoshitaka Miyake, Shota Kimoto, Yuta Uchiyama, Ryo Kohsaka, *Income Change and Inter-Farmer Relations through Conservation Agriculture in Ishikawa Prefecture, Japan: Empirical Analysis of Economic and Behavioral Factors* (Thay đổi thu nhập và quan hệ giữa nông dân thông qua nông nghiệp bảo tồn ở tỉnh Ishikawa, Nhật Bản: Phân tích thực nghiệm các yếu tố kinh tế và hành vi) (2022) [177]. Theo các tác giả, Nông nghiệp bảo tồn, còn được gọi là nông nghiệp thân thiện với môi trường, được kỳ vọng sẽ góp phần làm giảm thiểu BĐKH toàn cầu và bảo tồn đa dạng sinh học. Để hiểu được tác động của nông nghiệp bảo tồn đối với người nông dân và xác định những yếu tố đó, nghiên cứu này đã xem xét các yếu tố kinh tế và hành vi, động lực và sự hài lòng của người nông dân. Các tác giả đã khảo sát 51 người nông dân đang nhận trợ cấp để thực hành nông nghiệp bảo tồn tại tỉnh Ishikawa, Nhật Bản. Cuộc khảo sát là một trong những nghiên cứu đầu tiên ở quy mô tỉnh kết hợp

phân tích định lượng độc đáo về động lực và mức độ hài lòng theo trình tự thời gian từ thời điểm ban đầu đến thời điểm hiện tại để thực hành nông nghiệp bảo tồn. Kết quả cho thấy số năm kinh nghiệm, giao dịch với cửa hàng bán lẻ và độ tuổi của người nông dân có thể ảnh hưởng đến sự thay đổi thu nhập. Về các yếu tố xã hội, sự hài lòng khi giao lưu với những người nông dân khác thực hành nông nghiệp bảo tồn cũng có mối tương quan đáng kể với sự thay đổi thu nhập. Đồng thời, loại hình hài lòng này khó đạt được so với các loại hình khác. Do đó, cần nỗ lực nhiều hơn để tăng cường mạng lưới hỗ trợ giữa những người nông dân bảo tồn và xem xét đến việc thúc đẩy chính sách và sự gia nhập của các ngành bán lẻ lớn.

Nguyễn Duy Tiên và Nguyễn Trọng Tiến với cuốn sách *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nông dân và định hướng vận dụng ở Việt Nam hiện nay* (2022) [137] đã làm rõ cơ sở hình thành, nội dung quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về nông dân, những giá trị và định hướng vận dụng ở Việt Nam hiện nay. Trong nội dung quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về nông dân đã khẳng định nông dân là người làm chủ xã hội, chủ thể trực tiếp của sự nghiệp xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tác giả Thảo Xuân Sùng với cuốn sách *Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay* (2020) đã khẳng định xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng giai cấp nông dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp nông dân; quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nông dân và xây dựng giai cấp nông dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Khi đánh giá về những hạn chế trong phát huy nguồn lực của nông dân trong sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, xây dựng NTM văn minh, hiện đại, tác giả đã khẳng định: “Địa vị, vai trò của nông dân ở nhiều địa phương, nhất là trong lĩnh vực kinh tế đang có biểu hiện mờ dần và giảm sút trong quá trình CNH, HĐH” [114, tr254] và nguyên nhân của tình trạng này là:

Bản thân người nông dân chưa nhận thức được vai trò chủ thể của mình một cách sâu sắc, toàn diện...; Nhiều địa phương máy móc trong triển khai chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước hoặc là chạy theo thành tích nên vắt kiệt nguồn lực của nông dân, hoặc là trông chờ, ỷ lại vào Trung ương, không phát huy vai trò của người nông dân; lợi dụng những “kẽ hở” trong quản lý đất đai, đầu tư, vốn, quản lý nhà nước, phân công phân cấp, nhiều cán bộ địa phương đã thao túng cho tham nhũng, đầu cơ trục lợi chiếm đoạt nguồn lực của người nông dân nhất là đất đai” [114, tr254,255],

Từ đó, tác giả đưa ra phương hướng, giải pháp xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay.

Cuốn sách *Chính sách của nhà nước đối với nông dân trong điều kiện thực hiện các cam kết của WTO* (2010) do các tác giả Nguyễn Cúc và Hoàng Văn Hoan chủ biên [26], trên cơ sở nghiên cứu thực trạng nông nghiệp, nông thôn, nông dân nước ta đã làm rõ những vấn đề lý luận về chuyển nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, phân tán lạc hậu thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đủ điều kiện để chủ động hội nhập quốc tế, làm rõ vai trò của Nhà nước đối với khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình hội nhập, đặc biệt là hoạch định và thực thi chính sách; đồng thời đề xuất khuyến nghị các quan điểm giải pháp chính sách của Nhà nước giúp nông dân tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông sản, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống trong quá trình CNH, HĐH đất nước.

Cuốn sách *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại* (2018) do tác giả Bùi Thị Vân Anh chủ biên [7], đã tập trung làm rõ một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại ở cả hai chiều cạnh tích cực và tiêu cực như: Tầm nhìn của người nông dân về bối cảnh hiện nay và trong những năm tới; Nhu cầu của người nông dân; Năng lực của người nông dân; Ý chí, nỗ lực vượt khó, khả năng tự thúc đẩy bản thân của người nông dân. Tác giả cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến

tâm lý của người nông dân trong việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại và đề xuất một số biện pháp nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực và phát huy những yếu tố tâm lý có ảnh hưởng tích cực đến chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại.

Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại (2019) do tác giả Thảo Xuân Sùng chủ biên [113]. Cuốn sách tập hợp các bài viết của các học giả làm rõ vai trò của Hội nông dân với tư cách là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; những phương thức vận động nông dân, đồng thời xác định các chủ thể thực hiện nhiệm vụ này “tuyên truyền, vận động, thu hút, tập hợp nông dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, của mọi cán bộ đảng viên, công chức, viên chức chính quyền các cấp và của chính bản thân mỗi người nông dân; toàn xã hội phải hướng về nông dân, chăm lo cho nông dân, trong đó các cấp ủy đảng, chính quyền ở các địa phương chịu trách nhiệm chính và Hội nông dân có vai trò làm nòng cốt” [113, tr77]. Đặc biệt, trong đó có những bài viết bàn về vị trí, vai trò của nông dân trong sự nghiệp cách mạng, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, nhìn vào thực tế hiện nay, chúng ta thấy:

Nông dân Việt Nam vẫn là lực lượng đông đảo; độ tuổi trung bình khá cao; thu nhập đã tăng lên nhưng còn nhiều khó khăn...; trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ chất lượng lao động của nông dân là rất thấp; nông dân còn thiếu nhiều kiến thức, tỷ lệ khá lớn nông dân chưa được tập huấn chính sách, pháp luật, chế biến, bảo quản thực phẩm, kiến thức, kỹ năng tham gia thị trường; nông dân Việt Nam vẫn còn sản xuất theo phương thức truyền thống, nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, tự túc, tự cấp; quan điểm bảo thủ, thiên về tư duy kinh nghiệm, trực giác; tư tưởng hẹp hòi, vị kỷ, bè phái, cục bộ địa phương” [113, tr156].

Do đó, cần phải xây dựng mẫu hình người nông dân thế hệ mới đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước hiện nay.

Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018) (2019) do tác giả Đặng Kim Khôi và Trần Công Thắng (Đồng chủ biên) đã đề cập đến những vấn đề liên quan đến sinh kế của nông dân, về hình thức, “phần lớn các hộ nông dân vẫn hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp dưới dạng các hộ nông dân nhỏ lẻ (khoảng 70%). Bên cạnh đó khoảng 30% nông dân Việt Nam thực hiện các hoạt động sinh kế của mình thông qua các hình thức sản xuất: hộ gia đình, trang trại, tổ hợp tác và HTX” [63, tr33]. Các tác giả cũng đã đánh giá tình hình phát triển, những khó khăn, hạn chế của các loại hình sản xuất kinh doanh này và các vấn đề liên quan như: đất đai và tài sản của nông dân; y tế, dinh dưỡng, sức khỏe, trình độ học vấn của nông dân; lao động và việc làm của nông dân; tương tác của nông dân với chính sách nhà nước và chính quyền; rủi ro và cơ chế ứng phó của nông dân; cơ hội và thách thức của nông dân trong tương lai. Qua đó khuyến nghị chính sách về quan điểm khẳng định rằng:

Nông dân là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Cư dân nông thôn là nguồn nhân lực to lớn nhất, là đối tượng xã hội đông đảo nhất của đất nước, phải tạo điều kiện để họ tích lũy năng lực, có đủ cơ hội tham gia và hưởng thụ toàn diện cùng tiến trình hiện đại hóa đất nước. Nông dân và cư dân nông thôn phải được tạo mọi cơ hội phát triển, chăm lo bồi dưỡng để có bản lĩnh chính trị, năng lực, chuyên môn tiên tiến, được đóng góp xứng đáng và hưởng thụ toàn diện thành quả phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Cũng cố liên minh công nhân – nông dân – trí thức vững mạnh” [63, tr164].

Cùng với đó phải huy động đầu tư toàn xã hội để phát triển ngành nông nghiệp đồng bộ cả sản xuất, chế biến, kinh doanh... Phát triển một nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với BĐKH. Tạo đột phá về KHCN, phát triển và liên kết với thị trường, đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển các loại hình liên kết sản xuất hình thành nền tảng cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chương trình KHCN phục vụ xây

dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020: Kỷ yếu hội thảo Lý luận và thực tiễn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - Chuyên đề: Phát huy vai trò của người dân trong xây dựng nông thôn mới, 7/2019 [17]. Tập hợp các bài viết của các nhà khoa học uy tín làm rõ vai trò của người dân trong xây dựng NTM cả về lý luận và thực tiễn. Trong đó, xác định:

Việc phát huy sức dân trong xây dựng NTM phải dựa trên *vai trò chủ thể* và *trách nhiệm xã hội* có tính đặc thù của người dân nông thôn. Mức độ phát huy phụ thuộc vào cả hai phía tương tác: *Chủ thể nhà nước* (Chủ thể công) và *Chủ thể người dân*. Trong đó, các cơ quan nhà nước phải nhận thức đầy đủ về vai trò chủ thể của người dân, thiết lập hệ thống thể chế, chính sách và các quy định cụ thể, tạo điều kiện và tổ chức thực hiện quyền làm chủ của người dân; người dân có quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện quyền làm chủ của mình [17, tr.1].

Và trong tiến trình thực hiện phát huy vai trò chủ thể của người dân nhìn từ hai phía Nhà nước và người dân có nhiều vấn đề phải quan tâm giải quyết: “Giữa nhận thức và thực hành vai trò chủ thể của người dân luôn có khoảng cách và khoảng cách đó luôn biến đổi qua các thời kỳ với tư cách vừa là yếu tố tác động, vừa là hệ quả của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn”[17, tr.2]. Do đó, “toàn bộ các giải pháp phát huy vai trò người dân xét cho cùng được hiện thực hóa nhờ cách thức tổ chức quản lý, dẫn dắt của hệ thống chính quyền các cấp và các cơ quan chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM” [17, tr.3]. Từ đó có thể thấy vai trò quan trọng của HTCT trong tổ chức triển khai và thực hiện các cơ chế chính sách để người dân phát huy vai trò chủ thể của mình.

Luận án Tiến sĩ “*Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay*” của Huỳnh Thanh Hiếu, Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2016 [53] và Luận án Tiến sĩ “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay*” của Phạm Huỳnh Minh Hùng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2017 [56]. Các luận án đã làm rõ

cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp phát huy vai trò và vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTM ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các tài liệu này cung cấp cơ sở khoa học để tác giả luận án làm rõ vai trò chủ thể của nông dân nhưng tiếp cận dưới góc độ xây dựng NNST.

Tác giả Nguyễn Xuân Thắng, “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân và giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và các thể chế tự quản trong xây dựng nông thôn mới” (2015) [125] đã phân tích vai trò chủ thể của nông dân được thể hiện trong chủ trương, đường lối của Đảng và cho rằng trong bối cảnh hiện nay “vấn đề đặt ra là làm thế nào để tư tưởng của Đảng về “vai trò chủ thể” của giai cấp nông dân, thực sự được quán triệt trong toàn xã hội, từ đó tạo ra sự thống nhất nhận thức và hiệu quả trong toàn bộ công tác phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn hiện nay” [125, tr.4]. Sự phát triển của CNH, HĐH đã đem đến “diện mạo” mới về người nông dân, bên cạnh người tiểu nông, đã xuất hiện những nhân vật mới như những người chủ trang trại, những người kinh doanh nông nghiệp, làm công ăn lương trong nông nghiệp, hoạt động trong khu vực dịch vụ ở nông thôn... nên cần hiểu cho đúng vai trò của nông dân và cư dân nông thôn, cần tạo nên những thể chế phát triển thích hợp để kích thích tính năng động, sáng tạo của nông dân.

“Vai trò chủ thể của người nông dân trong lĩnh vực kinh tế”, của tác giả Nguyễn Trung Kiên, Bùi Minh (2015) [61] cung cấp số liệu định lượng để chứng minh trên thực tế người nông dân có thể đóng vai trò chủ thể được hay không? Hoặc có thể đóng vai trò đến mức nào trong phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy với việc tự quyết định hình thức canh tác nông nghiệp và chuyển đổi hình thức canh tác cho thấy khả năng tự chủ và tính tích cực, tính chịu trách nhiệm và đương đầu với rủi ro của nông dân. Tuy nhiên, việc làm chủ của nông dân trong phát triển kinh tế còn nhiều hạn chế, một phần do cơ chế chính sách, một phần do mức độ thụ động, an phận của bản thân nông dân nên cản trở họ đóng vai trò chủ thể. Để giải quyết vấn đề này, người dân không những cần được cởi trói khỏi các ràng buộc thể chế, mà còn phải tự giải phóng họ khỏi các nền nếp, truyền thống làm ăn cũ vẫn còn chi phối mạnh mẽ tư duy kinh tế của nông dân.

Hà Minh với bài viết “Đổi mới tư duy góp phần phát triển nông nghiệp” [93], đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần giúp nông nghiệp tăng trưởng, phát triển bền vững hơn. Đó là phải chuyển từ tăng trưởng đơn giá trị sang tăng trưởng tích hợp đa giá trị. Cùng với đó là bài viết “Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp để chuyển từ phát triển sản xuất nông nghiệp “đơn giá trị” sang “đa giá trị”” (2023) của tác giả Cao Phúc cũng khẳng định: “Tích hợp đa giá trị là kết tinh tài nguyên bản địa, với các kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến và cả những bản sắc văn hóa - xã hội, tạo thành thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn là một trong những định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ” [107]. Bài viết: “Chuyển đổi tư duy kinh tế nông nghiệp - Để nông dân là chủ thể” (2023) của Trần Quang Vinh cũng đã làm rõ nội hàm khái niệm tư duy sản xuất nông nghiệp và tư duy kinh tế nông nghiệp và khẳng định rằng người nông dân ngày nay phải có tâm thế tự lực, tự chủ, hội đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực, thái độ của người làm chủ - làm chủ vận mệnh của bản thân, của cộng đồng dân cư nông thôn. [156]. Các bài viết này giúp tác giả luận án định hướng một trong những nội dung nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST hiện nay.

“Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn” (2022) của tác giả Đoàn Minh Huân [55] đã khẳng định: Phát triển “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” là tư duy mới về quản lý và phát triển “tam nông” của Đại hội Đảng lần thứ XIII. Để chuyển đổi căn bản từ quan niệm “tam nông” truyền thống sang tư duy phát triển “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” thì đột phá phải bắt đầu từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò, trách nhiệm của HTCT gắn với phát huy dân chủ ở nông thôn. Đó chính là giải pháp cơ bản để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Tác giả Nguyễn Tiến Cường, “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong

tình hình mới” (2022) [27], đã đánh giá những kết quả đạt được về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM; trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng xã hội nông thôn. Và hiện nay, những vấn đề về hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chuyển đổi số, CNH, HĐH, kinh tế thị trường, hợp tác, liên kết trong nông nghiệp, BĐKH đặt ra nhiều thách thức cho nông dân và để phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong thời gian tới cần tập trung vào tuyên truyền nâng cao nhận thức để người nông dân tự thay đổi chính mình; tăng cường đào tạo nâng cao trình độ, học vấn, xây dựng người nông dân văn minh, có năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, làm chủ nông thôn và quan trọng là phải hỗ trợ nông dân chuyển từ mô hình sản xuất hộ gia đình sang hợp tác, liên kết sản xuất chuỗi giá trị, tạo ra nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn; phát triển đa dạng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao gắn với quy trình kỹ thuật chuẩn và mã vùng sản xuất.

“*Trí thức hóa nông dân*” – Bài tham luận của tác giả Lê Minh Hoan về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022) [46]. Tác giả đã khẳng định: Để có thể trở thành chủ thể, người nông dân phải có tâm thế tự lực, tự chủ, hội đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực, thái độ của “người làm chủ” - làm chủ vận mệnh của bản thân, làm chủ câu chuyện phát triển cộng đồng dân cư nông thôn. Trí thức hoá nông dân là điều các quốc gia phát triển đã làm để biến người nông dân thành những doanh nhân, nhà khoa học, được trang bị kiến thức kinh tế thị trường, làm chủ được máy móc, công nghệ. Có trí thức, người nông dân trong quá trình sẽ tự phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề, biết và tự cân nhắc về rủi ro từ quyết định của mình. Có trí thức, người nông dân sẽ chủ động thích ứng với sự thay đổi, vượt qua những cú sốc do BĐKH, thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường và biến chuyển xu thế tiêu dùng. Có trí thức, người nông dân biết tối ưu hóa quy trình sản xuất và tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân

trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc Việt Nam

Linh Pham, Gerald Shively, “*Profitability of organic vegetable production in Northwest Vietnam: evidence from Tan Lac District, Hoa Binh Province*” (Lợi nhuận từ sản xuất rau hữu cơ ở Tây Bắc Việt Nam: dẫn chứng ở huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình) (2019) [172]. Các tác giả nghiên cứu so sánh lợi nhuận của sản xuất rau hữu cơ và rau thông thường ở Tân Lạc nhằm trả lời ba câu hỏi: (1) Sản xuất rau hữu cơ có lợi nhuận hơn so với sản xuất thông thường không? (2) Ai trong số những người nông dân trồng rau ở Tân Lạc có xu hướng áp dụng các phương pháp sản xuất hữu cơ? (3) có thể làm gì để cải thiện thành công chung của những người nông dân hữu cơ ở Tân Lạc? Dữ liệu được thu thập từ một cuộc khảo sát hộ gia đình của 95 nông dân sản xuất nhỏ. Các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính cũng được sử dụng để tìm hiểu về các hoạt động canh tác và những thách thức trong khu vực. Một loạt các hội quy được sử dụng để kiểm tra lợi nhuận so sánh của sản xuất rau hữu cơ và rau thông thường và các đặc điểm chung của những người áp dụng hữu cơ. Kết quả cho thấy không có khác biệt đáng kể giữa hai nhóm. Nghiên cứu cũng cho thấy sự lựa chọn kênh tiếp thị có tương quan với lợi nhuận. Từ đó, các tác giả khuyến nghị: Canh tác hữu cơ có thể đạt được kết quả cao hơn nếu các kế hoạch tiếp thị được thiết lập kết hợp với các kế hoạch sản xuất và những người nông dân nhỏ hợp tác trong các kế hoạch sản xuất và tiếp thị.

Hoàng Văn Hoan với cuốn sách *Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay* (2014) [47], trên cơ sở lý luận về xây dựng nông thôn mới, các tác giả đã phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới ở Tây Bắc thời gian qua, đề xuất giải pháp đồng bộ, đột phá nhằm giải quyết những vấn đề có tính chiến lược, phát huy tiềm năng, lợi thế của khu vực cũng như sự nỗ lực vươn lên của các DTTS để họ thoát khỏi đói nghèo, hòa nhập với sự phát triển chung của cả nước.

Trung tâm con người và thiên nhiên (2017): *Nông nghiệp Tây Bắc: nhận diện thách thức và định hướng phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu* [138]. Các bài viết đã chỉ ra để thúc đẩy nông nghiệp Tây Bắc phát triển, cần đặc biệt ưu tiên

cải thiện hoạt động nghiên cứu, xây dựng chính sách nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động, ứng dụng thực hành nông nghiệp ứng phó được triển khai và nhân rộng. Ở cấp độ vĩ mô, các chính sách về tái cơ cấu, quy hoạch phát triển nông nghiệp cũng như chính sách thu hút đầu tư nông nghiệp cấp vùng Tây Bắc cũng cần có những định hướng, gợi mở cụ thể để các địa phương thực thi hiệu quả nhiệm vụ phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.

Trần Hồng Hạnh với cuốn sách *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam* (2018) [43] đề cập đến vấn đề thay đổi sinh kế của một số DTTS ở vùng miền núi Tây Bắc như là một cách thức ứng phó và thích ứng với BĐKH. Đây là một trong những vấn đề quan trọng cần giải quyết khi xây dựng NNST, đảm bảo sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc.

Cuốn sách *Nâng cao hiệu quả hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Bắc trong quá trình xây dựng nông thôn mới* (2020) của Bộ Thông tin và truyền thông [19] đã làm rõ việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp là một trong những giải pháp để phát huy vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM ở Tây Bắc hiện nay.

Mai Trọng Nhuận với cuốn sách *Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc* (2021) [99] đã làm rõ những vấn đề về phát triển bền vững vùng Tây Bắc, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và đưa ra định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2021 – 2025 trong đó có vấn đề phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái.

Giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030 – Kỷ yếu hội thảo khoa học, Học viện Chính trị khu vực I (2022) [54], tập hợp các bài viết của các tác giả về những vấn đề lý luận và thực tiễn trong giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp- nông dân- nông thôn ở các tỉnh miền núi phía Bắc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII) trong đó khẳng định xây dựng NNST là một trong những nhiệm vụ quan trọng tạo đà cho các tỉnh miền núi phía Bắc phát triển.

Luận án *Thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*

(2019) của Nguyễn Thanh Huyền [58] đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật dân chủ ở cấp xã đồng thời đề xuất các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã ở các tỉnh Tây Bắc. Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở cũng là một giải pháp quan trọng nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân ở Tây Bắc hiện nay để họ có thể tích cực chủ động tham gia hoạch định và thực thi chính sách ở địa phương.

Lưu Đức Khải, “5 thách thức cản trở thu hút đầu tư vào nông nghiệp Tây Bắc” (2017) [59], trên cơ sở phân tích tiềm năng, lợi thế của nông nghiệp Tây Bắc, tác giả đã chỉ ra những thách thức trong phát triển nông nghiệp Tây Bắc và đề xuất giải pháp thúc đẩy thu hút đầu tư vào nông nghiệp Tây Bắc, trong đó có đề cập đến việc hỗ trợ đào tạo nghề cho nông dân gắn với phát triển hệ thống khuyến nông, khuyến lâm và đào tạo chuyển giao kỹ thuật, kiến thức kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh về thị trường và thông tin.

Đào Thế Anh, “Tái cơ cấu nông nghiệp Tây Bắc: Thực trạng và giải pháp” (2017) [4], đã chỉ ra Tây Bắc có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nông nghiệp nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều thách thức về địa hình, địa chất, khí hậu, thiên tai, kỹ thuật canh tác lạc hậu và việc tái cơ cấu nông nghiệp gặp khó khăn do hạn chế nguồn lực đầu tư. Do vậy, tác giả đề xuất quan điểm, giải pháp để tái cơ cấu nông nghiệp Tây Bắc trong thời gian tới. Trong đó nhấn mạnh, để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp Tây Bắc phát triển trên quy mô sâu rộng và hiệu quả hơn thì chính sách tái cơ cấu nông lâm nghiệp toàn vùng cần hướng đến xu thế phát triển nông lâm nghiệp bền vững trong điều kiện biến động thị trường và BĐKH, qua đó giúp tăng thu nhập cho nông dân, tăng giá trị sản phẩm hàng hóa thông qua phát triển các chuỗi giá trị nông lâm sản có thế mạnh của địa phương, gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài nước.

Tác giả Phong Lưu với loạt bài viết “Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Kỳ 1: Tạo hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn” (2022) [76]; “Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ • Kỳ 2: Cần những giải pháp đồng bộ” (2022) [77], Tác giả khẳng định xu hướng chuyển từ nền nông nghiệp hóa chất sang nền nông nghiệp

xanh, NNST và nông nghiệp hữu cơ theo hướng bền vững là tất yếu trước nhu cầu sử dụng thực phẩm sạch của người tiêu dùng. Nông nghiệp sạch với việc không sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất sẽ đảm bảo sự an toàn của các sản phẩm nông nghiệp với sức khỏe con người, an toàn cho môi trường và hệ sinh thái tự nhiên. Trên cơ sở đó, tác giả đã đánh giá quá trình xây dựng, phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Sơn La và xác định những việc cần làm, những giải pháp để tiếp tục phát huy hiệu quả của sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn. Để sản xuất nông nghiệp hữu cơ phát triển rộng khắp, bền vững, trở thành thói quen trong nếp nghĩ, cách làm của người sản xuất và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cần có thêm những cơ chế chính sách cụ thể, sự chung tay, vào cuộc của các cấp, các ngành, của HTCT, doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất.

1.2. Giá trị các công trình được tổng quan, những vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của luận án

1.2.1. Giá trị các công trình được tổng quan

Nhìn chung, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu và các bài báo khoa học đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến nội dung đề tài luận án “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay*”. Các công trình này đã có những đóng góp nhất định cho việc thiết lập khung lý luận của luận án, trong đó:

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu về xây dựng nông nghiệp, NNST trong và ngoài nước: Các công trình nghiên cứu này đã làm rõ: (1) Quan niệm về NNST, đặc điểm, các yếu tố cấu thành của NNST, tầm quan trọng của phát triển NNST ở Việt Nam và trên thế giới; (2) Quan điểm, chủ trương, đường lối, các cơ chế chính sách xây dựng nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới; (3) Đánh giá thực trạng xây dựng NNST trên thế giới và Việt Nam và đưa ra các giải pháp xây dựng NNST trong giai đoạn hiện nay. Các tài liệu này giúp tác giả có cái nhìn tổng quan về NNST và định hình khái niệm NNST, xây dựng NNST, các yếu tố cấu thành của nền NNST. Thông qua các tài liệu cho thấy mặc dù NNST không phải là vấn đề mới nhưng trong bối cảnh BĐKH, môi trường bị ô nhiễm, kiểu canh tác

nông nghiệp thông thường, lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu... đã làm tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, môi trường đất, môi trường nước, không khí suy thoái nghiêm trọng... thì NNST lại chính là giải pháp mà các quốc gia trên thế giới hướng đến để khắc phục những hạn chế đó đem đến sự phát triển bền vững, hài hòa giữa môi trường sinh thái với sự phát triển của con người, đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng NNST: Các công trình nghiên cứu đã làm rõ: (1) Vai trò chủ thể của nông dân, tầm quan trọng của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình xây dựng NNST, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM; (2) Những nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST được đề cập đến dưới các góc độ tiếp cận khác nhau của các công trình nghiên cứu; (3) Cách thức để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (4) Những vấn đề đặt ra và các giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp nói chung, NNST nói riêng. Các công trình nghiên cứu đã cho thấy nông dân là chủ thể đích thực trong việc xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh trật tự... ở nông thôn. Nông dân vừa là chủ thể thực hiện chính sách nhưng đồng thời là người thụ hưởng những thành quả của chính sách đó. Do đó, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng và Nhà nước có phát huy được hiệu quả hay không là phụ thuộc rất lớn vào việc các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương có nhận thức được đúng, đầy đủ vị trí, vai trò chủ thể của nông dân và có các cơ chế chính sách phát huy vai trò đó, khơi dậy tính chủ động, tích cực tham gia của nông dân trong tiến trình này hay không.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc Việt Nam: Các tài liệu đã đề cập đến: (1) Thực trạng phát triển NNST ở Tây Bắc với những cơ hội và thách thức đang đặt ra; (2) Các cơ chế, chính sách thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình để xây dựng nông nghiệp Tây Bắc phát triển bền vững; (3) Những giải pháp nhằm phát

triển nông nghiệp Tây Bắc theo hướng sinh thái và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này. Các công trình nghiên cứu cho thấy, để Tây Bắc phát triển tiến kịp với các vùng kinh tế khác của cả nước, cần thúc đẩy và tạo điều kiện để nông dân làm chủ quá trình sản xuất, thiết lập các mô hình NNST, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KH-CN vào sản xuất đem lại chất lượng, hiệu quả cao hơn góp phần nâng cao đời sống cho người nông dân và phát triển vùng bền vững.

Những công trình và đề tài nghiên cứu được đề cập trên của các tác giả đã có nhiều đóng góp quan trọng về mặt khoa học giúp tác giả luận án có cách tiếp cận, nghiên cứu phù hợp, là nguồn tư liệu tham khảo bổ sung quý giá phục vụ đắc lực cho triển khai các nội dung của luận án.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của luận án

Ngoài những giá trị của các công trình nghiên cứu nêu trên, các công trình đó vẫn còn có những khoảng trống nhất định cần phải bổ sung, cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ sở lý luận về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau nhưng chưa thể hiện rõ việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân với tư cách giai cấp, một lực lượng sản xuất trong xã hội.

Thứ hai, phân tích về các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST chưa mang tính hệ thống; đánh giá thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc còn tản mạn, chủ yếu mới đề cập đến khía cạnh phát triển các mô hình NNST, những thành tựu, khó khăn thách thức trong phát triển nông nghiệp ở Tây Bắc.

Thứ ba, các giải pháp đề ra còn chung chung mới chỉ hướng đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung, chưa đề cập trực diện đến các giải pháp phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc trong bối cảnh mới đảm bảo sự phát triển bền vững.

Như vậy, cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận án... nhưng chưa có một công trình nào đề cập một cách trực tiếp, tổng thể

và chuyên sâu về *phát huy chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc*. Do đó, trên kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những thành quả của các nhà nghiên cứu trước và bám sát yêu cầu phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong bối cảnh mới gắn với kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với BĐKH hướng đến mục tiêu xây dựng thành công mô hình “NNST, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh”, luận án muốn làm sáng tỏ hơn nữa về việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc, trả lời câu hỏi Tại sao Tây Bắc là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước nhưng đây vẫn là vùng nghèo nhất của cả nước? Chúng ta phải làm gì, làm như thế nào để chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đạt hiệu quả cao trong thực tế, đem đến sự phát triển nhanh, bền vững cho vùng Tây Bắc. Để làm tốt mục tiêu đề ra, luận án phải triển khai và làm rõ các vấn đề sau:

Một là, hệ thống hoá cơ sở lý luận, thực tiễn về việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST bao gồm: quan niệm về chủ thể nông dân, NNST, xây dựng NNST, vai trò và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; xác định chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; phân tích các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Hai là, phân tích, làm rõ một số kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay trên cả 3 phương diện chủ thể, nội dung, phương thức; phân tích những vấn đề đặt ra hiện nay cần phải giải quyết.

Ba là, trên cơ sở lý luận và phân tích thực trạng của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay cùng những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải giải quyết, luận án đề xuất một số quan điểm, giải pháp chủ yếu có tính khả thi nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Thông qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án, có thể thấy các tài liệu nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề về nông dân, NNST, vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; các giải pháp, định hướng giúp cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đạt hiệu quả cao hơn. Những tài liệu này tạo ra cơ sở dữ liệu phong phú, đa dạng để tác giả tham chiếu trong quá trình xây dựng khung lý luận của luận án. Mặc dù, các công trình nghiên cứu đã đề cập khá toàn diện đến những nội dung nghiên cứu của luận án, tuy nhiên có rất ít tài liệu đề cập trực tiếp, chuyên sâu đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với luận án phải làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn về vấn đề này. Nhưng nghiên cứu bước đầu của các tác giả tiếp cận dưới các góc độ khác nhau là một trong những nguồn tài liệu, căn cứ khoa học quan trọng để chúng tôi tham khảo trong quá trình hoàn thành luận án.

Chương 2

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Chủ thể nông dân

2.1.1.1. Quan niệm về chủ thể

Chủ thể là một phạm trù triết học được nghiên cứu và nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau tùy thuộc vào mỗi giai đoạn lịch sử và trường phái triết học, thể hiện lập trường, bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau. Nhưng tựu chung lại, các trường phái triết học đều cho rằng chủ thể là con người. Các trường phái triết học trước Mác, do ảnh hưởng bởi thế giới quan duy tâm nên đều hướng chủ thể nhận thức tới một thế giới ở ngoài hiện thực, tách rời nhận thức ra khỏi hiện thực khách quan, không thấy được vai trò của hoạt động thực tiễn đối với nhận thức, chia cắt chủ thể và khách thể... Chủ nghĩa duy tâm chủ quan tuyệt đối hóa quá mức yếu tố chủ quan của chủ thể, trong khi đó khuynh hướng “bất khả tri” lại phủ nhận hoàn toàn vai trò của chủ thể trong nhận thức những yếu tố thuộc về bản chất bên trong của sự vật. Chủ nghĩa duy tâm khách quan lại không thấy được vai trò tích cực của nhân tố chủ quan trong nhận thức và cải tạo thế giới.

Triết học Mác - Lênin đã nghiên cứu và xem xét chủ thể trong mối quan hệ biện chứng giữa chủ quan và khách quan, thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới và thế giới khách quan là đối tượng của nhận thức. Không phải ý thức con người sản sinh ra thế giới mà thế giới vật chất tồn tại độc lập với con người, đó là nguồn gốc “duy nhất và cuối cùng” của nhận thức. Chủ quan và khách quan có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau nhưng trong đó yếu tố khách quan bao giờ cũng giữ vai trò cơ sở và quy định nhân tố chủ quan. Hoạt động chính của con người

là phát hiện và vận dụng những quan hệ tất yếu của khách quan để tạo ra những hoàn cảnh và điều kiện cần thiết cho đời sống xã hội. Cho nên cái bao trùm nhất của nhân tố khách quan, cái cơ sở quy định hoạt động của chủ quan là quy luật khách quan. Vai trò của nhân tố chủ quan đối với quy luật khách quan thể hiện ở chỗ “chủ động điều chỉnh hình thức tác động của quy luật khách quan và kết hợp một cách khéo léo sự tác động tổng hợp của nhiều quy luật theo mục đích của mình” [140, tr.206]. Nhân tố chủ quan là toàn bộ hoạt động của con người so với thế giới khách quan, là một thể thống nhất bao gồm hai mặt không thể tách biệt nhau: hoạt động tinh thần và hoạt động thực tiễn trong đó hoạt động thực tiễn là cơ sở, là nguồn gốc của hoạt động tinh thần. Chính nhờ sức mạnh thực tiễn và năng lực tinh thần và sự thống nhất của hai mặt đó mà nhân tố chủ quan có sức mạnh đặc biệt – có khả năng cải tạo thế giới hiện thực. Trong quan hệ giữa con người và thế giới khách quan không phải chỉ có sự tác động một chiều mà là sự tác động qua lại giữa người và tự nhiên. Nếu thế giới khách quan tác động làm biến đổi con người thì ngược lại con người thông qua hoạt động thực tiễn của mình cũng cải tạo thế giới khách quan theo nhu cầu của mình. Quá trình thực tiễn - nhận thức - thực tiễn là một quá trình vô tận, đó chính là quá trình con người cải biến và thống trị thế giới khách quan: “Qua hoạt động thực tiễn con người biểu hiện được tính chất sáng tạo và sức mạnh của mình đối với thế giới khách quan. Mặt khác hoạt động của con người, tức là sự tác động chủ quan đối với thế giới khách quan, đã có một bản chất đặc biệt cải tạo được thế giới khách quan, làm cho con người trở thành *chủ thể* (để chủ động cải tạo) của thế giới khách quan và thế giới khách quan trở thành *khách thể* (đối tượng bị cải tạo theo lợi ích xã hội) của con người. Như vậy quan hệ giữa chủ quan và khách quan đã chuyển thành quan hệ giữa khách thể và chủ thể qua hoạt động cải biến thế giới trong hiện thực của con người” [140, tr.212].

Khái niệm chủ thể trong triết học là một khái niệm phức tạp và đa chiều, được hiểu và đề cập đến từ nhiều góc độ khác nhau. Trong Từ điển Triết học có

định nghĩa: “Chủ thể là con người hoạt động tích cực và nhận thức, có ý thức và ý chí” [136, tr.93]. Tác giả Dương Thị Liễu cho rằng: “Chủ thể là con người với những cấp độ tồn tại khác nhau của nó, đang thực hiện hoạt động nhằm tác động vào khách thể” [75, tr.13]. Do đó, có thể hiểu: chủ thể là con người được đặt trong mối quan hệ với khách thể, bằng hoạt động thực tiễn của mình đã và đang tác động đến khách thể.

Trong hoạt động của mình, mỗi chủ thể bao giờ cũng có sự tương tác với những khách thể cụ thể, nhất định. Những khách thể ấy là “nhân tố khách quan” tồn tại bên ngoài chủ thể, không phụ thuộc vào ý thức, ý chí của chủ thể và trực tiếp tham gia vào hoạt động của chủ thể. Đó là điều kiện tự nhiên, xã hội, tư tưởng, chính trị... tồn tại với tư cách là khách thể của hoạt động. Chính vì thế, mọi hoạt động của chủ thể suy cho cùng cũng phải dựa trên cơ sở của khách thể, chịu sự quy định bởi nhân tố khách quan. Mọi dự định, mục đích, yêu cầu mà các chủ thể đặt ra phải lấy hiện thực khách quan làm căn cứ.

Do đó, từ những quan niệm trên, dưới góc độ tiếp cận nghiên cứu của Luận án, có thể khái quát: *Chủ thể là con người với những cấp độ tồn tại khác nhau (cá nhân, nhóm, giai cấp, tổ chức), có ý thức, có tư duy, tích cực, chủ động, sáng tạo, thông qua những hoạt động thực tiễn của mình nhằm cải tạo khách thể, làm cho khách thể ấy biến đổi phù hợp với nhu cầu của mình.*

2.1.1.2. Quan niệm về chủ thể nông dân

Nông dân cũng là đối tượng được nhiều ngành khoa học nghiên cứu và tiếp cận dưới các góc độ khác nhau. Tác giả Nguyễn Văn Đạm trong Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt định nghĩa nông dân là “Người chuyên sản xuất ra các loại lương thực, thực phẩm” [36, tr.614]. Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê chủ biên cho rằng nông dân là “Người lao động sống bằng nghề làm ruộng” [104, tr.717]. Còn Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa nông dân khá toàn diện là “Người lao động cư trú ở nông thôn, sống chủ yếu bằng nghề làm nông, sau đó bằng các ngành,

nghề mà tư liệu sản xuất chính là đất đai; tùy thuộc theo từng thời kỳ lịch sử, ở từng nước, có quyền sở hữu khác nhau về ruộng đất; những người này hình thành nên giai cấp nông dân, có vị trí, vai trò nhất định trong xã hội” [135, tr.302]. Những khái niệm này nhấn mạnh đến vai trò quan trọng trong kinh tế, chính trị, xã hội và đặc thù lao động trong nông nghiệp của nông dân.

Tiếp cận dưới góc độ giai cấp, Tác giả Thào Xuân Sùng quan niệm: “Giai cấp nông dân là tập hợp các tập đoàn người sản xuất nhỏ, những người trực tiếp lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp sống ở vùng đồng bằng, miền núi và ven biển, sử dụng một loại tư liệu sản xuất đặc biệt là đất, rừng, biển để sản xuất ra các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi trong lĩnh vực nông, lâm, thủy, hải sản” [114, tr.23]. Tác giả Đoàn Minh Huân cho rằng: “Nông dân là giai tầng xã hội làm nghề nông, cư trú ở nông thôn, dựa vào tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất, cây, con, gắn với những đặc trưng tâm lý, văn hóa nghề nghiệp khác biệt với cư dân phi nông nghiệp” [103, tr.26]. Tiếp cận dưới góc độ chính trị - xã hội, “giai cấp nông dân là một lực lượng đông đảo, bao gồm những người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp), trực tiếp sử dụng một tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng và biển để sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp, hoặc tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ của gia đình (đơn vị kinh tế tự chủ hoặc tập thể)” [48, tr.212]. Quan niệm này tiếp cận nông nghiệp theo nghĩa rộng, ngoài giai cấp nông dân theo quan niệm truyền thống tham gia sản xuất nông nghiệp còn phải kể đến những người có vốn đầu tư vào nông nghiệp, cung cấp dịch vụ, tham gia vào chuỗi giá trị của ngành nông nghiệp.

Nông dân, dưới góc độ một giai cấp được hình thành trong quá trình tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ, tồn tại gắn liền với sản xuất nông nghiệp, một loại hình sản xuất đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Trong mỗi phương thức sản xuất của một chế độ xã hội, giai cấp nông dân được thừa nhận những quyền và địa vị ở những mức độ khác nhau. (1) Trong phương thức sản xuất phong kiến,

địa vị của nông dân (tá điền) thường nằm ở tầng lớp thấp trong cấu trúc xã hội, dưới quyền kiểm soát của lãnh chúa hoặc quý tộc. Họ thường phải nộp thuế, lao động không công cho lãnh chúa, và bị ràng buộc vào đất đai mà họ canh tác. Nông dân không sở hữu đất mà họ canh tác, quyền sở hữu đất thường thuộc về các lãnh chúa hoặc quý tộc; (2) Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: Nhiều nông dân đã mất đất đai do quá trình tích tụ và tập trung tư bản, trở thành những người làm thuê cho các chủ đất lớn hoặc các công ty nông nghiệp trên chính mảnh đất mà họ từng sở hữu. Họ không còn sở hữu tư liệu sản xuất mà phải bán sức lao động của mình để kiếm sống; (3) Trong phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, địa vị của giai cấp nông dân được nâng cao và có sự thay đổi căn bản so với các phương thức sản xuất trước đó. Họ không chỉ là những người sản xuất nông nghiệp mà còn chiếm vị trí làm chủ của quá trình xây dựng và phát triển xã hội mới. Giai cấp nông dân cùng với giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức làm nền tảng của khối liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Họ được hưởng quyền làm chủ về các tư liệu sản xuất. Người nông dân được khuyến khích tham gia vào các hình thức sản xuất tập thể như HTX nông nghiệp, nông trường quốc doanh, có quyền quản lý và hưởng lợi từ kết quả lao động của mình. Với sự phát triển của khoa học và toàn cầu hóa, địa vị của nông dân có xu hướng thay đổi. Họ có thể trở thành những doanh nhân nông nghiệp, sở hữu và điều hành các trang trại hiện đại với sự hỗ trợ của công nghệ cao. Địa vị của giai cấp nông dân luôn phản ánh quan hệ sản xuất và cơ cấu xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Những thay đổi về kinh tế và chính trị đều có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống và địa vị của họ.

Tổng hợp từ những nghiên cứu trên, trong phạm vi nghiên cứu luận án, có thể hiểu: *Chủ thể nông dân là những người lao động cư trú ở nông thôn có nguồn sinh kế từ nông nghiệp gắn với tư liệu sản xuất chủ yếu là đất đai, làm chủ quá trình sản xuất (tổ chức, quản lý, phân phối sản phẩm) của chế độ dân chủ xã hội chủ*

nghĩa.

2.1.2. Xây dựng nông nghiệp sinh thái

2.1.2.1. Quan niệm về nông nghiệp sinh thái

Khái niệm *nông nghiệp sinh thái* (Ecological agriculture) không phải là một khái niệm mới mà đã được đề cập đến từ những năm 1920 trong các tài liệu khoa học và được thể hiện trong thực tiễn của các nông hộ, trong các phong trào xã hội vì sự bền vững và trong chính sách công của nhiều quốc gia trên thế giới.

Cho đến nay, có nhiều cách nhìn nhận, cách hiểu khác nhau về NNST, thể hiện sự phát triển của khái niệm toàn diện hơn và chú ý đến việc làm thế nào mở rộng nguyên lý của NNST trong toàn bộ nền nông nghiệp. Theo Từ điển bách khoa Việt Nam, NNST là “chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở các quy luật sinh thái bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, do đó gắn liền trồng trọt với chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; thực hiện làm đất hợp lý; dùng có mức độ phân hóa học và hóa chất trừ sâu bệnh để đảm bảo hài hòa và cân đối bằng sinh thái tránh ô nhiễm môi trường; thận trọng trong công tác thủy lợi, không gây tác hại cho môi trường sinh thái; tận dụng chất phế thải bằng những hệ thống sản xuất nối tiếp nhau như ruộng - vườn - chuồng trại - ao cá - bể khí sinh vật... [135, tr305]. Theo Reyes Tirado và các cộng sự (2009) đã đưa ra định nghĩa NNST: “NNST đảm bảo canh tác và thực phẩm lành mạnh cho hôm nay và mai sau, bằng cách bảo vệ đất, nước và khí hậu, thúc đẩy đa dạng sinh học và không làm ô nhiễm môi trường do hóa chất đầu vào hoặc kỹ thuật di truyền” [174]; Tác giả Phạm Văn Khôi cho rằng: “NNST thường được nhiều người hiểu là nông nghiệp mà ở đó đi đôi với việc sản xuất được nhiều nông sản cần bảo vệ và duy trì môi trường đảm bảo cơ sở cho nông nghiệp phát triển. Vì vậy, có thể coi NNST là mô hình nông nghiệp hữu cơ cổ truyền với các yêu cầu cao về việc bảo toàn môi trường sinh thái” [64, tr16-17]. Các quan niệm này cho thấy NNST sẽ tạo nguồn thực phẩm an toàn cho xã hội dựa trên việc canh tác có tính đến bảo vệ môi trường, giảm thiểu hóa chất và các kỹ thuật biến

đôi gen. Các quan niệm này có cách diễn đạt khác nhau nhưng có điểm chung là làm rõ hơn nội hàm kỹ thuật canh tác của NNST và chủ yếu nhấn mạnh đến yếu tố đảm bảo môi trường sinh thái trong sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, từ những quan niệm trên cho thấy NNST được tiếp cận là phương thức canh tác đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái và an toàn cho sức khỏe con người nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy, có thể hiểu: *Nông nghiệp sinh thái là một hệ thống sản xuất nông nghiệp kết hợp các phương pháp sinh thái với các phương pháp sản xuất hiện đại trên cơ sở thành tựu của KHCV tiên tiến nhằm bảo vệ môi trường, tăng cường đa dạng sinh học, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.*

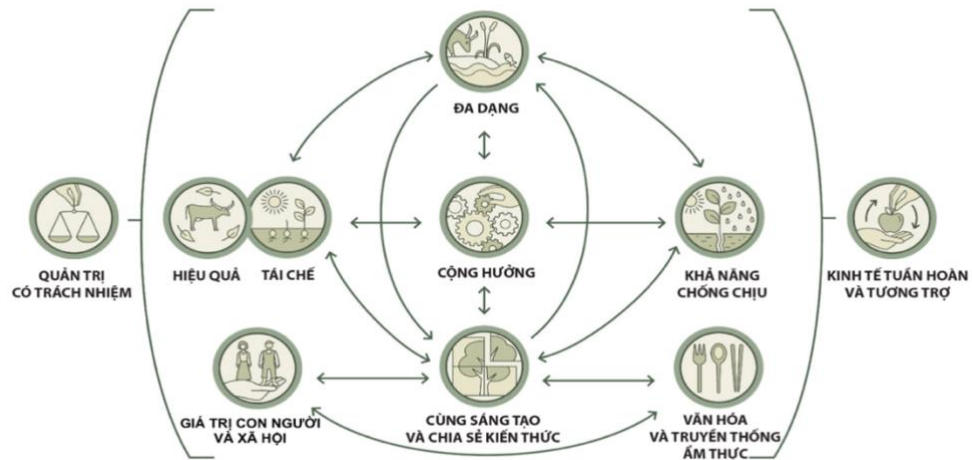
Quan niệm này dựa trên việc hiểu và tôn trọng các quy luật tự nhiên, tối ưu hóa các nguồn tài nguyên tại chỗ kết hợp với phương pháp sản xuất hiện đại, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường cũng như sức khỏe của con người. Do đó, NNST không chỉ là một phương thức canh tác, mà còn là một triết lý và phong cách sống, hướng tới việc tạo ra một hệ thống nông nghiệp hòa hợp với thiên nhiên và bền vững cho tương lai.

2.1.2.2. Quan niệm về xây dựng nông nghiệp sinh thái

Theo Từ điển Tiếng Việt, *xây dựng* có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh mà nó được sử dụng, như: Xây dựng xã hội, xây dựng tổ chức, xây dựng công trình, xây dựng lý thuyết, xây dựng hệ thống... nhưng nhìn chung nó đề cập đến *quá trình thiết kế, tạo ra, cải thiện và phát triển một cái gì đó*. Còn *xây dựng nông nghiệp sinh thái* cũng đã được đề cập đến ở các khía cạnh khác nhau trong các công trình nghiên cứu. Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên hợp quốc (FAO) đã tổng hợp và hệ thống hóa lý luận về xây dựng NNST, trong đó khẳng định: Xây dựng NNST “là phương pháp tiếp cận tích hợp áp dụng đồng thời các khái niệm và nguyên tắc sinh thái, xã hội vào việc thiết kế, quản lý các hệ thống nông nghiệp và thực phẩm. Nó tìm cách tối ưu hóa sự tương tác giữa thực vật, động

vật, con người và môi trường, đồng thời xem xét các khía cạnh xã hội cần được giải quyết để có một hệ thống lương thực bền vững và công bằng” [161, tr.1]; Tác giả Lê Minh Hoan, trên cơ sở quan niệm của FAO đưa ra cũng đã khái quát xây dựng NNST “là một phương pháp tiếp cận tổng hợp chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế của các hệ thống lương thực, thực phẩm thông qua việc áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ thông minh và thân thiện với môi trường; sử dụng hợp lý vật tư đầu vào, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ít phát thải, không tác động xấu đến sức khỏe con người; phát huy tính đa dạng, giá trị văn hóa của hệ thống để nâng cao giá trị nông sản nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững” [45]. Các khái niệm này đã cụ thể hóa và chỉ rõ những thành tố cấu thành của việc xây dựng NNST, đặc biệt nhấn mạnh đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội, sự tương tác giữa giữa động, thực vật và con người trong việc thiết kế và quản lý hệ thống nông nghiệp.

Tổ chức FAO đã tổng hợp và xác định 10 yếu tố cơ bản của NNST giúp các nhà hoạch định chính sách, người thực hiện và các bên liên quan trong việc lập kế hoạch, quản lý và đánh giá quá trình chuyển đổi sang NNST [161], bao gồm: (1) Tính đa dạng, (2) Cùng sáng tạo và chia sẻ kiến thức, (3) Tính cộng hưởng, (4) Tính hiệu quả, (5) Sự tái chế, (6) Khả năng phục hồi, (7) Giá trị con người và xã hội, (8) Truyền thống văn hóa và ẩm thực, (9) Quản trị có trách nhiệm, (10) Nền kinh tế tuần hoàn và tương trợ. 10 yếu tố này có mối quan hệ ràng buộc với nhau tạo thành 1 chỉnh thể thống nhất của nền NNST. Mối quan này được thể hiện qua sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1. Quan hệ ràng buộc giữa các yếu tố của nền NST [161, tr12]

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm trên, dưới góc độ tiếp cận của Luận án, có thể hiểu: *Xây dựng nông nghiệp sinh thái là phương pháp tiếp cận tổng hợp chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội trong việc thiết kế, quản lý hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm của các cơ quan chuyên môn, nông dân và các tổ chức có liên quan trên cơ sở áp dụng đồng bộ các quy trình, khoa học công nghệ thân thiện với môi trường, sử dụng hợp lý vật tư đầu vào, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ít phát thải, an toàn đối với con người để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.*

Như vậy, việc xây dựng NST tập trung vào hai nhiệm vụ chính: (1) Thiết kế, quản lý hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm hướng đến giải quyết đồng bộ các vấn đề *môi trường* (bảo vệ môi trường sinh thái, trong sạch, không ô nhiễm), *kinh tế* (năng suất, chất lượng, hiệu quả), *văn hóa* (lưu giữ, lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống), *xã hội* (xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, công bằng xã hội); (2) Tổ chức chuyển đổi quá trình sản xuất sang NST áp dụng đồng bộ các quy trình, KHCN thân thiện với môi trường, sử dụng hợp lý vật tư đầu vào, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ít phát thải, an toàn đối với con người. Mục tiêu cuối cùng là nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản, bảo vệ sức khỏe của con người, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

2.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp

sinh thái

2.1.3.1. Quan niệm về vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Theo Từ điển Tiếng Việt, *vai trò là tác dụng, chức năng của ai hoặc cái gì trong sự hoạt động, sự phát triển chung của một tập thể, một tổ chức*. Khi đánh giá vai trò của nông dân trong cách mạng xã hội, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã khẳng định rõ vị thế, vai trò quan trọng của giai cấp nông dân trong tiến trình cách mạng, nhất là ở những nước có nhiều nông dân. Nghiên cứu về vị thế, vai trò của giai cấp nông dân, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: ở đâu giai cấp nông dân cũng “là một nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của lực lượng chính trị” [84, tr.715]. Tiếp tục khẳng định quan điểm của Ph.Ăngghen, V.I.Lênin chỉ rõ, nhìn từ góc độ kinh tế, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn không chỉ là tất yếu kinh tế, mà “đó là một vấn đề chính trị chủ yếu có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cuộc cách mạng...” [74, tr.419] của giai cấp công nhân. Nếu chỉ vì “lợi ích trước mắt, lợi ích nhất thời; lợi ích cục bộ” mà không đánh giá đúng vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, không thấy được vai trò quan trọng của nông dân trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội, đồng thời tạo cơ sở để khôi phục và phát triển nền đại công nghiệp thì như vậy đã “hy sinh lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, của nền chuyên chính vô sản”. Chính vì vậy, giai cấp công nhân “phải bắt đầu từ nông dân”, “phải đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu” và nhất thiết phải “dùng những biện pháp có thể để phục hồi ngay những lực lượng sản xuất của kinh tế nông dân” [72, tr.263]. Còn “người nào không hiểu điều đó, người nào có ý coi đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu như thế là một sự “tù bỏ” hoặc tương tự như sự tù bỏ chuyên chính vô sản, thì chẳng qua chỉ là vì người đó không chịu suy nghĩ kỹ càng vấn đề đó và bị lời nói trống rỗng chi phối” [72; 263].

Xét trong khối liên minh công - nông và các tầng lớp khác trong xã hội, nông dân đóng vai trò quan trọng, là lực lượng bổ sung thêm sức mạnh cho giai cấp công nhân trong quá trình đấu tranh giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Cách mạng muốn thành công phải xây dựng được khối liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân không chỉ để bảo vệ lợi ích cho giai cấp nông dân, mà còn vì chính lợi ích của giai cấp công nhân. Khẳng định điều này, V.I.Lênin cho rằng: “nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó... Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ vững được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước” [73, tr.57].

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thật sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân” [89, tr.248], đảng của giai cấp công nhân “Khéo tổ chức, khéo lãnh đạo, thì lực lượng ấy sẽ làm xoay trời chuyển đất” [90, tr.358].

Có thể thấy, mặc dù nông dân không phải là giai cấp lãnh đạo cách mạng nhưng nếu giai cấp công nhân không liên minh, liên kết được với nông dân thì sự nghiệp cách mạng cũng khó thành công được. Chính vì vậy, nông dân giữ vai trò rất quan trọng, là chủ thể chính trong xây dựng đời sống vật chất, tinh thần và các quan hệ chính trị xã hội ở nông thôn góp phần cùng với các giai tầng khác trong xã hội tạo nên sự ổn định chính trị, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Tác giả Đoàn Minh Huân cho rằng khi nói đến vai trò chủ thể của nông dân là khẳng định vị thế nhưng ở đây tác giả nhấn mạnh đến vị thế làm chủ: “Tính chủ thể của nông dân được khẳng định ở địa vị người làm chủ, có vai trò quan trọng bậc

nhất đối với phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn hiện đại”, “vai trò chủ thể của nông dân không chỉ được ghi nhận về mặt pháp lý mà quan trọng hơn là có điều kiện, cơ hội và đủ năng lực làm chủ trên mọi mặt đời sống nông thôn” [103, tr.33]. Như vậy, nông dân là vừa là chủ thể *nhận thức* vừa là *chủ thể hành động* trong mọi hoạt động kiến tạo, xây dựng, hình thành nên chính đời sống chính trị, đời sống kinh tế và đời sống văn hóa, xã hội cho bản thân giai cấp mình và cho các giai tầng khác trong xã hội; đồng thời, nông dân cũng là *chủ thể thụ hưởng* mọi kết quả do chính quá trình kiến thiết của mình tạo ra, cũng như kết quả tác động bởi các chủ thể khác trong xã hội mang lại.

Nếu xem xét riêng trong quá trình xây dựng NNST, vai trò chủ thể của nông dân được biểu hiện ở việc làm chủ quá trình sản xuất, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thụ hưởng những thành quả của quá trình sản xuất với tư cách là yếu tố cấu thành quan trọng nhất của lực lượng sản xuất, tạo ra sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và sự phát triển bền vững của xã hội.

Trên cơ sở đó, có thể hiểu: *Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là vị thế làm chủ của nông dân trong quá trình sản xuất NNST, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thụ hưởng thành quả của quá trình sản xuất NNST, tạo ra sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và sự phát triển bền vững của xã hội.*

Như vậy, vai trò chủ thể của nông dân được được bộc lộ khi đặt trong mối quan hệ, tương tác với khách thể là NNST, nông dân giữ vai trò trung tâm, làm chủ quá trình xây dựng NNST, thể hiện thông qua việc tham gia vào mọi hoạt động của quá trình thiết kế, quản lý, tổ chức sản xuất, phân phối và thụ hưởng thành quả của quá sản xuất NNST góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bản thân mình và sự phát triển bền vững của xã hội.

2.1.3.2. Quan niệm về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Phát huy theo Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt là “Đưa vào thể tạo ra lợi ích, có tác dụng tốt” [36, tr.636]. Còn theo Từ điển Tiếng Việt do tác giả Hoàng Phê chủ biên, là “làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm” [104, tr.742]. Khái niệm này có thể được diễn đạt bằng các cách khác nhau nhưng điểm chung là hướng đến những yếu tố tích cực. Như vậy có thể thấy, *phát huy* là một từ ghép gốc Hán Việt, nghĩa đen là mở mang cho rộng ra, làm cho sáng thêm; nghĩa bóng là làm cho cái hay, cái tốt, tác dụng hữu ích của sự vật, sự việc được lan rộng, thâm sâu và tiếp tục phát triển thêm, làm giàu, phong phú để đạt hiệu quả cao hơn nữa so với những cái đang tồn tại hay nói cách khác là một bước chuyển từ thấp lên cao, từ phạm vi hẹp đến phạm vi rộng lớn hơn của một hành động cụ thể, dẫn đến sự thay đổi về cơ bản, làm cho người ta có thể nhận biết về nó rõ ràng hơn, đưa đến hiệu quả hoạt động cao hơn.

Tác giả Phạm Huỳnh Minh Hùng cho rằng: phát huy vai trò chủ thể của nông dân “là phát huy tất cả tâm lực, trí lực, tài lực của nông dân; là phát huy sức mạnh nội sinh từ tinh thần cách mạng đến lòng yêu nước, từ đức tính cần cù đến sự năng động, sáng tạo mà mục đích cuối cùng không gì khác hơn cũng chính là đem lại lợi ích cho bản thân người nông dân” [56, tr.37]. Quan niệm này cho thấy điểm căn cốt trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân là phát huy những gì tốt đẹp nhất, những phẩm chất, đức tính vốn có của người nông dân, nâng cao chất lượng, trình độ để thực sự làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn đem đến lợi ích cho chính họ.

Trên cơ sở đó, áp dụng và tìm hiểu đối tượng của đề tài này, có thể thấy chủ thể nông dân Việt Nam chiếm đại đa số trong cơ cấu dân số và phần lớn trong lực lượng lao động của cả nước. Trong giai đoạn hiện nay, chủ thể nông dân Việt Nam với phương thức sản xuất đặc thù của mình là một trong những yếu tố có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của của nông nghiệp, nông thôn nói riêng của đất nước nói chung. Do vậy, phát huy vai trò chủ thể của nông

dân là một tất yếu khách quan. Song, vai trò chủ thể của nông dân chưa thực sự được nhận thức một cách đầy đủ và các cơ chế để nông dân thể hiện vai trò của mình trong đời sống xã hội còn hạn chế. Vì thế, phải tìm ra cách thức để chủ thể nông dân phát huy tinh thần, trách nhiệm của mình trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái đảm bảo lợi ích của chính chủ thể nông dân đồng thời tạo nên sự phát triển bền vững cho xã hội. Nông dân chỉ có thể phát huy vai trò chủ thể của mình khi được các chủ thể khác và chính bản thân họ nhìn nhận một cách đúng đắn và có cách thức, biện pháp để khơi dậy những thuộc tính tốt đẹp của họ, có cơ chế, hỗ trợ, khuyến khích, động viên họ hoàn thành tốt vai trò của mình tạo nên động lực phát triển của xã hội. Về thực chất, đó là quá trình phát hiện, nhân lên tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người nông dân trong tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái tạo nên sự phát triển bền vững của xã hội trong điều kiện hiện nay.

Từ cách tiếp cận đó, có thể hiểu: ***Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST*** là tổng hợp các hoạt động có mục đích của nông dân, HTCT từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức có liên quan nhằm khơi dậy, tạo điều kiện và khuyến khích nông dân tích cực, chủ động, sáng tạo thực hiện tốt vị thế làm chủ trong quá trình sản xuất NNST, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thụ hưởng những thành quả của quá trình sản xuất NNST, tạo ra giá trị, sức cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Thực chất khi nói đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST chính là khơi dậy vai trò làm chủ của nông dân trong quá trình tổ chức sản xuất NNST, bao gồm: (1) Phát huy nâng cao nhận thức: biết, bàn; (2) Phát huy sự tham gia: tổ chức sản xuất, tiêu thụ, quản lý, tham gia kiểm tra, giám sát; (3) Phát huy thụ hưởng: giải quyết quan hệ lợi ích, phân phối. Một khi phát huy tốt các yếu tố này, đến lượt nó sẽ là nền tảng, là bệ phóng để nông dân vươn lên làm chủ xã hội đem lại lợi ích cho chính bản thân mình và sự phát triển cường thịnh của dân tộc.

2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông

dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Các chủ thể phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, các chủ thể ở đây được hiểu là các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động để phát huy vai trò, vị thế làm chủ của nông dân trong xây dựng NNST, bao gồm:

Thứ nhất, hệ thống chính trị, gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động. Tất cả các tổ chức này đều tham gia vào quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST từ việc đề ra chủ trương, đường lối đến triển khai, thực thi các chính sách đối với nông dân trong đời sống xã hội. Thông qua cơ chế, chính sách, các tổ chức này thúc đẩy, hỗ trợ, khuyến khích, động viên nông dân phát huy năng lực, sở trường, tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi và thiết lập các mô hình sản xuất NNST nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Điều này được thể hiện qua các hoạt động của các tổ chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể:

Các tổ chức Đảng từ Trung ương đến địa phương thực hiện việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST thông qua việc ban hành các Nghị quyết, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tạo cơ sở pháp lý để chính quyền các cấp, các đoàn thể cụ thể hóa thành các chính sách thực hiện thông suốt từ Trung ương đến địa phương đảm bảo cho chủ thể nông dân phát huy được vai trò của mình trong việc chuyển đổi tư duy, tổ chức sản xuất NNST; đồng thời kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu của Nghị quyết trong thực tiễn từ đó rút kinh nghiệm, khắc phục khó khăn, hạn chế để công tác chỉ đạo việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đạt hiệu quả cao hơn, thiết thực hơn.

Chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương là cơ quan triển khai, tổ chức thực hiện việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây

dựng NNST. Nhà nước quản lý về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó có việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua hệ thống luật nhằm làm cho các chủ thể liên quan, đặc biệt là nông dân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn được thể hiện dưới hai góc độ: *Một là*, các hoạt động tác động bằng hệ thống pháp luật và ban hành các chính sách tạo cơ sở hành lang pháp lý chủ thể nông dân phát huy vai trò của mình trong xây dựng NNST theo mục tiêu quản lý nhà nước đặt ra; *hai là*, tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động và quản lý dịch vụ hỗ trợ nông dân.

Chủ thể quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn là Nhà nước, mà đại diện ở cấp Trung ương là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), ở địa phương là ủy ban nhân dân các cấp. Cơ quan chuyên môn giúp việc cho ủy ban nhân dân các cấp là Sở Nông nghiệp và Môi trường ở cấp tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Môi trường ở cấp huyện, Công chức địa chính - nông nghiệp - môi trường ở cấp xã, phường. Theo cơ chế quản lý đó, đề cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, Chính phủ ban hành các Quyết định, Nghị định, Chỉ thị, Kế hoạch, Hướng dẫn... thực hiện; đồng thời xác định các cơ chế, phân bổ nguồn lực thực hiện đối với các Bộ, Ngành và các địa phương.

Các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương: Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động. Trong đó, tiêu biểu như Hội Nông dân là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho nông dân, không chỉ đại diện về mặt chính trị mà còn đại diện cả về lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt. Về mặt pháp lý cũng như trên thực tế, Hội Nông dân là cầu nối, là trung tâm, là đầu tàu trong các phong trào nông dân, phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện các chương

trình, đề án, mô hình phát triển NNST; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn, bồi dưỡng cho nông dân những kiến thức về NNST, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh... và chuyển giao KHCN giúp nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; tuyên truyền vận động nông dân hiểu và tích cực thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Còn các tổ chức đoàn thể khác thực hiện việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua việc phối hợp hoạt động, tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện xây dựng NNST theo lĩnh vực của tổ chức mình được phân công.

Thứ hai, các tổ chức khác: Doanh nghiệp, HTX, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, ngân hàng, các tổ chức tín dụng... Các tổ chức này tham gia phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua các hoạt động thúc đẩy, hỗ trợ nông dân tham gia liên doanh, liên kết hợp tác sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Trong đó:

Các doanh nghiệp và HTX thực hiện đầu tư, liên kết sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên; đầu tư cho việc quản lý, cải tiến quy trình sản xuất để giảm phát thải; thay đổi tập quán canh tác theo hướng sinh thái, nâng cao trình độ của người nông dân; tiên phong trong ứng dụng KHCN, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; chủ động tìm kiếm, phát triển thị trường, nâng cao giá trị cho nông sản, vừa đem lại thu nhập cao cho nông dân vừa thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh trong ngành nông nghiệp. Việc hợp tác với các bên liên quan khác là chìa khóa cho quá trình chuyển đổi công bằng giúp chủ thể nông dân có các điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất NNST đem lại lợi ích cho bản thân người nông dân và xã hội.

Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học chính là cầu nối giữa doanh nghiệp, HTX, hội viên, nhà khoa học với nhà nước trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo hướng

sinh thái; tư vấn kỹ thuật và thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ giúp các đơn vị, hội viên cùng phát triển, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp huy động hội viên tích cực ứng dụng công nghệ số vào việc quản lý và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường tuyên truyền đến hội viên tích cực, chủ động nắm bắt cơ hội, nâng cao trình độ, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm để chuyển đổi sang sản xuất NNST; tham gia giữ vệ sinh, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm giúp chính quyền các cấp trong việc kiểm soát môi trường nông nghiệp, nông thôn...

Các ngân hàng, các tổ chức tín dụng phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua việc đa dạng hóa phương thức cho vay mới gắn với các chuỗi nông nghiệp giúp tăng cơ hội tiếp cận vốn và dư nợ, độ an toàn của tín dụng nông nghiệp cho chủ thể nông dân và các chủ thể liên quan có điều kiện phát triển và mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái.

Thứ ba, bản thân người nông dân: Nông dân chính là chủ thể quan trọng nhất để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng NNST ở nước ta hiện nay. Bởi nông dân là người trực tiếp thực hiện quy trình sản xuất và tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Nông dân chính là người quyết định hướng sản xuất của mình theo cách cũ (chỉ chú ý đến sản lượng mà không quan tâm đến các vấn đề khác) hay theo hướng sinh thái đảm bảo sự phát triển bền vững cho xã hội. Trong các mô hình sản xuất NNST, nông dân chính là trung tâm quản lý các nguồn lực và ra quyết định về hoạt động canh tác phù hợp với hoàn cảnh của mình cũng như yêu cầu về sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn của người sử dụng.

Ngoài ra, nông dân cũng giữ vai trò quyết định trong mối quan hệ với các yếu tố khách thể khác thông qua các nguồn lực như điều kiện tự nhiên, vốn, KHCN,... Bởi vì, nếu không có người nông dân thể hiện vai trò chủ thể của mình, thì tất cả các nguồn lực trên không thể tự phát huy được vai trò của mình mà luôn tồn tại ở dạng tiềm năng. Nói cách khác, tất cả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của

từng địa phương, từng vùng miền có được khơi dậy, phát huy một cách hiệu quả cho mục tiêu xây dựng NNST hay không không chỉ thuần túy xuất phát từ chính bản thân nội tại của nó mà phải thông qua hoạt động của nông dân với tư cách là chủ thể bằng tất cả sức mạnh, tiềm năng vốn có của mình. Do vậy, nông dân chính là chủ thể có vai trò quan trọng nhất trong tiến trình xây dựng NNST.

Để đáp ứng những yêu cầu cao trong sản xuất NNST, đòi hỏi phải có đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, có kỹ năng, kinh nghiệm sản xuất, có tư duy kinh tế nông nghiệp. Do đó, chủ thể nông dân thông qua việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp của mình (cần cù, chịu thương chịu khó, năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường, đoàn kết, gắn bó tương trợ lẫn nhau), tích cực, chủ động nắm bắt và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình, kế hoạch, phong trào của địa phương về xây dựng NNST, NTM; không ngừng học hỏi nâng cao trình độ, kỹ năng sản xuất, khắc phục tư tưởng làm ăn manh mún, trông chờ, ỷ lại vào đầu tư, dẫn dắt của Nhà nước, xây dựng mẫu hình người nông dân mới văn minh, hiện đại sẽ góp phần đưa nền nông nghiệp nước ta phát triển bền vững, đem lại sự phồn vinh, hạnh phúc cho xã hội.

Như vậy, mỗi chủ thể đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng có chung mục tiêu là xây dựng nền nông nghiệp nước ta theo hướng sinh thái, bền vững. Do đó, sự kết hợp, tương tác giữa các chủ thể này là yêu cầu khách quan để tác động, hỗ trợ, chia sẻ, cộng đồng trách nhiệm hướng đến đối tượng trung tâm là nông dân. Mọi hoạt động đều phải xoay quanh người nông dân, lấy lợi ích và nhu cầu chính đáng của người nông dân làm tiền đề chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm sang NNST đảm bảo mục tiêu cốt lõi cuối cùng là đem đến sự phát triển cân bằng, hài hòa giữa con người với thiên nhiên, giải quyết đồng thời các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân một cách bền vững, địa bàn nông thôn ổn định và phát triển.

2.2.2. Nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

2.2.2.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái

Tư duy sản xuất nông nghiệp là quá trình nhận thức các quy luật khách quan về sinh học của cây trồng, vật nuôi và quy luật chuyển hóa của nguyên vật liệu sản xuất, sử dụng tài nguyên vật liệu để gia tăng năng suất và sản lượng sản phẩm [156]. Tư duy sản xuất nông nghiệp có những hạn chế là chủ thể nông dân khi sản xuất không chú trọng đến nhu cầu thị trường, chỉ sản xuất thứ mình có chứ không sản xuất thứ thị trường cần, tạo ra nhiều sản phẩm nhưng không có hoặc có ít lợi nhuận, do đó hàng hóa không thể bán được giá cao. Sẵn sàng sử dụng các loại giống, phân bón, các loại thuốc để gia tăng năng suất mà không chú trọng đến chất lượng và sự an toàn của sản phẩm, không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm cho thị trường trong nước và quốc tế. Không hoặc ít tìm cách gia tăng giá trị, sau thu hoạch thường bán sản phẩm thô nên lợi nhuận không cao. Khi thu hoạch thường phó mặc cho người mua và không chú ý đến xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

Do đó, cần phải thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế NNST nhằm khắc phục những hạn chế của tư duy sản xuất nông nghiệp. *Tư duy kinh tế NNST* là tư duy sử dụng hiệu quả nguồn lực hữu hạn trong nông nghiệp để sản xuất sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường và đạt được lợi nhuận cao nhất có thể [156]. Sự khác nhau giữa tư duy sản xuất nông nghiệp và tư duy kinh tế NNST là tư duy sản xuất nông nghiệp thì *lấy sản lượng làm mục tiêu*, còn tư duy kinh tế NNST là *lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu*. Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế NNST nghĩa là chuyển đổi tư duy *tăng sản lượng* sang *tăng giá trị*. Tư duy sản xuất nông nghiệp là *bán cái mình có*, tư duy kinh tế NNST là *bán cái thị trường cần* (bao gồm giá trị, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và

tiện ích), chuyển đổi việc cạnh tranh bằng số lượng, bằng khai thác tự nhiên sang cạnh tranh bằng sản xuất ít, sản xuất tiết kiệm, giảm bớt sức ép môi trường, một nền nông nghiệp đem lại hiệu quả cao hơn.

Trong tư duy kinh tế NNST, ngoài việc tư duy về tối ưu hóa bài toán kinh tế thông qua tăng giá bán, giảm đầu vào, tăng chất lượng, đa dạng sản phẩm, chế biến sâu... nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng từ đó nhận lại được giá trị tăng cao hơn thì một bước phát triển cao hơn là *tích hợp đa giá trị* vào sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp. Một sản phẩm thông thường cả người sản xuất và người tiêu dùng hiện nay thường chú trọng vào giá trị sử dụng là yếu tố cốt lõi để tạo ra giá trị sản phẩm nhưng giá trị tăng cao này thường không quá cao. Trong khi đó, rất nhiều yếu tố tiềm năng để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn thường đang không được chú trọng bao gồm các yếu tố: (1) Giá trị địa lý, địa danh, cảnh quan, vùng miền, quốc gia; (2) Giá trị tri thức, đặc biệt là tri thức bản địa và tính đổi mới sáng tạo của cộng đồng người sản xuất; (3) Giá trị lịch sử, văn hóa, ẩm thực bản địa; (4) Giá trị thương hiệu của sản phẩm, của vùng và cả quốc gia. Ngoài ra còn có các yếu tố đặc thù khác tùy thuộc vào sản phẩm và vùng sản xuất. [107]. Tích hợp đa giá trị là kết tinh tài nguyên bản địa, với các kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến và cả những bản sắc văn hóa - xã hội, tạo thành thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

Để chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế NNST một trong những yếu tố quyết định sự chuyển đổi thành công này chính là vai trò chủ thể của nông dân có được phát huy hay không. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với chủ thể nông dân: *Một là*, chủ động, tích cực trong việc nắm bắt và trang bị cho mình những kiến thức, hiểu biết về tư duy kinh tế nông nghiệp, từ đó mới có thể áp dụng vào các khâu của quá trình sản xuất NNST do chính bản thân mình đảm nhận; *Hai là*, căn cứ nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm cần sản xuất từ đó xác định kết quả đầu ra với chủng loại, sản phẩm hàng hóa, thay đổi quy trình sản xuất, thay đổi nguyên liệu đầu vào, thay đổi giống cây trồng,

vật nuôi đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về thực phẩm an toàn thân thiện với môi trường của người tiêu dùng; *Ba là*, luôn tìm cách giảm chi phí đầu vào hợp lý. Giảm được một đồng chi phí nghĩa là đã tăng được một đồng lợi nhuận cho chính chủ thể nông dân nếu cùng giá bán ra. Như thế, chủ thể nông dân phải chủ động giảm tất cả những gì có thể nếu không ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất sản phẩm. Bắt đầu từ giá nguyên liệu, cải tiến quy trình để giảm chi phí sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển; *Bốn là*, tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị thông qua việc phân loại làm sạch, đóng gói thiết kế nhãn hiệu hàng hóa, tiến hành sơ chế, chế biến và chế biến sâu, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc...; *Năm là*, xem khả năng cạnh tranh với đối thủ trên thị trường và chủ động quảng bá sản phẩm tìm kiếm khách hàng bằng nhiều kênh bán hàng khác nhau hoặc liên kết với các chủ thể khác tiêu thụ sản phẩm với giá hợp lý từ đó nâng cao doanh thu và gia tăng lợi nhuận.

2.2.2.2. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng nông nghiệp sinh thái

Thứ nhất, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất hiện thực hóa mục tiêu NNST

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình và tổ chức sản xuất NNST là một nội dung quan trọng, liên quan đến việc nâng cao vai trò và tầm ảnh hưởng của chủ thể nông dân trong hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững. Để hiện thực hóa mục tiêu NNST, chủ thể nông dân có vai trò quyết định nhất bởi họ chính là người trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với chủ thể nông dân là phải thay đổi tập quán, phương thức canh tác theo kiểu độc canh, lạm dụng các chế phẩm hóa học, khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên sang phương thức canh tác thân thiện với môi trường và an toàn cho sức khỏe của con người để nâng cao giá trị sản phẩm. Như vậy, chủ thể nông dân cần có sự thay đổi từ tư duy cho đến hành động. Cụ thể:

Một là, chủ thể nông dân phải được trang bị kiến thức, hiểu biết về NNST, lợi ích của NNST đối với chính cuộc sống của họ và sự phát triển bền vững của xã hội. Do đó, chủ thể nông dân cần phát huy tính tích cực, chủ động tìm tòi, nắm bắt tri thức để tự nâng cao nhận thức của mình thông qua các phương tiện sách báo, thông tin đại chúng, mạng internet, sự chia sẻ lẫn nhau... Cùng với đó, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan tuyên truyền về tầm quan trọng của NNST đối với môi trường và sức khỏe con người; xây dựng các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc hỗ trợ nông dân chuyển đổi mô hình sản xuất; thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn, tư vấn, hỗ trợ, tham quan các mô hình NNST thành công... để nâng cao nhận thức cho nông dân và toàn xã hội về lợi ích của NNST, để người nông dân hiểu rõ hơn về phương pháp và kỹ thuật canh tác NNST. Từ đó mới thay đổi được tư duy trong sản xuất nông nghiệp của nông dân.

Hai là, chủ thể nông dân được khuyến khích tham gia vào quá trình ra quyết định lựa chọn mô hình sản xuất NNST. Điều này, đặt ra yêu cầu đối với chính quyền địa phương phải tạo điều kiện cho chủ thể nông dân tham gia vào quá trình thiết kế và triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST. Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch, dự án... do cơ quan chuyên môn xây dựng về phát triển NNST, chủ thể nông dân được quyền tham gia đóng góp ý kiến từ sự hiểu biết và điều kiện thực tế sản xuất của mình. Bởi chính chủ thể nông dân là người trong cuộc họ hiểu được nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng, ước muốn của chính mình. Do vậy, họ phải được biết, được bàn, được làm, được quyết định nhưng gì liên quan đến cuộc sống của họ. Sự tham gia này có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nông dân như Hội Nông dân các cấp, các tổ chức xã hội nghề nghiệp hay cán bộ phụ trách vấn đề nông nghiệp ở địa phương. Từ đó đảm bảo cho việc lựa chọn các mô hình NNST sát với thực tiễn, sát với nhu cầu của nông dân tạo được sự đồng thuận và hiệu quả cao hơn.

Ba là, trên cơ sở những hiểu biết về NNST và sự hỗ trợ của các tổ chức, chủ thể nông dân phát huy tính tích cực, chủ động, mạnh dạn thực hiện

chuyển đổi mô hình sản xuất kém hiệu quả, ảnh hưởng tới môi trường sang mô hình sản xuất NNST hiệu quả, bền vững đem lại lợi ích cho bản thân mình và xã hội. Một khi chủ thể nông dân đã nhận thức đúng, đầy đủ về NNST, được tham gia vào quá trình lựa chọn các mô hình NNST phù hợp với điều kiện thực tiễn của mình đồng thời có những cam kết đảm bảo quyền lợi và bảo vệ nông dân trong quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất thì việc chuyển đổi sang NNST sẽ dễ dàng, toàn diện và bền vững hơn.

Thứ hai, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm

Trong giai đoạn hiện nay, một trong những nguyên nhân sâu xa khiến cho người nông dân luôn thua thiệt trên thị trường đó là thiếu năng lực chủ thể (sản xuất nhỏ lẻ manh mún, thiếu kiến thức, kỹ năng sản xuất, thiếu KHCN, thiếu thị trường ổn định, thiếu khả năng tập trung ruộng đất đảm bảo cho chuyển sang sản xuất hàng hóa lớn; không có khả năng tổ chức, tham gia sử dụng HTX để tạo sức mạnh hành động tập thể...) [103, tr 35-36]. Vì vậy, một trong những nội dung quan trọng giúp khắc phục những hạn chế này và nâng cao năng lực chủ thể của người nông dân đó là phải tích cực, chủ động tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái đem đến chất lượng và giá trị sản phẩm tăng cao.

Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị là tổng thể các hoạt động của các chủ thể nhằm làm gia tăng về quy mô, nâng cao chất lượng và hoàn thiện cơ cấu hàng nông sản từ khâu sản xuất đến tiêu thụ để tạo ra giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao hơn, góp phần nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp bao gồm hình thức liên kết ngang, liên kết dọc và liên kết nhiều nhà trong toàn bộ quá trình sản xuất nông nghiệp, từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất

nguồn gốc, phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và yêu cầu của thị trường. Ứng dụng KHCN trong sản xuất NNST từ đầu vào đến đầu ra giúp chủ thể nông dân thực hiện tốt việc tổ chức, quản lý quá trình sản xuất cũng như phân phối sản phẩm nông sản của mình.

Việc xây dựng chuỗi giá trị đem lại lợi ích cho các bên thì phải đảm bảo 3 nguyên tắc: (1) *Minh bạch* (các tác nhân trong chuỗi phải bảo đảm sản xuất theo đúng quy trình, bảo đảm khả năng truy suất nguồn gốc rõ ràng từ đầu vào đến đầu ra, thương hiệu, nhãn hiệu), (2) *Trách nhiệm* (Các tác nhân tham gia trong chuỗi cần sản xuất, chế biến, tiêu dùng có trách nhiệm theo các tiêu chuẩn bền vững, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm), (3) *Bền vững* (đảm bảo lợi ích về kinh tế, xã hội, môi trường, các tác nhân trong chuỗi giá trị có sự gắn kết thông qua các cơ chế chia sẻ hài hòa rủi ro và lợi ích) [103, tr.53].

Trong bối cảnh hiện nay ở nước ta, việc xây dựng và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị có tính liên kết tốt và bền vững là một trong những yêu cầu quan trọng nhất để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng NNST. Điều đó đặt ra yêu cầu:

Một là, chủ thể nông dân phải chủ động tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất. Trong chuỗi giá trị này, nông dân phải là chủ thể chính. Bản thân người nông dân phải nhìn nhận rõ lợi ích, hiệu quả của mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi để cùng nhau xây dựng quan hệ hợp tác, liên kết, thúc đẩy xây dựng và sử dụng có hiệu quả các tổ hợp tác, HTX, hiệp hội nghề nghiệp, tăng cường năng lực chủ thể trong các quan hệ kinh tế, khắc phục những hạn chế, tình trạng yếu thế của nông dân nếu tồn tại từng hộ riêng lẻ.

Hai là, HTX, tổ hợp tác phải là nòng cốt trong phát triển chuỗi giá trị. Trong phát triển liên kết ngang, HTX thực sự phải phát huy vai trò là tổ chức của hộ nông dân, phải nhận thức được vai trò của mình trong tổ chức sản xuất, cung cấp dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên cũng như tìm kiếm và kết nối thị trường. HTX, tổ hợp tác chính là nòng cốt kết nối doanh nghiệp (cả đầu vào và đầu ra) với người

nông dân.

Ba là, doanh nghiệp phải là động lực thúc đẩy chuỗi giá trị. Doanh nghiệp đóng vai trò truyền tải thông điệp về nhu cầu, thị hiếu của thị trường đến người sản xuất đồng thời là người dẫn dắt và chia sẻ rủi ro, lợi ích với các chủ thể khác cùng tham gia liên kết từ đầu vào đến đầu ra sản phẩm nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, đào tạo, logistics...

Bốn là, Nhà nước, chính quyền các cấp phải đóng vai trò chính trong việc tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hình thành liên kết chuỗi giá trị thông qua việc xây dựng thể chế, chính sách, hành lang pháp lý, hỗ trợ các chủ thể tham gia sâu vào chuỗi, tối ưu hóa hiệu quả của chuỗi cũng như đảm bảo lợi ích của các bên tham gia trong chuỗi.

Năm là, nhà khoa học phải trực tiếp thực hiện được vai trò tư vấn, hỗ trợ, nghiên cứu, chuyển giao KHCN nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường... cho nông dân, doanh nghiệp, HTX và các chủ thể liên quan trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

Thứ ba, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Hợp tác quốc tế trong nông nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ cho mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư, những quan hệ hợp tác sẽ giúp tiếp cận nhiều mô hình mới, tư duy mới. Thông qua đó, nâng cao sức cạnh tranh, tạo điều kiện để tăng thu nhập, việc làm cho nông dân, hạn chế rủi ro của BĐKH, biến động thị trường và biến chuyển xu thế tiêu dùng của thế giới đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu. Hiện nay, các tổ chức quốc tế và các quốc gia đang đi vào thực thi, triển khai cụ thể các cam kết để hướng đến xu hướng xanh hóa và phát triển bền vững. Vì vậy, việc chuyển đổi hệ thống lương thực của Việt Nam theo hướng xanh, carbon thấp, bền vững và thích ứng với BĐKH, tích hợp đa giá trị với hệ thống

quản trị hiện đại, minh bạch gắn với quá trình chuyển đổi số và liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể trong các chuỗi giá trị là một tất yếu, góp phần vào thực hiện các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia và các cam kết quốc tế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Nghị quyết số 19-NQ/TW của Đảng về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* cũng đưa ra yêu cầu về chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao KHCN. Để thực hiện hiệu quả, nhiệm vụ này, yêu cầu đặt ra với chủ thể nông dân: *Một là*, chủ động tiếp cận kiến thức, nâng cao hiểu biết về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất, nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, tiếp cận tiến bộ KHCN để nâng cao tay nghề sản xuất; *Hai là*, chuyển đổi và tuân thủ nghiêm các quy định trong việc đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, ứng phó với BĐKH của thế giới; *Ba là*, chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế và tham gia vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

Thực hiện được những yêu cầu này, ngoài sự nỗ lực vươn lên của bản thân chủ thể nông dân, cần có sự hỗ trợ của HTCT từ Trung ương đến địa phương, các doanh nghiệp, HTX, tổ chức xã hội nghề nghiệp... thông qua các cơ chế, chính sách, các hành động cụ thể để nâng cao trình độ cho nông dân; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong sản xuất nông nghiệp; ký kết các thỏa thuận, hiệp định thương mại, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ; thu hút các nguồn lực quốc tế chất lượng cao phục vụ phát triển nông nghiệp dựa trên nền tảng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng và hoàn thiện các chính sách, giải pháp khuyến khích hỗ trợ phát triển NNST nhằm đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa giữa nông nghiệp với môi trường, bắt kịp các xu hướng phát triển nông nghiệp trên thế giới.

2.2.2.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã

hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái

Mục tiêu của nền NNST là giải quyết đồng thời các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, BĐKH. Còn nông dân là chủ thể chính trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu này, họ là người trực tiếp tổ chức sản xuất để tạo ra sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các yêu cầu của NNST. Vì vậy, ngoài mục tiêu giải quyết vấn đề kinh tế, khi chủ thể nông dân tham gia sản xuất NNST cùng sự hỗ trợ của các chủ thể khác cũng chính là đang góp phần quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH.

Thứ nhất, về quản trị vấn đề xã hội: Chủ thể nông dân khi tham gia sản xuất NNST sẽ góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và giải quyết bất bình đẳng giới.

Một trong những yếu tố cấu thành của NNST là bảo vệ giá trị con người và xã hội. Đó chính là bảo vệ và cải thiện sinh kế, công bằng và phúc lợi xã hội ở cho người dân ở nông thôn. NNST xây dựng khả năng tự chủ và thích ứng để quản lý các hệ sinh thái nông nghiệp, trao quyền cho nông dân và cộng đồng vượt qua đói nghèo, suy dinh dưỡng, thúc đẩy quyền có lương thực và quản lý môi trường để các thế hệ tương lai cũng có thể sống trong sự phồn vinh. NNST với các biện pháp thực hành dựa trên đa dạng sinh học và giảm thiểu sử dụng phân bón tổng hợp hoặc thuốc trừ sâu, có thể sản xuất nhiều lương thực trên mỗi ha như các hệ thống nông nghiệp thông thường và thậm chí tăng năng suất, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Một phân tích tổng hợp gần đây cho thấy rằng trên toàn cầu, NNST có thể sản xuất ra lương thực trên mỗi ha nhiều hơn khoảng 30% so với nông nghiệp thông thường [173, tr.8]. Các báo cáo khác nhau gần đây từ các nhà khoa học tại các trường đại học và tổ chức quốc tế như Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) xác nhận rằng NNST tăng cường an ninh lương thực ở những nơi nghèo đói nghiêm trọng nhất. Hỗ trợ nông dân và công nhân nông trại trong các hệ thống NNST nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc

vào đầu vào bên ngoài như phân bón nhân tạo và thuốc trừ sâu là một trong ba lựa chọn trung hạn được UNEP đưa ra nhằm chống lại nạn đói và cải thiện an ninh lương thực trên toàn thế giới [173, tr.10].

Hiện nay, ở nhiều nơi, thanh niên nông thôn phải đối mặt với khủng hoảng việc làm. NNST cung cấp một giải pháp đầy hứa hẹn như một nguồn việc làm bền vững. NNST dựa trên một phương pháp sản xuất nông nghiệp khác, tận dụng tri thức, thân thiện với môi trường, có trách nhiệm với xã hội, đổi mới và phụ thuộc vào lao động có tay nghề. Trong khi đó, thanh niên nông thôn có nghị lực, sự sáng tạo và mong muốn thay đổi thế giới theo hướng tích cực. Điều họ cần là sự hỗ trợ và cơ hội, vì thế NNST trao quyền cho mọi người trở thành tác nhân thay đổi của chính mình. Với tri thức, lòng nhiệt huyết và sự nhanh nhạy của tuổi trẻ, họ có thể phát huy được năng lực, sở trường của mình khi thực hiện sản xuất NNST, hình thành các trang trại sản xuất, các cơ sở chế biến, kinh doanh và tiêu thụ nông sản, tạo ra công ăn việc làm cho chính mình và những người khác.

NNST còn góp phần giải quyết bất bình đẳng giới bằng cách tạo cơ hội cho phụ nữ. Trên toàn cầu, phụ nữ chiếm gần một nửa lực lượng lao động nông nghiệp và có vai trò to lớn trong sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn bị thiệt thòi về mặt kinh tế và dễ bị vi phạm các quyền của mình và những đóng góp thường không được công nhận. NNST có thể giúp phụ nữ nông thôn trong sản xuất nông nghiệp phát triển mức độ tự chủ cao hơn bằng cách nâng cao kiến thức, thông qua hành động tập thể và tạo cơ hội cho thương mại hóa. NNST có thể mở ra không gian để phụ nữ trở nên tự chủ hơn và trao quyền cho họ ở cấp hộ gia đình, cộng đồng và hơn thế nữa. Sự tham gia của phụ nữ là cần thiết đối với NNST và phụ nữ thường là người đảm đương, thực hiện các dự án NNST.

Thứ hai, về quản trị vấn đề văn hóa: Chủ thể nông dân khi thực hiện sản xuất NNST sẽ góp phần lưu giữ, truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi vùng miền được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp.

Bản sắc văn hóa và ý thức về địa danh thường gắn liền với cảnh quan và hệ thống ẩm thực. Khi con người và hệ sinh thái cùng nhau phát triển, các hoạt động văn hóa, kiến thức bản địa và truyền thống mang lại nhiều kinh nghiệm có thể truyền cảm hứng cho các giải pháp NNST. Lấy khối kiến thức truyền thống tích lũy này làm kim chỉ nam, NNST có thể giúp nhận ra tiềm năng của các vùng lãnh thổ để triển khai và thực hiện sản xuất các sản phẩm gắn với đặc trưng của các vùng miền đảm bảo cuộc sống cho người dân ở địa phương, vùng miền đó. Hơn nữa, trong quá trình sản xuất NNST, chủ thể nông dân luôn phải tìm cách để tích hợp đa giá trị vào sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp của mình. Và những yếu tố tiềm năng để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn cho sản phẩm nông nghiệp đó là các giá trị văn hóa truyền thống đặc thù của địa phương. Chính việc tích hợp các yếu tố này vào sản phẩm nông nghiệp của chủ thể nông dân trong quá trình sản xuất NNST sẽ góp phần lưu giữ, lan tỏa và biến các giá trị văn hóa truyền thống của từng vùng miền trở thành yếu tố tạo nên giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp góp phần nâng cao đời sống vật chất cho chủ thể nông dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, việc thực hiện sản xuất NNST dựa trên cơ sở cùng sáng tạo và chia sẻ kiến thức đặc biệt là việc kết hợp kiến thức truyền thống và bản địa, kiến thức thực tế của người sản xuất và doanh nghiệp cũng như kiến thức khoa học toàn cầu sẽ góp phần hun đúc và lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm của những người nông dân, xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn.

Thứ ba, về quản trị vấn đề môi trường, BDKH: Chủ thể nông dân với phương thức canh tác theo hướng sinh thái sẽ góp phần bảo vệ và làm giảm ô nhiễm môi trường đồng thời thích ứng với sự BĐKH diễn ra ngày càng phức tạp, tạo không gian sống lành mạnh cho con người đảm bảo sự phát triển bền vững.

Sự phát triển của các mô hình nông nghiệp trước đó, đặc biệt mô hình nông nghiệp công nghiệp hóa cao độ với tập quán canh tác khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên và lạm dụng nguyên liệu đầu vào sản xuất có nguồn gốc hóa học đã làm tài nguyên đất, nước, không khí ô nhiễm nghiêm trọng. Hơn nữa, nông nghiệp là

ngành gây ra phát thải khí nhà kính nhiều nhất dẫn đến các hiện tượng nóng lên toàn cầu, thời tiết cực đoan... Năm 2023 đã phá vỡ mọi kỷ lục hiện có về nhiệt độ cao nhất được ghi nhận trên thế giới, trái đất đang nóng lên và các đợt lũ lụt, bão, hạn hán, cháy rừng và sâu bệnh cực đoan, dịch bệnh đang trở thành những tin tức hàng ngày trên các tiêu đề toàn cầu. Ảnh hưởng của khủng hoảng khí hậu, tần suất và cường độ của các thảm họa liên quan đến khí hậu cũng ngày càng gia tăng, gây thiệt hại nặng nề cho cộng đồng và sinh kế trên toàn thế giới. Nông nghiệp là một trong những ngành dễ bị tổn thương trong bối cảnh rủi ro thiên tai, do sự phụ thuộc sâu sắc của nó vào tài nguyên thiên nhiên và điều kiện khí hậu [167].

Bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với BĐKH là một trong những yêu cầu hàng đầu của sản xuất NNST để đem đến sự phát triển cân bằng, hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Chủ thể nông dân với việc thay đổi tập quán canh tác, chú trọng biện pháp canh tác thân thiện với môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, là một trong những giải pháp hữu hiệu đáp ứng yêu cầu nêu trên. Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp là việc áp dụng các tiến bộ KHCN và tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường [97].

2.2.2.4. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh trong quá trình xây dựng NNST, người nông dân vừa là chủ thể có vai trò quyết định trong sản xuất, tổ chức quản lý, phân phối đồng thời là đối tượng được thụ hưởng những thành quả của quá trình sản xuất NNST đó, nghĩa là nông dân phải được phân phối và thụ hưởng đầy đủ lợi ích tương xứng với giá trị mà họ tạo ra. Quyền lợi của chủ thể nông dân được đặt vào trung tâm của các quyết sách, đường lối của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Nhờ đó, người nông dân được

tạo các điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; người nông dân được quyền biết, được bàn, được trực tiếp làm, được kiểm tra, giám sát, được quyết định nhiều vấn đề liên quan đến cuộc sống của mình và đặc biệt là thụ hưởng những thành quả do mình tạo ra từ sản xuất NNST.

Việc phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST đối với chủ thể nông dân được thực hiện thông qua các cơ chế, chính sách gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; gắn kết giữa chính sách phát triển kinh tế với chính sách phát triển xã hội, các chính sách hỗ trợ nông dân, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội,... làm cho đời sống của nhân dân nói chung, nông dân nói riêng, nhất là những nông dân vùng sâu, vùng xa ngày càng được quan tâm, cải thiện, nâng cao thu nhập, phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững. Lợi ích của nông dân được thực hiện theo nguyên tắc "có làm có hưởng", "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" và hình thức phân phối thu nhập đa dạng (theo lao động, theo phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể và theo vốn, tài sản đóng góp...) bảo đảm sự phân phối thu nhập, lợi nhuận công bằng, bình đẳng và phù hợp đối với mức độ đóng góp, cống hiến khác nhau của từng chủ thể. Từ đó, bảo đảm sự thụ hưởng công bằng, bình đẳng và thỏa đáng cho chủ thể nông dân và các chủ thể khác. Điều đó sẽ khích lệ chủ thể nông dân có thái độ tích cực trong quá trình sản xuất góp phần đưa năng suất lao động lên cao và thúc đẩy sản xuất NNST phát triển.

Trên cơ sở những kết quả đạt được từ việc xây dựng NNST, chủ thể nông dân được phân phối và thụ hưởng chính những thành quả đó. Cụ thể:

Thứ nhất, nông dân được phân phối và thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên. Phương thức sản xuất NNST sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống, điều đó đồng nghĩa với việc nông dân sẽ được thụ hưởng thu nhập cao hơn và họ có điều kiện vật chất để cải thiện đời sống tinh thần của chính mình cũng như các thành viên trong gia đình.

Thứ hai, nông dân được thụ hưởng môi trường sống, làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn. Việc cắt giảm lượng

phân bón hóa học, thuốc trừ sâu hóa học, thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật... tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc phòng trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, thức ăn vi sinh trong sản xuất NNST, không chỉ đưa tới việc nông dân được cải thiện môi trường sống, môi trường làm việc; mà còn tạo ra sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vệ sinh, an toàn thực phẩm, tăng thu nhập, lợi nhuận.

Thứ ba, nông dân được thu hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Đây là một trong những điều kiện vô cùng quan trọng giúp nông dân phát huy được vai trò chủ thể của mình trong mọi mặt của đời sống xã hội. Người nông dân chỉ thực sự làm chủ khi có đủ trình độ, tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực quản trị, khả năng tiếp cận thị trường, KHCN... Đây là thành quả được thụ hưởng có tính chất quyết định, bền vững tác động trở lại đối với sự phát triển xã hội bởi khi được trang bị đầy đủ tri thức giúp chủ thể nông dân thay đổi tư duy, đối diện với khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích cho bản thân mình và xã hội.

2.2.3. Phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là những cách thức con người sử dụng để hỗ trợ, khuyến khích, động viên chủ thể nông dân phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mình trong sản xuất NNST đem đến sự phát triển bền vững cho xã hội. Ở Việt Nam, trong điều kiện hiện nay, phương thức chủ yếu phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, gồm:

Truyền thông, tuyên truyền, vận động, thuyết phục: Truyền thông là quá trình truyền tải thông tin, ý kiến, tin tức,... giữa các cá nhân, tổ chức hoặc công chúng nhằm giao tiếp, kết nối, tăng sự hiểu biết và nhận thức. Mục đích cơ bản của truyền thông là truyền tải thông tin từ nguồn thông tin đến người nhận. *Tuyên truyền* là

hoạt động truyền bá những kiến thức, kinh nghiệm, tác động vào các đối tượng trong xã hội nhằm chuyển biến và nâng cao về nhận thức, hình thành niềm tin, bồi dưỡng và xây dựng tình cảm, ý chí, cổ vũ và thôi thúc yêu cầu, nhiệm vụ tuyên truyền đặt ra. *Vận động* là tuyên truyền, giải thích, động viên làm cho người khác tự nguyện làm theo việc cụ thể hoặc phong trào nào đó. Còn *thuyết phục*: là dùng lý lẽ, các luận cứ, luận chứng để hình thành ở đối tượng tuyên truyền một suy nghĩ mới, lập trường mới, có thể thay đổi quan điểm hoặc hành vi của họ về vấn đề nào đó. Đây là một phương pháp quan trọng của hoạt động tuyên truyền. Phương pháp này có thể tiến hành tuyên truyền cá biệt hoặc tuyên truyền trước đám đông, tuyên truyền theo nhóm, có thể thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp.

Truyền thông, tuyên truyền, vận động, thuyết phục được thực hiện thông qua nhiều cách khác nhau, trong đó, có sử dụng các phương tiện thông tin (báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, mạng Internet...); tuyên truyền miệng, sân khấu hóa, điện ảnh Mục tiêu cuối cùng của truyền thông, tuyên truyền, vận động, thuyết phục không chỉ dừng lại thay đổi suy nghĩ hay thái độ của đối tượng, mà còn phải tạo thành hành động phù hợp trong cuộc sống thực tiễn của họ.

Giáo dục: được hiểu là dạy dỗ, chỉ bảo, truyền đạt những kiến thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết hoặc làm thay đổi hành vi từ có hại sang có lợi, từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, biết sâu, rộng về một vấn đề nào đó. Phương pháp giáo dục diễn ra theo hướng tương tác hai chiều giữa người dạy và người học, qua đó họ có thể trao đổi thông tin, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng và có thể học hỏi lẫn nhau. Phương pháp giáo dục có thể thực hiện được cả trong gia đình, nhà trường, các cơ sở đào tạo, các tổ chức và toàn xã hội.

Kinh tế: là cách thức của chủ thể quản lý dùng để tác động lên đối tượng bị quản lý bằng các chính sách kinh tế như: chính sách ưu đãi, hỗ trợ giá cả, tín dụng, tài chính, thuế, thưởng phạt,... nhằm hướng dẫn, kích thích, động viên và điều chỉnh các hành vi của những đối tượng tham gia quá trình kinh tế và sản xuất kinh doanh theo một mục tiêu nhất định.

Nêu gương: là phương pháp sử dụng những người nổi tiếng, người có uy tín, gương điển hình làm hình mẫu về cách thức sản xuất tiên tiến, làm ăn hiệu quả từ các mô hình sản xuất NNST để tác động đến đối tượng được tuyên truyền, giúp họ thay đổi tư duy, cách thức sản xuất cũ, hình thành cách thức sản xuất mới, tiên tiến thân thiện với môi trường... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Một trăm bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sáng” [87, tr.84]. Vì vậy, việc nêu gương sẽ là phương pháp gần gũi nhất, tác động trực tiếp để chủ thể nông dân chuyển đổi tư duy và tổ chức sản xuất NNST theo gương điển hình tiên tiến. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên nêu gương trong việc thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NNST sẽ lôi kéo mọi người dân làm theo, từ đó hiệu quả thực thi các chính sách về NNST sẽ tốt hơn.

Kiểm tra, giám sát: Theo Từ điển Tiếng Việt thì *kiểm tra* là hoạt động xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét. Còn *giám sát* là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động, thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc và hướng hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, đảm bảo cho pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh. Hình thức kiểm tra, giám sát chủ yếu do các cơ quan trong HTCT và những người được giao nhiệm vụ đảm nhiệm khi triển khai, thực thi các chính sách, chương trình, kế hoạch về xây dựng NNST sẽ phải thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát xem các chủ thể thuộc đối tượng phạm vi điều chỉnh có tuân thủ theo đúng mục tiêu đã đề ra hay không, đồng thời xác định những vấn đề khó khăn vướng mắc phát sinh khi thực hiện chính sách để có những đề xuất điều chỉnh chính sách cho phù hợp và đạt hiệu quả cao hơn trong thực tiễn.

2.3. Những yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông

dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái hiện nay

2.3.1. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Việc xây dựng nền nông nghiệp ở nước ta theo hướng sinh thái và vai trò chủ thể của nông dân có được phát huy hay không phần lớn phụ thuộc vào việc đề ra các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và hoạt động của HTCT từ Trung ương đến địa phương cũng như các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc triển khai, thực hiện chủ trương, chính sách đó. Các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung là cơ sở pháp lý để hướng dẫn, khuyến khích, động viên mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là chủ thể nông dân phát huy vai trò của mình trong tổ chức sản xuất NNST, xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Nhận thức được vai trò của NNST đối với sự phát triển bền vững của nông thôn nói riêng, của đất nước nói chung, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến vấn đề này và trong các nghị quyết đều khẳng định nhiệm vụ phải đẩy mạnh xây dựng một nền NNST, hiện đại, như Nghị quyết số 26/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) *về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, văn kiện Đại hội XII, XIII của Đảng. Đặc biệt, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 *về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* nhấn mạnh: “Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo” [35]. Chủ trương này được cụ thể hóa trong Quyết định

số 150/QĐ-TTg Phê duyệt *Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050* của Chính phủ để triển khai trong thực tiễn. Như vậy, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước sẽ tác động, thúc đẩy nền nông nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng NNST, cho phép đa dạng hóa sản phẩm, vừa đảm bảo tăng trưởng, vừa bảo vệ được các tài nguyên tự nhiên như đất, nước, rừng, đa dạng sinh học, giúp thích ứng và giảm thiểu BĐKH, phát triển bền vững.

Cùng với chủ trương nêu trên, Đảng, Nhà nước ta luôn khẳng định vai trò quan trọng của chủ thể nông dân trong xây dựng NNST và phát triển nông thôn bền vững. Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh: “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM... Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình NNST, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh” [34, tr 166-167]. Muốn xây dựng được nền NNST, phải huy động và phát huy được mọi nguồn lực của nông dân tham gia vào quá trình chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang mô hình NNST. Nghị quyết số 19-NQ/TW của Đảng cũng khẳng định: nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp. Để nông dân phát huy được vai trò chủ thể của mình, cần chú trọng nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân theo hướng phát triển toàn diện, văn minh [35]. Bên cạnh đó, cần sự phối hợp của HTCT các cấp, các doanh nghiệp, HTX, các tổ chức xã hội nghề nghiệp... để hiện thực hóa các chủ trương chính sách Đảng vào cuộc sống.

2.3.2. Điều kiện địa lý - tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa - truyền thống

Điều kiện địa lý - tự nhiên: có ảnh hưởng nhất định đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Với đặc trưng của địa hình, thời tiết

khí hậu, sông ngòi, đất đai thổ nhưỡng... sẽ hình thành tập quán canh tác; sự phân bố dân cư, mật độ dân cư, hình thành nên các địa bàn nơi dân cư sinh sống (vùng núi, vùng cao, vùng đồng bằng, thành thị hay vùng sâu, vùng xa...). Những khu vực địa hình bằng phẳng, thuận tiện về giao thông cùng hạ tầng thông tin phát triển, việc triển khai các chủ trương, chính sách cũng như truyền thông về lợi ích của NNST đến với chủ thể nông dân sẽ dễ dàng hơn, nông dân cũng có điều kiện tốt hơn trong việc tiếp cận thông tin, nâng cao hiểu biết, trình độ để thay đổi tư duy và tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái. Ngược lại khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt, hạ tầng thông tin yếu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Thông tin đến với người dân chậm, chủ thể nông dân không có các điều kiện tiếp cận những tri thức canh tác mới thì việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất NNST cũng gặp khó khăn.

Điều kiện kinh tế - xã hội: Việc xây dựng nền NNST và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST cũng phụ thuộc vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là mối quan hệ có tác động qua lại lẫn nhau. Ở đâu trình độ kinh tế - xã hội phát triển sẽ tập trung được nguồn lực cho phát triển NNST một cách dễ dàng hơn. Kinh tế càng phát triển sẽ tạo điều kiện cho chủ thể nông dân có trình độ cao hơn, cơ sở hạ tầng của xã hội ngày càng phát triển hoàn thiện sẽ bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền của chủ thể nông dân trong việc tham gia bàn bạc, quyết định những chủ trương, chính sách liên quan đến xây dựng NNST. Khi nền NNST được thiết lập lại tạo điều kiện để cho kinh tế - xã hội ở đó phát triển, tạo nên sự phát triển toàn diện, bền vững cho hôm nay và thế hệ mai sau. Ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa của nước ta hiện nay điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, đây cũng được xem là một trong những yếu tố cản trở quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; đòi hỏi các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương phải nhận thức được những khó

khăn, rào cản để đưa ra những cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát huy được cao nhất sự tham gia của chủ thể nông dân vào sản xuất NNST tại các địa bàn đó.

Điều kiện văn hóa - truyền thống: truyền thống văn hóa cùng với thổ nhưỡng, khí hậu và phương thức canh tác độc đáo trong nông nghiệp tạo nên những sản phẩm đặc trưng của các vùng miền. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy chủ thể nông dân chuyển đổi tư duy sản xuất, tích hợp giá trị văn hóa truyền thống của địa phương vào sản phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm và có điều kiện thuận lợi phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm trong nông nghiệp đem đến cuộc sống tốt hơn cho gia đình mình và cộng đồng. Đối với vùng Tây Bắc nước ta, những thiết chế văn hóa cũ, phương thức canh tác lạc hậu khó thay đổi ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa như tập quán canh tác du canh du cư, độc canh trên đất dốc, đốt nương rẫy... của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng được xem là những rào cản tác động không nhỏ đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Vì vậy, việc tuyên truyền để thay đổi nhận thức, tập quán, thói quen hình thành cách thức sản xuất mới cho đồng bào cần được quan tâm, lưu ý.

2.3.3. Quá trình hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, chuyển giao khoa học công nghệ

Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu và rộng hơn, việc đang đàm phán, ký kết, thực thi gần 20 hiệp định thương mại tự do (FTA), mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản trọng điểm, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA), trao đổi kinh nghiệm xây dựng và chuyển giao công nghệ, vv..., sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình tiếp cận nền khoa học tiên tiến, trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế hiện đại, để nông sản Việt Nam sẽ có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào thị trường nông sản khu vực và thế giới. Do đó, “vị thế của ngành nông nghiệp chắc chắn sẽ được nâng cao hơn nhờ có thêm cơ hội tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu. Chất lượng nông sản sẽ chinh phục và mở

rộng thị trường, ở đó chứa đựng hình hài, tâm vóc và vị thế của văn hóa Việt Nam, chứa đựng sức mạnh nội tại của dân tộc Việt Nam” [151].

Quá trình hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, chuyển giao KHCN có tác động không nhỏ đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở nước ta. Chủ thể nông dân sẽ hưởng lợi nhiều hơn trước từ việc được tiếp thu, chuyển giao KHCN trong sản xuất, các bí quyết công nghệ sinh học để tạo lập ra nhiều loại giống mới, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu nóng ẩm, gió mùa ở nước ta nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống người nông dân. Việc đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường thế giới với lãi suất cao hơn và số lượng lớn hơn sẽ khuyến khích chủ thể nông dân mở rộng sản xuất, đầu tư vốn liếng, đổi mới công nghệ sản xuất, chế biến nông sản sau thu hoạch từ đó từng bước hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm do mình làm ra. Mặt khác, dưới sức ép của những mặt hàng nhập khẩu mạnh mẽ từ các thị trường bên ngoài vào Việt Nam mà chủ thể nông dân nước ta và các doanh nghiệp kinh doanh chế biến nông sản buộc phải không ngừng phấn đấu vươn lên để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Như vậy, sẽ dần hình thành thế hệ những người nông dân mới, nông dân của thời cách mạng công nghiệp 4.0. Họ có đủ trí tuệ và phẩm chất để kiến tạo nên một nền nông nghiệp mới - NNST, với vai trò trụ cột thuộc về HTX, doanh nghiệp nông nghiệp, hiệp hội, ngành hàng do họ làm chủ.

Tuy nhiên, quá trình mở rộng hợp tác quốc tế cũng sẽ tạo ra không ít khó khăn, khi mà đa số chủ thể nông dân nước ta trình độ học vấn, trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật còn thấp, năng lực tư duy kinh tế, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế, tập quán sản xuất nông nghiệp lạc hậu và những thói quen tùy tiện, đại khái, còn thiếu hiểu biết về những quy định, qui tắc, các chế tài pháp lý trong môi trường cạnh tranh toàn cầu, còn thiếu thông tin thiết yếu về thị trường, về quyền sở hữu trí tuệ, về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, về thương hiệu, nhãn mác của sản phẩm...Điều

đó đặt ra những thách thức lớn đối với người nông dân hiện nay, cũng như đối với các cấp, các ngành có liên quan trong việc thúc đẩy chủ thể nông dân tích cực nỗ lực vươn lên nắm bắt cơ hội để hoàn thiện mình.

2.3.4. Quá trình phát huy dân chủ ở cơ sở trong sản xuất nông nghiệp sinh thái

Một trong những yếu tố có vai trò quyết định đến hiệu quả và sự lan tỏa của mô hình NNST chính là việc phát huy dân chủ ở cơ sở. Dân chủ ở cơ sở là nền tảng để người dân, đặc biệt là nông dân - chủ thể trung tâm trong sản xuất nông nghiệp - được tham gia đầy đủ vào quá trình xây dựng, quyết định và giám sát các hoạt động có liên quan trực tiếp đến sinh kế và môi trường sống của họ.

Việc phát huy dân chủ giúp nông dân có cơ hội tham gia vào quá trình lập kế hoạch, thiết kế và triển khai các mô hình NNST ngay từ đầu. Thay vì tiếp nhận một cách thụ động các chính sách hay mô hình áp đặt từ trên xuống, nông dân được quyền nêu ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm và lựa chọn những hình thức canh tác phù hợp nhất với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội và kinh tế của địa phương. Điều này tạo ra sự linh hoạt và hiệu quả trong quá trình áp dụng các phương pháp canh tác thân thiện với môi trường như trồng trọt hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn, sử dụng chế phẩm sinh học, bảo tồn giống bản địa và bảo vệ đa dạng sinh học.

Phát huy dân chủ ở cơ sở góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong phân bổ nguồn lực sản xuất như đất đai, vốn hỗ trợ, vật tư nông nghiệp. Các quyết định được đưa ra thông qua quá trình bàn bạc sẽ hạn chế tình trạng thiên vị, phân bổ không công bằng hay lãng phí tài nguyên. Đồng thời, việc giám sát của cộng đồng sẽ giúp nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, chính quyền các cấp trong việc thực hiện các chương trình phát triển NNST.

Dân chủ thúc đẩy tinh thần tự chủ, sáng tạo và đoàn kết trong sản xuất. Khi được tin tưởng và trao quyền, nông dân sẽ chủ động tìm tòi, học hỏi và phát triển các sáng kiến sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể. Từ đây, nhiều mô hình NNST

mang tính bản địa đã ra đời như ruộng bậc thang canh tác hữu cơ, vườn rừng truyền thống, hay mô hình “3 sạch”. Điều này tạo điều kiện hình thành các tổ nhóm sản xuất, hợp tác xã NNST - vốn là nền tảng quan trọng để liên kết chuỗi giá trị, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao thu nhập cho nông dân. Ngoài ra việc phát huy dân chủ ở cơ sở còn giúp củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận và gắn kết trong cộng đồng.

Tuy nhiên, trong điều kiện nhận thức và trình độ của nông dân, đặc biệt là đồng bào DTTS còn thấp, nếu không được tổ chức và định hướng đúng cách sẽ phát sinh những hạn chế nhất định. Một trong những hạn chế dễ gặp nhất là việc “dân chủ hình thức”, tức là chỉ thực hiện các quy trình lấy ý kiến, họp dân để đối phó, không thực sự lắng nghe và tiếp thu ý kiến của người dân dẫn đến tâm lý chán nản, thiếu niềm tin của người dân đối với chính quyền và mô hình NNST. Ngoài ra, nếu không có sự dẫn dắt và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp, việc trao quyền trong khi người dân thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm về NNST cũng có thể gây ra những lựa chọn sai lầm, không hiệu quả về mặt kỹ thuật và kinh tế. Ví dụ, một số nơi nông dân tự phát triển mô hình sản xuất mà không hiểu rõ nguyên lý sinh thái, dẫn đến phá vỡ cân bằng tự nhiên, gây suy thoái đất hoặc lây lan dịch bệnh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về công tác tập huấn, truyền thông và hỗ trợ chuyên môn từ các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và các chuyên gia.

Một nguy cơ nữa là sự bất đồng trong nội bộ cộng đồng khi các ý kiến khác nhau không giải quyết thỏa đáng. Dân chủ nếu không đi kèm với đối thoại cởi mở, tôn trọng lẫn nhau và cơ chế đồng thuận thì rất dễ dẫn đến tranh cãi, chia rẽ trong cộng đồng - điều đặc biệt nguy hiểm trong các xã vùng cao, vùng DTTS nơi vốn có sự đa dạng về văn hóa và lối sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, mô hình NNST - vốn cần sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các hộ dân - sẽ khó có thể thành công. Đây là một công cụ quan trọng để huy động trí tuệ cộng đồng, tăng tính chủ động, nâng cao hiệu quả và bền vững của mô hình. Tuy nhiên, để phát huy tối đa những mặt tích cực và hạn chế các hệ quả tiêu cực, cần có sự kết hợp hài hòa giữa trao quyền,

nâng cao năng lực, tăng cường giám sát và định hướng đúng đắn từ phía Nhà nước và các tổ chức liên quan.

2.3.5. Tâm lý, ý thức, trình độ của nông dân

Có thể thấy, các yếu tố tác động nêu trên là những yếu tố khách quan quan trọng tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, song yếu tố chủ quan từ phía nông dân như nhận thức, tư duy, tâm lý, ý thức, trình độ của bản thân người nông dân có thể coi là nhân tố quyết định việc hiện thực hóa mục tiêu NNST ở nước ta.

Người nông dân Việt Nam từ xa xưa với phương thức sản xuất nông nghiệp lạc hậu, điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi lại thường xuyên bị kẻ thù xâm lược đã hun đúc cho họ tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, cố kết cộng đồng làng xã để chống chọi với thiên tai, địch họa, tính cần cù, siêng năng trong lao động sản xuất. Đây được xem là cơ sở nền tảng, nguồn nội lực cho việc xây dựng nền NNST bền vững ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nền kinh tế tiểu nông đã tồn tại hàng ngàn năm cùng với chế độ phong kiến và văn hoá làng xã đã hình thành tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ của chủ thể nông dân với những biểu hiện như tâm lý thu vén cá nhân, tư lợi, chỉ lo việc của cá nhân mình theo kiểu “đền nhà ai nhà ấy rạng”, “việc ai người ấy lo”; làm nấy sinh và nuôi dưỡng tư duy manh mún, nhỏ lẻ, “chỉ thấy lợi trước mắt, không thấy lợi lâu dài, chỉ thấy lợi ích cá nhân, không thấy lợi ích tập thể” [91; tr16]; tâm lý tùy tiện vô nguyên tắc, thích thì làm, không thích thì nghỉ, hành động theo ý muốn cá nhân, không dựa trên những nguyên tắc, kỷ luật chung... Tâm lý trông chờ, ỷ lại cùng với trình độ hạn chế đã hình thành tư tưởng thụ động của người nông dân. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân, sẽ cản trở ý chí vươn lên của chủ thể nông dân vì họ ~~luôn~~ bảo thủ, bằng lòng với những gì mình có, không dám phá bỏ cái cũ để đón nhận cái mới tiến bộ hơn, vươn lên làm giàu chính đáng.

Trong giai đoạn hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với yêu cầu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường, tâm lý của người nông dân đã có những thay đổi tích cực về nhận thức, tầm nhìn, năng lực, ý chí vươn lên hình thành trạng thái tâm lý mới tích cực, chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Tâm lý của người tiểu nông sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc đã và đang chuyển thành tâm lý của người nông dân sản xuất hàng hóa cho thị trường [7, tr.41]. Hơn nữa, trình độ học vấn, tay nghề, trình độ ứng dụng KHCN của nông dân ngày càng được nâng cao. Chủ thể nông dân đã vươn lên lĩnh hội tri thức dân hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp có trình độ, kỹ năng sản xuất và quản lý, có khả năng áp dụng các tiến bộ KHCN vào sản xuất, năng động tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu của thị trường. Xây dựng, đào tạo được đội ngũ nông dân chuyên nghiệp có trình độ, tay nghề cao là một trong những yếu tố căn bản và bền vững cho việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp cũ, lạc hậu sang sản xuất NNST, sẽ tạo môi trường thuận lợi, là cú hích để nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình quá trình xây dựng NNST.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã làm rõ cơ sở lý luận của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, bao gồm: (1) Các khái niệm về chủ thể, chủ thể nông dân, NNST, xây dựng NNST, vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (2) Chủ thể, nội dung và phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế NNST, đổi mới sáng tạo, ứng dụng KHCN xây dựng NNST; trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST; trong thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; (3) Đồng thời ở chương này cũng chỉ ra và phân tích những yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Những yếu tố này vừa tạo ra điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân nhưng đồng thời cũng tạo ra những trở lực không nhỏ buộc chủ

thể nông dân và các chủ thể khác phải tìm cách khắc phục để đạt được mục tiêu xây dựng một nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững.

Chương 3

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát vùng Tây Bắc và đặc điểm nông dân Tây Bắc

3.1.1. Khái quát vùng Tây Bắc

3.1.1.1. Về điều kiện tự nhiên

Vùng Tây Bắc bao gồm các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu. Tây Bắc là vùng có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, có địa hình đồi núi cao giáp với hai nước là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Đặc điểm địa hình Tây Bắc gồm nhiều khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam có thể chia thành 3 dạng địa hình phổ biến là vùng đồi núi cao, vùng đồi núi thấp và thung lũng, vùng cao nguyên đá vôi..., đời sống của người dân nơi đây cũng gắn liền với các đỉnh núi cao, hiểm trở và các sườn núi dốc, tạo nên một nét đặc trưng văn hóa nông nghiệp chạy dọc các sườn đồi núi cao lên đến đỉnh.

Cũng do đặc điểm địa hình phức tạp như vậy, nên nền khí hậu chung của tiểu vùng Tây Bắc cũng rất đa dạng, phong phú, do có dãy núi cao Hoàng Liên Sơn chắn gió, nên nền nhiệt chung của vùng Tây Bắc luôn cao hơn vùng Đông bắc khoảng 2 đến 3°C. Ngoài ra, một phần Tây bắc đón lượng mưa lớn trong năm trong khi nửa kia lại chịu ảnh hưởng của gió Lào đặc biệt là ở các thung lũng. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân tại đây bởi đặc thù của sản xuất nông nghiệp luôn chịu ảnh hưởng của khí hậu, thời tiết.

Theo số liệu thống kê hiện nay “Tây Bắc có diện tích tự nhiên rộng với khoảng 3.741.263 ha, chiếm 11,3% diện tích cả nước, cơ cấu dân số ở vùng nông thôn chiếm khoảng trên 80%, thành thị khoảng gần 20% [1]. Diện tích đất nông nghiệp

của Tây Bắc cũng chiếm phần lớn diện tích của vùng. Đây là một lợi thế cho việc phát triển nông nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng.

Nhìn chung, địa hình và khí hậu tiểu vùng Tây Bắc có những điểm đặc thù: có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với mùa hè nóng ẩm và mùa đông lạnh, địa hình đồi núi phức tạp ảnh hưởng đến việc canh tác và chăn nuôi, đòi hỏi nông dân phải thích nghi với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Vì vậy, trong hoạch định chính sách, các cấp các ngành ở địa phương cần nghiên cứu kỹ để phát huy thế mạnh, hạn chế những tác động tiêu cực từ địa hình, khí hậu để quy hoạch, lựa chọn mô hình sản xuất NNST phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương mình qua đó phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân đồng thời dựng cơ sở vật chất vững chắc hướng tới sự phát triển bền vững.

3.1.1.2. Về điều kiện kinh tế - xã hội

Tây Bắc được xem là cửa ngõ phía Tây của Việt Nam, có đường biên giới kéo dài giáp với hai nước Lào và Trung Quốc. Tây Bắc có nhiều tiềm năng to lớn, nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, khai thác thủy điện và phát triển các khu du lịch sinh thái, điều này tác động tích cực đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc.

Trong những năm gần đây, bức tranh toàn cảnh kinh tế vùng Tây Bắc đã có nhiều khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tiểu vùng cơ bản tăng. Cụ thể: Điện Biên là tỉnh có bước tăng trưởng mạnh so với năm 2022. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên (GRDP) năm 2024 ước đạt 16.263,22 tỷ đồng, tăng khoảng 8,51% so với năm 2023. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 4,06%; công nghiệp - xây dựng tăng 0,66%; dịch vụ tăng 13,08% [23]. Sơn La trong những năm gần đây có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, do tận dụng được thế mạnh của vùng miền về địa hình, khí hậu thích hợp để phát triển nông nghiệp, du lịch, thủy điện do đó GRDP bình quân trên đầu người năm 2024 đạt 57,6 triệu

đồng/người/năm (tăng 5,9 triệu đồng so với năm 2023). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 theo giá so sánh năm 2010 ước đạt 36.274.729 triệu đồng tăng 6,3% so với năm 2023 [25]. Riêng tỉnh Hòa Bình, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 ước đạt 36.449.087 tỷ đồng, tăng 8,96%. Trong đó: Khu vực nông lâm thủy sản tăng 3,25 %; GRDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 81 triệu đồng/người/năm [24].

Như vậy, có thể thấy, tốc độ tăng trưởng GRDP tại các tỉnh Tây Bắc so với các năm trước có nhiều khởi sắc, cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đời sống của bà con nhân dân ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện cho các cấp lãnh đạo, chính quyền tại các tỉnh tiến tới đẩy mạnh triển khai thực hiện mục tiêu xây dựng NNST.

3.1.1.3. Về điều kiện văn hóa

Vùng Tây Bắc là nơi cư trú của nhiều dân tộc, số lượng DTTS chiếm đại đa số cư dân của các tỉnh. Ở đây có đầy đủ các dân tộc thuộc 7 nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái Kadai, Môn-Khơ-me, H'Mông - Dao, Tạng - Miến. Chủ thể văn hóa vùng Tây bắc chính là dân tộc Thái. Các dân cư trú xen kẽ giữa các địa phương đã tạo nên sự phong phú, đa dạng trong văn hóa tộc người, thiết chế xã hội và sự chênh lệch về trình độ phát triển vùng.

Điện Biên có kho di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng đặc sắc, các di sản văn hóa vật thể gắn với điều kiện địa lý, tự nhiên, với đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân. Đó là các thửa ruộng bậc thang gắn với hệ thống nương - phai - lái - lín (hệ thống tưới tiêu nổi tiếng của dân tộc Thái và các dân tộc vùng Tây Bắc); không gian văn hóa của các bản làng nằm ở thung lũng ven núi, những mái nhà sàn cao ráo, thoáng mát được trang trí bởi khâu cút (biểu tượng trên nóc nhà đầu hồi cửa chính của người dân tộc Thái) đa dạng về kiểu dáng. Ở khu vực rẻo cao của huyện Điện Biên Đông, huyện Tuần Giáo, người H'Mông nổi bật với các nếp nhà trình tường có kiến trúc độc đáo bằng đất, phù hợp với điều kiện khí hậu vùng rẻo cao. Ở vùng biên giới giáp Lào, các bản của người Khơ Mú với các nếp nhà

nằm sát cạnh nhau. Mỗi nếp nhà, mỗi phong tục đã góp phần làm nên một Điện Biên giàu bản sắc văn hóa các tộc người.

Son La là vùng đất đặc biệt không chỉ có núi non hùng vĩ mà còn có những giá trị văn hóa riêng biệt tiêu biểu cho nền văn hóa của các DTTS vùng Tây Bắc Việt Nam. Được biết đến là nơi hội tụ của 12 dân tộc anh em, văn hóa Son La là sự hòa quyện của nhiều nền văn hóa khác nhau. Phong tục tập quán, lễ hội truyền thống ở Son La mang nét đặc sắc riêng của từng dân tộc. Nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc của 12 dân tộc anh em được lưu giữ và phát huy tốt như: Lễ hội Hoa Ban (người Thái), Pang A (dân tộc La Ha), Mường A Ma (dân tộc Xinh Mun), Lễ hội Xé Pang Á (người Kháng), v.v. Những năm gần đây, các địa phương tổ chức các ngày hội để quảng bá các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng như: Ngày hội nhãn (Sông Mã); Ngày hội hái quả Mận, ngày hội Trà (Mộc Châu), ngày hội xoài (Yên Châu), ngày hội cà phê (Mai Sơn)... Tất cả đã tạo nên một bức tranh văn hóa đa dạng, phong phú và đặc sắc, với nhiều điểm nhấn nổi bật, tô điểm cho mảnh đất Son La thêm giàu đẹp, giúp bà con nơi đây phát triển ngành du lịch bên cạnh nghề nông nghiệp là chủ yếu.

Hòa Bình là nơi có truyền thống văn hóa lâu đời gắn liền với nền “Văn hóa Hòa Bình” thời tiền sử. Hòa Bình gồm 7 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống, mỗi dân tộc có một sắc thái văn hóa riêng, tạo cho Hòa Bình sự phong phú, đa dạng về văn hóa, góp phần tạo nên những giá trị to lớn không chỉ của đất nước Việt Nam mà còn của cả thế giới. Hòa Bình với nhiều di tích lịch sử, di tích văn hóa, kiến trúc, ngành nghề truyền thống, lễ hội, phong tục tập quán, nghệ thuật dân gian của nhiều dân tộc trong tỉnh phong phú, đa dạng, độc đáo là những sản phẩm của nền “Văn hóa Hòa Bình”.

Bên cạnh đó, vùng Tây Bắc có truyền thống văn hóa ẩm thực rất phong phú gắn liền hoạt động sản xuất của họ với tạo nên nét đặc sắc riêng của vùng. Người Thái, Khơ Mú, Xinh Mun... ưa dùng đồ nếp. Người Thái có rất nhiều món ăn đặc sắc như nậm, pịa, mọc, lạp và làm nhiều loại bánh từ đồ nếp. Người H'Mông dùng

thức ăn đặc trưng từ tinh bột ngô được chế biến thành món mền mền và thức ăn từ đạm là món thắng cố. Ngoài ra còn có nhiều món đặc trưng khác của vùng như: canh da trâu, chẳm chéo, cơm lam nấu trong ống tre, rượu sâu chít hay các loại quả theo mùa...

Những đặc điểm văn hóa truyền thống đa dạng, phong phú, giàu bản sắc của các tỉnh vùng Tây Bắc sẽ là lợi thế cho việc gắn kết sản xuất NNST với phát triển du lịch văn hóa đem lại cuộc sống tốt hơn cho người dân.

3.1.2. Đặc điểm nông dân Tây Bắc

Thứ nhất, thành phần chủ yếu của nông dân Tây Bắc là người các DTTS tạo nên sự đa dạng về truyền thống văn hóa nhưng luôn đoàn kết, hòa thuận, gắn bó với nhau.

Tây Bắc là vùng có điểm đặc biệt là các DTTS mới là người chiếm đa số cư dân trong vùng chứ không phải người Kinh. Chính vì vậy, những người nông dân ở đây chủ yếu là người DTTS. Điều đó tạo thành đặc điểm riêng biệt của nông dân vùng Tây Bắc từ truyền thống văn hóa, tập quán canh tác đến trình độ và đời sống kinh tế. Trong đó, Sơn La có 1.300.100 người, tổng số hộ là 289,516 hộ. Sơn La là tỉnh đông dân nhất vùng Tây Bắc với 16,6% dân số sống ở thành thị và 83,4% dân số sống ở nông thôn. Sơn La có tổng cộng 12 dân tộc anh em trong đó người Thái là nhiều nhất chiếm 53,72%; Kinh 16,38%; Hmông 15,71%; Mường 7,01%; Dao 1,73%; Xinh Mun 2,14%; Khơ Mú 1,28%; Lào 0,33%; Kháng 0,83%; La Ha 0,77%; Tày 0,06%; Hoa 0,01% [25]. Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 7 dân tộc cùng sinh sống (Mường, Dao, Thái, Tày, Mông, Kinh và Hoa), đông nhất là dân tộc Mường chiếm 63,3%; dân tộc Kinh chiếm 27,73%; dân tộc Thái chiếm 3,9%; dân tộc Dao chiếm 1,7%; dân tộc Tày chiếm 2,7%; dân tộc Mông chiếm 0,52% [24]; ngoài ra còn có dân tộc Hoa và các dân tộc khác sống rải rác ở các địa phương trong tỉnh. Điện Biên có số dân 635.920 người (năm 2024); trong đó, dân tộc Hmông có số lượng đông nhất (228.229 người, chiếm 38,1%), tiếp đến là dân tộc Thái

(213.714 người, chiếm 35,7%), dân tộc Kinh có số dân đứng thứ ba (104.061 người, chiếm 17,4%) [23]. 19 dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn tỉnh luôn đoàn kết, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Điện Biên là nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em nên nền văn hoá cũng có những nét riêng biệt, đặc sắc bởi nó là sự giao lưu tiếp biến của nhiều dân tộc khác nhau.

Có thể nói, nông dân ở các tỉnh vùng Tây Bắc có đặc điểm riêng là nơi sinh sống hội tụ của nhiều DTTS trên cả nước như Thái, Mường, H'Mông, Tày, Dao... các dân tộc phân bố không đều trên địa bàn các tỉnh do phong tục, tập quán và đời sống kinh tế tạo nên đặc điểm này. Tuy nhiên, các dân tộc anh em trên địa bàn Tây Bắc luôn đoàn kết, nỗ lực cùng nhau cố gắng, sống hoà thuận vừa có nét văn hoá riêng có của dân tộc mình vừa tạo nên một bức tranh đầy màu sắc với sự đan xen tiếp biến văn hoá giữa các dân tộc anh em sinh sống lâu đời với nhau trên cùng một vùng đất bình yên. Các làng bản ở Tây Bắc thường có tính cộng đồng cao, nơi người dân giúp đỡ lẫn nhau trong các công việc nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày. Tinh thần cộng đồng, tương thân tương ái rất cao, giúp họ vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Các lễ hội truyền thống, như lễ hội xuống đồng, cũng là dịp để cộng đồng gắn kết và chia sẻ niềm vui. Dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, những người nông dân từ các dân tộc cùng nhau phát triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp gắn với điều kiện đặc thù của địa phương mình nhằm hướng đến nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc vùng Tây Bắc.

Thứ hai, nông dân Tây Bắc có phương thức canh tác nông nghiệp gắn liền với địa bàn cư trú tạo nên nét đặc sắc riêng

Các dân tộc vùng Tây Bắc có sự phân chia địa bàn cư trú rõ rệt và gắn với đó là phương thức canh tác nông nghiệp đặc thù của từng khu vực. Mỗi vùng cư trú có đặc điểm văn hóa khác nhau phản ánh đặc trưng văn hóa tộc người.

Vùng thung lũng: gắn với vùng thung lũng và vùng thấp là nơi sinh sống chủ yếu của các dân tộc Kinh, Thái, Hoa, Mường, Lào, Lự, Sán chay... tạo thành nền văn hóa thung lũng, trong đó thiết chế xã hội bản mường là đặc trưng riêng của lịch

sử phát triển vùng Tây Bắc. Hoạt động sinh kế của các cư dân nơi đây gắn với điều kiện tự nhiên của vùng thung lũng nên rất thuận tiện cho việc canh tác lúa nước. Cho nên đặc trưng của hoạt động kinh tế thung lũng là canh tác lúa nước với một hệ phức hợp về kỹ thuật khác với kỹ thuật canh tác lúa nước ở vùng đồng bằng. Hệ thống thủy lợi vùng thung lũng mang nhiều nét độc đáo như hệ thống “mương, phai, lái, lin” ở người Thái hoặc đập, mương và hệ thống dẫn nước ở người Mường. Do chủ động tưới tiêu nên người Thái nuôi cá ngay trong mực nước của ruộng lúa. Gặt lúa xong là tháo nước bắt cá. Cá nuôi trong ruộng vừa ăn sâu bọ, cỏ dại, vừa sục bùn cho tốt lúa. Bên cạnh hình thức canh tác lúa nước còn có cả nương, cư dân tiến hành các hoạt động chăn nuôi, săn bắt, nuôi đánh cá, sản xuất thủ công nghiệp, thu nhặt lâm thổ sản tạo nên sự đa dạng, phong phú của hoạt động sinh kế nơi đây. Ở khu vực này, cư dân tập hợp lại thành các bản, các bản tập hợp lại thành mường với một thiết chế xã hội chặt chẽ. Trước đây, trong khu vực mường chủ yếu có một dân tộc sinh sống nhưng hiện nay có sự giao lưu xen kẽ với các dân tộc khác tạo nên sự đa dạng trong hoạt động quần cư của cư dân nơi đây. Người Mường đã tổng kết các đặc trưng của văn hóa thung lũng vùng Tây Bắc “Trâu đeo mõ, chó leo thang, củ mài, rau sắng, măng đắng, mật ong, com đồ nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lui, tháng tới”. [43, tr.105-106]

Vùng giữa: Gắn với vùng rẻo giữa là các dân tộc Dao, Pà Thẻn, Sán Dìu, Khơ Mú, Xinh Mun... Ở nơi đây hoạt động sinh kế chủ yếu của cư dân là canh tác nương rẫy thấp. Họ có nhiều kinh nghiệm trong khai thác nương rẫy như hình thức phát, đốt, chọc lỗ, tra hạt tuy nhiên, do năng suất thấp nên dẫn đến hiện tượng du canh, du cư. Với chính sách của Nhà nước về định canh, định cư nên cũng đã cơ bản hạn chế tình trạng du canh, du cư tạo nên những biến đổi rõ rệt trong đời sống của cư dân vùng giữa. [43, tr.107]

Vùng rẻo cao: Đây là nơi sinh sống của các H'Mông, La Chí, La Hủ, Si La, Cống... Các dân tộc này sống chủ yếu bằng hoạt động canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang. Mặc dù không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhưng cư dân rẻo cao

đã sáng tạo nên các hình thức kỹ thuật canh tác rất đa dạng, kết hợp canh tác khô và cạ. Họ tạo nên hệ thống ruộng bậc thang khá kỳ vĩ và là một trong những nét văn hóa đặc sắc vùng Tây Bắc. Ruộng bậc thang là một hình thức canh tác đặc trưng của cư dân vùng rẻo cao, được tạo ra để canh tác trên địa hình đồi núi dốc. Kỹ thuật này không chỉ giúp tối ưu hóa diện tích canh tác mà còn giảm thiểu xói mòn đất. Tuy nhiên, do địa hình hiểm trở và chia cắt, thường xuyên bị thiên tai, cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, việc tiếp cận các dịch vụ để phát triển kinh tế khó khăn dẫn đến đời sống cư dân nơi đây có sự chênh lệch khá lớn so với cư dân vùng giữa và thung lũng. [43, tr.108].

Như vậy, có thể thấy, nông dân Tây Bắc có các phương thức canh tác nông nghiệp đa dạng, phong phú và đặc sắc gắn liền với địa bàn cư trú của các dân tộc. Họ thường sử dụng các kỹ thuật canh tác truyền thống và áp dụng những kinh nghiệm dân gian trong việc trồng trọt và chăm sóc cây trồng, chăn nuôi. Nông dân Tây Bắc có nhiều kinh nghiệm và kiến thức truyền thống trong việc dự đoán thời tiết, chọn giống cây trồng, và bảo vệ mùa màng. Họ cũng sử dụng các biện pháp canh tác bền vững, ít tác động đến môi trường. Điều này tạo nên nét đặc trưng riêng của Tây Bắc. Đây cũng sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp tri thức bản địa từ phương thức canh tác truyền thống phù hợp của địa phương vào hiện thực hóa mục tiêu phát triển NNST ở Tây Bắc.

Thứ ba, trình độ nông dân Tây Bắc còn hạn chế, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn

Trình độ, kỹ năng quản lý quá trình sản xuất, ứng dụng KH-CN của nông dân Tây Bắc còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển NNST. Nhiều nông dân chưa đủ năng lực tìm hiểu nhu cầu của thị trường để lựa chọn mặt hàng, công nghệ sản xuất, chế biến mà chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm, thói quen, phong trào. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân, không đủ trình độ người nông dân khó có thể làm chủ quá trình sản xuất để vươn lên làm giàu cho chính bản thân mình cũng như tạo nên sự phát

triển của xã hội.

Đời sống kinh tế của nông dân Tây Bắc chủ yếu dựa vào hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi và khai thác lâm sản. Họ cũng tham gia vào các hoạt động phụ trợ như nghề thủ công truyền thống (dệt thổ cẩm, làm đồ gỗ) và buôn bán nhỏ lẻ tại các chợ phiên. Trong những năm trở lại đây, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Trung du và miền núi phía Bắc nói chung, kinh tế xã hội các tỉnh Tây Bắc nói riêng đã có nhiều khởi sắc, đời sống của bà con nông dân đã được cải thiện rất nhiều. Tuy nhiên, ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn, khu vực có đông đồng bào DTTS tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn vùng còn khá cao so với cả nước.

Tại Điện Biên, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh 30.327 hộ, tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) là 21,29%. Năm 2023 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra tình trạng thiếu đói giáp hạt với 11.625 hộ (54.985 khẩu). Số gạo hỗ trợ cứu đói giáp hạt 824,78 tấn [23]; Ở Sơn La tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 17,83% xuống còn 14,17%, tương đương 42.147 hộ, giảm 3,66% so với năm 2022 [25]. Còn tại Hòa Bình số hộ nghèo là 20.306 hộ, tỷ lệ 9,20%; hộ cận nghèo là 19.692 hộ, tỷ lệ 8,92% [24]. Tỷ lệ hộ nghèo các tỉnh Tây Bắc cao hơn nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của cả nước năm 2023 là 5,71%.

Đây được xem là một trong những khó khăn lớn đặt ra đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương. Bởi, khi đời sống của nông dân còn khó khăn, họ ít có điều kiện tiếp cận với kiến thức mới, với KHCN để nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý quá trình sản xuất. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay đối với công tác lãnh đạo chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là phải tập trung nguồn lực giúp nông dân thực hiện chuyển đổi sang mô hình sản xuất NNST để vừa tận dụng được lợi thế sẵn có của địa phương nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống cho người dân vừa đem lại sự phát triển bền vững cho xã hội.

3.2. Thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng

nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc và nguyên nhân

3.2.1. Thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay

3.2.1.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái - Thành tựu và hạn chế

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc tích cực tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST

Trong những năm qua, các tỉnh Tây Bắc đã tập trung triển khai các giải pháp, mục tiêu cụ thể nhằm đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng NNST bền vững, chất lượng. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương đều xác định muốn tạo sự bứt phá trong nông nghiệp, người nông dân phải là chủ thể, là trung tâm trong mọi hoạt động và phải thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST. Đây là một nội dung rất quan trọng bởi để hiện thực hóa mục tiêu NNST thì trước hết phải tạo được sự thay đổi trong tư duy cho đến hành động của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và chính chủ thể nông dân. Trên tinh thần đó, các cấp ủy đảng đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình hành động, đề án... về phát triển nông nghiệp trên địa bàn trong đó nhấn mạnh việc tuyên truyền thay đổi nhận thức cho nông dân về tư duy kinh tế NNST, chỉ đạo các cấp chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chủ trương chính sách để có sự điều chỉnh cho phù hợp. Thời gian qua, Tỉnh ủy các tỉnh Tây Bắc cũng đã ban hành một loạt các văn bản nhằm cụ thể hóa Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước tại địa phương như Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/1/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về *phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về *phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025*,

Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 09/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về *phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025...* Các chỉ thị, nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch đưa ra là cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương và các tổ chức triển khai thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, thay đổi tư duy sản xuất gắn với điều kiện thực tiễn, đặc thù của địa phương.

Theo kết quả khảo sát cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của 3 tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, khi đánh giá về mức độ cần thiết phải thực hiện chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST, đa số đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đều đánh giá “Rất cần thiết” và “Cần thiết” với 67,3% % đánh giá là “Rất cần thiết” và 29,3% đánh giá “Cần thiết” (Phụ lục 2.2-C6). Qua phỏng vấn một số lãnh đạo các tỉnh Tây Bắc: Ông C, lãnh đạo UBND tỉnh Sơn La cho biết: “Nội dung cốt lõi nhất trong việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp là chuyển từ mục tiêu sản lượng sang mục tiêu giá trị, bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm. Trước đây, coi trọng chỉ tiêu tăng diện tích, tăng năng suất để có sản lượng nông sản lớn trên một đơn vị canh tác hoặc lấy chỉ tiêu số lượng đầu gia súc, gia cầm, thì nay, vấn đề năng suất, sản lượng vẫn được chú trọng, nhưng giá trị thu được trên một héc-ta canh tác hoặc trên một đơn vị chăn nuôi mới là mục tiêu quan trọng nhất và đang được người nông dân quan tâm” [133]. Khi đánh giá nhận thức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về tư duy kinh tế NNST, kết quả là 91,3% người lựa chọn lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu; 94,7% lựa chọn tích hợp đa giá trị vào sản phẩm; 92% lựa chọn bán cái thị trường cần (Phụ lục 2.2-C8). Từ đó cho thấy, đã có sự thay đổi trong nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, quản lý về tư duy kinh tế NNST. Đây là điều kiện quan trọng cho việc thay đổi trong hành động, ban hành các văn bản chỉ đạo, tuyên truyền, vận động và tổ chức triển khai thực hiện, áp dụng tư duy kinh tế NNST vào thực tiễn để hiện thực hóa mục tiêu NNST tại địa phương.

Để giúp nông dân chuyển đổi tư duy sang kinh tế NNST và áp dụng

vào quá trình sản xuất tại địa phương, qua kết quả khảo sát với tỷ lệ lựa chọn cao các nội dung cho thấy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng đã chủ động, tích cực thực hiện những biện pháp từ tuyên truyền, vận động để thay đổi suy nghĩ, cách làm của nông dân đến tổ chức triển khai các hoạt động giúp nông dân áp dụng tư duy kinh tế NNST vào sản xuất (Phụ lục 2.2-C9). Bên cạnh đó, các tỉnh Tây Bắc đã có nhiều giải pháp nhằm thay đổi tư duy của nông dân, trong đó nổi bật là việc giúp nông dân sản xuất ra các sản phẩm theo nhu cầu, tiêu chuẩn của thị trường. Tỉnh ủy Hòa Bình đã điều chỉnh và lập mới hơn 19 quy hoạch phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng NTM. Mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp đã dần chuyển dịch theo hướng gia tăng giá trị, phát triển bền vững, từng bước gắn với thị trường đầu ra... Hòa Bình đã đạt được kết quả bước đầu trong triển khai Chương trình OCOP là một trong 3 tỉnh, thành phố đầu tiên của cả nước xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Hội Nông dân tỉnh đã thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để giúp nông dân chuyển đổi tư duy sang kinh tế NNST. Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Hội đã phối hợp tuyên truyền tư vấn, trợ giúp cho 21.700 lượt người về xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để đảm bảo các sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Phối hợp Bưu điện tỉnh tổ chức tập huấn về: Xúc tiến thương mại; cơ chế bán hàng cho cộng tác viên, đại lý các cấp Hội; đào tạo kỹ năng bán hàng cho 960 hội viên; hỗ trợ, hướng dẫn 1.200 hộ sản xuất kinh doanh giới tạo tài khoản giao dịch trên Sàn thương mại điện tử Posmart.vn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh ra ngoài tỉnh và các nước trên thế giới [10, tr.6].

Hai là, nông dân, doanh nghiệp, HTX đã có sự chuyển biến trong nhận thức về tư duy kinh tế NNST và áp dụng trong quá trình sản xuất NNST tại địa phương

Đa số nông dân, doanh nghiệp, HTX ở Tây Bắc đã nhận thấy việc

chuyển đổi sang tư duy kinh tế NNST là cần thiết đối với sự phát triển của một nền NNST hiện đại, bền vững với tỷ lệ lựa chọn “Rất cần thiết” 43,4% “Cần thiết” 43,9% (Phụ lục 2.1-C6). Và để chuyển đổi sang tư duy kinh tế NNST, chủ thể nông dân Tây Bắc đã chủ động, tích cực nắm bắt, trang bị cho mình những kiến thức, hiểu biết về tư duy kinh tế NNST và áp dụng vào các khâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: Có 89% nông dân tự tìm hiểu thông tin về tư duy kinh tế NNST trên các phương tiện thông tin đại chúng; 89,6% tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST; 88,5% tìm hiểu nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; 85,7% tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm; 85,7% chủ động giảm chi phí sản xuất hợp lý; 87,9% xem xét khả năng cạnh tranh và chủ động tìm kiếm khách hàng; 86,8% chủ động tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp (Phụ lục 2.1-C9).

Cùng với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, bản thân người nông dân đã phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc áp dụng tư duy kinh tế NNST vào hoạt động sản xuất của mình. Tại các xã, bản của Sơn La, người nông dân đã chủ động nắm bắt những tín hiệu của thị trường, ứng dụng công nghệ vào sản xuất; ý thức hợp tác được nâng lên khi tự nguyện liên kết thành HTX, ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp; mở rộng cơ hội phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, an toàn, chất lượng, có trách nhiệm và đủ sức cạnh tranh, xuất khẩu sản phẩm. Xã Phiêng Khoài là địa phương có diện tích trồng mận hậu lớn nhất huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tại đây, trong nhiều năm qua, HTX nông sản bản địa Noọng Piêu đã trở thành điểm sáng trong việc thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa lớn với 11 thành viên tham gia trên diện tích 46 ha trồng mận hậu, cho thu nhập từ 600-700 triệu đồng/ha. Mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch của anh Đặng Đình Thủy, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn,

tỉnh Sơn La được xem là điển hình trong việc thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế NNST. Toàn bộ diện tích cam đều được chăm sóc theo tiêu chuẩn VietGAP, theo hướng hữu cơ, hướng tới sự an toàn, chất lượng của sản phẩm đối với người tiêu dùng. Cùng với đó, là việc đẩy mạnh quảng bá sản phẩm và địa điểm, thời vụ, giá cả trên các nền tảng xã hội để du khách biết [139].

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở Tây Bắc còn một số hạn chế sau:

Một là, hiệu quả hoạt động thúc đẩy thay đổi tư duy sản xuất của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức cho nông dân chưa cao, chưa có chương trình, kế hoạch riêng để truyền thông về vấn đề này mà chủ yếu được đề cập lồng ghép trong các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch về phát triển nông nghiệp ở địa phương dẫn đến tư duy kinh tế NNST còn chưa phổ biến ở quy mô lớn, mới chỉ tập trung ở những nông dân có điều kiện tiếp cận thông tin và có sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, còn nông dân thuộc các DTTS ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chưa có sự chuyển biến đáng kể. Trong nhận thức về tư duy kinh tế NNST, theo kết quả khảo sát về sự cần thiết phải chuyển đổi tư duy sang kinh tế NNST tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn có 8,9 % nông dân rằng “Bình thường”, 2,8% “Không cần thiết” (Phụ lục 2.1-C6) và 2,7 % đội ngũ lãnh đạo quản lý cho rằng “Bình thường” (Phụ lục 2.2-C6).

Hai là, tư duy của chủ thể nông dân trong các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn vùng Tây Bắc hiện nay chủ yếu vẫn tập trung vào việc gia tăng sản lượng mà chưa chú trọng nhiều đến các yếu tố về an toàn thực phẩm, tính bền vững của hệ thống sản xuất, tính đa dạng sinh học, sức khỏe đất, sức khỏe cây trồng và nhiều khi còn chưa tập trung vào nâng cao chất lượng của sản phẩm. Vẫn có 83,5% nông dân cho rằng tư duy kinh tế NNST lấy sản lượng làm mục tiêu và 67,6% bán cái mình có (Phụ lục 2.1-C8) còn số liệu cụ thể khảo sát cán bộ lãnh đạo quản lý là

58% và 52,7% (Phụ lục 2.2-C8). Phần lớn bà con nông dân các tỉnh Tây Bắc hiện vẫn áp dụng phương thức canh tác truyền thống như: phá rừng, đốt nương làm rẫy, trồng độc canh..., thậm chí nông dân còn lạm dụng cả thuốc bảo vệ thực vật để thu dọn tàn dư trên đồng ruộng. Thói quen canh tác thâm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học của chủ thể nông dân khiến cho nguy cơ gây suy thoái môi trường gia tăng. Việc sản xuất theo các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt mặc dù đã được đẩy mạnh nhưng tỷ lệ áp dụng còn hạn chế do giá bán của các sản phẩm dán nhãn VietGAP, hữu cơ chưa tương xứng với đầu tư sản xuất theo các tiêu chuẩn này.

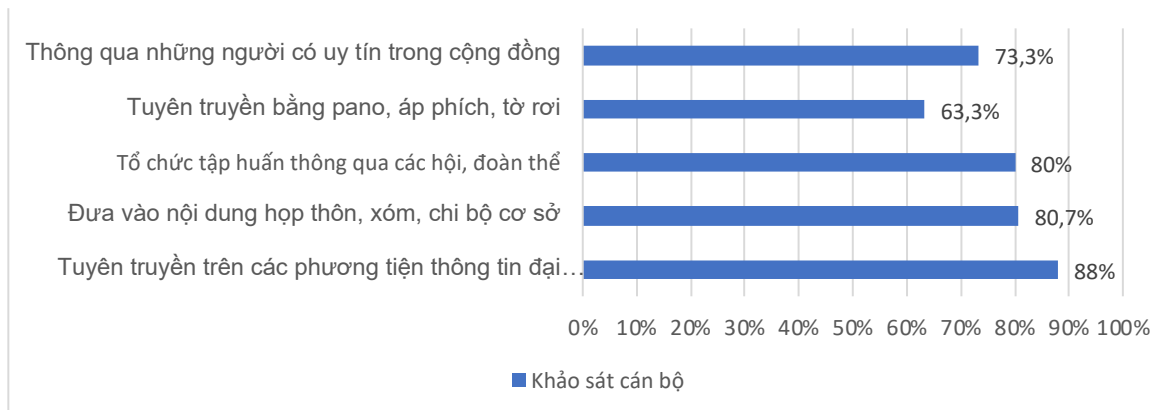
3.2.1.2 . Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng nông nghiệp sinh thái – Thành tựu và hạn chế

Thứ nhất, về tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất hiện thực hóa mục tiêu NNST

Một là, các cơ quan trong HTCT ở Tây Bắc và các tổ chức xã hội khác tích cực triển khai tuyên truyền, giáo dục, vận động nông dân lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất

Việc vận động, thúc đẩy chủ thể nông dân lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất từ phương thức sản xuất theo kiểu cũ, lạc hậu, hiệu quả thấp, ảnh hưởng đến môi trường sang mô hình NNST ở các tỉnh Tây Bắc là một trong những nhiệm vụ quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu NNST. Thời gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã quan tâm và quyết liệt triển khai thực hiện nội dung này thông qua các nghị quyết, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương. Các tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp, HTX về cách thức sản xuất theo phương thức mới; phổ biến các sáng kiến, cách làm hay, các mô hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản tiêu biểu. Đồng thời, triển khai các đề án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao; phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp gắn với chế biến, bảo vệ môi trường, phát triển lĩnh vực trồng trọt theo hướng an toàn và bền vững.

Đánh giá về mức độ thực hiện tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác cho nông dân, có 62% nông dân và 85% cán bộ đánh giá “Thường xuyên”; 35% nông dân và 14% cán bộ đánh giá “Thỉnh thoảng”; 2% nông dân và 1% cán bộ đánh giá “Không thường xuyên”; 1% nông dân và 0% cán bộ cho là “Không biết”. Về các hình thức cung cấp thông tin cho nông dân, kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ cán bộ ở địa phương đã thực hiện tuyên truyền thông tin về NNST cho nông dân qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, báo, đài, hệ thống truyền thanh...) được sử dụng nhiều nhất với 88%, tiếp đó là đưa vào nội dung họp thôn, xóm, chi bộ cơ sở là 80,7%; tổ chức tập huấn thông qua các hội, đoàn thể là 80%; thông qua những người có uy tín trong cộng đồng là 73,3%; tuyên truyền bằng pano, áp phích, tờ rơi 63,3% (Biểu đồ 3.1)



Biểu đồ 3.1. Hình thức cung cấp thông tin về NNST cho nông dân

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án năm 2024

Cùng với đó, có 97,1% cán bộ được hỏi đã tạo điều kiện cho người dân tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương từ lĩnh vực công tác của mình (Phụ lục 2.2-C10). Điều này cho thấy các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác ở Tây Bắc trên cơ sở các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã tích cực tuyên truyền, giáo dục, cung cấp thông tin cho nông dân về NNST thông qua các hình thức khác nhau giúp nông dân có hiểu biết cụ thể

về NNST tạo cơ sở để họ quyết định lựa chọn, chuyển đổi mô hình sang sản xuất NNST. Đồng thời tiếp thu các ý kiến đóng góp của nông dân và các chủ thể khác để điều chỉnh kế hoạch, chương trình, dự án về NNST đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

Hai là, nông dân đã chủ động, tích cực tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất NNST

Những năm qua, dưới sự tác động của các chính sách xây dựng nông nghiệp ở địa phương cùng việc vận động, tuyên truyền phổ biến của các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... đã giúp nông dân các tỉnh Tây Bắc nhận thức được vai trò của NNST đối với sự phát triển bền vững và việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang mô hình sản xuất NNST thân thiện với môi trường, an toàn cho sức khỏe của con người là một trong những nội dung quan trọng để thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Từ đó, họ mong muốn chuyển đổi sang mô hình sản xuất NNST. Theo kết quả khảo sát, với câu hỏi: *Theo Ông/Bà vai trò của NNST đối với phát triển bền vững như thế nào?*, có 68,3% nông dân cho rằng “Rất quan trọng”, 31% cho rằng “Quan trọng”, không có ý kiến nào đánh giá “Không quan trọng” (Phụ lục 2.1-C2). Khi được hỏi *“Ông bà có mong muốn chuyển đổi mô hình sang sản xuất NNST không?”* có đến 76,7% ý kiến trả lời là “Có” (Phụ lục 2.1-C11). Điều này cho thấy, đây là mong muốn của đa số chủ thể nông dân vùng Tây Bắc chuyển đổi sang mô hình NNST để nâng cao đời sống cho bản thân họ và góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Để thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST, chủ thể nông dân đã tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương về xây dựng NNST, chủ động tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương từ hoạt động sản xuất thực tiễn của mình bằng hình thức góp ý trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện để có thể đi đến quyết định lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp nhất với điều kiện của bản

thân mình (Phụ lục 2.1-C10). Tại Sơn La, thông qua đánh giá hiệu quả các mô hình chăn nuôi bò thịt hợp vệ sinh được thử nghiệm ở Bản Phé A, xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu; Nông lâm kết hợp với trồng lúa SRI thực hiện tại Bản Nà Si, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn và phát triển trồng xoài với thâm canh lúa SRI ở bản Nà Khái, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu, có 85% người dân nhận thức được ý nghĩa của việc tham gia góp ý vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và nhìn nhận về vai trò của cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đặc biệt, cách nhìn nhận của chính quyền trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đã chuyển biến theo hướng đề cao ý kiến từ dưới đi lên. Xây dựng kế hoạch hàng năm được chặt chẽ hơn, ý kiến người dân đã được lắng nghe và ghi nhận [157].

Như vậy, khi người dân được cung cấp đầy đủ thông tin về NNST và tham gia đóng góp ý kiến vào các chính sách về phát triển NNST sẽ tạo được sự chuyển biến về mặt nhận thức và hành động. Nông dân các tỉnh Tây Bắc đã phát huy tính tích cực, chủ động tìm tòi, nắm bắt, học hỏi các kỹ thuật canh tác mới... để thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST đáp ứng tiêu chuẩn về thực phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Hiện nay, ở Tây Bắc, NNST được nông dân tích cực triển khai thực hiện dưới dạng các mô hình tổ chức sản xuất khác nhau như nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp cảnh quan bền vững, thâm canh lúa cải tiến (SRI), quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), trồng trọt kết hợp chăn nuôi, hệ thống vườn - ao - chuồng, nông lâm kết hợp, hệ thống chăn nuôi an toàn sinh học, các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, OCOP, NNST kết hợp du lịch...

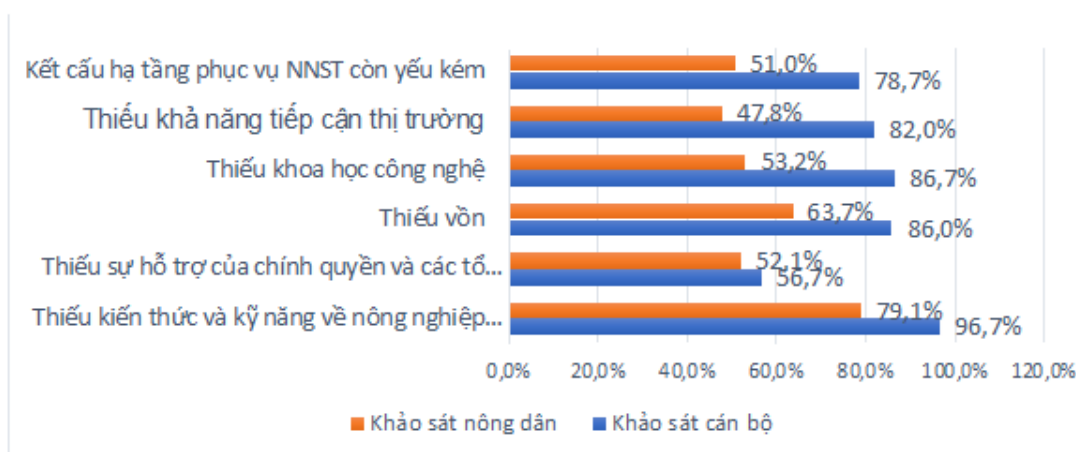
Cùng với những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST còn một số hạn chế:

Một là, nhiều nông dân với tâm lý thụ động, thờ ơ, quen với kiểu canh tác cũ, ngại thay đổi nên chưa tích cực tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản

xuất sang NNST. Theo kết quả khảo sát mức độ cần thiết phải phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST ở địa phương vẫn có 13,8% nông dân cho rằng “Bình thường”, 1,6% cho rằng “Không cần thiết” và 1,6% “Không biết” (Phụ lục 2.1-C6). Ngay cả đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng có đến 13,8% lựa chọn “bình thường” và 1,6% lựa chọn “Không cần thiết” (Phụ lục 2.2-C6). Chính vì vậy mà có 6,6% số người được hỏi không muốn chuyển đổi sang mô hình NNST và 16,7% còn lưỡng lự chưa biết có muốn chuyển đổi mô hình sản xuất không. Cùng với đó, có 15,3% nông dân được hỏi không tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương, 21% không được biết thông tin để tham gia góp ý (Phụ lục 2.1-C10). Đánh giá về mức độ phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất hiện thực hóa mục tiêu NNST ở địa phương với thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm, điểm số trung bình nông dân đánh giá là 2,84/5 và đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý đánh giá 2,72/5 (Phụ lục 2.1-C7). Kết quả này cho thấy mức độ thực hiện nội dung này chỉ trên mức trung bình, hay nói cách khác sự tham gia của nông dân vào lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất chưa cao, chưa thể hiện được đầy đủ vai trò chủ thể của mình. Người nông dân là chủ thể quyết định sự thành công của việc xây dựng NNST nhưng chính sự thụ động, thờ ơ, ngại thay đổi, chưa thể hiện được vai trò chủ thể của mình đã phần nào làm hạn chế hiệu quả của quá trình chuyển đổi từ nền nông nghiệp cũ, lạc hậu sang nền nông nghiệp hiện đại, bền vững ở vùng Tây Bắc.

Hai là, hiện nay nông dân Tây Bắc cũng gặp nhiều khó khăn khi lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST nên các mô hình áp dụng cách thức sản xuất mới chưa nhiều. Theo kết quả khảo sát nông dân và đội ngũ các bộ lãnh đạo, quản lý về những khó khăn của nông dân khi lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST, khó khăn lớn nhất mà nông dân gặp phải đó là thiếu kiến thức và kỹ năng

về NNST với 79,1% nông dân lựa chọn và 96,7% cán bộ lựa chọn; tiếp theo là thiếu vốn với 86% cán bộ và 63,7% nông dân lựa chọn; thiếu KHCN với 86,7% cán bộ và 53,2% nông dân lựa chọn; thiếu khả năng tiếp cận thị trường với 82% cán bộ và 47,8% nông dân lựa chọn; kết cấu hạ tầng phục vụ NNST còn yếu kém với 78,7% cán bộ và 51% nông dân lựa chọn; thiếu sự hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức với 56,7% cán bộ và 52,1% nông dân lựa chọn (Biểu đồ 3.2)



**Biểu đồ 3.2. Khó khăn của nông dân khi
lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST**

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án năm 2024

Chính những khó khăn này là rào cản khiến chủ thể nông dân chưa mạnh dạn lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST và điều đó đặt ra yêu cầu đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các đoàn thể, các tổ chức xã hội nghề nghiệp cũng như nông dân cần có những biện pháp tích cực hơn nữa để giải quyết những khó khăn này, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho nông dân tham gia nhiều hơn nữa vào quá trình lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất xây dựng một nền NNST bền vững.

Thứ hai, về thực hiện liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc tích cực thúc đẩy nông dân, doanh nghiệp, HTX

liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCV vào sản xuất NNST

Trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo và hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp ở địa phương, các cấp ủy đảng, chính quyền đã ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy quá trình liên kết, hợp tác giữa nông dân với các doanh nghiệp, HTX, nhà khoa học, các tổ chức tín dụng, ngân hàng... hình thành các chuỗi sản xuất nông nghiệp hoàn chỉnh, tích cực tuyên truyền vận động nông dân và các chủ thể khác chủ động tham gia liên kết, hợp tác sản xuất đồng thời hỗ trợ về cơ chế chính sách để duy trì và phát triển hệ thống các chuỗi sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát về những công việc mà đội ngũ cán bộ đã làm để giúp nông dân tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCV vào sản xuất NNST ở địa phương với tỉ lệ lựa chọn cao từ 68% đến 81% (Phụ lục 2.2-C13). Như vậy, có thể thấy đội ngũ cán bộ trong HTCT các địa phương Tây Bắc đã rất tích cực triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy sự liên kết hợp tác giữa các chủ thể để tiến tới xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Điển hình như Sơn La đã tập trung rà soát, ban hành cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp các quy định mới và tình hình thực tiễn của tỉnh. Chuyển mạnh từ xây dựng các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng”. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị. Tăng cường liên kết 6 nhà (nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà băng (ngân hàng) - nhà khoa học - nhà phân phối) với nòng cốt là liên kết nhà nông - nhà doanh nghiệp. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/1/2021 về *phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Với quan điểm "Thúc đẩy tăng trưởng xanh; xây dựng Sơn La phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Tây Bắc". Thực

hiện Nghị quyết này, UBND tỉnh ban hành 10 kế hoạch, 6 đề án; thành lập Tổ công tác theo dõi, triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, HTX, người dân tham gia đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND về *ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La*, qua đó các doanh nghiệp, HTX khi đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh sẽ nhận được những hỗ trợ về lãi suất; hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường; hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống tưới tiết kiệm; hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Giai đoạn 2020 - 2023 toàn tỉnh đã hỗ trợ 20,5 tỷ đồng cho 336 lượt tổ chức, doanh nghiệp phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường; hỗ trợ 1,4 tỷ đồng cho 5 HTX đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống tưới tiết kiệm [158]. Qua đó, giúp các doanh nghiệp, HTX phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Về ứng dụng KHCN vào sản xuất, thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV đã xác định: Thúc đẩy tăng trưởng xanh, xây dựng tỉnh Sơn La phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Tây Bắc. Ông H, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, cho biết: "Thời gian tới, tỉnh Sơn La tập trung đầu tư nguồn nhân lực có trình độ; hoàn thành các dự án khu ứng dụng công nghệ đảm bảo cơ sở hạ tầng nghiên cứu và nhân lực để triển khai các dự án, đề tài nghiên cứu. Làm chủ các công nghệ tiên tiến, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; quan tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ dựa trên tình hình sản

xuất thực tiễn để nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị nông sản, tăng khả năng cạnh tranh, đó là hướng đi bền vững của ngành nông nghiệp thời gian tới" [148].

Tại Hòa Bình, theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh, trong giai đoạn 2022 - 2023, tỉnh được phân bổ kinh phí thực hiện 211.326 triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó, hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp, phát triển rừng 45.983 ha; hỗ trợ phát triển sản xuất, chuỗi sản xuất 282 dự án, mô hình; thúc đẩy khởi sự kinh doanh 98 mô hình. Đến nay đã giải ngân được 12.909 triệu đồng vốn sự nghiệp. Với việc hỗ trợ phát triển sản xuất theo các chuỗi giá trị đã góp phần xây dựng nhiều mô hình kinh tế hiệu quả, giải quyết việc làm cho nông dân trong tỉnh. Tính đến năm 2023, toàn tỉnh đã có 114 sản phẩm OCOP đạt từ 3 - 4 sao; 147 cơ sở trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản có chứng nhận VietGAP, tiêu chuẩn GlobalGAP, hữu cơ với trên 100 chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn, góp phần tạo liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất và doanh nghiệp để sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; đã có 15 doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác có sản phẩm nông sản xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, EU, Hà Lan, Đức. Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, rau, củ, quả, măng, sắn, nông sản tươi (mía, chuối, nhãn, bưởi, cam... [10, tr7]. Về hỗ trợ nông dân tiếp cận ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất, các cấp Hội Nông dân đã đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ, hội viên nông dân về vai trò của KHCN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động sáng tạo cũng như ứng dụng các tiến bộ vào thực tiễn sản xuất. Đồng thời đăng tải trên Bản tin Công tác Hội và Trang thông tin điện tử Hội Nông dân tỉnh các văn bản, chính sách có liên quan; xây dựng chuyên mục giới thiệu các kiến thức, phương pháp canh tác, phòng trừ sâu bệnh, các biện pháp tăng năng suất, chất lượng cho cây trồng, vật nuôi... các cấp Hội trực tiếp và phối hợp tổ chức 1.136 lớp tập huấn khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản... cho 65.958 lượt hội viên nông dân. Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng 47 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; 32 mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị [10, tr19-20].

Thông qua việc thúc đẩy nông dân liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất đã mang lại những thay đổi tích cực trong nhận thức và hành động của nông dân giúp sản xuất nông nghiệp chuyển mạnh từ sản xuất truyền thống sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ KHCN; hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn; tạo ra nhiều sản phẩm chủ lực có chất lượng, thương hiệu, giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường; đồng thời, giúp nông dân chủ động được kế hoạch sản xuất cũng như khắc phục tính mùa vụ và cho lợi nhuận cao hơn.

Hai là, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức tín dụng, các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp hỗ trợ đắc lực cho việc thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tập huấn kỹ thuật sản xuất, chuyển giao KHCN vào sản xuất cho nông dân

Trong những năm qua, các hoạt động tập huấn về kỹ thuật sản xuất được tiến hành thường xuyên như: Tháng 10/2024, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Sông Mã tỉnh Sơn La thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Sơn La đã tổ chức lớp “Tập huấn thâm canh nhãn theo tiêu chuẩn VietGAP” cho cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, thành viên HTX tỉnh Sơn La nhằm trang bị những nội dung, kiến thức chuyên sâu về thâm canh nhãn theo tiêu chuẩn VietGAP, giúp học viên kiểm soát, hướng dẫn, chỉ đạo các hộ trồng nhãn theo đúng hướng và điều chỉnh các hộ nông dân, chủ trang trại làm đúng tiêu chuẩn, từ đó nâng cao chất lượng quả nhãn đạt giá trị kinh tế cao, đồng nghĩa tăng khả năng mở rộng mô hình, phát triển diện tích trồng nhãn đạt tiêu chuẩn VietGAP, tạo ra sản phẩm chất lượng đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Từ đó thúc đẩy được mối liên kết giữa nhà nông, nhà quản lý, nhà khoa học và các doanh nghiệp trong sản xuất nhãn theo hướng hàng hóa, xây dựng vùng trồng nhãn theo hướng xanh, sạch, an toàn, hiệu quả, thúc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tuyên truyền rộng việc áp

dụng phương thức canh tác hữu cơ theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với xây dựng chuỗi liên kết.

Tại Hòa Bình, năm 2024, tổ chức Liên minh HTX tỉnh tích cực thực hiện việc tuyên truyền đến các hội viên thực hiện liên kết sản xuất, ứng dụng KHCN vào sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững ở địa phương; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đảm nhận tốt vai trò là cầu nối, gắn kết các doanh nghiệp trong tỉnh, truyền tải các văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến các doanh nghiệp. Thường xuyên tập hợp, lắng nghe những ý kiến phản ánh của hội viên, đề xuất lãnh đạo tỉnh tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Các tổ chức tín dụng ở Tây Bắc cũng đã tích cực, chủ động, đồng hành cùng nông dân, doanh nghiệp, HTX trong việc hỗ trợ vốn để mở rộng sản xuất, liên kết hợp tác, ứng dụng KHCN vào sản xuất. Thực hiện Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về *chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*, đến nay các tỉnh Tây Bắc đã đưa được dòng vốn tín dụng vào khu vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sơn La ban hành 30 văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng và đề nghị các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể phối hợp thực hiện. Đồng thời quán triệt 100% các tổ chức tín dụng thường xuyên tập huấn, hướng dẫn về cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và thực hiện 26 chương trình làm việc, đối thoại, kết nối các tổ chức tín dụng với gần 400 lượt nông dân, doanh nghiệp, HTX tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong vay vốn. Đồng thời, lồng ghép với các chính sách khác của Chính phủ, của tỉnh, như: Hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; phát triển nông, lâm, thủy sản, nông nghiệp sạch; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... với lãi suất ưu đãi theo quy định, đảm bảo đạt hiệu quả. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Nam-Chi nhánh tỉnh Sơn La đã phục vụ hơn 33.000 khách hàng với dư nợ gần 11.500 tỷ đồng [140]. Đơn vị đã ban hành nhiều cơ chế, thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, mở rộng tín dụng, hỗ trợ tối đa nguồn lực cho nông dân, trở thành “bạn đồng hành” đắc lực cho người dân ở các khu vực nông thôn.

Với sự hỗ trợ đắc lực của các tổ chức, nông nghiệp các tỉnh Tây Bắc chuyển dịch cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao. Bước đầu hình thành các vùng chuyên canh, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, góp phần giúp nông dân có thêm nguồn lực phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

Ba là, nông dân, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác đã tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động để tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất.

Theo kết quả khảo sát, nông dân đã chủ động tham gia HTX, tổ hợp tác với tỉ lệ là 85,7%; Chủ động liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức khác là 73,6%; Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương là 90,7%; Tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST là 86,3%; Tự liên kết với các nông dân khác để sản xuất NNST là 77,5%; Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao KHCN, chuyển đổi số trong nông nghiệp là 83% (Phụ lục 2.1-C13). Với tỉ lệ lựa chọn cao có tham gia các hoạt động trên thể hiện quyết tâm đổi mới cách thức sản xuất của chủ thể nông dân từ manh mún, nhỏ lẻ, lạc hậu dựa vào thói quen, thiếu linh hoạt sang phát triển hiện đại dựa vào tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo.

Các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác trên địa bàn đã chủ động liên kết với nông dân, đầu tư cải tiến quy trình sản xuất giảm phát thải, ứng dụng KHCN, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường; tập huấn, chuyển giao KHCN, quy trình sản xuất cho nông dân hướng đến mục tiêu sản xuất NNST; đồng

thời chủ động tìm kiếm, phát triển thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp. Ông T, Giám đốc Trung tâm Chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh Sơn La cho biết: “Chúng tôi đã có những chính sách ưu việt để phát triển vùng nguyên liệu, như cung cấp giống, phân bón vật tư. Đặc biệt là đồng hành với nông dân trong việc chuyển giao KHCN. Đến thời điểm này, chúng tôi đã thành công trong chuỗi giá trị đối với nông dân”. Thời gian qua với sự hỗ trợ phù hợp về cơ chế, chính sách, nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã tìm đến Sơn La để đầu tư, xây dựng nhà máy chế biến rau, củ, quả như: Tập đoàn NaFoods đầu tư vào huyện Mộc Châu; Tập đoàn ICFood Hàn Quốc đầu tư vào huyện Vân Hồ; Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao đầu tư vào huyện Mai Sơn... Tỉnh hiện có 560 nhà máy, cơ sở chế biến nông sản; 261 chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản an toàn; trên 700 HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; gần 100 doanh nghiệp, HTX cung ứng thực phẩm an toàn áp dụng có hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc bằng tem điện tử thông minh QRCode bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung Quốc... [42]

Bên cạnh những kết quả đạt được việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong thực hiện liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất ở Tây Bắc thời gian qua còn một số hạn chế nhất định:

Một là, vai trò của chính quyền đã và đang bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế trong việc triển khai các biện pháp tăng cường liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST. Nhiều nơi, chính quyền, các ban ngành địa phương còn lúng túng, thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời cho các chủ thể trong các mô hình liên kết hợp tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản làm cho việc liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị ở Tây Bắc hiện nay còn tương đối lỏng lẻo, chưa đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia khiến tình trạng bẻ kèo, tranh chấp giữa doanh nghiệp và người sản xuất còn diễn ra phổ biến; chưa có chế tài phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ giải quyết tranh chấp phát sinh giữa doanh nghiệp và nông dân... Việc xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp

của các địa phương nhiều khi còn mang tính chủ quan của các cơ quan chuyên môn, chưa phát huy được vai trò của nông dân, doanh nghiệp, HTX... trong hoạch định chính sách làm cho lợi thế so sánh của các địa phương trong vùng chưa được khai thác và phát huy một cách hiệu quả. Điều này, đặt ra yêu cầu đối với các cấp chính quyền, các ban, ngành địa phương phải có sự thay đổi trong cách tiếp cận xây dựng chính sách để phát huy hơn nữa sự tham gia của các chủ thể, đặc biệt là nông dân hướng đến tạo lập một nền NNST phù hợp nhất với lợi thế so sánh của địa phương mình, giảm thiểu những rủi ro mang tính thị trường cho người nông dân và các chủ thể tham gia chuỗi giá trị.

Hai là, sự tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST của nông dân chưa phổ biến, vẫn còn hạn chế về quy mô, đối tượng áp dụng, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng. Hầu hết mới chỉ dừng lại ở các mô hình chứ chưa được nhân rộng. Điều này được thể hiện trong kết quả khảo sát cán bộ và nông dân khi đánh giá mức độ thực hiện tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST ở địa phương chưa cao với mức đánh giá của cán bộ là 2,69/5 và nông dân là 2,88/5 (Phụ lục 2.1-C7 và 2.2-C7). Tỷ lệ này cho thấy, mức độ thực hiện nội dung này mới chỉ dừng lại ở việc triển khai xây dựng thí điểm các mô hình, các dự án tại địa phương chứ chưa trở thành nhu cầu thường trực, thói quen, nếp nghĩ, cách làm của nông dân để thay đổi tư duy, cách thức sản xuất tiến lên hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Ba là, nông dân, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác... còn gặp những khó khăn trong tiếp cận cũng như ứng dụng KHCN vào sản xuất như thiếu vốn đầu tư, thiếu đất sản xuất, năng lực quản lý của nông dân, các tổ, nhóm, HTX... còn thấp. Sơn La là tỉnh có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất của 3 tỉnh Tây Bắc, có nhiều biện pháp tích cực để thúc đẩy ứng dụng KHCN vào sản xuất nhưng diện tích được cấp mã số vùng trồng chỉ chiếm 8,7% tổng diện tích cho cây ăn quả cho sản phẩm. Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là quy mô nhỏ, vừa chiếm gần 80% tổng số HTX nông nghiệp, năng lực quản trị còn hạn chế. Một số HTX nông nghiệp

khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi do không có tài sản thế chấp. Bên cạnh đó, quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La vào năm 2030 chưa được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia...

Thứ ba, về hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc đã nỗ lực, tích cực triển khai các biện pháp để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Xác định việc tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST là một trong những nội dung quan trọng giúp chủ thể nông dân tiếp cận với thị trường, tiếp cận nguồn vốn, nâng cao năng lực, trình độ để mở rộng đầu tư sản xuất NNST nên các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể ở các địa phương vùng Tây Bắc đã rất quan tâm đến vấn đề này. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 21/01/2021 về định hướng hoạt động thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung (1) Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy mô tập trung; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và hướng ra xuất khẩu tạo ra các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; (2) Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản tập trung quy mô lớn...; (3) Thu hút phát triển du lịch chuyên nghiệp hiện đại gắn với khai thác tiềm năng nông nghiệp, khí hậu, bản sắc văn hóa, con người... theo hướng bền vững. Từ đó, định hướng các giải pháp tạo sở pháp lý để các cấp các ngành, các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức đầu tư phát triển nông nghiệp đảm bảo mục tiêu xanh, nhanh, bền vững.

Đánh giá về các hoạt động của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân về nội dung này, kết quả cho thấy từ việc ban hành các nghị quyết, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất cho nông dân đến triển khai và tổ chức thực hiện được đánh giá trên mức trung bình từ 2,65/5 điểm đến 2,75/5 điểm [Phụ lục 2.2-C14]. Trong đó các nội dung về xây dựng kế hoạch chuyển đổi mô hình sản xuất, chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác mở rộng thị trường, chuyển giao KHCN từ các tổ chức quốc tế được đánh giá cao hơn có nghĩa là thực hiện tốt hơn. Điều này phù hợp với thực tế triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST của các địa phương ở Tây Bắc hiện nay.

Thực hiện các mục tiêu về hội nhập kinh tế quốc tế, thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình đã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế đối với lĩnh vực nông nghiệp; những chính sách ưu đãi về thuế quan, thị trường và chuyển đổi KHCN. Qua đó giúp người nông dân chủ động, hăng hái tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nông sản, hướng tới xuất khẩu được triển khai kịp thời. Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành *Đề án phát triển công nghiệp chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi; Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản năm 2024 và Công văn tăng cường quản lý ghi nhãn thực phẩm có chứa thành phần biến đổi gene*. Đến nay, cơ quan chuyên môn thuộc Sở đã phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể, giới thiệu và kết nối cho 147 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia các Phiên chợ, Hội chợ, Tuần lễ, diễn đàn, hội nghị trực tuyến để kết nối tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước; hỗ trợ cấp 2.959.000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các loại nông sản đặc

trung của tỉnh; thực hiện quảng bá sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm tại địa chỉ: <https://hb.check.net.vn>. cho 77 doanh nghiệp/HTX với 360 sản phẩm tham gia. Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, các cơ sở sản xuất áp dụng các quy trình sản xuất an toàn được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và ISO đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của thị trường quốc tế phục vụ xuất khẩu sản phẩm. Đến nay toàn tỉnh có 14 doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác đã có sản phẩm nông sản, lâm sản được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật bản, Đài loan, Canada, thị trường EU... Sở đã giới thiệu, kết nối cho 18 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia các chương trình xúc tiến thương mại nông sản, cho 2 doanh nghiệp/HTX tham gia 2 gian hàng tại "Chương trình Tự hào Nông sản Việt"; 6 cơ sở tham gia triển lãm quốc tế ngành Rau, Hoa Quả - HortEx Vietnam 2024; 10 cơ sở tham gia Đoàn khảo sát, giao dịch thương mại và đầu tư tại Trung Quốc 2024 [116].

Tỉnh Điện Biên cũng đã triển khai nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng chủ động phục vụ doanh nghiệp như: thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp giảm từ 3 ngày xuống 1,5 ngày làm việc; tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp định kỳ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động thu hút đầu tư... Từ đó, thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp, HTX đầu tư các dự án về nông nghiệp. Giai đoạn 2021 - 2023, toàn tỉnh có 28 doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đến khảo sát, lập dự án đầu tư; tỉnh đã chấp thuận chủ trương 14 dự án đầu tư vào lĩnh vực phát triển nông lâm nghiệp với tổng mức đầu tư 11.981 tỷ đồng [123].

Hai là, các tổ chức quốc tế thúc đẩy nông dân thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST thông qua các dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao KHCN

Tính đến nay, đã có rất nhiều các tổ chức quốc tế thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu về phát triển nông nghiệp với chính quyền và các tổ chức ở các

tỉnh Tây Bắc nhằm xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững. Điển hình như Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) từ khi thực hiện hợp tác đến nay đã đầu tư khoảng 32 triệu AUD (tương đương 22,7 triệu USD) thông qua 20 dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế ở khu vực Tây Bắc để phát triển các hệ thống canh tác bền vững trên đất dốc, giúp đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, đồng thời nâng cao thu nhập cho các nông hộ sản xuất nhỏ. Tới nay, đã có 425 hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ tham gia dự án và phát triển thành công các hệ thống nông lâm kết hợp giúp tăng thu nhập, đồng thời bảo vệ chất lượng đất và môi trường.

Tổ chức nghiên cứu Nông lâm Quốc tế tại Việt Nam (ICRAF) phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Sơn La với thực hiện Dự án "Thúc đẩy và mở rộng nông lâm kết hợp hướng theo thị trường và các giải pháp phục hồi rừng cho vùng Tây Bắc Việt Nam". 3 vườn ươm đã được dự án đã xây dựng tại huyện Mai Sơn, 20 mô hình nông lâm kết hợp: Sơn tra - ngô - cỏ chăn nuôi, nhãn chín muộn - ngô - cỏ, mắc ca - cà phê - đậu đỗ... Cùng với đó, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, tạo điều kiện các hộ đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm sản xuất mô hình nông, lâm kết hợp và nông lâm tổng hợp ở một số tỉnh lân cận; hỗ trợ giống cây ăn quả, cây trồng rừng, giống cỏ, phân bón; đồng hành tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để các hộ áp dụng quy trình sản xuất an toàn, hiệu quả... góp phần thúc đẩy hệ thống nông lâm kết hợp thân thiện với môi trường, cải thiện sinh kế người dân, tăng cường quản lý rừng, ứng phó với BĐKH. Thông qua các dự án quốc tế như các dự án: GTZ của Đức - lâm nghiệp, AAV - canh tác đất dốc, thú y cộng đồng, ICRAF của Úc - xây dựng sinh kế nông lâm kết hợp, SNV của Hà Lan - canh tác nông lâm nghiệp bền vững trên đất dốc, JICA của Nhật Bản, AIAR của Úc - canh tác ngô bền vững trên đất dốc, LCASP - xây dựng bể khí sinh học...

Thông qua các dự án, nông dân có cơ hội học hỏi, tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới và trong khu vực, cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhất, áp dụng vào thực tiễn sản xuất, nâng cao năng suất và chất

lượng nông sản, đưa ngành nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững.

Ba là, nông dân chủ động thực hiện các dự án hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển các hệ thống canh tác bền vững.

Nông dân các tỉnh Tây Bắc cũng đã xác định được tầm quan trọng của việc hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST nên đã tích cực thực hiện chủ trương, chính sách của địa phương, chủ động tham gia vào các dự án của các tổ chức quốc tế để phát triển các hệ thống canh tác bền vững. Qua đánh giá của nông dân về mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở địa phương cho thấy, hầu hết các nội dung được đánh giá từ mức trung bình trở lên. Trong đó: Chủ động tìm hiểu nâng cao hiểu biết về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất là 2,76/5 điểm; Chủ động nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất với kết quả 2,97/5 điểm; Chuyển đổi mô hình sản xuất và tuân thủ nghiêm các quy định về nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với BĐKH của thế giới 2,95/5 điểm; Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tham gia vào các dự án hợp tác, nghiên cứu NNST của các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu 2,88/5 điểm; Tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế 2,86/5 điểm (Phụ lục 2.1-C14). Đây cũng là một trong những nỗ lực của nông dân để thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST. Từ đó tập trung nguồn lực tạo “đòn bẩy” để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương cho phát triển NNST.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở Tây Bắc còn một số hạn chế, đó là:

Một là, sự chủ động, tích cực trong nắm bắt thông tin, kiến thức, kỹ năng về hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST của nông dân còn hạn chế. Nông dân vùng Tây Bắc vẫn còn tâm lý thụ động, trông chờ vào chính quyền địa phương, chưa thực sự phát huy vai trò chủ thể của mình trong nắm bắt thông tin về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất, nâng cao trình độ năng lực; nhất là, còn thiếu kiến thức về các tiêu chuẩn quốc tế, quy trình sản xuất theo hướng NNST để áp dụng vào tổ chức sản xuất, thiếu kỹ năng quản lý và thương mại nên khó khăn trong việc tham gia các hợp tác quốc tế và mở rộng thị trường. Chính vì vậy, mức độ đánh giá về chủ động tìm hiểu nâng cao hiểu biết về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất thấp nhất với 2,76/5 điểm do nông dân đánh giá; Chủ động nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất là 2,97/5 điểm (Phụ lục 2.1-C14).

Hai là, cơ chế chính sách và thực tế triển khai thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST của chính quyền địa phương và các tổ chức còn một số bất cập. Ở Tây Bắc, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn gặp khó khăn, do nhiều yếu tố tác động như hạ tầng giao thông kém phát triển, địa hình hiểm trở, gây khó khăn cho nông dân trong việc tiếp cận các thị trường lớn và ảnh hưởng đến việc thu hút các nhà đầu tư quốc tế. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân chưa được thực hiện rộng khắp và thường xuyên tại một số địa phương. Công tác thu hút đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư công nghệ chế biến và chế biến sâu nông sản, bảo quản để có thể giãn thời gian tiêu thụ còn hạn chế.

Chẳng hạn như về cơ chế chính sách thu hút đầu tư, UBND tỉnh Điện Biên đã cụ thể hóa Nghị định 57 của Chính phủ bằng Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 9/12/2019 về *Ban hành định mức hỗ trợ từng loại dự án, hạng mục, công trình đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh*. Song

đến nay, chưa có dự án nào được tiếp cận, thụ hưởng chính sách này. Theo nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Nghị định 57 thì doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Sau đó Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do UBND tỉnh ban hành. Trong khi đó doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là vừa và nhỏ nên nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Bên cạnh đó, theo quy định, hàng năm tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương cho ngành Nông nghiệp để thực hiện, song việc cân đối, bố trí vốn rất khó khăn. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện Quyết định số 45/2018 của UBND tỉnh, giai đoạn 2019 - 2020, toàn tỉnh đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện 39 dự án liên kết mới sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, nhiều đơn vị có dự án liên kết đến nay chưa được hỗ trợ hoặc mới được hỗ trợ một phần. Ngược lại, một số doanh nghiệp, HTX đã được hỗ trợ về đất đai, nguồn vốn nhưng lại sử dụng chưa đúng mục đích của chính sách, gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

3.2.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái - Thành tựu và hạn chế

Một là, HTCT ở các địa phương Tây Bắc đã thúc đẩy chủ thể nông dân thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST

Nông nghiệp ở Tây Bắc đang từng bước chuyển đổi sang NNST nhằm mục tiêu giải quyết đồng thời các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, BĐKH. Để đánh giá nhận thức của đội ngũ lãnh đạo quản lý về những lợi ích của NNST đối với sự phát triển của xã hội, tác giả tiến hành khảo sát với câu hỏi: *Theo Ông/Bà NNST góp phần giải quyết những vấn đề gì?* Kết quả có 86,2% cán bộ cho rằng NNST góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế địa phương; 90,9% cho rằng NNST giúp bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH; 77,1% cho rằng NNST góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương gắn với sản xuất nông

ngiệp; 73,3% cho rằng NNST góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và bất bình đẳng giới (Phụ lục 2.2-C3). Trong đó, phương án bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH được lựa chọn với tỷ lệ cao nhất, điều đó cũng hoàn toàn phù hợp với lý do vì sao hiện nay các nước trên thế giới và Việt Nam cần thiết phải chuyển đổi từ nền nông nghiệp gây ô nhiễm môi trường, khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên sang nền NNST hiện đại, bền vững. Cùng với đó, đánh giá mức độ các chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội về NNST có đảm bảo giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội, có 40% nông dân và 55% cán bộ đánh giá “Đảm bảo tốt”, 45% nông dân và 37% cán bộ đánh giá “Tương đối đảm bảo”, có 15% nông dân và 8% cán bộ đánh giá “Chưa đảm bảo” (Phụ lục 2.1-C21 và 2.2-C21).

Để giải quyết được hiệu quả các vấn đề trên, ở Tây Bắc đã có sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể trong việc vận động, tạo điều kiện bằng các cơ chế chính sách để chủ thể nông dân chuyển sang sản xuất NNST gắn chặt chẽ với các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho nông dân, đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ; bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương liên quan đến sản xuất nông nghiệp; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH. Nhiều Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án được ban hành để cụ thể hóa các mục tiêu trên trong phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Bắc. Chẳng hạn như Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hòa Bình về *lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình*. Trong đó xác định một trong những nhiệm vụ phải thực hiện là phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng đồng bào DTTS và miền núi để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS và miền núi. Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát

triển du lịch. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

Đánh giá về mức độ thực hiện các nội dung trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST, trong đó, xóa đói giảm nghèo nâng cao thu nhập: nông dân đánh giá 2,91/5, cán bộ đánh giá 2,77/5; Tạo công ăn việc làm cho nông dân với số liệu tương ứng là 2,96/5 và 2,87/5; Giải quyết bất bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST là 2,96/5 và 2,87/5; Lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp là 2,97/5 và 2,93/5; Lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm là 3,03/5 và 3,02/5; Thay đổi phương thức sản xuất hủy hoại môi trường sang phương thức sản xuất thân thiện với môi trường là 2,95/5 và 2,8/5; Tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường là 2,86/5 và 2,73/5; Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp là 2,97/5 và 2,8/5 [Phụ lục 2.1-C15 và 2.2-C15]. Kết quả này cho thấy, bước đầu đã có những chuyển biến tích cực trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST của chính quyền địa phương và nông dân vùng Tây Bắc.

Hai là, nông dân, HTX, doanh nghiệp đã tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương nhằm quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST

Về vấn đề xóa đói, giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho nông dân: Việc thực hiện các mô hình sản xuất NNST của bà con nông dân ở các tỉnh đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các mô hình nông nghiệp truyền thống trước đó và góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương. Chẳng hạn như tại Sơn La, các HTX Nông nghiệp Toàn Duyên, xã Nậm Lạnh, HTX Long Hiếu, xã Sốp Cộp theo đuổi mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững đã định hướng cho thành viên tuân thủ quy trình sản xuất an toàn, từ khâu chọn giống, quản lý đất đến sử dụng phân bón, nước tưới, chăm sóc. Doanh thu năm 2023, đạt trên 5 tỷ đồng, thu nhập của các thành viên HTX luôn ổn định. Hằng

năm, ủng hộ từ 20 - 30 triệu đồng vào các quỹ từ thiện, tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất. Các HTX còn tạo việc làm thường xuyên cho trên 1.200 lao động địa phương, với mức lương bình quân từ 5 - 8 triệu đồng/người/tháng.

Cùng với đó, nông dân tích cực tham gia Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững và đã xuất hiện nhiều tấm gương nông dân xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh giỏi, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Đồng thời vận động các hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi tương trợ, giúp đỡ các hộ nông dân nghèo về giống, vốn, kỹ thuật, việc làm để giúp họ vươn lên thoát nghèo. Chính từ hiệu quả của các mô hình NNST được triển khai tại các địa phương đã góp phần giúp cho tỉ lệ hộ nghèo của các tỉnh giảm mạnh qua các năm.

Bảng 3.1. Tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn nghèo đa chiều phân theo địa phương

Đơn vị %

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
CẢ NƯỚC	4,80	4,36	4,19	3,37
Trung du và miền núi phía Bắc	14,38	13,43	12,82	10,71
Điện Biên	36,74	34,52	33,58	29,55
Sơn La	30,53	28,61	23,88	19,79
Hòa Bình	9,09	8,19	7,94	6,03

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nhìn vào số liệu bảng 3.1 cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của các tỉnh đều giảm dần qua các năm. Cụ thể, tại Điện Biên tỷ hộ nghèo giảm từ 36,74 (2020) xuống còn 29,55 (2023); Sơn La giảm từ 30,53 (2020) xuống còn 19,79 (2023); Hòa Bình giảm từ 9,09 (2020) xuống còn 6,03 (2023). Điều này cho thấy, việc phát huy vai trò chủ

thể của nông dân trong sản xuất NNST để xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh Tây Bắc là đúng hướng và đem lại hiệu quả.

Bên cạnh việc xóa đói, giảm nghèo, việc xây dựng các mô hình NNST ở địa phương góp phần làm tỷ lệ lao động có việc làm ở địa phương tăng lên.

Bảng 3.2. Số lao động có việc làm trong nền kinh tế phân theo địa phương

Đơn vị: nghìn người

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
Điện Biên	351,6	299,6	329,6	338,6
Son La	765,8	550,1	585,9	598,5
Hòa Bình	528,8	464,2	497,5	499,9

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu thống kê, số lao động có việc làm của các tỉnh Tây Bắc năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020 do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 nhưng năm 2022 và 2023 số lao động có việc làm lại tăng dần qua các năm.

Về vấn đề bình đẳng giới: Nông dân khi triển khai các mô hình sản xuất NNST ở Tây Bắc thời gian qua đã góp phần giải quyết vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST. Vai trò của phụ nữ được phát huy thông qua các cơ chế chính sách xây dựng NNST của chính quyền địa phương và đặc biệt thông qua các dự án hợp tác nghiên cứu, phát triển NNST với các tổ chức của Chính phủ và phi chính phủ các nước trên thế giới.

Dự án GREAT là một sáng kiến trong chương trình viện trợ của Chính phủ Australia dành cho Việt Nam nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch, tổng giá trị viện trợ 67,4 triệu đô la Úc, thực hiện trong 10 năm (2017-2027). Tại tỉnh Sơn La, Dự án GREAT giai đoạn 1 thực hiện từ năm 2017 đến năm 2022, tổng vốn đầu tư trên 202 tỷ đồng, dự án đã áp dụng nhiều giải pháp sáng tạo, hiệu quả xây dựng, phát triển hệ thống

thị trường trong các ngành hàng nông nghiệp, du lịch, tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ, đặc biệt phụ nữ DTTS. Tại huyện Vân Hồ, thành lập 3 HTX, 9 tổ hợp tác, gần 700 phụ nữ DTTS tham gia vào tổ hợp tác cung ứng măng an toàn. Ngoài ra, dự án hỗ trợ 29 doanh nghiệp, HTX quy mô nhỏ do nữ làm chủ mở rộng kinh doanh, áp dụng mô hình kinh doanh số. Dự án GREAT Sơn La kết thúc giai đoạn 1 với con số ấn tượng: Tỷ lệ nữ nông dân cải thiện thu nhập đạt 90%; tỷ lệ phụ nữ hưởng lợi tự tin đạt 86%, vượt chỉ tiêu 6%; 97% phụ nữ hưởng lợi tham gia vào việc ra quyết định trong gia đình; phụ nữ lãnh đạo tổ nhóm vượt 37%; doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc lãnh đạo vượt 15% so với mục tiêu; tổng huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân cho các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận, bền vững và bao trùm đạt 6 triệu USD, đạt 100% kế hoạch... [127].

Về vấn đề văn hóa: Trong những năm qua, với việc thực hiện các mô hình sản xuất NNST, chủ thể nông dân đã góp phần lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa của địa phương được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp, đồng thời với tinh thần trách nhiệm, chia sẻ kiến thức cùng hướng tới mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp bền vững đã lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm của cư dân địa phương.

Thời gian qua, tại Sơn La nông dân và các tổ chức đã tích cực thực hiện Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về triển khai chính sách hỗ trợ phát triển du lịch gắn với xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Sơn La để khuyến khích, động viên và hỗ trợ thiết thực đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá về tài nguyên, tiềm năng, lợi thế du lịch, sản phẩm du lịch, bản sắc văn hóa dân tộc, sản vật địa phương. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng gần 30 điểm khai thác các hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn, trong đó phần lớn đang được khai thác theo mô hình du lịch cộng đồng, mô hình trải nghiệm du lịch vườn sinh thái.

Mô hình Nông nghiệp di sản tại bản Bưốt, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La là một mô hình trong các chương trình phát triển vùng DTTS do Trung tâm Hợp tác phát triển Tây Bắc – TABA thực hiện. Mô hình này vừa khai thác hiệu quả những điều kiện thực tế về tự nhiên, môi trường và xã hội nhưng đồng thời bảo tồn những giá trị di sản về tự nhiên (cảnh quan, đa dạng sinh học), xã hội (văn hoá, phong tục tập quán, tri thức bản địa,..) của vùng núi và DTTS. Qua 2 năm triển khai, mô hình đã (1) Góp phần gìn giữ các loại giống cây trồng bản địa như giống lúa Tẻ râu và gieo trồng các loại hạt bản địa như đỗ đen xanh lòng, lạc đỏ và đậu xanh; (2) Lưu giữ và thúc đẩy phương thức canh tác bản địa trong nông nghiệp. Hiện nay, tất cả các hộ dân trong bản Bưốt đều canh tác nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông dân trong bản ủ phân hữu cơ tại ruộng, đi rừng hái các loại lá cây rồi kết hợp cây gia vị trong vườn nhà để chế biến thuốc trừ sâu sinh học; (3) Thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa/ tập quán sinh hoạt của cộng đồng các DTTS dưới nguyên tắc tôn trọng tự nhiên và các giá trị văn hoá bản địa mà cộng đồng gửi vào điệu múa, điệu hò truyền thống như điệu múa vòng, điệu khắp Thái; (4) Tái hiện đặc trưng cuộc sống của của cộng đồng DTTS thông qua xây dựng bảo tàng lưu giữ những đặc trưng trong sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe và canh tác nông nghiệp của cộng đồng các DTTS vùng Tây Bắc; (5) Mang tới những trải nghiệm cùng thiên nhiên, con người, và văn hóa mang đậm nét truyền thống của dân tộc Thái vùng Tây Bắc thông qua các hoạt động canh tác và kinh doanh nông sản hữu cơ kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm [94].

Về vấn đề bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH

Thực tế hiện nay thị trường cũng đòi hỏi hàng hoá với tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và cả bảo vệ môi trường, giảm phát thải. Tháng 10/2023, Liên minh châu Âu (EU) bắt đầu thực hiện thí điểm “cơ chế điều chỉnh biên giới carbon”, tức là sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quy

trình sản xuất tại nước sở tại. Sản xuất NNST, nông nghiệp tuần hoàn sẽ tạo ra những sản phẩm sạch, giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với xu thế này. Thêm vào đó, Việt Nam đã cam kết với quốc tế hướng tới giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Chính vì vậy, để bắt kịp những yêu cầu của thế giới, cùng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền vùng Tây, các tổ chức trong và ngoài nước, nông dân đã tham gia thực hiện thí điểm một số mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với BĐKH, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình canh tác, bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại của BĐKH.

Tại Sơn La, nằm trong khuôn khổ dự án “Tăng cường tiếng nói và năng lực cho người nông dân thiểu số dễ bị tổn thương ứng phó với BĐKH Tây Bắc Việt Nam (VOF)”, Làng nông nghiệp ứng phó với BĐKH là mô hình nông nghiệp thông minh (CSA), vận dụng kỹ thuật thích hợp để đưa vào sản xuất nhằm cải thiện đời sống, đảm bảo an toàn môi trường và nâng cao vai trò người dân trong phát triển kinh tế xã hội. Mô hình được xây dựng trên các vùng sinh thái khác nhau để phát triển chăn nuôi bò thịt hợp vệ sinh ở Bản Phé A, xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu, trồng xoài kết hợp với lúa thâm canh ở bản Nà Khái, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu và nông lâm kết hợp với thâm canh lúa cải tiến (SRI) tại Bản Nà Si, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn. Tại bản Phé A, chu trình hữu cơ khép kín đã góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường. Nhờ đó, vấn đề môi trường tại bản Phé A đã được cải thiện rõ rệt, chất thải chăn nuôi không bốc mùi như trước, 80% rơm không bị đốt mà được trữ khô hoặc ủ làm thức ăn chăn nuôi trong mùa đông. Thông qua việc trồng lúa theo quy trình SRI trên diện tích 16 ha của 56% số hộ dân và việc ủ phân gia súc, lượng khí nhà kính (CH_4 và NH_3) phát thải đã giảm được trên 10 tấn [157]. Mô hình phát triển trồng xoài kết hợp với thâm canh lúa cải tiến ở bản Nà Khái, xã Sập Vạt, lượng phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi và canh tác lúa nước cũng đã giảm sâu. Theo ước tính, lượng khí nhà kính phát thải phát thải giảm được 9,3 tấn [157]. Đối với mô hình nông nghiệp thông minh, nông lâm kết hợp trên địa bàn bản Nà Si xã Hát Lót, lượng khí CO_2 phát thải trong sản xuất

nông nghiệp đã giảm đáng kể, tạo điều kiện hình thành thị trường buôn bán tín chỉ carbon, đem lại nguồn thu cho nông dân. Bên cạnh đó, việc trồng xen cỏ và định hướng sản xuất cây ăn quả đã khắc phục dần hạn hán do BĐKH và giảm được lượng phân cũng như thuốc hóa học bón cho cây ăn quả. Kết quả, việc nuôi nhốt bò, dê dưới gầm sàn của bà con nông dân đã giảm từ 98% số hộ xuống còn dưới 10%; 35% số hộ đã thực hiện ủ phân chăn nuôi, nhờ đó mùi hôi thối tại bản đã giảm đáng kể. Đáng chú ý là, 72% số hộ đã có những hành động thích ứng với vấn đề BĐKH thông qua chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển từ trồng trọt sang chăn nuôi, từ trồng lúa bị ngập sang trồng cỏ chăn nuôi. Nhờ chuyển cơ cấu từ cây lúa nước sang trồng cỏ và xử lý phân thải chăn nuôi, dự án thực hiện đã giảm được 5 tấn khí nhà kính [157].

Cùng với những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST ở Tây Bắc thời gian qua còn một số hạn chế như:

Một là, mức độ phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST ở Tây Bắc mặc dù bước đầu đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chỉ mới ở mức thấp, hiệu quả chưa sâu rộng. Cụ thể, theo đánh giá của nông dân và đội ngũ cán bộ về những nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST chỉ ở mức trung bình, nông dân đánh giá thấp nhất là 2,86/5 điểm đến cao nhất là 3,03/5 điểm, cán bộ đánh giá từ 2,73/5 điểm đến 3,02/5 điểm (Phụ lục 2.1-C15 và 2.2-C15). Số điểm đánh giá này cho thấy hiệu quả thực hiện nội dung này chưa cao, đặt ra yêu cầu phải có sự chủ động, tích cực hơn nữa của cả chủ thể nông dân và đội ngũ cán bộ trong triển khai và thực hiện các chính sách xây dựng NNST; vấn đề giảm nghèo gắn với sản xuất NNST ở nhiều nơi chưa bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều năm 2023 của các tỉnh Tây Bắc tuy có giảm nhưng so sánh với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước vẫn

còn rất cao, đặc biệt là Điện Biên (29,55%) và Sơn La (19,79%), trong khi Trung du và miền núi phía Bắc là 10,71% và cả nước là 3,37% (Bảng 3.1); giải quyết công ăn việc làm cho nông dân còn rất khiêm tốn; nhiều giá trị văn hóa truyền thống của địa phương như truyền thống canh tác độc đáo thân thiện với môi trường của đồng bào các DTTS, các giống cây trồng, vật nuôi đặc sản của địa phương, các câu chuyện văn hóa liên quan đến các sản vật của địa phương chưa được khai thác và tích hợp vào sản phẩm nông nghiệp để tạo nên giá trị gia tăng cho sản phẩm, nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương chưa kết nối được với thị trường và chưa gây dựng được thương hiệu, việc phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái ở Tây Bắc cũng đã và đang rất triển vọng, đặc biệt là các mô hình ở Mai châu (Hòa Bình), Mộc Châu (Sơn La)... nhưng các mô hình chưa được nhân rộng và phát triển bền vững. Điều đó, rất cần có sự hỗ trợ kịp thời của các chính sách gắn với xây dựng NNST, tăng trưởng xanh.

Hai là, mặc dù Tây Bắc đã có nhiều nỗ lực trong việc khuyến khích thử nghiệm, áp dụng các mô hình nông nghiệp thân thiện nhằm vừa gia tăng hiệu quả kinh tế, vừa góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH, song hầu hết các mô hình đều được triển khai trên phạm vi hẹp, chưa được mở rộng nên hiệu quả và sức lan tỏa chưa cao. Bên cạnh đó, bà con nông dân vẫn quen với lối canh tác cũ như phá rừng, đốt nương làm rẫy... mà khu vực Tây Bắc đa phần là địa hình dốc nên một khi rừng bị phá, đất bị thoái hóa thì không chỉ năng suất cây trồng bị ảnh hưởng mà sinh thái cả vùng cũng yếu đi, các hiện tượng thiên tai, BĐKH gia tăng mạnh hơn. Bằng chứng là trong những năm gần đây, các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng nhiều hơn, theo một nghiên cứu mới xuất bản đầu năm 2024, phân tích 226 điểm dễ xảy ra lũ quét và 452 điểm dữ liệu lịch sử để dự đoán xác suất xảy ra lũ quét và xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét từ 2013-2022 ở huyện Mường La (Sơn La) cho thấy khu vực được phân loại là "có khả năng xảy ra lũ quét cao" và "rất cao" trong giai đoạn 2013-2022 tăng lên 11,7% so với giai đoạn 2001-2010

[111, tr.31].

Ba là, tỷ lệ thu, tái chế phụ phẩm trong quá trình sản xuất của nông dân còn quá thấp. Trong khi đó, phụ phẩm nông nghiệp cần được coi là nguồn tài nguyên tái tạo, là đầu vào quan trọng của quá trình tuần hoàn khác nhằm kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp. Thực tế, còn một lượng lớn phụ phẩm nông nghiệp chưa được xử lý, thải ra môi trường vừa lãng phí vừa gây ô nhiễm môi trường. Cụ thể, đối với ngành chăn nuôi mới chỉ có gần 20% chất thải chăn nuôi được sử dụng và ngành trồng trọt là 10%, còn lại hầu hết chất thải chăn nuôi và phế phụ phẩm nông nghiệp không được tận dụng... chủ yếu được đốt trên đồng ruộng, gây ra khí thải và ô nhiễm môi trường, mất đa dạng sinh học (các sinh vật sống trong đất như nấm, vi khuẩn và động vật có lợi). Tỷ lệ thu, tái chế phụ phẩm thấp một phần là do thiếu giải pháp công nghệ và thị trường mua bán phế phụ phẩm nông nghiệp chưa được hình thành, doanh nghiệp, nông dân chưa bán được chứng chỉ carbon và còn hạn chế kiến thức về kinh tế carbon, nhất là từ sản xuất lúa. Rõ ràng trong bối cảnh nguồn tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt và tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, việc thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp là một xu hướng tất yếu.

Bốn là, công tác xây dựng, lập quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện, thích ứng với BĐKH của chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế, cả về mặt năng lực, quy trình lẫn phương thức thực hiện. Quy hoạch phát triển nông nghiệp các tỉnh Tây Bắc chậm được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, thậm chí ngay với các đề án phát triển nông nghiệp trong thời gian gần đây cũng chỉ nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững mà chưa quan tâm đến vấn đề lồng ghép ứng phó BĐKH cũng như các yếu tố về thiên tai, nhóm tổn thương/yếu thế... khi xây dựng và thực hiện [136]. Do đó, để thúc đẩy nông nghiệp Tây Bắc phát triển, cần đặc biệt ưu tiên cải thiện hoạt động nghiên cứu, xây dựng, chính sách nhằm tạo điều kiện

cho các hoạt động, ứng dụng thực hành nông nghiệp ứng phó được triển khai và nhân rộng.

3.2.1.4. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân Tây Bắc trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội - Thành tựu và hạn chế

Một là, các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể tạo điều kiện về mặt pháp lý và triển khai thực hiện để nông dân được phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST

Thực hiện yêu cầu nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng tại Nghị quyết 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, ngày 24/11/2023, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội ở Tây Bắc khi triển khai các chính sách, khuyến khích, động viên nông dân chủ động tích cực tham gia xây dựng NNST, các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ sản xuất, kỹ năng quản lý... cũng chính là tạo điều kiện để chủ thể nông dân được thụ hưởng những giá trị của NNST mang lại góp phần thực hiện tốt Nghị quyết tại địa phương, đem đến cuộc sống ngày càng tốt hơn cho nông dân.

Tại Sơn La, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, căn cứ các văn bản của Trung ương, Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tăng cường công tác tuyên truyền qua các tin, bài, phóng sự về các mô hình giảm nghèo hiệu quả; khơi dậy tính tiên phong gương mẫu, ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo. Đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện

các chính sách tại địa phương. Tổng kế hoạch vốn bố trí thực hiện Chương trình từ năm 2022 - 2024 là 5.619.686 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 2.355.810 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.856.006 triệu đồng; Vốn vay 1.351.147 triệu đồng và vốn khác 56.723 triệu đồng. Toàn tỉnh đã giải ngân thanh toán được 1.646.690 triệu đồng. Năm 2024, Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 14.457 lượt khách hàng với tổng số tiền 808.759,25 triệu đồng cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo hộ đồng bào DTTS vay vốn để phát triển kinh tế, tăng thu nhập. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 giảm từ 17,83% xuống còn 14,17%, tương đương 42.147 hộ, giảm 3,66% so với năm 2022, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm, 3%/năm) [57].

Để nông dân được thụ hưởng môi trường sống, môi trường làm việc trong lành, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp ở các tỉnh Tây Bắc đã tích cực tổ chức tốt công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó với BĐKH cho cán bộ, người dân; tích cực triển khai nhiều hoạt động, xây dựng nhiều mô hình bảo vệ môi trường từ sản xuất cho đến hoạt động hàng ngày; đồng thời kiểm tra, giám sát, tổng kết đánh giá hiệu quả của các mô hình. Tại Hòa Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường; tham mưu ban hành Đề án thu gom, xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải nhựa trong sản xuất trồng trọt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ được 1537 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các vùng trồng cây chủ lực và lợi thế của tỉnh; chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các nguyên tắc trong sử dụng vật tư nông nghiệp và thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải trong sản xuất, đặc biệt là chất thải nhựa; Khuyến khích nhân rộng các mô hình sản xuất sạch, thân thiện với môi trường (các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, quy mô vừa và các hộ chăn nuôi trên địa bàn xây dựng bể Biogas, ủ Compost kết hợp với phương pháp ủ sinh học và chăn nuôi bằng đệm lót sinh học để xử lý chất thải trong chăn nuôi);

khuyến khích nông dân sử dụng vật tư nông nghiệp có nguồn gốc sinh học; Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất - kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn; góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nông dân trong sản xuất theo hướng NNST bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. [115, tr.5].

Nhờ các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể ở các tỉnh Tây Bắc tích cực triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, phát huy vai trò kinh tế hộ gia đình, phát triển kinh tế trang trại, HTX, Tổ Hợp tác, từng bước làm chủ các hoạt động, phong trào ở nông thôn với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”... mà chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nông dân không ngừng được nâng lên, số hộ khá giàu tăng, hộ nghèo giảm.

Hai là, nông dân từng bước được phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội

Về thụ hưởng thu nhập: Thời gian qua, theo đánh giá từ việc triển khai các mô hình NNST ở Tây Bắc cho thấy chi phí đầu tư để sản xuất giảm và hiệu quả đạt được cao hơn nhiều so với phương thức canh tác truyền thống. Điều đó đồng nghĩa với việc thu nhập của nông dân ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân cũng không ngừng được cải thiện. Cụ thể, tỉnh Điện Biên từ năm 2021 - 2023, đã triển khai 125 dự án liên kết sản xuất; xây dựng và phát triển thành công 33 chuỗi liên kết sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với sản xuất truyền thống, như: Trồng rau an toàn giảm chi phí sản xuất 10 - 15%, sản lượng tăng từ 15 - 25%, lợi nhuận tăng từ 30 - 35 triệu đồng/ha; liên kết sản xuất lúa theo cánh đồng một giống, áp dụng cơ giới hóa đã giảm chi phí sản xuất, lợi nhuận tăng từ 15 - 20 triệu đồng/ha...[123].

Tại Sơn La, khi đánh giá kết quả triển khai mô hình cấy lúa theo phương thức SRI ở bản Nà Si xã Hát Lót, huyện Mai Sơn đã cho thấy chi phí về giống giảm được 60%, chi phí về phân bón giảm 15%, lượng công chăm sóc giảm 20% còn năng suất tăng 15%, mỗi ha lúa thâm canh SRI giúp tăng từ 15 đến 17 triệu đồng thu nhập so với trồng lúa thông thường; Với việc hỗ trợ máy cấy, việc áp dụng SRI tại

bản Nà Khái, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu khá thuận lợi, cả 10 hộ trong nhóm nông dân thích ứng đều tích cực tham gia thực hiện theo kỹ thuật này trên 6 ha, chiếm trên 90% tổng diện tích lúa của các hộ. Với ưu điểm giảm được chi phí về giống, phân, thuốc bảo vệ thực vật đồng thời năng suất tăng cao. Mỗi ha lúa cấy theo SRI giúp tăng thêm từ 16 đến 20 triệu đồng thu nhập; Thu nhập của nông dân đã được nâng cao, tại bản Phé A xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu thu nhập bình quân của người dân sau triển khai dự án NNST đạt mức 32 triệu đồng/năm. Trước dự án thu nhập bình quân đầu người ở bản Nà Si là 16 triệu/năm, sau dự án tăng lên 21 triệu/năm. Trong đó, tỷ lệ đóng góp của chăn nuôi trong thu nhập tăng nhanh, chiếm 52% trong cơ cấu, tăng 12% so với trước dự án. Tương tự, mức thu nhập của hộ nông dân ở bản Nà Khái cũng từ mức bình quân 37 triệu/hộ/năm, tăng lên 50 triệu/hộ/năm [157].

Với những kết quả đạt được từ việc triển khai các mô hình sản xuất theo hướng NNST, thu nhập bình quân đầu người từ nông, lâm nghiệp, thủy sản của các tỉnh Tây Bắc đã tăng dần qua các năm (Bảng 3.3).

Bảng 3.3. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nguồn thu và theo địa phương

Đơn vị: nghìn đồng

	Thu từ nông, lâm nghiệp, thủy sản			
	2020	2021	2022	2023
Điện Biên	479	410	544	581
Sơn La	582	632	636	854
Hòa Bình	436	462	269	427

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong đó, Sơn La là tỉnh có thu nhập bình quân đầu người từ nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng cao nhất trong 3 tỉnh Tây Bắc từ 582 nghìn đồng/tháng (năm 2020) lên 854 nghìn đồng/tháng (năm 2023). Có được kết quả này là do trong những năm qua, các cấp chính quyền Sơn La đã rất quyết liệt trong việc thúc đẩy sản xuất

nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân.

Về thụ hưởng môi trường sống, môi trường làm việc trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn

Tại những nơi thực hiện các mô hình NNST ở 3 tỉnh Tây Bắc, vấn đề môi trường đã được cải thiện rõ rệt. Thực hiện quy trình sản xuất theo phương thức mới, giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học chuyển dần sang sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc sinh học, việc nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn đã giảm, nông dân thực hiện ủ phân chăn nuôi nên mùi hôi thối đã giảm đáng kể, rơm không bị đốt mà được trữ khô hoặc ủ làm thức ăn chăn nuôi trong mùa đông nên giảm lượng phát thải khí nhà kính, môi trường đất, môi trường nước cũng được bảo vệ tốt hơn, sản phẩm nông sản được sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, OCOP, hữu cơ... đảm bảo sạch, an toàn đối với con người và môi trường. Ở Mộc Châu (Sơn La), sau hơn 3 năm triển khai thực hiện chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, toàn huyện đã có gần 180 tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất theo hướng hữu cơ với tổng diện tích sản xuất gần 1.100 ha; có khoảng 2.100 tổ chức, cá nhân là doanh nghiệp, HTX và hộ gia đình thực hiện ủ phân hữu cơ vi sinh tại vườn với khối lượng khoảng trên 4.200 tấn; có gần 3.000 cơ sở sử dụng phân bón hữu cơ trong trồng trọt, trong đó có 15 doanh nghiệp, HTX và 2.911 hộ dân; trên 51% tổng lượng phân bón đã sử dụng là phân hữu cơ; trên 41% lượng thuốc bảo vệ thực vật đã sử dụng là thuốc có nguồn gốc sinh học [76]. Cũng từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã cung cấp ra thị trường các sản phẩm nông sản sạch, an toàn, góp phần nâng cao thương hiệu sản phẩm nông sản địa phương; tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh ngày một gia tăng: Điện Biên tăng từ 79,5% (năm 2020) lên 93,1% (năm 2023); Sơn La tăng từ 72% (năm 2020) lên 90,8% (năm 2023); Hòa Bình tăng từ 92,4% (năm 2020) lên 95,5% (năm 2023).

Bảng 3.4. Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh phân theo

địa phương và năm*Đơn vị %*

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
CẢ NƯỚC	96,5	97,5	98,0	98,4
Điện Biên	79,5	73,0	85,2	93,1
Sơn La	72,0	78,0	87,0	90,8
Hoà Bình	92,4	95,7	98,1	95,5

Nguồn: Tổng cục thống kê

Bên cạnh đó, chất lượng không khí cũng được cải thiện đáng kể (xem bảng sau):

Bảng 3.5. Chất lượng không khí tại các địa phương*Đơn vị: %*

	Điện Biên	Sơn La	Hòa Bình
Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú	47,62%	30,07%	38,48%
Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt	89,01%	90,78%	93,21%
Tỷ lệ người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước	51,53%	44,31%	46,64%

Nguồn: Báo cáo chỉ số PAPI 2023

Qua khảo sát, số người cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước là 51,53% ở Điện Biên, 44,31% ở Sơn La, 46,64% ở Hòa Bình.

Về thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh

Tại Hòa Bình, các cấp Hội Nông dân tích cực tuyên truyền, giáo dục hội viên, nông dân học tập nâng cao kiến thức hiểu biết xã hội, năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, tiếp cận thị trường và hội nhập; xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức cho người nông dân về: kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa xã hội, pháp luật, thị trường và hội nhập. Trong đó, trọng tâm là chuyển giao khoa học - kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tại các vùng chuyên canh lớn, có thế mạnh về lao động, việc làm, thị trường và giá cả, về văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật và kinh tế hội nhập. Trong nhiệm kỳ (2018-2023) có 02 hội viên nông dân được công nhận “Có thành tích nghiên cứu, phát minh sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn” và nhà “Khoa học của Nhà nông”. Đó là hộ ông Phan Văn Cường, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong; hộ Bà Nguyễn Thị Tâm – tổ 17, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình [10, tr.12]. Bằng các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng NTM; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Trung tâm Hỗ trợ nông dân đã trực tiếp tổ chức được 67 lớp đào tạo nghề cho 2.146 hội viên; các cấp Hội phối hợp mở được 227 lớp cho 6.314 hội viên. Nhiều nông dân đã mạnh dạn đầu tư vốn, mở ngành nghề mới, củng cố các nghề truyền thống, đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, cánh đồng lớn; tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân [10, tr18].

Từ những chính sách thúc đẩy nâng cao trình độ cho nông dân đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, nông dân các tỉnh Tây Bắc đã có những chuyển biến đáng kể về trình độ, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý, tiếp cận thị trường để từng bước vươn lên lĩnh hội tri thức, hoàn thiện bản thân, làm chủ quá trình sản xuất, xây dựng mẫu hình người nông dân văn minh, hiện đại.

Thời gian qua, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ở Tây Bắc đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên bên cạnh đó còn một số hạn chế. Cụ thể:

Một là, mức độ phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST của chủ thể nông dân ở Tây Bắc chưa cao. Để đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của NNST tại Tây Bắc, tác giả đã tiến hành khảo sát người dân và cán bộ với câu hỏi: *Ông/Bà đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ở địa phương như thế nào?* Kết quả thu được: việc thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên được nông dân đánh giá 2,85/5, cán bộ đánh giá 2,27/5; Thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn được nông dân đánh giá 2,97/5, cán bộ đánh giá 2,87/5; Thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh được nông dân đánh giá 2,96/5, cán bộ đánh giá 2,87/5 [Phụ lục 2.1-C16 và 2.2-C16]. Kết quả này cho thấy việc thụ hưởng các giá trị của NNST ở Tây Bắc được đánh giá chưa cao bởi điểm đánh giá các nội dung chỉ ở mức trung bình. Đặc biệt việc thụ hưởng thu nhập được cán bộ đánh giá thấp nhất 2,27/5 chưa đến mức trung bình. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế Tây Bắc tính đến nay vẫn là vùng nghèo nhất của cả nước, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Hai là, việc phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST chưa đồng đều và bền vững. Ở một số nơi, sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập còn cao, đặc biệt là chênh lệch giữa nhóm thu nhập thấp nhất và nhóm thu nhập cao nhất ở các địa phương còn lớn.

***Bảng 3.6: Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI)
phân theo địa phương***

	2020	2021	2022	2023
CẢ NƯỚC	0,373	0,374	0,375	0,374
Trung du và miền núi phía Bắc	0,420	0,428	0,408	0,411
Điện Biên	0,452	0,501	0,426	0,427
Sơn La	0,469	0,474	0,420	0,420
Hòa Bình	0,392	0,360	0,345	0,345

Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.2.2. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

3.2.2.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Thứ nhất, có hệ thống các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của HTCT các cấp trong việc khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho nông dân phát huy vai trò chủ thể.

Việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian qua đạt được những thành tựu nhất định trước hết là do Đảng, Nhà nước đã ban hành hệ thống các chủ trương, chính sách từ nghị quyết chung về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến Nghị quyết phát triển vùng và từng lĩnh vực. Bên cạnh đó, còn có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương; sự phối hợp của các cấp, các ngành trong triển khai và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về NNST luôn bám sát các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhà nước và chính quyền địa phương có những chính sách hỗ trợ thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình, làm chủ quá trình sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. Các chính sách về phát triển nông nghiệp bền vững, NNST và phát triển nông thôn đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vùng Tây Bắc tiếp cận về vốn, kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi... giúp nông dân chủ động triển khai các mô hình sản xuất NNST; Các hoạt động, phong trào, chương trình khuyến khích nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi được tổ chức đúng chủ

trương, định hướng và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương cũng như nguyện vọng của nông dân nên đã thu hút được sự tham gia tích cực của đông đảo nông dân chuyển đổi sang mô hình sản xuất NNST hiện đại, bền vững. Chính vì vậy, khi nhận được sự khuyến khích, động viên từ HTCT các cấp đã giúp cho chủ thể nông dân càng có thêm sự tin tưởng vào tính hiệu quả của các chủ trương, chính sách về xây dựng NNST, có thêm chỗ dựa tinh thần vững chắc để hăng hái, tích cực phát huy mọi tiềm năng to lớn của mình cho quá trình xây dựng NNST ở địa phương.

Thứ hai, nhận thức, trình độ, ý thức tự giác của nông dân trong xây dựng NNST được nâng cao

Nhiều chương trình tập huấn, đào tạo về NNST đã giúp nông dân hiểu rõ hơn về lợi ích của việc phát triển mô hình này. Nông dân Tây Bắc dần nhận thức được rằng NNST không chỉ giúp bảo vệ môi trường, mà còn nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện thu nhập và chất lượng cuộc sống. Chính vì vậy, nông dân đã chủ động, tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng sản xuất, tiếp nhận kỹ thuật sản xuất mới nên đã thay đổi nếp nghĩ, cách làm. Đây là nguyên nhân cơ bản làm cho mặt bằng dân trí, trình độ học vấn và chuyên môn tay nghề của nông dân từng bước được nâng lên. Hơn nữa, sự sáng tạo, năng động, nhạy bén vốn có của nông dân thông qua việc chủ động tìm tòi học hỏi kỹ thuật canh tác, quản lý quá trình sản xuất ở các mô hình NNST hiệu quả, trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng là yếu tố nội sinh giúp nông dân Tây Bắc thực hiện có hiệu quả quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của từng địa phương, hình thành nhiều mô hình sản xuất bền vững.

Thứ ba, sự hỗ trợ, đồng hành và chia sẻ của các tổ chức, cá nhân đối với nông dân trong xây dựng NNST

Đồng hành cùng với nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc có cả một lực lượng đông đảo các tổ chức và cá nhân: từ sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đến các tổ chức quốc tế; từ

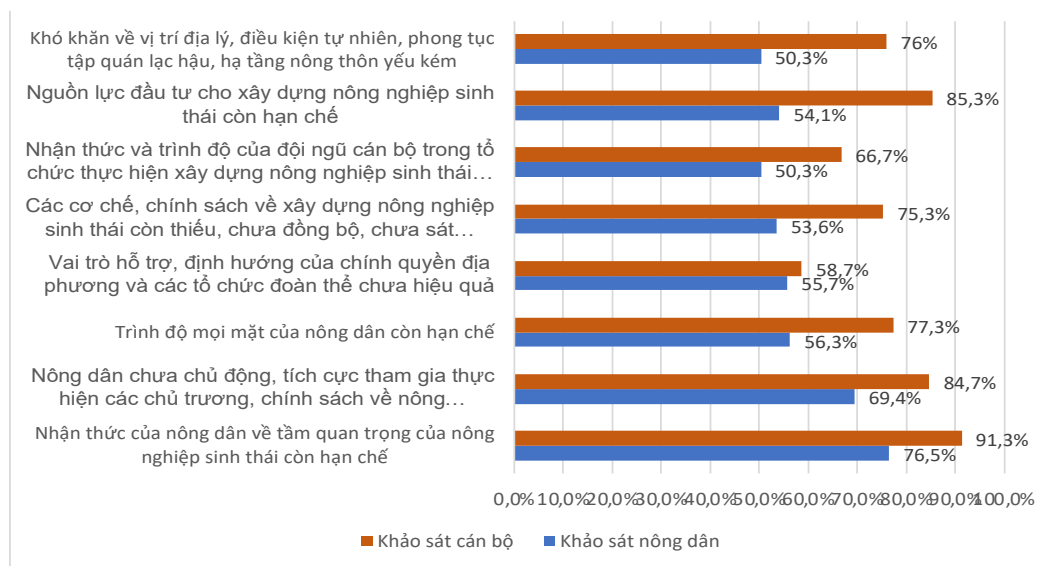
đội ngũ các nhà khoa học đến cá nhân những gương sáng điển hình trong sản xuất, kinh doanh giỏi,... cùng chung tay, góp sức, hỗ trợ, chia sẻ với nông dân trong tiến trình này. Các mô hình liên kết sản xuất, HTX, tổ hợp tác nông nghiệp, với sự tham gia tích cực của cộng đồng nông dân, đã giúp chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật và nguồn lực, từ đó nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trong sản xuất NNST; Sự hỗ trợ từ các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ, bao gồm ứng dụng KHCN vào sản xuất, nghiên cứu và phát triển giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH giúp nông dân Tây Bắc phát triển NNST, hiệu quả, bền vững; Sự tham gia hợp tác của các tổ chức quốc tế vào quá trình xây dựng NNST ở Tây Bắc thông qua việc cung cấp tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm giúp nông dân tiếp cận với kiến thức và mô hình nông nghiệp tiên tiến từ các quốc gia phát triển; Sự hỗ trợ đắc lực của các gương sáng điển hình về kỹ thuật sản xuất, kỹ năng quản lý, tiếp cận thị trường giúp nông dân tự tin, mạnh dạn chuyển đổi mô hình sản xuất... Sự tích cực, tâm huyết, nhiệt tình của các tổ chức, cá nhân giúp cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân Tây Bắc trong xây dựng NNST ngày càng có hiệu quả hơn. Bởi, chính sự đồng hành, chia sẻ của xã hội đối với nông dân trong xây dựng NNST đã giúp cho chủ thể nông dân cảm thấy không đơn độc mà như được tiếp thêm sức mạnh để phát huy vai trò của mình một cách tối đa; giúp cho chủ thể nông dân có thêm động lực, khát vọng và nghị lực vươn lên khẳng định mình trong cuộc sống để đem lại lợi ích cho bản thân và cộng đồng xã hội.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế, yếu kém của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đã được nông dân và đội ngũ cán bộ ở Tây Bắc thông qua kết quả khảo sát xác định do nhiều nguyên nhân khác nhau (Biểu đồ 3.3); trong đó, có những nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, nguyên nhân từ cơ chế, chính sách xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, từ hiệu quả triển khai thực hiện chính sách của HTCT và chất lượng đội ngũ cán bộ địa phương. Đó là một số cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân và các

chủ thể tham gia xây dựng NNST chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện; Một số cơ chế, chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn tuy đã có sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa tạo điều kiện tốt nhất cho nông dân phát triển sản xuất kinh doanh; việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ cho các chủ thể tham gia sản xuất NNST còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; Sự phối hợp giữa các các cơ quan, ban ngành, đoàn thể liên quan chưa chặt chẽ; Công tác kiểm tra đôn đốc chưa thường xuyên, kịp thời; Hiệu quả thu hút, sử dụng vốn đầu tư xã hội cho phát triển NNST chưa cao; Năng lực, trình độ chuyên môn của một số cán bộ, đặc biệt cán bộ ở cơ sở còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành, xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện NNST; Phương thức hoạt động của các tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích của nông dân còn chậm đổi mới, chưa phát huy tốt chức năng đại diện, chăm lo lợi ích cho nông dân.



Biểu đồ 3.3. Nguyên nhân khiến cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST còn hạn chế

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án năm 2024

Thứ hai, nguyên nhân từ những hạn chế của chủ thể nông dân. Đó là nhận thức của nông dân về tầm quan trọng của NNST còn hạn chế; một số nông dân chưa chủ động, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về

NNST; trình độ mọi mặt của nông dân chưa đáp ứng yêu cầu, không ít nông dân còn thiếu năng lực, tâm thế làm chủ quá trình sản xuất NNST, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng NTM. Phần lớn nông dân thường mang trong mình tâm lý cam chịu hoàn cảnh, trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo, hỗ trợ của chính quyền địa phương. Họ thiếu khả năng sáng tạo, tinh thần tự chủ và năng lực liên kết, phối hợp hành động. Đây là những trở ngại tự thân, khiến nông thôn Tây Bắc mặc dù có lực lượng lao động đông đảo nhưng trì trệ, thiếu kỹ thuật nên năng suất lao động và thu nhập thấp. Quá trình xây dựng NNST chỉ thành công khi người nông dân thay đổi. Đó là sự thay đổi quan trọng nhất, bởi họ là người trực tiếp của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM.

Thứ ba, nguyên nhân từ điều kiện địa hình, tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán, hạ tầng nông thôn. Ở Tây Bắc có nhiều vùng đồi núi cao, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, đất canh tác thường là đất dốc, dễ bị xói mòn và suy thoái, BDKH, thiên tai, bão, lũ... điều này cản trở sự phát triển các mô hình NNST ổn định làm cho nông dân e ngại khi đầu tư vào sản xuất NNST. Hơn nữa nhiều nơi có hạ tầng nông thôn kém phát triển, đường sá khó khăn, thiếu hệ thống thủy lợi, điện nước, độ phủ của hạ tầng viễn thông chưa rộng khắp, thiếu các thiết bị công nghệ thông tin... gây khó khăn cho nông dân trong việc mạnh dạn triển khai các mô hình sản xuất NNST hiện đại, bền vững. Nhiều khu vực, do thói quen canh tác truyền thống ít thân thiện với môi trường làm hạn chế quá trình chuyển đổi tư duy sản xuất của nông dân nên cần có các chương trình khuyến nông để nâng cao nhận thức.

3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay

3.3.1. Yêu cầu cao trong chủ trương, chính sách phát huy vai trò chủ thể

của nông dân nhưng hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách của hệ thống chính trị ở địa phương còn hạn chế

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhấn mạnh vai trò trung tâm của nông dân trong việc xây dựng NNST, khuyến khích nông dân tích cực, chủ động tham gia vào các khâu của quá trình sản xuất NNST hướng đến mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân, đem đến sự phát triển bền vững cho xã hội. Từ đó, đặt ra yêu cầu đối với HTCT địa phương phải chủ động xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, đề án, cụ thể hoá nhiệm vụ của địa phương trong việc xây dựng NNST phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và nâng cao trình độ mọi mặt cho nông dân, tạo điều kiện để nông dân đảm đương được vai trò chủ thể của mình. Nhưng thực tế việc triển khai thực hiện chính sách ở địa phương thường thiếu tính cụ thể và linh hoạt, chưa phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng. Nhiều địa phương triển khai các mô hình NNST nhưng chưa cân nhắc kỹ về đặc thù sinh thái, đất đai, khí hậu, phong tục tập quán cũng như tham khảo ý kiến của người dân dẫn đến tình trạng hiệu quả của các mô hình không cao, chưa tạo được sự chuyển biến đáng kể trong phát triển NNST ở địa phương.

Một thực tế ở Tây Bắc hiện nay cho thấy nhận thức, trình độ của đội ngũ cán bộ cùng với sự quyết liệt trong hành động của HTCT ở địa phương còn nhiều hạn chế. Một số chính quyền địa phương ở Tây Bắc chưa có sự quan tâm thích đáng hoặc chưa thấy rõ lợi ích lâu dài của NNST, các kế hoạch triển khai nhiều khi chỉ mang tính hình thức, hiệu quả không cao. Những hậu quả nghiêm trọng do sạt lở, lũ lụt diễn ra tại các tỉnh Tây Bắc những năm gần đây, đặc biệt sau cơn bão số 3-Yagi (tháng 9 năm 2024), đã cho thấy cần phải có sự nhìn nhận một cách nghiêm túc và quyết liệt trong việc thúc đẩy phát triển NNST không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế mà quan trọng hơn phải ứng phó và thích ứng với BĐKH đảm bảo cuộc sống an toàn cho con người.

Việc phát triển NNST đòi hỏi phải có nguồn lực tài chính, kỹ thuật và cơ sở

hạ tầng phù hợp. Nếu địa phương thiếu nguồn lực, việc triển khai chính sách sẽ gặp nhiều khó khăn và không đạt hiệu quả như mong đợi. Mặc dù chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ xây dựng NNST, nhưng việc triển khai ở Tây Bắc thường không đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa các ban ngành, địa phương và người dân còn lỏng lẻo, dẫn đến những khó khăn trong việc thực hiện các kế hoạch dài hạn và phần nào hạn chế hiệu quả của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

3.3.2. Thực tế yêu cầu phải tăng cường sự chủ động, tích cực tham gia của chủ thể nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái nhưng nhận thức và trình độ của nông dân còn hạn chế

Trong quá trình xây dựng NNST, nông dân được xem là những người trực tiếp thực hiện và duy trì các phương pháp canh tác thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ sinh thái. Do đó, họ cần phải chủ động học hỏi và áp dụng các công nghệ mới, phương pháp trồng trọt và chăn nuôi bền vững. Tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định, cải thiện hạ tầng sản xuất và thích ứng với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về nông nghiệp sạch. Đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp, duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ đất đai và nguồn nước. Vì vậy, NNST đòi hỏi nông dân không chỉ tuân thủ các phương pháp canh tác bền vững mà còn phải tự tìm tòi, học hỏi và đổi mới liên tục. Tuy nhiên, ở Tây Bắc, nhiều nông dân vẫn quen với các phương pháp canh tác truyền thống, sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu, và thiếu hiểu biết về lợi ích của các phương pháp NNST. Họ có xu hướng gắn bó với các phương pháp canh tác truyền thống vì họ đã áp dụng chúng qua nhiều thế hệ và thấy an toàn hơn khi duy trì cách làm quen thuộc. Điều này làm cho họ ít có động lực hoặc không đủ tự tin để chủ động chuyển đổi sang NNST. Việc thay đổi thói quen đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ về tư duy và nhận thức, điều này khó đạt được nếu họ chưa được thuyết phục về lợi ích rõ ràng của NNST.

Hơn nữa, đây còn là hạn chế trong nhận thức của chủ thể nông dân về lợi ích ngắn hạn với lợi ích dài hạn. NNST đòi hỏi đầu tư thời gian và công sức lớn để tạo

ra một hệ thống nông nghiệp bền vững, trong khi nông dân thường mong muốn đạt được lợi nhuận nhanh chóng, sợ rủi ro vì họ thường phải đối diện với áp lực tài chính và cuộc sống hàng ngày, khiến họ ưu tiên lợi ích ngắn hạn. Sự hạn chế trong nhận thức có thể khiến họ ưu tiên những phương thức canh tác truyền thống mang lại hiệu quả tức thì thay vì những giải pháp bền vững lâu dài.

Ngoài ra, việc thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên môn của nông dân Tây Bắc với yêu cầu kỹ thuật cao của NNST cũng gây ra những cản trở cho việc chuyển đổi sang sản xuất NNST ở đây. Xây dựng NNST đòi hỏi kiến thức về đa dạng sinh học, kỹ thuật canh tác bền vững, quản lý tài nguyên thiên nhiên và BĐKH trong khi trình độ học vấn và khả năng tiếp cận thông tin của nhiều nông dân còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng các kỹ thuật mới. Cụ thể, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên của các tỉnh Tây Bắc thấp hơn nhiều so với mức độ bình quân chung của toàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc cũng như cả nước (Bảng 3.7)

Bảng 3.7: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo địa phương

Đơn vị %

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
CẢ NƯỚC	24,1	26,1	26,4	27,2
Trung du và miền núi phía Bắc	20,5	25,9	26,4	26,8
Điện Biên	16,2	18,8	18,1	18,2
Sơn La	13,1	16,8	18,5	19,0
Hòa Bình	18,6	23,6	23,8	23,8

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nhận thức và trình độ của chủ thể nông dân còn hạn chế làm tăng khoảng cách giữa yêu cầu thực tiễn xây dựng NNST và năng lực triển khai, thực hiện của nông dân. Giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi có sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách, chương trình, kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức, trình độ cho nông dân và các cơ chế chính sách hỗ trợ khác để xây dựng nền NNST

bền vững tạo niềm tin và động lực cho nông dân tham gia.

3.3.3. Bất cập giữa vai trò quan trọng, đóng góp to lớn của chủ thể nông dân cho sự ổn định và phát triển xã hội với cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của họ

Bất cập này xuất phát từ sự khác biệt giữa đóng góp thực tế của nông dân và những hỗ trợ từ chính quyền địa phương hoặc các chính sách cụ thể được ban hành để thúc đẩy nông dân phát huy vai trò của mình trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc.

Nông dân Tây Bắc có những đóng góp to lớn cho sự ổn định và phát triển của vùng và để phát huy được một cách hiệu quả sự tham gia của nông dân trong việc chuyển đổi sang NNST đảm bảo sự phát triển bền vững thì yêu cầu phải có hệ thống chính sách đầy đủ và đồng bộ cũng như sự hỗ trợ của cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, ở Tây Bắc hiện nay, đang có những bất cập trong hệ thống chính sách của chính quyền về tổ chức triển khai xây dựng các mô hình NNST và phát huy vai trò của nông dân trong tiến trình này. Mặc dù các địa phương đã ban hành các chính sách hỗ trợ, song các cơ chế cụ thể để khuyến khích và hỗ trợ nông dân thường chưa đến nơi. Ở một số nơi, nhiều chính sách phát triển nông nghiệp chưa thực sự được xây dựng dựa trên ý kiến của người nông dân, hoặc chưa phù hợp với đặc thù văn hóa, sinh kế và hoàn cảnh cụ thể của nông dân ở Tây Bắc. Một số kế hoạch, đề án phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp đưa ra không thực hiện được hoặc phải điều chỉnh nhiều lần do không phù hợp với thực tế địa phương.

Chính sách quy hoạch vùng chuyên canh tập trung chưa phù hợp với biến động của thị trường; Nhiều quy hoạch dự báo không sát với thực tế nên nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt các nguồn lực, lợi thế, vấn đề chuyển dịch cơ cấu và đổi mới hình thức sản xuất cũng chậm hơn nhiều vùng khác. Ở nhiều địa phương đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa nhưng

quy mô nhỏ, chất lượng không cao, sức cạnh tranh thấp, có dự án khó làm so với trình độ dân trí và năng lực cán bộ của vùng; công tác triển khai còn nhiều bở ngỡ, từ khâu lập kế hoạch, phân bổ vốn, đến khâu tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát [144].

Về chính sách hỗ trợ tài chính, KHCN, đa phần nông dân sản xuất NNST ở mô hình cá thể khó tiếp cận tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương hoặc nếu nông dân không có tài sản thế chấp thì gần như không thể tiếp cận nguồn vốn vay. Các chính sách hỗ trợ nông dân và các chủ thể khác tham gia liên kết sản xuất NNST nhưng điều kiện áp dụng hoặc quy trình thủ tục phức tạp làm các chủ thể không đáp ứng được, nhiều khi dự án được phê duyệt nhưng chậm giải ngân... dẫn đến tiến độ thực hiện các dự án không đảm bảo.

Chính sách hỗ trợ giảm nghèo đã được ban hành, nhưng thường thiếu tính bền vững và không được triển khai đồng đều, chưa đáp ứng các nhu cầu đặc thù của từng địa phương, nhất là đối với đồng bào DTTS. Chính sách đôi khi còn mang tính hình thức, chưa tiếp cận và giải quyết tận gốc rễ các vấn đề thực tế mà nông dân đang gặp phải. Các chính sách ứng phó với BĐKH ở Tây Bắc còn nhiều hạn chế, trong khi nông dân lại là nhóm chịu tác động mạnh nhất từ hiện tượng thời tiết cực đoan và BĐKH.

Các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng sản xuất NNST, quản lý, tiếp cận thị trường, hợp tác đầu tư... nhiều khi thiếu thực tiễn hoặc không đủ nguồn lực để tiếp cận toàn diện tới người nông dân. Chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, mở rộng thị trường còn nhiều bất cập dẫn đến nguồn vốn đầu tư vào phát triển NNST hạn chế, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho sản xuất NNST. Tây Bắc vẫn là một khu vực khó khăn về hạ tầng giao thông, năng lượng, thông tin liên lạc... làm giảm sức thu hút đầu tư các nguồn tài chính, công nghệ và thị trường của người nông dân. Hơn nữa, nông dân là người trực tiếp sản xuất, nhưng họ thường bị phụ thuộc vào các chuỗi

cung ứng và thị trường trung gian. Lợi nhuận họ nhận được thường thấp hơn rất nhiều so với các tầng lớp trung gian khác, gây ra bất bình đẳng về thu nhập. Điều này khiến nông dân gặp khó khăn trong việc nâng cao thu nhập và vươn lên thoát nghèo.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, từ việc phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - văn hóa, xã hội vùng Tây Bắc và đặc điểm nông dân Tây Bắc, luận án đã khái quát thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân Tây Bắc trong xây dựng NNST. Từ kết quả cho thấy, nông dân Tây Bắc đã có sự chuyển biến trong nhận thức và hành động để tổ chức sản xuất theo hướng NNST, tư duy kinh tế NNST đã được áp dụng trong sản xuất, nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và ứng dụng KHCN được triển khai, việc tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư sản xuất NNST được chú trọng, việc quản trị các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường, thích ứng với BĐKH được quan tâm, đồng thời nông dân cũng được thụ hưởng những thành quả của NNST góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo tiền đề cho việc xây dựng một nền NNST hiện đại, bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được còn nhiều hạn chế, khó khăn làm cho nông nghiệp Tây Bắc phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế sẵn có của vùng. Chương này cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó, đồng thời xác định 3 vấn đề đang đặt ra cần được giải quyết trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Đây là cơ sở quan trọng để đưa ra những phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian tới với hiệu quả cao hơn.

Chương 4

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỜI GIAN TỚI

4.1. Một số quan điểm nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới

4.1.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với thực hiện hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch tổng thể quốc gia

Ngày 09/01/2023, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 81/2023/QH15 về *Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Ngày 16/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 90/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là quy hoạch tổng thể quốc gia lần đầu tiên được xây dựng ở nước ta vừa mang tính tổng thể, vừa mang tính chiến lược, bao trùm mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và được lập cho 10 năm. Quy hoạch này là căn cứ pháp lý, công cụ quan trọng giúp Nhà nước hoạch định, kiến tạo động lực, không gian phát triển, bảo đảm tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bao trùm và bền vững. Trong những năm qua, vùng Trung du và miền núi Bắc bộ nói chung, vùng Tây Bắc nói riêng, luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước với mục tiêu nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng tiến ngang với các vùng kinh tế khác của cả nước phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia. Đảng, Nhà nước đã đưa ra nhiều chủ trương chính sách nhằm hiện thực hóa mục tiêu đó, đặc biệt ngày 10/2/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về “*Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an*

*ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và theo đó Chính phủ ban hành Nghị quyết số 96/NQ-CP về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/5/2024 về Phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Đây là Nghị quyết đầu tiên về vùng được Bộ Chính trị hành hành sau khi tổng kết Nghị quyết số 37-NQ/TW về vùng. Điều này thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với vùng trung du và miền núi phía Bắc, trong đó có vùng Tây bắc - một vùng có vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; tuy nhiên, đây vẫn được xem là “vùng trũng” trong phát triển, là “lỗi nghèo” của cả nước; sự phát triển của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, khoảng cách về thu nhập và trình độ phát triển của vùng so với trung bình cả nước, không những chưa được thu hẹp mà đang có xu hướng gia tăng. Do đó, cần phải có tư duy mới, tầm nhìn mới và nhất là tâm thế phát triển mới để thúc đẩy vùng phát triển một cách toàn diện, phấn đấu đến năm 2045 “là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước; bản sắc văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và HTCT vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường” [16]. Trong đó, (1) *Phát triển xanh và bền vững* đòi hỏi từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số; thúc đẩy đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. (2) *Phát triển toàn diện* là sự phát triển với người dân là trung tâm, người dân là mục tiêu và là động lực của sự phát triển. Đó là sự phát triển đảm bảo sự bình đẳng không chỉ trong thụ hưởng các thành quả của phát triển mà còn cả trong cơ hội tham gia vào quá trình phát triển, qua đó giúp thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa*

vùng với các vùng khác; giảm nghèo bền vững và đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Mục tiêu của Nghị quyết về phát triển xanh, bền vững, toàn diện cũng chính là những nội dung cần thực hiện trong phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc. NNST chỉ có thể phát huy hiệu quả khi nó giải quyết được toàn diện, bền vững các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. Do đó, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc yêu cầu phải gắn với thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đặt trong tổng thể phát triển của quốc gia để hướng đến mục tiêu chung là sự phát triển nhanh, bền vững của vùng Tây Bắc. Cụ thể :

Thứ nhất, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn liền với nhiệm vụ kinh tế

Nhiệm vụ chính trị là phát huy quyền làm chủ của nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho họ nắm bắt và tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế. Nhiệm vụ kinh tế tạo điều kiện thuận lợi, phát huy quyền làm chủ của nông dân tham gia xây dựng NNST, phát triển kinh tế nông thôn. Từ thực tế phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Tây Bắc hiện nay, cần tập trung phát triển kinh tế trên cơ sở tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng và quốc tế; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới, phù hợp với điều kiện thực tế của vùng; từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp giá trị cao, ứng dụng công nghệ hiện đại, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch, kinh tế rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng [130]...; đây là hướng đi chủ đạo của cả vùng Tây Bắc hiện nay. Bên cạnh đó, chú trọng vấn đề an sinh xã hội, đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của nông dân, đặc biệt là nông dân người DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc như: thiếu đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt, tư liệu sản xuất; giải quyết vấn đề di dân tự do, du canh

du cư, khắc phục những rủi ro do thiên tai; có chính sách hỗ trợ về vốn, đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao khoa học và công nghệ, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường tiêu thụ nông sản... Khi kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc phát triển sẽ góp phần phát huy một cách hiệu quả vai trò của nông dân trong xây dựng NNST, ngược lại kết quả của quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân lại góp phần làm cho kinh tế - xã hội ở Tây Bắc phát triển bền vững.

Thứ hai, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NNST gắn với xây dựng đời sống văn hóa - xã hội bền vững ở địa phương

Xây dựng đời sống văn hóa - xã hội bền vững ở toàn vùng Tây Bắc nói chung, mỗi địa phương, cơ sở nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố: điều kiện tự nhiên, phương thức canh tác/sinh kế, phong tục tập quán của các tộc người. Do đó cần xem xét đến cả “*cái chung*” và “*cái riêng*”, “*cái tổng thể*” và “*cái cá biệt*” để có chính sách linh hoạt phù hợp với tiến trình phát triển của vùng và đáp ứng sự thay đổi trong các mối quan hệ tộc người theo hướng tiến bộ. Trong điều kiện hiện nay, cần tập trung giữ gìn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa các dân tộc; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử cách mạng. Nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là y tế, giáo dục đào tạo, bảo trợ xã hội; thực hiện tốt các chính sách người có công, chính sách với đồng bào DTTS và đặc biệt *sử dụng “chìa khóa vạn năng”* - tăng cường mở rộng và phát huy dân chủ. Một khi mục tiêu dân chủ được đảm bảo sẽ là điều kiện quan trọng phát huy lòng nhiệt tình, tinh thần cách mạng của nông dân vào mọi hoạt động ở địa phương, góp phần mở rộng dân chủ trực tiếp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nông dân, tạo bầu không khí phấn khởi, đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng giữa cán bộ với nông dân để tập trung phát triển kinh tế - xã hội một cách hiệu quả, bền vững.

Thứ ba, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST gắn với xây dựng những chính sách đặc thù phù hợp với sự phát triển của vùng.

Vùng Tây Bắc có vị trí, vai trò quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh đối với cả nước. Hơn nữa, đây còn là vùng đất có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, do vậy, bên cạnh việc tuân thủ theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách chung của Đảng, Nhà nước, cần phải có những cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp như: chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng NTM; chính sách dân tộc, tôn giáo; chính sách xóa đói, giảm nghèo bền vững; chính sách đãi ngộ thu hút trí thức, nhân tài; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh; Chính sách ứng phó với BĐKH; chính sách bảo hiểm rủi ro do thiên tai, dịch bệnh... Chính vì vậy, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc, ngoài việc tuân thủ đường lối, chủ trương, chỉ nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở địa phương trong việc ban hành và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chỉ thị nghị quyết, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước phù hợp với đặc thù khu vực Tây Bắc nói chung, với quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân nói riêng.

4.1.2. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với mục tiêu thực hiện thành công mô hình “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” đảm bảo bản sắc vùng Tây Bắc

Nông dân là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng. Các vấn đề *nông nghiệp, nông dân, nông thôn* phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nước ta phải nhằm hướng đến thực hiện thành công mô hình “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Đây là đòi hỏi tất yếu, khách quan; là tư duy mới về quản lý và phát triển “tam nông” được đề cập từ Đại hội lần thứ XIII của Đảng và được cụ thể hóa trong mục tiêu tổng quát về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Đảng. Cụ thể: đến

năm 2030: (1) Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. (2) Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH. (3) Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và HTCT ở cơ sở trong sạch, vững mạnh [35]. Hơn nữa, tầm nhìn đến năm 2045: (1) Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. (2) NNST, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới. (3) Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc [35].

Đối với vùng Tây Bắc, trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu nêu trên, phải đảm bảo nguyên tắc phát huy nguồn nội lực của nông dân; trong đó, khâu mấu chốt là phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và bản thân chủ thể nông dân Tây Bắc phải có cơ chế thích hợp tạo nên một hệ sinh thái nông nghiệp bền vững, trong đó nông dân đóng vai trò trung tâm, chủ động trong việc quản lý và phát triển nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững; xây dựng nông thôn hiện đại là nơi đáng sống; tích cực thay đổi bản thân tiến đến xây dựng mẫu hình người nông dân văn minh, phát triển toàn diện.

4.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân

Trong bối cảnh phát triển NNST hiện nay, nông dân không chỉ là người thực hiện mà còn là đối tượng chính quyết định sự thành công và trực tiếp thụ hưởng

những thành quả của NNST mang lại. Việc xây dựng NNST và nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Sự phát triển của một nền nông nghiệp bền vững không thể tách rời với lợi ích của người nông dân bởi NNST góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của nền nông nghiệp truyền thống sẽ giúp nông dân có thu nhập cao hơn, ổn định đời sống và có thể thực hiện canh tác lâu dài và bền vững. Khi đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được nâng cao, họ sẽ có động lực để áp dụng và duy trì các phương thức sản xuất thân thiện với môi trường, hướng đến đáp ứng những yêu cầu của cộng đồng xã hội về thực phẩm sạch, an toàn, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững, toàn diện của NNST.

Quan điểm chỉ đạo có tính chất xuyên suốt về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng và Nhà nước ta là “Cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn”[129]. Vì vậy, “Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải hướng tới nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn; lấy lợi ích của người dân là mục tiêu cao nhất”[35]. Với đặc thù riêng về địa lý tự nhiên, dân cư, phong tục tập quán, sinh kế của người dân ở từng địa bàn cụ thể, trong quá trình hoạch định và triển khai thực hiện xây dựng NNST ở Tây Bắc phải đảm bảo 2 vấn đề cốt lõi sau:

Thứ nhất, đảm bảo vai trò chủ thể của nông dân được phát huy trong quá trình xây dựng NNST

HTCT các cấp phải khuyến khích nông dân tự chủ trong việc lựa chọn và áp dụng các mô hình NNST phù hợp với điều kiện địa phương. Nông dân là người trực tiếp canh tác và quản lý quá trình sản xuất nên phải đảm bảo họ có quyền tự chủ trong quá trình sản xuất, áp dụng các biện pháp canh tác sinh thái để bảo vệ môi trường và duy trì đa dạng sinh học. Do vậy, phải tập trung triển khai các chính sách để khuyến khích, động viên nông dân tích cực vươn lên hoàn thiện mình, như cung

cấp các chương trình đào tạo kỹ thuật về canh tác sinh thái, quản lý tài nguyên thiên nhiên và kiến thức về môi trường cho nông dân. Khuyến khích nông dân tham gia các hoạt động nghiên cứu và thử nghiệm các mô hình NNST. Tạo các chính sách khuyến khích nông dân tham gia phát triển NNST như hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế hoặc trợ giá các sản phẩm NNST. Tạo cơ hội cho nông dân tiếp cận các nguồn vốn từ ngân hàng và các quỹ hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững. Chính quyền phải là người đồng hành cùng với nông dân, hỗ trợ mọi mặt để nông dân tiếp cận tri thức, hội tụ các điều kiện cần và đủ nhằm chuyển hóa từ chủ trương, chính sách thành hiện thực trong cuộc sống.

Thứ hai, đảm bảo nông dân được thụ hưởng những thành quả của NNST để đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST phải hướng đến cải thiện thu nhập, điều kiện sống và an sinh xã hội cho nông dân. Nông dân cần được đảm bảo về thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, được hỗ trợ vượt qua đói nghèo, vươn lên làm giàu từ nông nghiệp. Nông dân không chỉ cần sự cải thiện về mặt kinh tế, mà còn cần có đời sống tinh thần phong phú, điều đó yêu cầu HTCT các cấp phải triển khai các hoạt động tạo môi trường văn hóa xã hội lành mạnh, các chương trình giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và tạo điều kiện cho nông dân bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển.

Tóm lại, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST không chỉ dừng lại ở việc thay đổi phương thức sản xuất mà còn đòi hỏi sự quan tâm toàn diện đến đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Đây là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự thành công và bền vững của NNST trong tương lai.

4.2. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân, NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc chính là tạo cơ sở cho việc xây dựng và hình thành một thói quen nhận biết, xử lý những vấn đề nảy sinh trong đời sống bằng tư duy khoa học, với sự dẫn dắt của trí tuệ là việc làm cần thiết.

Triết học Mác-Lênin đã khẳng định, nhận thức là quá trình “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan” [68, tr.179]. Đó là quá trình đi từ mặt bên ngoài vào mặt bên trong, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất cấp 1 đến bản chất cấp 2... và đến vô hạn. Nói đến nhận thức, chủ yếu là nói đến tư duy. Hoạt động của tư duy cũng đồng thời là quá trình vận dụng tri thức vào đời sống hiện thực, soi sáng hoạt động của con người. Trên ý nghĩa này mà nói, khi nhận thức của xã hội, nhận thức của cán bộ, nông dân về vai trò và thực chất quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc được nâng lên thì cũng chính là lúc chúng ta tạo lập được môi trường xã hội thuận lợi cho quá trình phát huy đạt hiệu quả cao. Do đó, cùng với việc xác định và nhận thức được rõ ràng vị trí, vai trò chủ thể của nông dân và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST sẽ tạo cơ sở chuyển biến trong hoạt động của toàn xã hội, tạo điều kiện cho nông dân phát huy hiệu quả vai trò chủ thể của mình, xây dựng nền NNST đem đến sự phát triển bền vững cho vùng Tây Bắc. Như vậy, cần tạo ra sự thống nhất giữa lợi ích của nông dân với lợi ích của cộng đồng và xã hội. Theo tư tưởng của C.Mác: Nếu như lợi ích, hiểu một cách đúng đắn, là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì điều quan trọng là phải ra sức làm cho lợi ích riêng tư của con người phù hợp với lợi ích của loài người. Tuy vậy, trên phạm vi toàn xã hội, những vấn đề nêu trên, chưa phải đã được nhận thức đầy đủ, đúng đắn. Ở vùng Tây Bắc, trong điều kiện hiện nay, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tạo sự chuyển biến về chất trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò chủ thể của nông

dân, sự cần thiết phải xây dựng NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Cụ thể:

- *Về nội dung tuyên truyền:* cần tập trung vào chủ trương, chính sách, chương trình phát triển NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh của Đảng và Nhà nước; vai trò “chủ thể” của nông dân trong xây dựng NNST; sự cần thiết phải chuyển đổi sang nền NNST, lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; hiệu quả của các mô hình sản xuất theo hướng sinh thái trong vùng, qua đó tạo sức lan tỏa, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST, thay đổi tập quán sản xuất truyền thống lạc hậu, sang cách thức sản xuất mới, tiên tiến, hiện đại; kiến thức về kỹ thuật canh tác NNST, về sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH; tăng cường cập nhật, phổ biến triển khai các công nghệ của công nghiệp 4.0 vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng đời sống văn hóa mới; nâng cao ý thức pháp luật cho nông dân, phát huy dân chủ cơ sở và thực hiện an ninh trật tự nông thôn; các phong trào thi đua của nông dân được tổ chức hằng năm nhằm lan tỏa mạnh mẽ, thu hút đông đảo cán bộ, nông dân và cộng đồng tham gia... Những nội dung tuyên truyền này góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, khơi dậy truyền thống yêu nước, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của nông dân, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nông dân với Đảng và Nhà nước.

- *Về phương thức tuyên truyền:* Đa dạng hóa phương thức tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin đại chúng (báo, đài, ti vi, internet, nhất là hệ thống truyền thanh của xã, phường); thông qua các cuộc họp của thôn, xóm, chi bộ cơ sở; tuyên truyền bằng pano, áp phích, tờ rơi đến từng hộ nông dân; thông qua những người có uy tín trong cộng đồng - những gương nông dân điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh giỏi; thông qua sinh hoạt cộng đồng, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội chợ, hội thi, triển lãm; tham quan thực tế, nêu gương, tôn vinh người tốt, việc tốt; xây dựng và thực hiện các phong trào thi đua, các dự án, mô hình điểm; thông qua các hoạt động tiếp xúc, đối thoại... ứng dụng công nghệ, mạng xã hội để

truyền tải thông điệp tích cực đến đông đảo nông dân. Đặc biệt, đài phát thanh, truyền hình, báo chí của Trung ương và các địa phương cần có những chương trình, chuyên trang, chuyên mục,... với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, hấp dẫn... nhằm tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng nhà nước, chương trình kế hoạch của địa phương về xây dựng NNST, khẳng định vị thế làm chủ của nông dân, các mô hình sản xuất hiệu quả, chia sẻ kinh nghiệm giúp nhau xóa đói giảm nghèo, làm giàu từ nông nghiệp, các kỹ thuật canh tác NNST... cho mọi nông dân có thể tiếp cận được.

- *Về phạm vi và hình thức tuyên truyền:* cần đa dạng, phong phú, bám sát thực tiễn, cụ thể, thiết thực để đem lại hiệu quả cao. Những chủ thể tham gia vào công tác tuyên truyền cần nắm vững tâm lý, thói quen, cách nghĩ của người nông dân vùng Tây Bắc, làm theo phương châm vận động nông dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được” [88, tr.233] và “lúc họ đã hiểu thì việc khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ” [87, tr.286]. Chính vì vậy, hình thức tuyên truyền cần đơn giản, đi vào trọng tâm, trọng điểm, nêu bật được những thứ mà nông dân cần, nông dân có thể được hưởng để thay đổi nhận thức. Có thể kết hợp các hình thức tuyên truyền khác nhau để đem lại hiệu quả cao nhất: mở các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền miệng, lồng ghép vào các cuộc họp, sân khấu hóa, các hình thức trao đổi, diễn đàn và tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho nông dân...

Công tác tuyên truyền góp phần quan trọng trong việc thay đổi nhận thức của nông dân, qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của nông dân trong sản xuất NNST. Thông qua công tác tuyên truyền, những mô hình, hiệu quả, những cách làm hay có điều kiện lan tỏa để các địa phương có thể áp dụng.

Thứ hai, đẩy mạnh ý thức tự giác ngộ của chủ thể nông dân về vị trí, vai trò chủ thể của mình. Nông dân được xác định là chủ thể có tính chất quyết định sự

thành công của việc xây dựng NNST, do vậy, cần có sự khích lệ, động viên, khơi dậy ý thức tự giác, tính tích cực xã hội của người nông dân trên các phương diện để định hướng cho hành động. Các HTX và nhóm nông dân sẽ giúp thúc đẩy tinh thần trách nhiệm tập thể, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc; khuyến khích nông dân tự mình tìm ra các phương pháp sản xuất hiệu quả, sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của họ từ đó họ sẽ tự tin và ý thức được vai trò, tầm quan trọng của chính mình đối với sự phát triển xã hội.

Do đó, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân, NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc trong điều kiện hiện nay là giải pháp đầu tiên, căn bản và quan trọng nhằm thay đổi nhận thức, tạo cơ sở cho sự chuyển biến trong hành động, triển khai và xây dựng một nền NNST bền vững, đem đến sự phát triển vững chắc cho toàn vùng.

4.2.2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng nông thôn

Từ thực tế phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian qua cho thấy, những hạn chế trong công tác quy hoạch nông nghiệp, sự lúng túng và chưa đồng bộ trong triển khai thực hiện các chính sách phát triển NNST thích ứng với BĐKH, những yếu kém về hạ tầng nông thôn đã phần nào làm giảm hiệu quả của quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở nơi đây. Do đó, để khắc phục những hạn chế này, cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển NNST gắn với lợi thế của vùng.

Tây Bắc có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng về cơ cấu sản phẩm với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, song Tây Bắc lại là vùng có địa hình chia cắt phức tạp, đất dốc nên rất bất lợi cho sản xuất và đời sống của người dân trong vùng. Đặc biệt, những năm gần đây, khu

vực này thường xuyên xảy ra các hiện tượng thiên tai, khí hậu cực đoan nên ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp. Thời gian qua, Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng các địa phương trong vùng đã tiến hành nghiên cứu xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp ở quy mô cấp vùng và các cấp nhằm phát triển nông nghiệp Tây Bắc theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện BĐKH. Tuy nhiên, do công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế nên sản xuất nông nghiệp Tây Bắc nói chung, phát triển NNST nói riêng còn gặp nhiều rào cản, chưa tạo được sức bật mới và thiếu tính liên kết, đồng bộ. Vì vậy, các tỉnh Tây Bắc cần cụ thể hóa thành chương trình đề án, quy hoạch phát triển NNST phù hợp với lợi thế của địa phương mình, trên cơ sở tổng thể quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, theo các hướng sau:

- Tập trung phát triển NNST, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, tuần hoàn, hiệu quả, thích ứng với BĐKH, tạo ra sản phẩm có thương hiệu đặc thù và các sản phẩm OCOP chất lượng cao, như: vùng lúa đặc sản có giá trị cao ở Điện Biên; Phát triển một số cây công nghiệp chủ yếu gắn với chế biến và tiêu thụ, như: cà phê (tại Sơn La, Điện Biên); mắc ca (tại Điện Biên, Lai Châu, Sơn La). Phát triển vùng cây ăn quả, cây đặc sản tại Sơn La, Hòa Bình; Phát triển vùng trồng rau màu, hoa ôn đới chất lượng cao tại các địa bàn có điều kiện, khí hậu đặc thù như ở Sơn La; tiến tới, xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến nông sản của khu vực Tây Bắc.

- Phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng song song với nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng bền vững và nâng cao đời sống của người làm nghề rừng, gắn với nhiệm vụ giữ an ninh quốc gia về nguồn nước, năng lượng và bảo vệ rừng. Đẩy mạnh phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp, phát triển các dịch vụ từ rừng như du lịch sinh thái rừng; cung cấp gỗ, cung cấp lâm sản ngoài gỗ; dịch vụ môi trường rừng; tham gia vào thị trường tín chỉ các-bon, coi đây là tiềm năng, lợi thế lớn cần khai thác hiệu quả. Phát triển các vùng cây trồng đa mục đích.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các địa bàn có quy mô chăn nuôi lớn như Sơn La. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở các tỉnh có diện tích mặt nước tự nhiên và chuyên dùng lớn như Hòa Bình, Sơn La. Mở rộng nuôi thủy sản ở vùng

lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện. Hình thành, phát triển một số khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực, địa phương có điều kiện phù hợp, như Sơn La, Hòa Bình. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các dự án nông nghiệp, tạo đột phá công nghệ trong phát triển nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ số, tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm.

- Thúc đẩy các dịch vụ phục vụ NNST: Phát triển mạng lưới hạ tầng thương mại và thương mại điện tử, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nông sản và sản phẩm OCOP của vùng. Phát triển mạng lưới logistics, mở rộng quy mô và đa dạng hóa loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ xuất, nhập khẩu; Phát triển mạnh kinh tế cửa khẩu biên mậu với thị trường lớn Trung Quốc và Lào; Phát triển du lịch gắn với NNST trở thành ngành kinh tế quan trọng, mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng, góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới. Hàng năm, cần chú ý rà soát, loại bỏ những chính sách không còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung và ban hành chính sách mới sát với điều kiện cụ thể và yêu cầu phát triển NNST của từng địa phương.

Thứ hai, hoàn thiện đồng bộ các chính sách xây dựng NNST thích ứng với BĐKH, bảo vệ môi trường

Hiện nay, động lực từ các chính sách thúc đẩy các hệ thống sản xuất nông nghiệp chưa đủ lớn để tạo ra một sân chơi bình đẳng cho NNST và các phương pháp tiếp cận nông nghiệp bền vững khác có tính đến yếu tố bên ngoài của hệ thống thực phẩm [48]. Vì vậy, quá trình chuyển đổi sang sản xuất NNST đòi hỏi sự vào cuộc và phối hợp giữa các bộ, ngành, lĩnh vực và các bên liên quan. Chính sách tạo thuận lợi cho phát triển NNST cần được lồng ghép ở nhiều cấp độ (địa phương, quốc gia và quốc tế) và lĩnh vực (từ nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường). Cụ thể :

- *Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đã ban hành.* Đồng thời xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá NNST và các phương thức chứng nhận sản phẩm NNST; trước hết, tập trung ở cấp hộ, sau

đó, có thể phát triển ra cấp một vùng, xã hay huyện. Nhà nước cần có chính sách bảo hộ đối với các sản phẩm NNST khi xuất khẩu ra nước ngoài để đảm bảo quyền lợi cho người sản xuất. Có chương trình, kế hoạch thúc đẩy việc tiêu dùng các sản phẩm được dán nhãn NNST. Từ đó, tạo sự tin tưởng để nông dân tích cực chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST.

- *Xây dựng chính sách hỗ trợ nông dân chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang NNST.* Đẩy mạnh tích tụ, tập trung ruộng đất để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, vùng nông nghiệp công nghệ cao... Hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết sản xuất và bao tiêu đầu ra cho nông nghiệp thông qua chính sách ưu đãi tín dụng, thuế, hỗ trợ đào tạo, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm. Thúc đẩy việc hình thành và phát triển các mô hình liên kết ngang, liên kết dọc, liên kết nhiều nhà (Nhà nước - Nhà nông - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học - Nhà băng (ngân hàng) - Nhà tiêu thụ...).

- *Lồng ghép vấn đề ứng phó với BĐKH vào chính sách phát triển NNST ở địa phương.*

BĐKH là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại hiện nay, do mức độ tác động nghiêm trọng và thiệt hại nặng nề đối với con người, kinh tế, đời sống xã hội và tự nhiên. Các địa phương vùng Tây Bắc cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc *Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 *phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050* làm cơ sở cho việc thực hiện lồng ghép vấn đề BĐKH vào phát triển NNST. Các cấp, các ngành, các cơ quan chuyên môn cần nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ cho các địa phương xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển NNST thích ứng với BĐKH phù hợp với điều kiện đặc thù của mỗi địa phương, nâng cao năng lực truyền thông, dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng tiết cực đoan để chủ động ứng phó và giảm nhẹ rủi ro do tác động tiêu cực của BĐKH; kiểm tra, giám sát, đồng hành với nông dân trong mọi khâu của quá trình tổ chức thực hiện, nhằm đảm bảo sự tham gia nghiêm túc, trách nhiệm của

nông dân để đạt được mục tiêu; Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về lòng nghề nghiệp ứng phó với BĐKH trong sản xuất NNST để xảy ra hậu quả đối với con người và tài sản.

Thứ ba, củng cố và xây dựng hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng NNST tạo động lực thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể

Trong những năm gần đây, các tỉnh Tây Bắc với sự hỗ trợ của Nhà nước, chung tay góp sức của nhân dân đã nỗ lực phát triển cơ sở hạ tầng cùng với các chương trình giảm nghèo quy mô quốc gia như *Chương trình 135, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM...* Tuy nhiên, hạ tầng nông thôn ở các tỉnh Tây Bắc vẫn còn nhiều yếu kém, cản trở hiệu quả xây dựng NNST cũng như phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này. Do đó, cần tập trung phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng mạng, viễn thông trong vùng khắc phục hạn chế những bất lợi về địa lý khép kín và đẩy mạnh kết nối Tây Bắc với bên ngoài, tạo điều kiện cho việc xây dựng các vùng NNST khác nhau và quảng bá sản phẩm NNST đến với mọi đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Hình thành cơ chế mới theo hướng tăng quyền tự chủ cho địa phương, tạo cơ chế thúc đẩy địa phương, nhất là cấp xã, huyện tạo nguồn thu và đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

4.2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp trong triển khai và tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp là giải pháp tạo môi trường xã hội thuận lợi để nông dân phát huy được vai trò chủ động, tích cực của mình trong xây dựng NNST ở Tây Bắc. Ở đây, cần tập trung vào những vấn đề cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” của Đảng. Để việc lãnh đạo, chỉ

đạo đạt được hiệu quả cao nhất, các cấp ủy Đảng ở Tây Bắc phải chủ động đề ra phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp triển khai phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng cần được thể hiện bằng các nghị quyết, chỉ thị cụ thể nhằm định hướng cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương. Các chỉ thị, nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch đưa ra sẽ là cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương và các tổ chức triển khai thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST gắn với điều kiện thực tiễn, đặc thù của địa phương mình. Mặt khác, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương xây dựng nội dung, chương trình mục tiêu xây dựng NNST cho từng giai đoạn cụ thể, cấp ủy các cấp cần đặc biệt chú ý đến đặc điểm, tình hình đặc thù, lợi thế của từng xã, thôn, bản để xác định lộ trình, bước đi phù hợp với thứ tự ưu tiên việc nào cần làm trước, việc nào có thể thực hiện sau. Quy trình xây dựng phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp triển khai phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST phải thực hiện công khai, dân chủ, có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nông dân, nhằm tạo dựng sự đồng thuận xã hội, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST sẽ là chìa khóa để các cấp ủy đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thành công mục tiêu xây dựng NNST ở khu vực Tây Bắc.

Tăng cường phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, nhất là từ phía chính quyền cấp xã, bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện cho nông dân. Thực tế cho thấy, để tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc cần chú trọng các điểm sau: (1) *Xây dựng đảng bộ, chi bộ cơ sở* trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, thu hút được nông dân tham gia xây dựng đảng

trong sạch, vững mạnh. (2) *Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức cách mạng luôn phát huy dân chủ, tôn trọng, lắng nghe các ý kiến của nhân dân, gần dân, chăm lo cho đời sống vật chất tinh thần của nhân dân nói chung, nông dân nói riêng.*

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền trong triển khai, tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Chủ trương của Đảng ta hiện nay trong giải quyết vấn đề gốc rễ của “*tam nông*” là chú trọng “Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín” [35]. Để thực hiện mục tiêu trên, cần chú trọng một số nội dung sau:

- *Xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân.* Chính quyền đó phải *đặt mình vào địa vị của dân* để hành động, đội ngũ cán bộ công chức phải *đặt cái tâm của mình vào công việc*, coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của con người, cộng đồng, xã hội. Cần đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đó là “không chỉ cần năng lực mà còn phải xuất phát từ chiều sâu tình cảm với nông dân, trách nhiệm với nông thôn”, đồng thời “phải loại trừ những quan điểm phát triển thiếu lương tâm khi đánh đổi lợi ích của nông dân, nông thôn cho công nghiệp hóa, đô thị hóa mà đằng sau luôn có bóng dáng các “nhóm lợi ích”. Do đó, “cần đến cả tư duy phát triển đi kèm với đạo lý phát triển, cần cả trí tuệ và lương tâm, trách nhiệm từ phía người lãnh đạo - những người luôn phải tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, có lòng yêu thương nông dân” [55].

- *Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phải lồng ghép linh hoạt, sáng tạo việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân, đảm bảo làm cho nông dân thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, làm chủ quá trình xây dựng NTM, được hưởng lợi từ sự phát*

triển đó; đồng thời, triển khai có hiệu quả phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trên cơ sở gắn với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi khâu của quá trình triển khai và thực hiện chính sách xây dựng NNST. Nâng cao chất lượng dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho nông dân từ cơ sở.

- *Định kỳ hàng năm, chính quyền các cấp đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vào chương trình công tác, vào việc thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong HTCT và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Triển khai một cách có hiệu quả quy định phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể gắn với trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chấp hành và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.*

- *Nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả công tác tham mưu của các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Theo đó, các sở Nông nghiệp và Môi trường ở cấp tỉnh, phòng Nông nghiệp và Môi trường ở cấp huyện và cán bộ phụ trách địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở cấp xã cần nắm chắc chuyên môn, nghiệp vụ, nắm chắc điều kiện thực tiễn địa phương, nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng của nông dân để thực hiện tham mưu cho đúng, trúng, sát với thực tế góp phần làm cho chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt hiệu quả cao nhất, biến những tiềm năng, thế mạnh của vùng thành “tiền tươi, thóc thật” chứ không chỉ mãi tồn tại ở dạng tiềm năng.*

- *Nghiên cứu và triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn, phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với BĐKH nhằm hạn chế tình trạng sạt lở, lũ ống, lũ quét, hạn hán... diễn ra liên tục ở các tỉnh Tây Bắc thời gian qua để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống cho nông dân; tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật canh tác, áp dụng KHCN cho nông dân đáp ứng yêu cầu sản xuất NNST; đào*

tạo nhân lực, nâng cao hàm lượng tri thức trong tất cả hoạt động của ngành để tiếp tục thúc đẩy quá hình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện phải giảm dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- *Tập trung thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt ở cơ sở, hướng đến hoạt động hiệu lực, hiệu quả.* Triệt để cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm bớt sự phiền hà đối với nhân dân, xử lý đúng đắn, nhanh gọn những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Tạo hành lang pháp lý thông suốt để mọi chủ thể có thể tiếp cận chính sách một cách nhanh chóng. Tăng cường pháp chế XHCN ngay từ hệ thống chính quyền cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân; xử lý thích đáng mọi hành vi vi phạm pháp luật. Cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở phải nêu gương về tôn trọng pháp luật. Chính quyền cơ sở thực hiện tốt hơn nữa chức năng quản lý xã hội bằng pháp luật.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội Nông dân các cấp trên địa bàn Tây Bắc

Thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội khác ở Tây Bắc về cơ bản đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng NTM; vận động nông dân tham gia các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; thực hiện tốt việc phát huy dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; giám sát đội ngũ cán bộ, công chức; giám sát việc tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân; thực hiện có kết quả chức năng phản biện xã hội. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động chưa đồng đều, công tác tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân còn hạn chế, thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu.

Để phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST trên địa bàn, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thời gian tới cần kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và nâng cao chất lượng

hoạt động trên cơ sở đảm bảo tốt nhất lợi ích của nông dân và hội viên của mình. Trong đó, điều quan trọng là phải có cơ chế phối hợp tương thích, nhằm triển khai chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST một cách đồng bộ, thống nhất.

- *Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh.* Bao gồm: (i) *Hỗ trợ vốn cho nông dân:* Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, đẩy mạnh phát triển thêm nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân, triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản thỏa thuận đã được ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tạo điều kiện tốt nhất cho nông dân và các chủ thể khác tiếp cận được nguồn vốn một cách thuận tiện nhất để đẩy mạnh phát triển các mô hình NNST và mở rộng quy mô sản xuất; (ii) *Hỗ trợ nông dân tiếp cận ứng dụng tiến bộ KHCN:* Đẩy mạnh và tổ chức tốt các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chủ động khai thác các nguồn lực hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển NNST, ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình “*lấy nông dân, dạy nông dân*”, tổ chức các hội nghị, hội thảo đầu bờ để giới thiệu các giống mới, kỹ thuật canh tác NNST cho người nông dân, góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu chất lượng an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; (iii) *Tổ chức hoạt động cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp cho nông dân:* Đẩy mạnh và tổ chức tốt các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào chất lượng cao, có nguồn gốc sinh học trong nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy nông nghiệp...) cho hội viên, nông dân sản xuất theo chuỗi giá trị, quy hoạch các vùng chuyên canh, sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với chuyển giao kỹ thuật, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; (iv) *Hỗ trợ hội viên, nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm:* Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kết nối thị trường, tổ chức các hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá, liên kết với hệ thống siêu thị, chợ đầu mối để tiêu thụ nông sản, hàng hoá cho hội viên, nông dân; (v) *Tổ chức đào tạo*

nghề, giới thiệu việc làm cho nông dân: Đẩy mạnh tuyên truyền vận động nông dân tham gia học nghề, nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh, trực tiếp, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo nghề đặc biệt cho nông dân vùng đồng bào DTTS; (vi) *Đẩy mạnh phổ biến, tư vấn, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân:* Tích cực xây dựng, củng cố, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, phổ biến giáo dục pháp luật, đặc biệt là đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở, vùng sâu, vùng cao, vùng đồng bào DTTS để nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật cho nông dân, trang bị cho họ những kiến thức về pháp luật để áp dụng vào quản lý quá trình sản xuất NNST theo luật pháp trong nước và quốc tế.

- *Tăng cường vận động nông dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NNST thông qua tổ chức phong trào thi đua, cuộc thi tìm hiểu;* thông qua đó sẽ thúc đẩy nông dân sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và đầu tư mở rộng sản xuất NNST để nâng cao giá trị gia tăng và chất lượng an toàn thực phẩm. Mặt khác, tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ các hộ nông dân khác phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, thoát nghèo và làm giàu chính đáng. Vận động nông dân tích cực tham gia hội thi “*Nhà nông đua tài*” sẽ góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trong cán bộ, hội viên nông dân và nhân dân thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương về NNST.

- *Hội Nông dân các cấp Tây Bắc cần đẩy mạnh hiệu quả thực hiện hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế* theo Nghị quyết số 23-NQ/HNDTW ngày 04/10/2015 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về “*Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của Hội Nông dân Việt Nam trong tình hình mới*”. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, phối hợp, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế, xúc tiến thương mại, quảng bá, kết nối, hỗ trợ xuất khẩu nông sản; đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, tiên tiến, nâng cao trình độ cho nông dân; thu hút đa dạng các nguồn lực hỗ trợ để triển khai

các chương trình, dự án về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thu hút đầu tư xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất NNST từ các tổ chức quốc tế; phối hợp tham gia giải quyết các sự việc, vướng mắc liên quan đến nông dân, góp phần nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và có hệ thống việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, các nghị quyết, kết luận của các cấp Hội, việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các phong trào nông dân. Đánh giá hiệu quả và tính khả thi của các nghị quyết, kết luận và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đạt được hiệu quả cao nhất.

Thứ tư, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong HTCT các cấp có năng lực trình độ, có phẩm chất đạo đức, nhiệt huyết với công việc đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tình hình mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [87, tr.309], “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém” và “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” [87, tr.280]. Từ thực tế phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở các tỉnh Tây Bắc thời gian qua cho thấy việc củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo của HTCT, mà trọng tâm là xây dựng, nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành và phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức rất cần được chú trọng. Đây là biện pháp trước mắt và lâu dài, là tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, nhân tố quan trọng nâng cao hiệu quả việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST trên địa bàn Tây Bắc. Để đáp ứng yêu cầu trên, cần *xác lập phong cách làm việc mới* của người cán bộ theo phương châm “4 cùng” và “3 trực tiếp”. Đó là : “*cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc*” và “*trực tiếp đến tận nhà dân, trực tiếp nghe dân nói và nói cho dân nghe, trực tiếp làm để dân tin*”. Như vậy, “Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm

với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân” [34, tr.210].

Trong thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST, tự bản thân mỗi cán bộ, công chức, tùy theo phạm vi hoạt động chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ của mình, cần luôn luôn đề cao ý thức, tinh thần trách nhiệm cao nhất “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm, chứ không phải nói xuông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh” như Hồ Chí Minh đã dạy; phải có thái độ mềm dẻo, hòa nhã trong mối quan hệ với nông dân đó là: kiên quyết đấu tranh loại bỏ những hạn chế, nhược điểm, tiêu cực của nông dân, nhưng đồng thời cũng cần kiên trì thuyết phục, giáo dục và cảm hóa. Do đó, đội ngũ cán bộ phải luôn có ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, tham ô, tham nhũng, tha hóa về đạo đức, vi phạm pháp luật

4.2.4. Phát huy dân chủ ở cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để nông dân thực sự là chủ thể trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Phát huy dân chủ ở cơ sở với phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng NNST. Điều này nhấn mạnh sự tham gia của nông dân từ giai đoạn lập kế hoạch, triển khai đến giám sát và thụ hưởng các kết quả của NNST.

Cụ thể, “*Dân biết*” là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp đầy đủ thông tin cho nông dân, đảm bảo họ hiểu rõ các chủ trương, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và bảo vệ môi trường; “*Dân bàn*” là tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến, thảo luận các phương án sản xuất, bảo vệ môi trường phù hợp với địa phương; “*Dân làm*” khẳng định vai trò thực hiện của người nông dân trong các hoạt động sản xuất NNST. “*Dân kiểm tra, giám sát*” giúp nông dân có thể theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện chính sách xây dựng NNST, đảm bảo minh bạch và hiệu quả; Cuối cùng, “*Dân thụ hưởng*” nhấn mạnh rằng mọi kết quả đạt

được từ sản xuất NNST phải mang lại lợi ích thiết thực cho nông dân. Các địa phương thực hiện tốt các nguyên tắc này sẽ giúp tăng cường vai trò của người dân, đặc biệt là nông dân, trong việc phát triển NNST, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại các cộng đồng nông thôn.

Từ thực tế phát triển nông nghiệp các tỉnh Tây Bắc hiện nay, đang đặt ra yêu cầu cần huy động sức dân, tập trung mọi nguồn lực để xây dựng nền NNST nhằm giải quyết tổng thể các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường giúp Tây Bắc tiến kịp các vùng khác. Do đó, đẩy mạnh triển khai trên thực tế các quyền dân chủ của nhân dân “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là giải pháp quan trọng làm cho nhân dân nói chung, nông dân nói riêng vừa trở thành chủ thể chính trong tổ chức thực hiện, vừa là chủ thể thụ hưởng các thành quả của quá trình phát triển đó. Hơn nữa, mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội của vùng thì đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, từ đó nhận thức và thực hành các quyền dân chủ của nhân dân được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, trong thời gian tới, các tỉnh Tây Bắc cần tập trung thực hiện:

Một là, tuyên truyền để nông dân nhận thức được vai trò quan trọng của mình trong thực hiện dân chủ tại địa phương, đồng thời triển khai thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở, vận động nông dân phát huy tinh thần chủ động, tích cực tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển NNST trên địa bàn.

Hai là, kiến tạo môi trường để người nông dân phát huy quyền làm chủ, phát huy vai trò chủ thể và đặt họ vào vị trí trung tâm của quá trình chuyển đổi tư duy phát triển nông nghiệp bền vững, từ cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đến tổ chức triển khai các hình thức để nông dân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách về xây dựng NNST.

Ba là, tháo gỡ những khó khăn, rào cản trong quá trình thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở để người nông dân thực sự phát huy vai trò chủ thể của mình trong mọi

lĩnh vực của đời sống xã hội, giải quyết những vấn đề thiết thực liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trong xây dựng NNST theo xu hướng tất yếu là rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đảm bảo lợi ích chính đáng được hưởng của nông dân.

4.2.5. Xây dựng người nông dân văn minh có trình độ, năng lực, chủ động, sáng tạo ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào tổ chức sản xuất tiên tiến

Hiện nay, trong triển khai xây dựng mô hình “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, người nông dân chính là chủ thể, được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nhưng muốn thực hiện được vai trò chủ thể và tương xứng với vị trí trung tâm, điều cần làm và phải làm, cần thiết và cấp thiết là nâng cao năng lực, trình độ, tính tích cực, chủ động sáng tạo của người nông dân qua “tri thức hóa”. Đây là điều các quốc gia phát triển đã làm để biến người nông dân thành những doanh nhân, nhà khoa học, được trang bị kiến thức kinh tế thị trường, làm chủ được máy móc, KHCN. Để làm được điều đó cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân để đảm đương vai trò chủ thể trong xây dựng NNST

Muốn xây dựng nền NNST, hiện đại, bền vững ở Tây Bắc cần có một đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, có kỹ năng, kinh nghiệm sản xuất, có tư duy kinh tế nông nghiệp và được phát huy quyền làm chủ của mình trong sản xuất, kinh doanh. Đây được coi là giải pháp cơ bản thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình. Khi nông dân đã hội tụ các điều kiện cần (các cơ chế, chính sách thúc đẩy vai trò chủ thể) và điều kiện đủ (có trình độ, năng lực để thực hiện vai trò chủ thể) thì trong bất cứ hoàn cảnh nào họ cũng phát huy được vai trò của mình, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội để hoàn thành mục tiêu đặt ra. “Có tri thức, người nông dân trong quá trình sản xuất sẽ tự phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề, biết và tự cân nhắc về rủi ro từ quyết định của mình. Có tri thức, người nông dân sẽ chủ động thích ứng với sự thay đổi, vượt qua những cú sốc do BĐKH, thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường và biến chuyển xu thế tiêu dùng. Có tri

thức, người nông dân biết tối ưu hóa quy trình sản xuất và tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận” [46].

Do đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở Tây Bắc cần tập trung đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nông dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất NNST đang đặt ra thông qua nhiều giải pháp: “cấu trúc lại hệ thống giáo dục nghề từ bậc thấp tiến lên bậc cao, từ ruộng đồng tiến vào trường học, từ giáo trình cho người học đến phương pháp cho người dạy, từ hệ thống khuyến nông cơ sở đến đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, từ sách vở tài liệu cho đến các báo đài, các kênh truyền thông chuyên biệt dành cho nông dân” [46]. Các cấp chính quyền vùng Tây Bắc phải xây dựng chiến lược giáo dục, đào tạo nông dân theo lộ trình và bước đi thích hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đối với các tỉnh Tây Bắc, nông dân chủ yếu là người DTTS có trình độ học vấn thấp, ít có điều kiện tiếp cận với các cơ sở đào tạo để nâng cao trình độ nên cần có thời gian và phương thức thực hiện đa dạng, phong phú, phù hợp với từng lứa tuổi, từng đối tượng. Về lâu dài, ngay từ bây giờ, các cấp chính quyền phải tập trung phổ cập giáo dục cho trẻ em, xóa mù chữ cho người lớn theo tinh thần Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 5/1/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ. Nếu các tỉnh Tây Bắc không làm được điều này sẽ rất khó cho sự phát triển của vùng trong tương lai. Nhìn vào thực tế, học sinh các nhóm DTTS khó khăn nhất ít có khả năng đi học nhất. Đơn cử, trong các dân tộc, dân tộc Mông có tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường (trẻ phải theo học một cấp học nào đó nhưng không đi học ở cấp học đó) ở cấp THCS cao nhất gấp gần 7 lần mức trung bình của cả nước. Tỉ lệ không chuyển cấp ở dân tộc Mông cũng cao nhất, gần gấp 3 lần so với các dân tộc khác. Học vấn thấp sẽ khiến các em sau này càng ít cơ hội vươn lên thoát nghèo. Trong khi bằng chứng nghiên cứu từ nhiều nước đã chứng minh mỗi năm đi học giúp tăng thu nhập thêm 8-10%, ngược lại cứ giảm mỗi 1/3 năm học thì thu nhập

trong đời người bị giảm 3% [111]. Chính vì vậy, đây là nhiệm vụ phải làm cho bằng được nếu muốn nông dân tự tin, tự chủ, tự quyết định hiệu quả quá trình sản xuất, đem đến sự phát triển bền vững, hưng thịnh cho vùng Tây Bắc.

Tăng cường đào tạo, tập huấn bằng nhiều hình thức khác nhau cho nông dân các kiến thức mới về NNST, khoa học kỹ thuật, thị trường, pháp luật, chuyển đổi số, kinh tế số; kinh tế tuần hoàn, kỹ năng sản xuất tiên tiến, kỹ năng marketing, bán hàng, sử dụng công nghệ, thiết bị điện tử, dịch vụ công; tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng chính trị, trình độ kiến thức của nông dân. Đối với nông dân là đồng bào các DTTS thì hình thức đào tạo, tập huấn cũng phải đảm bảo dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, thay vì ngồi trong phòng học với tài liệu sách vở, nên tăng cường các phương thức đào tạo, tập huấn gắn với thực tế, “cầm tay chỉ việc”, khuyến khích những nông dân là gương sáng điển hình trong sản xuất kinh doanh giỏi truyền đạt kinh nghiệm, cách làm, cách thức tổ chức quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu NNST cho bà con nông dân. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề cho nông dân theo hướng “chuyên nghiệp hóa nông dân” gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, HTX để nông dân chủ động tham gia các liên kết chuỗi giá trị nông sản với các mô hình liên kết phù hợp; tư vấn và trợ giúp pháp lý cho nông dân. Tranh thủ các hoạt động hợp tác quốc tế, các đối tác nước ngoài hợp tác đầu tư phát triển nông nghiệp ở Tây Bắc tạo điều kiện cho nông dân học tập kinh nghiệm, tiếp thu công nghệ tiên tiến để phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thúc đẩy xây dựng người nông dân văn minh với hình mẫu “Người nông dân 5 mới”: tư duy mới, nhận thức mới, kiến thức mới, đời sống văn hóa mới và quyết tâm mới. “Người nông dân 5 mới” cần đáp ứng 10 tiêu chí: Có thể lực, trí lực; Có trình độ, kiến thức, khoa học kỹ thuật tương ứng; Lành nghề về nông nghiệp; Có kỹ năng sử dụng máy móc, tin học, dịch vụ công; Kết hợp bản chất cần cù, sáng tạo; Có ý chí vươn lên, không cam chịu đói nghèo; Biết giữ gìn và hưởng thụ văn hóa; Biết liên kết, hợp tác trong kinh doanh; Có tình cảm tốt đẹp đối với gia đình, xã hội; Có ý thức bảo vệ môi trường.

Việc xây dựng, đào tạo được đội ngũ nông dân chuyên nghiệp có năng lực,

trình độ, tay nghề cao, kỹ năng quản lý quá trình sản xuất tốt là một trong những yếu tố căn bản và bền vững để phát huy vai trò chủ thể của nông dân hướng đến xây dựng nền NNST hiện đại ở Tây Bắc.

Thứ hai, nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hội nhập của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Trong điều kiện hiện nay, nông dân được xác định là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM. Tuy nhiên, về mặt thực tế “không phải ngày một ngày hai, không thể tự dung mà người nông dân “chân lấm tay bùn” bỗng chốc “rũ bùn đứng dậy sáng lòa” để đảm nhận ngay vai trò chủ thể, vị thế trung tâm. Để có thể trở thành chủ thể, người nông dân phải có tâm thế tự lực, tự chủ, hội đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực, thái độ của “người làm chủ” - làm chủ vận mệnh của bản thân, làm chủ câu chuyện phát triển cộng đồng dân cư nông thôn” [46]. Muốn vậy, nông dân cần có sự thay đổi từ trong nhận thức rằng: cuộc đời của mình là do chính mình quyết định. Người nông dân phải có ý chí mạnh mẽ, suy nghĩ tích cực, chủ động, sáng tạo, thay vì than thân, trách phận hay trông chờ ỷ lại, an phận, thu mình lại trong ngôi nhà, bờ ruộng, mảnh vườn. Mọi sự hỗ trợ sẽ là vô nghĩa nếu người nông dân không tự mình thay đổi.

Để đảm đương được vai trò chủ thể đó, trong điều kiện hiện nay cần: “Chú trọng phát triển nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường” [35]. Muốn vậy, người nông dân cần có sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương và các tổ chức có liên quan để hoàn thiện bản thân và mọi sự hỗ trợ phải bắt đầu từ hỗ trợ người nông dân thay đổi tư duy, trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ tích cực với cuộc sống thông qua cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Từ đó, nông dân mới thấy được tầm quan trọng của mình để thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Thúc đẩy tinh thần hợp tác trong tổ chức sản xuất NNST, xây dựng các nhóm

hợp tác nông dân, HTX, tổ sản xuất hoặc câu lạc bộ nông dân nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, và cùng nhau phát triển các mô hình NNST. Điều này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng mà còn thúc đẩy sự sáng tạo trong việc tìm ra các giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương và điều kiện, khả năng thực tế của nông dân.

Tạo điều kiện cho nông dân tham gia các cuộc thi sáng tạo, phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp, hoặc xây dựng các mô hình thí điểm để họ thử nghiệm các kỹ thuật mới. Thông qua hoạt động sáng tạo trong lao động sản xuất sẽ có nhiều mô hình hay, hiệu quả của nông dân được áp dụng vào cuộc sống. Điều này giúp nông dân phát huy tư duy sáng tạo và áp dụng những giải pháp mang tính đột phá trong sản xuất. Sử dụng các nền tảng số như mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến để chia sẻ thông tin về những gương sáng điển hình, ý tưởng, và sáng kiến từ nông dân. Công nghệ thông tin cũng giúp họ dễ dàng truy cập kiến thức mới và mở rộng tầm nhìn để chủ động, tích cực tham gia phát triển sản xuất NNST.

Tuyên truyền, vận động nông dân nêu gương trong phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự tìm tòi học hỏi các kiến thức, kỹ thuật canh tác mới để chuyển đổi nền nông nghiệp từ mô hình truyền thống sang mô hình NNST đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng nông thôn. Đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên, tôn vinh những tấm gương nông dân điển hình trong thực hiện hiệu quả các mô hình sản xuất NNST đem lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội, đảm bảo quyền lợi, tiếng nói của nông dân được bảo vệ, lắng nghe và không bị thiệt thòi trong quá trình thực hiện các chính sách NNST. Điều này sẽ khuyến khích nông dân tích cực tham gia thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương về NNST, chủ động đề xuất và thực thi các mô hình hoặc giải pháp sáng tạo trong sản xuất NNST, tạo bước đột phá mới cho sản xuất nông nghiệp ở Tây Bắc hiện nay.

Tiểu kết chương 4

Để phát huy một cách hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc hiện nay, cần phải quán triệt một số quan điểm chủ yếu sau: Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST phải gắn với thực hiện hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch tổng thể quốc gia; Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST phải gắn với mục tiêu thực hiện thành công mô hình “NNST, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” đảm bảo bản sắc vùng Tây Bắc; Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST phải gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân. Đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp: Nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển NNST hiện đại, thích ứng với BĐKH, phát triển hạ tầng nông thôn; Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp trong triển khai và tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; Phát huy dân chủ ở cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để nông dân thực sự là chủ thể trong xây dựng NNST; Xây dựng người nông dân văn minh có trình độ, năng lực, chủ động, sáng tạo ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào tổ chức sản xuất tiên tiến.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu vấn đề “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay*” có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đây là nhiệm vụ quan trọng của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức nhằm tạo sự chuyển biến căn bản, toàn diện trong nhận thức và hành động của nông dân để chuyển đổi nền nông nghiệp từ truyền thống sang NNST, tạo điều kiện cho nông nghiệp Tây Bắc cất cánh. Từ đó, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân cũng như sự phát triển bền vững của vùng Tây Bắc. Từ quá trình nghiên cứu, luận án đã tập trung làm rõ những nội dung sau:

1. Trên cơ sở kế thừa những kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án đã xây dựng được cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu. Trong đó: (i) Hệ thống hóa và xây dựng các khái niệm làm công cụ nghiên cứu gồm: chủ thể, chủ thể nông dân, NNST, xây dựng NNST, vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST và khái niệm trung tâm quan trọng nhất là *phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST*; (ii) Xác định chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST; trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH-CN xây dựng NNST; trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST; trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; (iii) Phân tích các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Những yếu tố này vừa tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân nhưng đồng thời cũng tạo ra những trở lực không nhỏ buộc chủ thể nông dân và các chủ thể khác phải tìm cách khắc phục để đạt được mục tiêu xây dựng một nền NNST bền vững.

2. Từ kết quả khảo sát thực tế và kế thừa những công trình nghiên cứu, tài liệu, báo cáo đã công bố liên quan đến đề tài, luận án đã phân tích thực trạng phát

huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc. Thực trạng đó cho thấy việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc đã đạt được những thành tựu rất cơ bản, với sự hỗ trợ đắc lực của cả HTCT từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức xã hội khác, nông dân bước đầu đã thể hiện vai trò chủ thể của mình trong chủ động, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng NNST từ khâu hoạch định cho đến thực thi chính sách. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều hạn chế, khó khăn mà nguyên nhân của nó xuất phát từ điều kiện khách quan, từ hoạt động chưa hiệu quả của HTCT địa phương, các tổ chức và những yếu kém trong nhận thức, trình độ, ý thức của chính bản thân người nông dân. Từ đó, luận án xác định 3 vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết.

3. Để phát huy một cách hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian tới, luận án đã đề xuất 3 quan điểm và hệ thống 5 giải pháp, bao gồm: (i) Nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vai trò chủ thể của nông dân, NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (ii) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển NNST hiện đại, thích ứng với BĐKH, phát triển hạ tầng nông thôn; (iii) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp trong triển khai và tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (iv) Phát huy dân chủ ở cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để nông dân thực sự là chủ thể trong xây dựng NNST; (v) Xây dựng người nông dân văn minh có trình độ, năng lực, chủ động, sáng tạo ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào tổ chức sản xuất tiên tiến. Thực hiện tốt những phương hướng, giải pháp này sẽ góp phần thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian tới với hiệu quả cao hơn.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam”, Tạp chí *Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 1-2024, tr62-64.
2. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Xây dựng nông nghiệp sinh thái và phát huy vai trò chủ thể của nông dân ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 377 (9/2024), tr73-78.
3. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò của nông dân trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Bắc”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 382 (12/2024), tr65-70.
4. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái ở Tây Bắc hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Triết học*, số 18 (01/2025), tr85-93.
5. Phạm Thị Trọng Hiếu (2025), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái ở Tây Bắc hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2 (206) -2025, tr3-12.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các tài liệu Tiếng Việt

1. Bùi An (2023), “Kinh tế các tỉnh Tây Bắc: Nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng”, <https://thiennhienmoitruong.vn/kinh-te-cac-tinh-tay-bac-nhieu-chuyen-bien-tich-cuc-nhung-van-chua-dat-ky-vong.html>, truy cập ngày 14/6/2024.
2. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đào Thế Anh (2015), “Kinh nghiệm Đài Loan: Xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái”, Tạp chí *Tia sáng* số 24-20/12/2015, tr38-40.
4. Đào Thế Anh (2017), “Tái cơ cấu nông nghiệp Tây Bắc: Thực trạng và giải pháp” <https://www.thiennhien.net/2017/09/07/tai-co-cau-nong-nghiep-tay-bac-thuc-trang-va-giai-phap/>, truy cập ngày 25/12/2023.
5. Đào Thế Anh, Lê Thành Ý, Chu Tiến Quang (2020), “Phát triển nền nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển nông thôn bền vững”, Báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 29-10-2020, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/phat-trien-nen-nong-nghiep-sinh-thai-gan-voi-phat-trien-nong-thon-ben-vung-622338/>, truy cập ngày 15/10/2023.
6. Đào Thế Anh (2022), “Cơ hội và thách thức của hộ nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp và nông thôn”, Tạp chí *Nông thôn mới*, <https://vaas.vn/vi/tieu-diem-binh-luan/co-hoi-va-thach-thuc-cua-ho-nong-dan-trong-chuyen-doi-so-nong-nghiep-va-nong>, truy cập ngày 15/10/2023.
7. Bùi Thị Vân Anh (2018), *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Điện Biên (2022), *Báo cáo tổng kết công tác hội và phong trào nông dân năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023*, ngày 24/11/2022.
9. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Điện Biên (2023), *Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Điện Biên khoá IX trình Đại hội đại biểu khoá X, nhiệm kỳ 2023-2028*.
10. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Hòa Bình (2023), *Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Hòa Bình khoá X trình Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Hòa Bình lần thứ XI, nhiệm kỳ 2023-2028*.
11. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Sơn La (2021), *Báo cáo tổng kết công tác hội và phong trào nông dân năm 2021 phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*, ngày 29/12/2021.
12. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Sơn La (2022), *Báo cáo tổng kết công tác hội và phong trào nông dân năm 2022 phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, ngày 29/12/2022.
13. Ban chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26 – NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (2022), *Báo cáo chuyên đề phục vụ tổng kết Nghị quyết 26 – NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, tập 1, 2, 3 (Lưu hành nội bộ), Hà Nội.
14. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Phạm Thị Thanh Bình (chủ biên) (2018), *Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Bộ Chính trị (2022), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về *"Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*.

17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (2019), *Kỷ yếu hội thảo Lý luận và thực tiễn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam* - Chuyên đề: Phát huy vai trò của người dân trong xây dựng nông thôn mới, Nam Định.
18. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2020), *Tài liệu tái cơ cấu ngành nông nghiệp* (Tập Báo cáo kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn), Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Bộ Thông tin và truyền thông (2020), *Nâng cao hiệu quả hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Bắc trong quá trình xây dựng nông thôn mới*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
20. CECODES, RTA & UNDP (2024). *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI): Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân, năm 2023*.
21. Đỗ Kim Chung (2021), “Nông nghiệp công nghệ cao: Góc nhìn từ sự tiến hóa của nông nghiệp và phát triển của công nghệ”, Tạp chí *Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, số 19(2), tr.288 -300
22. Vũ An Chương (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
23. Cục Thống kê tỉnh Điện Biên (2025), *Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên tháng 12 và năm 2024*.
24. Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2024*.
25. Cục Thống kê Sơn La (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La tháng 12 và cả năm 2024*.
26. Nguyễn Cúc, Hoàng Văn Hoan (2010), *Chính sách của nhà nước đối với nông dân trong điều kiện thực hiện các cam kết của WTO*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

27. Nguyễn Tiến Cường (2022), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tình hình mới”, Tạp chí *Tuyên giáo điện tử*, <https://tuyengiao.vn/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/phan-huy-vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-tinh-hinh-moi-141022>, truy cập ngày 5/10/2023.
28. Hoàng Phó Dân (2014), “Phát huy vai trò của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản (Chuyên đề cơ sở)*, (94), tr.15-19.
29. Trần Quốc Dân (2024), “Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp thúc đẩy hợp tác xã phát triển”, Tạp chí *Nông thôn mới*, <https://tapchinongthonmoi.vn/day-manh-lien-ket-trong-san-xuat-nong-nghiep-thuc-day-hsx-phan-trien-24911.html>, truy cập ngày 25/3/2024.
30. Vũ Thị Duyên (2015), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông dân trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4 (89), tr3-8.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022): Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nxb CTQG – Sự thật, Hà Nội.
36. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

37. Phạm Thị Hồng Điệp, Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Lan Hương (Đồng chủ biên) (2022): *Giáo trình Nông nghiệp – nông dân – nông thôn*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
38. Lương Quốc Đoàn (2021): “Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 30/8/2021, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/823976/khoi-day-khat-vong-vuon-len-va-phat-huy-vai-tro-chu-the-cua-giai-cap-nong-dan-trong-phat-trien-nong-nghiep%2C-kinh-te-nong-thon-va-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>.
39. Lương Quốc Đoàn (2023): “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới”, 27/1/2023, <http://hoinongdan.org.vn/sitepages/news/41/126264/phat-huy-vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-phat-trien-nong-nghiep-kinh-te-nong-thon-xay-dung-nong-thon-moi>
40. Nguyễn Văn Đoàn (2024), “Nông nghiệp Việt Nam: Điểm sáng năm 2023 và giải pháp cho năm 2024”, Tạp chí *Kinh tế và dự báo* (số 3) 2/2024, <https://kinhtevadubao.vn/nong-nghiep-viet-nam-diem-sang-nam-2023-va-giai-phap-cho-nam-2024-28174.html>, truy cập ngày 22/3/ 2024.
41. Lê Cao Đoàn và Võ Thị Kim Thu (2015): “Vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam* số 6(91)/2015, tr7-15.
42. Hữu Hải - An Thành Đạt (2023), Sơn La với mục tiêu trở thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Tây Bắc, <https://dantocmiennui.vn>
43. Trần Hồng Hạnh (2018): *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

44. Nguyễn Thị Hoa (2022), “Thực trạng giai cấp nông dân Việt Nam hiện nay và một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nông thôn mới*, <https://tapchinongthonmoi.vn/thuc-trang-giai-cap-nong-dan-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-van-de-dat-ra-18849.html>, truy cập ngày 15/3/ 2023.
45. Lê Minh Hoan (2022): “Phát triển nông nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị”, Tạp chí *Cộng sản*, https://www.tapchiconsan.org.vn/mediastory/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/phat-trien-nong-nghiep-sinh-thai-to-chuc-san-xuat-theo-chuoi-gia-tri, truy cập ngày 02/10/2023.
46. Lê Minh Hoan (2022): “*Trí thức hóa nông dân*” – Bài tham luận của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT Lê Minh Hoan về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
47. Hoàng Văn Hoan (2014): *Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
48. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
49. Hội đồng lý luận Trung ương (2022): *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
50. Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La (2020), *Nghị quyết Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La*, ngày 28/2/2020.
51. Hội Nông dân tỉnh Điện Biên (2024), *Báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào nông dân 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm, 6 tháng cuối năm 2024*, ngày 4/7/2024
52. Hội nông dân tỉnh Sơn La (2023), *Báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào nông dân năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024*, ngày 22/12/2023.

53. Huỳnh Thanh Hiếu (2016), *Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay* Luận án Tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội -Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
54. Học viện Chính trị khu vực I (2022): *Giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030* – Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội.
55. Đoàn Minh Huân (2022): “Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn”, Tạp chí *Cộng sản chuyên đề*, số 4/2022, tr100-108.
56. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2017), “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay*” Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
57. Diệp Hương (2024): Sơn La thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo, <https://sonla.gov.vn/>
58. Nguyễn Thanh Huyền (2019): *Thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
59. Lưu Đức Khải (2017): “5 thách thức cản trở thu hút đầu tư vào nông nghiệp Tây Bắc”, <https://www.thiennhien.net/2017/09/09/5-thach-thuc-can-tro-thu-hut-dau-tu-vao-nong-nghiep-tay-bac/>
60. Nguyễn Linh Khiếu (2017) “*Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới*”, Tạp chí *Cộng sản* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/45045/vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>, truy cập ngày 08/10/2023.
61. Nguyễn Trung Kiên, Bùi Minh (2015): “Vai trò chủ thể của người nông dân trong lĩnh vực kinh tế”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam* số 6(91), tr34-43.

62. Nguyễn Thế Kiên, Trần Quý (2023): “Chuyển đổi số để phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đa chức năng, kinh tế tuần hoàn”, Tạp chí Cộng sản điện tử, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/827492/chuyen-doi-so-de-phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao-theo-huong-da-chuc-nang%C2%80%9Ckinh-te-tuan-hoan.aspx>, truy cập ngày 15/9/2023.
63. Đặng Kim Khôi và Trần Công Thắng (Đồng chủ biên) (2019): *Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018)*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
64. Phạm Văn Khôi (2004): *Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
65. Nguyễn Thường Lạng (2024), “Phát triển nông nghiệp Việt Nam: Chuyển dịch từ “lấy công làm lãi” sang kinh tế nông nghiệp”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/899002/phat-trien-nong-nghiep-viet-nam--chuyen-dich-tu-%E2%80%9Cclay-cong-lam-lai%E2%80%9D-sang-kinh-te-nong-nghiep.aspx>, truy cập ngày 15/3/2024.
66. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
67. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 38, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 45, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

75. Dương Thị Liễu (2001), *Tác động của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan đối với quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Phong Lưu (2022): “Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Kỳ 1: Tạo hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn”, <https://baosonla.org.vn/vi/bai-viet/son-la-san-xuat-nong-nghiep-huu-co-ky-1-tao-he-sinh-thai-ben-vung-thuc-pham-an-toan-48451>, truy cập ngày 10/01/2023.
77. Phong Lưu (2022): “Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ • Kỳ 2: Cần những giải pháp đồng bộ”, <https://baosonla.org.vn/vi/bai-viet/son-la-san-xuat-nong-nghiep-huu-co--ky-2-can-nhung-giai-phap-dong-bo-48470>, truy cập ngày 10/01/2023.
78. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
79. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
80. C.Mác - Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
81. C.Mác - Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
82. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
83. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 17, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
84. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 22, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
85. Phan Sĩ Mẫn, Hà Huy Ngọc (2013): “Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp ứng phó”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* số 5 (66)-2013, tr12-20.

86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
91. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
93. Hà Minh: “Đổi mới tư duy góp phần phát triển nông nghiệp”, Báo Nhân dân hằng tháng, <https://nhandan.vn/doi-moi-tu-duy-gop-phan-phat-trien-nong-nghiep-post744186.html>, truy cập ngày 22/2/2024.
94. “Mô hình làng nông nghiệp di sản”, <http://northwest.com.vn/mo-hinh-lang-nong-nghiep-di-san>, truy cập ngày 25/8/2024.
95. Lê Hữu Nghĩa (2016), “Thực hành dân chủ qua 30 năm đổi mới - Thực trạng và giải pháp”, trong Trần Văn Phòng, Nguyễn Thị Nga, (đồng chủ biên), *Triết học chính trị - con người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, tr.9-26.
96. Đinh Xuân Nghiêm, Lê Xuân Bá (2009), “Giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng Tây Bắc”, Tạp chí *Quản lý kinh tế*, số 25(3+4/2009), tr10-15.

97. Khánh Nguyên (2023), “Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp thời gian tới”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/2018/842302/phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-trong-nong-nghiep-thoi-gian-toi.aspx>, truy cập ngày 15/3/2024.
98. Nguyễn Thiện Nhân (2017), “Đảm bảo vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-ai-hoi-xii-cua-ang/-/2018/44001/bao-dam-vai-tro-chu-the-cua-giai-cap-nong-dan-viet-nam-trong-phat-trien-nong-nghiep-va-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>, truy cập ngày 23/9/ 2023.
99. Mai Trọng Nhuận (2021): *Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
100. Lê Minh Nguyệt (2019): *Phát triển nguồn nhân lực vùng Tây Bắc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
101. Pablo Imbach, Nguyễn Duy Nhiệm, Vũ Hương Ngân, Phạm Thị Thu Thảo, Nguyễn Đức Trung (2019), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu: Dịch vụ thông tin khí hậu thông minh cho sản xuất nông nghiệp*, Tham luận tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
102. Cao Đức Phát (2021): “Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Trang *Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương*.
103. “Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, Tạp chí *Cộng sản chuyên đề* số 4/2022.
104. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

105. Trịnh Ân Phú (2022), *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác và nghiên cứu ứng dụng*, (người dịch Nguyễn Minh Hoàn, Nguyễn Thị Thu Hương), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Vũ Văn Phúc - Trần Thị Minh Châu (2010), *Chính sách hỗ trợ của Nhà nước ta đối với nông dân trong điều kiện hội nhập WTO*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
107. Cao Phúc (2023), “Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp để chuyển từ phát triển sản xuất nông nghiệp “đơn giá trị” sang “đa giá trị””, <https://nnptnt.daklak.gov.vn/tin-chi-tiet/-/bai-viet/thay-oi-tu-duy-san-xuat-nong-nghiep-e-chuyen-tu-phat-trien-san-xuat-nong-nghiep-on-gia-tri-sang-a-gia-tri--1121-20.html>, truy cập ngày 22/2/2024.
108. Đặng Thị Việt Phương (2015): “Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam* số 6(91), tr.44-51.
109. Lâm Thị Phương (2024), *Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
110. Bùi Nhật Quang (2022), “Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và giá trị tham khảo đối với Việt Nam”, Trang thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, <https://hdl.vn>.
111. Nguyễn Thu Quỳnh (2024): “Đất và người vùng miền núi phía Bắc: Dựng lại trên những gì?”, Báo *Tuổi trẻ cuối tuần*, số 37, ngày 29/9/2024, tr.30-33.
112. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc - thực trạng và giải pháp*, Nxb Từ Điển Bách khoa.
113. Thào Xuân Sùng (chủ biên) (2019): *Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
114. Thào Xuân Sùng (2020): *Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

115. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 9/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ”Phát triển nông nghiệp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*
116. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình (2024), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026 – 2030*, ngày 22/10/2024.
117. Đặng Kim Sơn (2008): *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới và phát triển*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
118. Đặng Kim Sơn (2008): *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
119. Đặng Kim Sơn (2012), *Tái cơ cấu nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng giá trị gia tăng cao*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
120. Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng, Đỗ Liên Hương, Võ Thị Thanh Tâm, Phạm Thị Kim Dung (2014), *Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam - Bối cảnh, nhu cầu và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
121. Đặng Kim Sơn (2015), “Bài học từ phong trào Làng mới “Saemaul Undong””, Tạp chí *Tia sáng*, số 24, tr32-35.
122. “Sơn La xây dựng nhiều mô hình sản xuất gắn với chuỗi liên kết”, <http://www.hoinongdan.org.vn/day-nghe-viec-lam/son-la-xay-dung-nhieu-mo-hinh-san-xuat-gan-voi-chuoi-lien-ket-289026>, truy cập ngày 4/7/2024.
123. Văn Tâm, Phạm Trung (2024): “Nông nghiệp Điện Biên và hành trình “cát cánh”, <https://baodienbienphu.com.vn/tin-tuc/kinh-te/214519/nong-nghiep-dien-bien-va-hanh-trinh-%E2%80%9Ccat-can%E2%80%9D> (Bài 1- bài 5), truy cập ngày 15/6/2024.

124. Nguyễn Xuân Thắng, Bùi Quang Dũng (2013): “Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5 (66)-2013, tr3-11.
125. Nguyễn Xuân Thắng (2015): “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân và giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và các thể chế tự quản trong xây dựng nông thôn mới” Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam* số 6 (91)-2015, tr3-6.
126. Hồ Văn Thông (1985): “Một số vấn đề về mối quan hệ giữa nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan trong thực tiễn” – *Chủ nghĩa duy vật biện chứng: lý luận và vận dụng*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội.
127. Minh Thu (2024), *Thúc đẩy bình đẳng giới – nâng cao hiệu quả kinh tế*, <https://baosonla.org.vn/kinh-te/thuc-day-binh-dang-gioi-nang-cao-hieu-qua-kinh-te-R0uhIwyIg.html>, truy cập ngày 24/8/2024.
128. Nguyễn Tiến Thủ (2001), *Quan hệ giữa chủ thể và khách thể nhận thức với việc phát huy vai trò chủ thể trong học tập của sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
129. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 *phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
130. Thủ tướng Chính phủ (2022): Quyết định số 150/QĐ-TTg, ngày 28-1-2022 *phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
131. Thủ tướng Chính phủ (2024): Quyết định số 369/QĐ-TTg, ngày 05-4-2024 *Phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050*.
132. Nguyễn Duy Tiên (Chủ biên) và Nguyễn Trọng Tiến (Đồng chủ biên) (2022): *Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nông dân và định hướng vận dụng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

133. Ngô Huy Tiếp (2010), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng giai cấp nông dân trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
134. Trần Quốc Toàn (2023), “Nâng cao vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp hiện đại và xây dựng nông thôn văn minh (phần 1, phần 2), Trang Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/nang-cao-vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-phat-trien-nong-nghiep-hien-dai-va-xay-dung-nong-thon-van-minh-phan-1,phan-2.html>, truy cập ngày 05/10/2023.
135. Tổng Cục thống kê, *Niên giám thống kê năm 2020, 2021, 2022, 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
136. Trung tâm con người và thiên nhiên (2017): *Nông nghiệp Tây Bắc: nhận diện thách thức và định hướng phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
137. Nguyễn Kế Tuấn (2006): “Một số vấn đề về phát triển nền nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam”, Tạp chí *Kinh tế và phát triển*, số 104 tháng 2-2006, tr3-5.
138. Quốc Tuấn (2023), *Chỉ số GRDP trên địa bàn tỉnh đạt 6,71%*, <https://sonla.gov.vn/tin-kinh-te/chi-so-grdp-tren-dia-ban-tinh-dat-6-71-715490>, truy cập ngày 14/6/2024.
139. Quốc Tuấn (2023), Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp, <https://nhandan.vn/thay-doi-tu-duy-san-xuat-nong-nghiep-post789422.html>, truy cập ngày 01/7/2024.
140. Quốc Tuấn, Quỳnh Ngọc (2024): “Sơn La khơi thông nguồn tín dụng”, Báo *Nhân dân*, <https://nhandan.vn/>
141. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2003), tập 3, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
142. *Từ điển Triết học* (1986), Nxb Tiến bộ Mát-Xcơ-va.
143. Nguyễn Từ (Chủ biên) (2010), *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối*

- với phát triển nông nghiệp Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
144. Bùi Văn Tường (2022): “Phát triển nguồn nhân lực của các tỉnh Tây Bắc đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, <https://giaoduclyluanhema.vn/Default.aspx?portalid=33 &tabid=19 &distid=247&name=Phat-trien-nguon-nhan-luc-cua-cac-tinh-Tay-Bac-dap-ung-phat-trien-kinh-te---xa-hoi-giai-doan-hien-nay>, truy cập ngày 15/9/2023.
 145. UBND tỉnh Hòa Bình - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2022), *Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2022, phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành năm 2023*, 12/2022.
 146. UBND tỉnh Hòa Bình - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2022), *Báo cáo Kết quả thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 09/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025"* Năm 2022, 12/2022.
 147. UBND tỉnh Sơn La, *Kinh nghiệm chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển cây ăn quả gắn với phát huy lợi thế của địa phương, góp phần xây dựng nông thôn mới* - Tham luận tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
 148. T.D.V – Hoa Vinh (2022), *Hướng tới trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Tây Bắc*, <https://tuoitre.vn/huong-toi-trung-tam-phat-trien-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-vung-tay-bac-20221125104942537.htm>
 149. Trần Đức Viên (2018), “Kinh nghiệm quốc tế về phát triển nông nghiệp nông thôn và gợi ý chính sách cho Việt Nam” *Trang Thông tin tổng hợp Ban Kinh tế Trung ương*, [http:// kinhtetrunguong.vn/web/guest/nguyen-cuu-trao-doi/bai-5-kinh-nghiem-quoc-te-ve-phat-trien-nong-nghiep-nong-tho.html](http://kinhtetrunguong.vn/web/guest/nguyen-cuu-trao-doi/bai-5-kinh-nghiem-quoc-te-ve-phat-trien-nong-nghiep-nong-tho.html), truy cập ngày 15/5/2023.
 150. Trần Đức Viên (2023), “Xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái: Một

- tầm nhìn thời đại, một triết lý phát triển từ thực tiễn Việt Nam”, *Tạp chí Nông thôn mới*, <https://tapchinongthonmoi.vn/xay-dung-va-phat-trien-nong-nghiep-sinh-thai-mot-tam-nhin-thoi-dai-mot-triet-ly-phat-trien-tu-thuc-tien-viet-nam-23794.html>, truy cập ngày 25/3/2024.
151. Trần Đức Viên (2023), “Phát triển nông nghiệp Việt Nam: Vấn đề đặt ra và một số giải pháp”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/828917/phat-trien-nong-nghiep-viet-nam--van-de-dat-ra-va-mot-so-giai-phap.aspx>, truy cập ngày 05/3/2024.
 152. Viện Chính sách và Quản lý – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội (2021), *Sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á trong bối cảnh Covid-19 và biến đổi khí hậu*, Nxb Lao động, Hà Nội.
 153. Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS) (2008), *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra*, NXB Tri thức, Hà Nội.
 154. Trần Thị Hồng Việt (2006), “Mô hình nông nghiệp theo hướng đô thị sinh thái ở Hà Nội những năm 2020 nhìn từ kinh nghiệm của Bangkok, Thái Lan”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số 104, tr40-41,51.
 155. Trần Thị Hồng Việt (2006), *Những giải pháp kinh tế chủ yếu nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
 156. Trần Quang Vinh (2023): “Chuyển đổi tư duy kinh tế nông nghiệp - Để nông dân là chủ thể” 18/3/2023, *Tin tức Thông tấn xã Việt Nam*, <https://baotintuc.vn/thoi-su/chuyen-doi-tu-duy-kinh-te-nong-nghiep-de-nong-dan-la-chu-the-20230318110837430.htm>
 157. Lê Thành Ý (2023), “Làng nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu ở

vùng Tây Bắc”, Tạp chí *Nông thôn và phát triển*, <https://nongthonvaphattrien.vn/lang-nong-nghiep-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-o-vung-tay-bac-a3877.html>, truy cập ngày 25/8/2024.

158. Nguyễn Yên (2024), *Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp*, <https://baosonla.org.vn>

II. Các tài liệu tiếng nước ngoài

159. EU (2024), *The common agricultural policy at a glance*. https://ec.europa.eu/info/food-farming-fisheries/key-policies/common-agricultural-policy/cap-glance_en.
160. FAO (2014), “Agroecology for food Security And nutrition Proceedings of the Fao international symposium”, 18-19 September 2014, Rome, Italy.
161. FAO (2018), “The 10 elements of agroecology: Guiding the transition to sustainable food and agricultural systems”, <https://www.fao.org/3/i9037en/i9037en.pdf>, 2018.
162. FAO (2018), “FAO’s work on agroecology: A pathway to achieving the SDGs”, <https://www.fao.org/3/I9021EN/i9021en.pdf>.
163. FAO (2019), *Farmers taking the lead - Thirty years of farmer field schools*, Food and Agriculture Organization of the United Nations Rome, 2019, <https://www.fao.org/3/ca5131en/CA5131EN.pdf>.
164. FAO (2023), *Agroecology dialogue series - The interface between agroecology and territorial Approaches for food systems transformation*, Outcome brief no. 1, January 2023, <https://doi.org/10.4060/cc3477en>.
165. FAO (2023), *Agroecology dialogue series - Beyond the farm: Exploring the synergies between Agroecology and conservation communities*, Outcome brief no. 2, January 2023, <https://www.agroecologypool.org/wpcontent/uploads/2023/02/Outcome-brief-2.pdf>.
166. FAO (2023), *Agroecology dialogue series - Agroecology as a response to*

- agri-input scarcity, Outcome brief no. 3, January 2023, <https://www.agroecology-pool.org/wpcontent/uploads/2023/02/Outcome-brief-3.pdf>.
167. FAO (2023), The impact of disasters on agriculture and food security - Avoiding and reducing losses through investment in resilience, <https://www.fao.org/3/cc7900en/cc7900en.pdf>.
 168. C. Francis and his colleagues (2003), Agroecology: “The Ecology of Food Systems”, *Journal of Sustainable Agriculture*, 22:3, 99-118, https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1300/J064v22n03_10.
 169. Fred Magdoff (2007), “Ecological agriculture: Principles, practices, and constraints”, *Renewable Agriculture and Food Systems*: 22(2); 109–117, <https://www.uvm.edu/~fmagdoff/EcologicalAgriculture.pdf>.
 170. Hatta T. (eds) (2018), *Economic Challenges Facing Japan's Regional Areas*. Palgrave Pivot, Singapore.
 171. Hwang, J., Park, J., Lee, S. (2018), *The impact of the comprehensive rural village development program on rural sustainability in Korea*. Sustainability, 10, 2436; doi:10.3390/su10072436.
 172. Linh Pham, Gerald Shively (2019): “*Profitability of organic vegetable production in Northwest Vietnam: evidence from Tan Lac District, Hoa Binh Province*”, *Organic Agriculture*, Volume 9, page 211- 223, Springer.
 173. Peter Hurst in collaboration with Paola Termine and Marilee Karl (2007), “*Agricultural workers and their contribution to sustainable agriculture and rural development*”, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_dialogue/@actrav/documents/publication/wcms_113732.pdf.
 174. Reyes Tirado and his colleagues (2009), “*Defining Ecological Farming*”, Greenpeace Research Laboratories Technical Note 04/2009, <https://www.greenpeace.to/publications/defining-ecological-farming2009.Pdf>
 175. Richard R. Harwood (1990), “*History of Sustainable Agriculture- Sustainable*

Agricultural System”, Lucie Press (37).

176. Rod J. MacRae, Stuart B. Hill, Guy R. Mehuys and John Henning (1990), “Farm-scale Agronomic and Economic Conversion from Conventional to Sustainable Agriculture”, https://eap-mcgill-ca.translate.goog/publications/eap108.htm?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc.
177. Yoshitaka Miyake, Shota Kimoto, Yuta Uchiyama, Ryo Kohsaka (2022), “Income Change and Inter-Farmer Relations through Conservation Agriculture in Ishikawa Prefecture, Japan: Empirical Analysis of Economic and Behavioral Factors”, *Sustainable Land Management and Ecosystem Services in Agroforestry Systems*, <https://www.mdpi.com/2073-445X/11/2/245>.

1.PL

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

Phụ lục 1.1. PHIẾU KHẢO SÁT - M1

Đề tài: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC

HIỆN NAY

(Dành cho nông dân)

Bảng hỏi số:

Ngày phỏng vấn:

Xã/phường: Huyện/quận:

Tỉnh/thành phố.....

Kính thưa Ông/Bà!

Nhằm phục vụ cho nghiên cứu đề tài: “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay*”, chúng tôi mong muốn nhận được những thông tin chân thực từ Ông/Bà. Những thông tin Ông/Bà cung cấp sẽ là căn cứ thực tiễn để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái (NNST) vùng Tây Bắc hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp chính sách phù hợp để phát huy có hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc hiện nay.

Rất mong Ông/Bà vui lòng dành thời gian trả lời các câu hỏi của chúng tôi. Câu trả lời của Ông/Bà chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học và thông tin cá nhân sẽ được giữ kín. Nếu Ông/Bà chọn phương án nào thì đánh dấu (X) ô vuông hoặc khoanh tròn vào cột tương ứng.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Giới tính người trả lời? ☐ 1. Nam ☐ 2. Nữ
2. Tuổi của Ông/Bà?
3. Ông/Bà thuộc dân tộc nào?
 - ☐ 1. Thái
 - ☐ 2. Mường
 - ☐ 3. H'Mông
 - ☐ 4. Kinh
 - ☐ 5. Dao
 - ☐ 6. Dân tộc khác (ghi rõ):
4. Trình độ học vấn của Ông/Bà?
 - ☐ 1. Tiểu học
 - ☐ 4. Trung cấp
 - ☐ 2. Trung học cơ sở
 - ☐ 5. Cao đẳng, đại học
 - ☐ 3. Trung học phổ thông
 - ☐ 6. Trên đại học
5. Số năm kinh nghiệm làm nông nghiệp của Ông/Bà?
 - ☐ 1. Dưới 5 năm
 - ☐ 2. 5-10 năm
 - ☐ 3. Trên 10 năm
6. Thu nhập bình quân cá nhân/tháng?
 - ☐ 1. Dưới 3 triệu đồng/tháng
 - ☐ 3. Từ 5-10 triệu đồng/tháng
 - ☐ 2. Từ 3-5 triệu đồng/tháng
 - ☐ 4. Trên 10 triệu đồng/tháng

Phần II: NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Theo Ông/bà nông nghiệp sinh thái là gì?

- ☐ 1. Phương thức canh tác kết hợp tôn trọng tự nhiên, tối ưu hóa các nguồn tài nguyên với phương pháp sản xuất ứng dụng KH-CN tiên tiến
- ☐ 2. Phương thức canh tác dựa vào triết lý, phong cách sống của cộng đồng hòa hợp truyền thống với thiên nhiên đảm bảo đa dạng sinh học
- ☐ 3. Phương thức canh tác cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững
- ☐ 4. Tất cả các ý trên

Câu 2: Theo Ông/Bà vai trò của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển

3.PL

bền vững như thế nào?

- ☐ 1. Rất quan trọng
 ☐ 3. Không quan trọng
☐ 2. Quan trọng
 ☐ 4. Không biết

Câu 3: Theo Ông/Bà nông nghiệp sinh thái góp phần giải quyết những vấn đề gì?

- ☐ 1. Nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế địa phương
☐ 2. Bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu
☐ 3. Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp
☐ 4. Xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và bất bình đẳng giới
☐ 5. Khác (ghi rõ).....

Câu 4: Theo Ông/Bà những hình thức nào là nông nghiệp sinh thái?

TT	Nội dung		
		Có	Không
1	Nông nghiệp xanh, hữu cơ, chính xác, thông minh, tuần hoàn	☐ ₁	☐ ₂
2	Nông lâm kết hợp	☐ ₁	☐ ₂
3	Thực hành nông nghiệp tốt, an toàn thực phẩm VietGAP, GlobalGAP, OCOP	☐ ₁	☐ ₂
4	Nông nghiệp bảo tồn và cảnh quan	☐ ₁	☐ ₂
5	Hệ thống tổng hợp trồng trọt – chăn nuôi/thủy sản (VAC, RVAC)	☐ ₁	☐ ₂
6	Quản lý dịch hại/cây trồng tổng hợp IPM, IPHM...	☐ ₁	☐ ₂
7	Khác (ghi rõ):		

Câu 5: Theo Ông/Bà vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái như thế nào?

- ☐ 1. Rất quan trọng
 ☐ 2. Quan trọng
☐ 3. Không quan trọng
 ☐ 4. Không biết

4.PL

Câu 6: Ông/Bà cho biết mức độ cần thiết phải thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương?

Stt		Mức độ				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Không biết
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	1	2	3	4	5
2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	1	2	3	4	5
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	1	2	3	4	5
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	1	2	3	4	5
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	1	2	3	4	5
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	1	2	3	4	5

Câu 7: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST					

5.PL

2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	1	2	3	4	5
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	1	2	3	4	5
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	1	2	3	4	5
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	1	2	3	4	5
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	1	2	3	4	5

Câu 8: Theo Ông/Bà chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái gồm những nội dung nào?

TT	Nội dung		
		Đúng	Sai
1	Lấy sản lượng làm mục tiêu	☐ ₁	☐ ₂
2	Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu	☐ ₁	☐ ₂
3	Tích hợp đa giá trị vào sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
4	Bán cái mình có	☐ ₁	☐ ₂
5	Bán cái thị trường cần	☐ ₁	☐ ₂
6	Khác (ghi rõ):		

Câu 9: Ông/Bà đã làm gì để chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở địa phương?

TT	Nội dung		
		Có	Không
1	Tự tìm hiểu thông tin về tư duy kinh tế NNST trên các phương tiện thông tin đại chúng	☐ ₁	☐ ₂
2	Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự	☐ ₁	☐ ₂

6.PL

	án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST		
3	Tìm hiểu nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
4	Tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
5	Chủ động giảm chi phí sản xuất hợp lý	☐ ₁	☐ ₂
6	Xem xét khả năng cạnh tranh và chủ động tìm kiếm khách hàng	☐ ₁	☐ ₂
7	Chủ động tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp	☐ ₁	☐ ₂
8	Khác (ghi rõ):		

Câu 10: Ông/Bà có tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương không?

- ☐ 1. Có ☐ 2. Không

Câu 11: Ông/Bà có mong muốn chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái không?

- ☐ 1. Có ☐ 2. Không ☐ 3. Chưa biết

Câu 12: Ông/Bà gặp khó khăn gì trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST?

- ☐ 1. Thiếu kiến thức và kỹ năng về nông nghiệp sinh thái
☐ 2. Thiếu sự hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức
☐ 3. Thiếu vốn
☐ 4. Thiếu khoa học công nghệ
☐ 5. Thiếu khả năng tiếp cận thị trường
☐ 6. Kết cấu hạ tầng phục vụ NNST còn yếu kém
☐ 7. Khác (ghi rõ).....

Câu 13: Ông/Bà đã làm gì để tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất NNST ở địa phương?

TT	Nội dung		
		Có	Không
1	Chủ động tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác	☐ ₁	☐ ₂
2	Chủ động liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức khác	☐ ₁	☐ ₂
3	Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương	☐ ₁	☐ ₂
4	Tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST	☐ ₁	☐ ₂
5	Tự liên kết với các nông dân khác để sản xuất NNST	☐ ₁	☐ ₂
6	Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp	☐ ₁	☐ ₂
7	Khác (ghi rõ):		

Câu 14: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Chủ động tìm hiểu nâng cao hiểu biết về <i>hội nhập quốc tế</i> , thay đổi tư duy sản xuất					
2	Chủ động nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất					
3	Chuyển đổi mô hình sản xuất và tuân thủ nghiêm các quy định về nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của thế giới					
4	Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng					

8.PL

	thị trường trong nước và quốc tế, tham gia vào các dự án hợp tác, nghiên cứu nông nghiệp sinh thái của các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu					
5	Tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế	1	2	3	4	5
6	Khác (ghi rõ):					

Câu 15: Theo Ông/Bà mức độ thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Xóa đói, giảm nghèo nâng cao thu nhập	1	2	3	4	5
2	Tạo công ăn việc làm cho nông dân	1	2	3	4	5
3	Giải quyết bất bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST	1	2	3	4	5
4	Lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp	1	2	3	4	5
5	Lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm	1	2	3	4	5
6	Thay đổi phương thức sản xuất hủy hoại môi trường sang phương thức sản xuất thân thiện với môi trường	1	2	3	4	5
7	Tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường	1	2	3	4	5
8	Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp	1	2	3	4	5
9	Khác (ghi rõ):					

Câu 16: Ông/Bà đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo an ninh, an toàn con người ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên	1	2	3	4	5
2	Thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn	1	2	3	4	5
3	Thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh	1	2	3	4	5
4	Khác (ghi rõ):					

Câu 17: Ông/Bà biết đến sản xuất nông nghiệp sinh thái thông qua những hình thức nào?

- ☐ 1. Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách, báo, đài, ti vi, internet...)
- ☐ 2. Hoạt động tuyên truyền của chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội
- ☐ 3. Hoạt động của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp
- ☐ 4. Những người có uy tín trong cộng đồng
- ☐ 5. Khác (ghi rõ).....

Câu 18: Ông/bà cho biết các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác có thường xuyên quan tâm tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST đến nông dân không?

- ☐ 1. Thường xuyên
- ☐ 2. thỉnh thoảng
- ☐ 3. Không thường xuyên
- ☐ 4. Không biết

Câu 19: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái của những tổ chức, cá nhân sau ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Chủ thể nông dân	1	2	3	4	5
2	Cấp ủy, chính quyền các cấp	1	2	3	4	5
3	Các tổ chức chính trị - xã hội	1	2	3	4	5
4	Các tổ chức xã hội nghề nghiệp	1	2	3	4	5
5	Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp	1	2	3	4	5
6	Các tổ chức tín dụng, ngân hàng	1	2	3	4	5
7	Khác (ghi rõ):					

Câu 20: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nội dung sau của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ đoàn thể ở địa phương như thế nào?

Stt		Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững	1	2	3	4	5
2	Tuyên truyền về vị trí vai trò của nông dân trong xây dựng NNST và vận động nông dân tham gia xây dựng NNST	1	2	3	4	5
3	Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án về phát triển NNST	1	2	3	4	5
4	Tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch phát triển nông nghiệp và các chính sách liên quan đến NNST ở địa phương	1	2	3	4	5

5	Chuyển đổi cơ cấu, câu trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và xu thế phát triển xanh, bền vững của thế giới	1	2	3	4	5
6	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, chia sẻ kiến thức, kỹ thuật về sản xuất NNST	1	2	3	4	5
7	Ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân, HTX, doanh nghiệp... tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	1	2	3	4	5
8	Có cơ chế chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi số trong nông nghiệp	1	2	3	4	5
9	Mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng thương hiệu, kết nối tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	1	2	3	4	5
10	Có chính sách hỗ trợ, giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	1	2	3	4	5
11	Có các cơ chế, chính sách đảm bảo việc thụ hưởng các giá trị của NNST cho nông dân	1	2	3	4	5
12	Thường xuyên đánh giá, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về NNST	1	2	3	4	5
13	Khác (ghi rõ):					

Câu 21: Theo ông/bà những chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng NNST đã đảm bảo giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội chưa?

- ☐ 1. Đảm bảo tốt
☐ 2. Tương đối đảm bảo
☐ 3. Chưa đảm bảo

Câu 22: Theo Ông/bà, những nguyên nhân nào sau đây khiến việc phát

huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương còn hạn chế?

- ☐ 1. Nhận thức của nông dân về tầm quan trọng của NNST còn hạn chế
- ☐ 2. Nông dân chưa chủ động, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về NNST, vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại
- ☐ 3. Trình độ mọi mặt của nông dân còn hạn chế
- ☐ 4. Vai trò hỗ trợ, định hướng của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chưa hiệu quả
- ☐ 5. Các cơ chế, chính sách về xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn
- ☐ 6. Nhận thức và trình độ của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng NNST chưa đáp ứng yêu cầu
- ☐ 7. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NNST còn hạn chế
- ☐ 8. Khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán lạc hậu, hạ tầng nông thôn yếu kém
- ☐ 9. Khác (ghi rõ).....

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà!

Phụ lục 1.2. PHIẾU KHẢO SÁT - M2

**Đề tài: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG
XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC
HIỆN NAY**

(Dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý)

Bảng hỏi số:
Ngày phỏng vấn:
Xã/phường: Huyện/quận:
Tỉnh/thành phố.....

Kính thưa Ông/Bà!

Nhằm phục vụ cho nghiên cứu đề tài: “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay*”, chúng tôi mong muốn có được những thông tin chân thực từ Ông/Bà. Những thông tin Ông/Bà cung cấp sẽ là căn cứ thực tiễn để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái (NNST) vùng Tây Bắc hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp chính sách phù hợp để phát huy có hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc hiện nay.

Rất mong Ông/Bà vui lòng dành thời gian trả lời các câu hỏi của chúng tôi. Câu trả lời của Ông/Bà chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học và thông tin cá nhân sẽ được giữ kín. Nếu Ông/Bà chọn phương án nào thì đánh dấu (X) ô vuông hoặc khoanh tròn vào cột tương ứng.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Giới tính người trả lời? ☐ 1. Nam ☐ 2. Nữ
2. Tuổi của Ông/Bà?
3. Ông/Bà thuộc dân tộc nào?

☐ 1. Thái	☐ 2. Mường
☐ 3. H'Mông	☐ 4. Kinh
☐ 5. Dao	☐ 6. Dân tộc khác (ghi rõ):
4. Trình độ học vấn của Ông/Bà?

☐ 1. Tiểu học	☐ 4. Trung cấp
☐ 2. Trung học cơ sở	☐ 5. Cao đẳng, đại học
☐ 3. Trung học phổ thông	☐ 6. Trên đại học
5. Cơ quan làm việc của Ông/bà?

☐ 1. Cơ quan Đảng
☐ 2. Cơ quan Chính quyền
☐ 3. Các tổ chức – chính trị xã hội
☐ 4. Khác (ghi rõ):
6. Số năm công tác của Ông/Bà?

☐ 1. Dưới 5 năm	☐ 3. Trên 10 năm
☐ 2. 5-10 năm	☐ 4. Khác (ghi rõ):

Phần II: NỘI DUNG KHẢO SÁT**Câu 1: Theo Ông/bà nông nghiệp sinh thái là gì?**

- ☐ 1. Phương thức canh tác kết hợp tôn trọng tự nhiên, tối ưu hóa các nguồn tài nguyên với phương pháp sản xuất ứng dụng KHCN tiên tiến
- ☐ 2. Phương thức canh tác dựa vào triết lý, phong cách sống của cộng đồng hòa hợp truyền thống với thiên nhiên đảm bảo đa dạng sinh học
- ☐ 3. Phương thức canh tác cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững
- ☐ 4. Tất cả các ý trên

Câu 2: Theo Ông/Bà vai trò của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững như thế nào?

- ☐ 1. Rất quan trọng
 ☐ 3. Không quan trọng
☐ 2. Quan trọng
 ☐ 4. Không biết

Câu 3: Theo Ông/Bà nông nghiệp sinh thái góp phần giải quyết những vấn đề gì?

- ☐ 1. Nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế địa phương
☐ 2. Bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu
☐ 3. Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp
☐ 4. Xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và bất bình đẳng giới
☐ 5. Khác (ghi rõ).....

Câu 4: Theo Ông/Bà những hình thức nào là nông nghiệp sinh thái?

TT	Nội dung		
		Có	Không
1	Nông nghiệp xanh, hữu cơ, chính xác, thông minh, tuần hoàn	☐ ₁	☐ ₂
2	Nông lâm kết hợp	☐ ₁	☐ ₂
3	Thực hành nông nghiệp tốt, an toàn thực phẩm VietGAP, GlobalGAP, OCOP	☐ ₁	☐ ₂
4	Nông nghiệp bảo tồn và cảnh quan	☐ ₁	☐ ₂
5	Hệ thống tổng hợp trồng trọt – chăn nuôi/thủy sản (VAC, RVAC)	☐ ₁	☐ ₂
6	Quản lý dịch hại/cây trồng tổng hợp IPM, IPHM...	☐ ₁	☐ ₂
7	Khác (ghi rõ):		

Câu 5: Theo Ông/Bà vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái như thế nào?

- ☐ 1. Rất quan trọng
 ☐ 2. Quan trọng
☐ 3. Không quan trọng
 ☐ 4. Không biết

Câu 6: Ông/Bà cho biết mức độ cần thiết phải thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương?

Stt	Nội dung	Mức độ				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Không biết
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	1	2	3	4	5
2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	1	2	3	4	5
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	1	2	3	4	5
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	1	2	3	4	5
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	1	2	3	4	5
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo an ninh, an toàn con người	1	2	3	4	5

Câu 7: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	1	2	3	4	5

2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	1	2	3	4	5
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	1	2	3	4	5
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	1	2	3	4	5
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	1	2	3	4	5
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo an ninh, an toàn con người	1	2	3	4	5

Câu 8: Theo Ông/Bà chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái gồm những nội dung nào?

TT	Nội dung		
		Đúng	Sai
1	Lấy sản lượng làm mục tiêu	☐ ₁	☐ ₂
2	Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu	☐ ₁	☐ ₂
3	Tích hợp đa giá trị vào sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
4	Bán cái mình có	☐ ₁	☐ ₂
5	Bán cái thị trường cần	☐ ₁	☐ ₂
6	Khác (ghi rõ):		

Câu 9: Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở địa phương?

TT	Nội dung		
		Có	Không
1	Truyền thông về tư duy kinh tế NNST cho nông dân bằng các hình thức	☐ ₁	☐ ₂
2	Vận động nông dân tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST	☐ ₁	☐ ₂

3	Tìm hiểu nhu cầu của thị trường và lợi thế của địa phương để quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
4	Giúp nông dân gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm	☐ ₁	☐ ₂
5	Hướng dẫn nông dân giảm chi phí sản xuất hợp lý	☐ ₁	☐ ₂
6	Xúc tiến thương mại và kết nối thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	☐ ₁	☐ ₂
7	Hỗ trợ nông dân tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp	☐ ₁	☐ ₂
8	Khác (ghi rõ):		

Câu 10: Ông/Bà có tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương không?

☐ 1. Có

☐ 2. Không

Câu 11: Ông/Bà có tham gia vận động nông dân chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái không?

☐ 1. Có

☐ 2. Không

Câu 12: Theo Ông/Bà nông dân gặp khó khăn gì trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST?

☐ 1. Thiếu kiến thức và kỹ năng về nông nghiệp sinh thái

☐ 2. Thiếu sự hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức

☐ 3. Thiếu vốn

☐ 4. Thiếu khoa học công nghệ

☐ 5. Thiếu khả năng tiếp cận thị trường

☐ 6. Kết cấu hạ tầng phục vụ NNST còn yếu kém

☐ 7. Khác (ghi rõ).....

Câu 13: Ông/Bà đã thực hiện những nội dung nào sau đây để giúp nông dân tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ở địa phương?

- ☐ 1. Ban hành các nghị quyết, cơ chế chính sách và vận động nông dân tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương
- ☐ 2. Kết nối nông dân với doanh nghiệp và các tổ chức khác
- ☐ 3. Vận động nông dân tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác
- ☐ 4. Thúc đẩy nông dân tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST
- ☐ 5. Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tự liên kết với nhau tổ chức sản xuất NNST
- ☐ 6. Tham gia tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp cho nông dân và các chủ thể khác
- ☐ 7. Khác (ghi rõ).....

Câu 14: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở địa phương?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Ban hành các nghị quyết, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nâng cao hiểu biết cho nông dân về <i>hội nhập quốc tế</i> , thay đổi tư duy sản xuất					
2	Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất cho nông dân					
3	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi mô hình sản xuất tuân thủ nghiêm các quy định về nông					

	nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của thế giới					
4	Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tiến hành các dự án hợp tác, nghiên cứu NNST với các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu	1	2	3	4	5
5	Chuyên giao tiến bộ KHCN cho nông dân thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế	1	2	3	4	5
6	Khác (ghi rõ):					

Câu 15: Theo Ông/Bà mức độ thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Xóa đói, giảm nghèo nâng cao thu nhập	1	2	3	4	5
2	Tạo công ăn việc làm cho nông dân	1	2	3	4	5
3	Giải quyết bất bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất nông nghiệp sinh thái	1	2	3	4	5
4	Lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp	1	2	3	4	5
5	Lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm	1	2	3	4	5
6	Thay đổi phương thức sản xuất hủy hoại môi trường sang phương thức sản xuất thân thiện với môi trường	1	2	3	4	5
7	Tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường	1	2	3	4	5
8	Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp	1	2	3	4	5

9	Khác (ghi rõ):
---	----------------------

Câu 16: Ông/Bà đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo an ninh, an toàn con người ở địa phương như thế nào?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên					
2	Thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn					
3	Thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh					
4	Khác (ghi rõ):					

Câu 17: Địa phương Ông/Bà phổ biến đến nông dân về sản xuất nông nghiệp sinh thái thông qua những hình thức nào?

- ☐ 1. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (Truyền hình, báo, đài, hệ thống truyền thanh)
- ☐ 2. Đưa vào nội dung họp thôn, xóm, chi bộ cơ sở
- ☐ 3. Tổ chức tập huấn thông qua các hội, đoàn thể
- ☐ 4. Tuyên truyền bằng pano, áp phích, tờ rơi
- ☐ 5. Thông qua những người có uy tín trong cộng đồng
- ☐ 6. Khác (ghi rõ).....

Câu 18: Ông/bà cho biết các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác có thường xuyên quan tâm tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST đến nông dân không?

- ☐ 1. Thường xuyên
- ☐ 2. thỉnh thoảng

☐ 3. Không thường xuyên

☐ 4. Không biết

Câu 19: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái của những tổ chức, cá nhân sau ở địa phương như thế nào?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Chủ thể nông dân					
2	Cấp ủy, chính quyền các cấp					
3	Các tổ chức chính trị - xã hội					
4	Các tổ chức xã hội nghề nghiệp					
5	Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp					
6	Các tổ chức tín dụng, ngân hàng					
7	Khác (ghi rõ):					

Câu 20: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nội dung sau của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ đoàn thể ở địa phương như thế nào?

Stt	Nội dung	Mức độ Thấp nhất → cao nhất				
		1	2	3	4	5
1	Tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững					
2	Tuyên truyền về vị trí vai trò của nông dân trong xây dựng NNST và vận động nông dân tham gia xây dựng NNST					
3	Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương					

23.PL

	trình, kế hoạch, dự án về phát triển NNST					
4	Tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch phát triển nông nghiệp và các chính sách liên quan đến NNST ở địa phương	1	2	3	4	5
5	Chuyển đổi cơ cấu, cấu trúc, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và xu thế phát triển xanh, bền vững của thế giới	1	2	3	4	5
6	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, chia sẻ kiến thức, kỹ thuật về sản xuất NNST	1	2	3	4	5
7	Ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân, HTX, doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	1	2	3	4	5
8	Có cơ chế chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi số trong nông nghiệp	1	2	3	4	5
9	Mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng thương hiệu, kết nối tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	1	2	3	4	5
10	Có chính sách hỗ trợ, giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	1	2	3	4	5
11	Có các cơ chế, chính sách đảm bảo việc thụ hưởng các giá trị của NNST cho nông dân	1	2	3	4	5
12	Thường xuyên đánh giá, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về NNST	1	2	3	4	5
13	Khác (ghi rõ):					

Câu 21: Theo ông/bà những chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng

NNST đã đảm bảo giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội chưa?

- ☐ 1. Đảm bảo tốt
- ☐ 2. Tương đối đảm bảo
- ☐ 3. Chưa đảm bảo

huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương còn hạn chế?

- ☐ 1. Nhận thức của nông dân về tầm quan trọng của NNST còn hạn chế
- ☐ 2. Nông dân chưa chủ động, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về NNST, vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại
- ☐ 3. Trình độ mọi mặt của nông dân còn hạn chế
- ☐ 4. Vai trò hỗ trợ, định hướng của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chưa hiệu quả
- ☐ 5. Các cơ chế, chính sách về xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn
- ☐ 6. Nhận thức và trình độ của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng NNST chưa đáp ứng yêu cầu
- ☐ 7. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NNST còn hạn chế
- ☐ 8. Khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán lạc hậu, hạ tầng nông thôn yếu kém
- ☐ 9. Khác (ghi rõ).....

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà!

Phụ lục 1.3. PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU – M3

**Đề tài: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG
XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC
HIỆN NAY**

Bảng hỏi số:
Ngày phỏng vấn:
Xã/phường: Huyện/quận:
Tỉnh/thành phố.....

Nhằm phục vụ cho nghiên cứu đề tài: “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay*”, chúng tôi mong muốn có được những thông tin chân thực từ Ông/Bà. Những thông tin Ông/Bà cung cấp sẽ là căn cứ thực tiễn để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp chính sách phù hợp để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái tại địa phương tốt hơn.

Rất mong Ông/Bà vui lòng dành thời gian trả lời các câu hỏi của chúng tôi. Câu trả lời của Ông/Bà chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học và thông tin cá nhân sẽ được giữ kín.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!

NỘI DUNG

1. Theo Ông/Bà nông nghiệp sinh thái (NNST) là gì?
2. Theo Ông/Bà NNST có vai trò như thế nào đối với sự phát triển bền vững?
3. Ông/Bà hiểu thế nào về chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST? Ở địa phương Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân chuyển đổi tư duy sang kinh tế NNST?
4. Theo Ông/Bà nông dân cần làm gì để tham gia lựa chọn chuyển đổi mô

hình sang sản xuất NNST? Ở địa phương Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân lựa chọn chuyển đổi mô hình sang sản xuất NNST?

5. Ông/Bà cho biết tầm quan trọng của việc liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất NNST ở địa phương? Ở địa phương Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất NNST?

6. Theo Ông/Bà việc hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất có vai trò như thế nào đối với xây dựng NNST tại địa phương? Ở địa phương Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân tham gia hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST?

7. Ông/Bà đánh giá việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST ở địa phương như thế nào? Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST ở địa phương?

8. Theo Ông/Bà việc thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ở địa phương như thế nào? Ông/Bà đã làm gì để nông dân được thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ở địa phương?

9. Theo Ông/Bà vấn đề gì đang đặt ra cần giải quyết về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương?

10. Theo Ông/Bà để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương cần thực hiện những giải pháp gì? Vì sao?

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà!

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phụ lục 2.1. Kết quả khảo sát nông dân – Phiếu M1 (300 nông dân của 3 tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình)

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

STT	Nội dung	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính của người trả lời - Nam - Nữ	300 154 146	100 51,3 48,7
2	Tuổi - 20-40 - 40-60 - 60-80	300 135 125 40	100 45 41,7 13,3
3	Dân tộc - Thái - Mường - H'Mông - Kinh - Dao - Dân tộc khác	300 95 55 40 45 35 30	100 31,7 18,3 13,3 15 11,7 10
4	Trình độ học vấn - Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông - Trung cấp - Cao đẳng, Đại học - Trên đại học	300 52 95 83 40 20 10	100 17,3 31,7 27,7 13,3 6,7 3,3
5	Số năm kinh nghiệm làm nông nghiệp - Dưới 5 năm - 5-10 năm - Trên 10 năm	300 15 129 156	100 5 43 52
6	Thu nhập bình quân - Dưới 3 triệu/tháng - Từ 3-5 triệu/tháng - Từ 5-10 triệu đồng/tháng - Trên 10 triệu đồng/tháng	300 174 88 26 12	100 58 29,2 8,8 4

Phần II: NỘI DUNG KHẢO SÁT

C1: Theo Ông/bà nông nghiệp sinh thái là gì?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Phương thức canh tác kết hợp tôn trọng tự nhiên, tối ưu hóa các nguồn tài nguyên với phương pháp sản xuất ứng dụng KHCN tiên tiến	32/300	10,7
- Phương thức canh tác dựa vào triết lý, phong cách sống của cộng đồng hòa hợp truyền thống với thiên nhiên đảm bảo đa dạng sinh học	36/300	12,0
- Phương thức canh tác cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững	27/300	9,0
- Tất cả các ý trên	205/300	68,3

C2: Theo Ông/Bà vai trò của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững như thế nào?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Rất quan trọng	205/300	68,3
- Quan trọng	93/300	31
- Không quan trọng	0/300	0
- Không biết	2/300	0,7

C3: Theo Ông/Bà nông nghiệp sinh thái góp phần giải quyết những vấn đề gì?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế địa phương	216/300	72
- Bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH	232/300	77,5
- Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp	165/300	55
- Xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và bất bình đẳng giới	126/300	42,0
- Khác	5	1,7

C4: Theo Ông/Bà những hình thức nào là nông nghiệp sinh thái?	Có		Không	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Nông nghiệp xanh, hữu cơ, chính xác, thông minh, tuần hoàn	282	94	18	6
Nông lâm kết hợp	267	89	33	11
Thực hành nông nghiệp tốt, an toàn thực phẩm VietGAP, GlobalGAP, OCOP	257	85,7	43	14,3
Nông nghiệp bảo tồn và cảnh quan	216	72	84	28
Hệ thống tổng hợp trồng trọt – chăn nuôi/thủy sản (VAC, RVAC)	234	78	66	22
Quản lý dịch hại/cây trồng tổng hợp IPM, IPHM...	267	89	33	11

C5: Theo Ông/Bà vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái như thế nào?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Rất quan trọng	206/300	68,7
- Quan trọng	94/300	31,3
- Không quan trọng	0/300	0
- Không biết	0/300	0

STT	C6: Ông/Bà cho biết mức độ cần thiết phải thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương?	Mức độ (%)				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Không biết
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	43,4	43,9	8,9	2,8	1,0

30.PL

2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	38,5	44,5	13,8	1,6	1,6
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	46,7	36,3	13,2	2,7	1,1
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	41,2	41,8	11,0	4,4	1,6
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	42,9	40,7	11,0	3,8	1,6
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	40,1	40,7	12,7	4,9	1,6

STT	C7: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	2,74
2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	2,84
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	2,88
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	2,77
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	2,84
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	2,88

TT	C8: Theo Ông/Bà chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái gồm những nội dung nào?	Tỷ lệ lựa chọn (%)	
		Đúng	Sai
1	Lấy sản lượng làm mục tiêu	83,5	16,5
2	Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu	85,2	14,8
3	Tích hợp đa giá trị vào sản phẩm	85,7	14,3
4	Bán cái mình có	67,6	32,4
5	Bán cái thị trường cần	90,7	9,3
6	Khác (ghi rõ):		

TT	C9: Ông/Bà đã làm gì để chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở địa phương?	Tỷ lệ lựa chọn (%)	
		Có	Không
1	Tự tìm hiểu thông tin về tư duy kinh tế NNST trên các phương tiện thông tin đại chúng	98,0	11,0
2	Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST	89,6	10,4
3	Tìm hiểu nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm	88,5	11,5
4	Tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm	85,7	14,3
5	Chủ động giảm chi phí sản xuất hợp lý	85,7	14,3
6	Xem xét khả năng cạnh tranh và chủ động tìm kiếm khách hàng	87,9	12,1
7	Chủ động tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp	86,8	13,2
8	Khác (ghi rõ):		

C10: Ông/Bà có tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương không?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Có	191/300	63,7
- Không	46/300	15,3
- Không được biết thông tin	63/300	21

C11: Ông/Bà có mong muốn chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái không?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Có	230/300	76,7
- Không	20/300	6,6
- Chưa biết	50/300	16,7

C12: Ông/Bà gặp khó khăn gì trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Thiếu kiến thức và kỹ năng về nông nghiệp sinh thái	79,1
2. Thiếu sự hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức	52,1
3. Thiếu vốn	63,7
4. Thiếu khoa học công nghệ	53,2
5. Thiếu khả năng tiếp cận thị trường	47,8
6. Kết cấu hạ tầng phục vụ NNST còn yếu kém	51,0

TT	C13: Ông/Bà đã làm gì để tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất NNST ở địa phương?	Tỷ lệ lựa chọn (%)	
		Có	Không
1	Chủ động tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác	85,7	14,3
2	Chủ động liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức khác	73,6	26,4
3	Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương	90,7	9,3
4	Tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh	86,3	13,7

	doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST		
5	Tự liên kết với các nông dân khác để sản xuất NNST	77,5	22,5
6	Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp	83,0	17,0

STT	C14: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Chủ động tìm hiểu nâng cao hiểu biết về <i>hội nhập quốc tế</i> , thay đổi tư duy sản xuất	2,76
2	Chủ động nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất	2,97
3	Chuyển đổi mô hình sản xuất và tuân thủ nghiêm các quy định về nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của thế giới	2,95
4	Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tham gia vào các dự án hợp tác, nghiên cứu nông nghiệp sinh thái của các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu	2,88
5	Tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế	2,86

STT	C15: Theo Ông/Bà mức độ thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào?	Điểm trung bình
-----	--	-----------------

34.PL

	<i>(Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)</i>	
1	Xóa đói, giảm nghèo nâng cao thu nhập	2,91
2	Tạo công ăn việc làm cho nông dân	2,96
3	Giải quyết bất bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST	2,96
4	Lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp	2,97
5	Lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm	3,03
6	Thay đổi phương thức sản xuất hủy hoại môi trường sang phương thức sản xuất thân thiện với môi trường	2,95
7	Tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường	2,86
8	Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp	2,97

STT	C16: Ông/Bà đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo an ninh, an toàn con người ở địa phương như thế nào? <i>(Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)</i>	Điểm trung bình
1	Thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên	2,85
2	Thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn	2,97
3	Thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh	2,96

C17: Ông/Bà biết đến sản xuất nông nghiệp sinh thái thông qua những hình thức nào?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
---	---------------------------

1. Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách, báo, đài, tivi, internet...)	85,8
2. Hoạt động tuyên truyền của chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội	63,4
3. Hoạt động của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp	52,5
4. Những người có uy tín trong cộng đồng	36,6

C18: Ông/bà cho biết các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác có thường xuyên quan tâm tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST đến nông dân không?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Thường xuyên	62,0
2. thỉnh thoảng	35,0
3. Không thường xuyên	2,0
4. Không biết	1,0

STT	C19: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái của những tổ chức, cá nhân sau ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Chủ thể nông dân	2,96
2	Cấp ủy, chính quyền các cấp	2,98
3	Các tổ chức chính trị - xã hội	2,99
4	Các tổ chức xã hội nghề nghiệp	2,99
5	Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp	3,03
6	Các tổ chức tín dụng, ngân hàng	2,96

STT	C20: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nội dung sau của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ đoàn	Điểm trung
-----	---	-------------------

	thể ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	bình
1	Tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững	2,92
2	Tuyên truyền về vị trí vai trò của nông dân trong xây dựng NNST và vận động nông dân tham gia xây dựng NNST	3,02
3	Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án về phát triển NNST	3,02
4	Tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch phát triển nông nghiệp và các chính sách liên quan đến NNST ở địa phương	3,04
5	Chuyển đổi cơ cấu, cấu trúc, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và xu thế phát triển xanh, bền vững của thế giới	3,00
6	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, chia sẻ kiến thức, kỹ thuật về sản xuất NNST	3,07
7	Ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân, HTX, doanh nghiệp... tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	2,99
8	Có cơ chế chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi số trong nông nghiệp	3,03
9	Mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng thương hiệu, kết nối tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	2,90
10	Có chính sách hỗ trợ, giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	2,99
11	Có các cơ chế, chính sách đảm bảo việc thụ hưởng các giá trị của NNST cho nông dân	3,01
12	Thường xuyên đánh giá, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về NNST	2,96
C21: Theo ông/bà những chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng NNST		Số người Tỷ lệ (%)

đã đảm bảo giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội chưa?		
- Đảm bảo tốt	120/300	40,0
- Tương đối đảm bảo	135/300	45,0
- Chưa đảm bảo	45/300	15,0

C22: Theo Ông/bà, những nguyên nhân nào sau đây khiến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương còn hạn chế?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Nhận thức của nông dân về tầm quan trọng của NNST còn hạn chế	76,5
2. Nông dân chưa chủ động, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về NNST, vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại	69,4
3. Trình độ mọi mặt của nông dân còn hạn chế	56,3
4. Vai trò hỗ trợ, định hướng của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chưa hiệu quả	55,7
5. Các cơ chế, chính sách về xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn	53,6
6. Nhận thức và trình độ của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng NNST chưa đáp ứng yêu cầu	50,3
7. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NNST còn hạn chế	54,1
8. Khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán lạc hậu, hạ tầng nông thôn yếu kém	50,3

Phụ lục 2.2. Kết quả khảo sát cán bộ lãnh đạo, quản lý – Phiếu M2 (210 cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của 3 tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình)

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

STT	Nội dung	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính của người trả lời - Nam - Nữ	210 161 49	100 76,7 23,3
2	Tuổi - Dưới 40 - 40-50 - 50-60	210 80 97 33	100 38,1 46,2 15,7
3	Dân tộc - Thái - Mường - H'Mông - Kinh - Dao - Dân tộc khác	210 43 19 13 124 5 6	100 20,5 9,0 6,2 59 2,4 2,9
4	Trình độ học vấn - Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông - Trung cấp - Cao đẳng, Đại học - Trên đại học	210 0 0 3 7 119 81	100 0 0 1,4 3,3 56,6 38,7
5	Cơ quan làm việc - Cơ quan Đảng - Cơ quan Chính quyền - Các tổ chức – chính trị xã hội - Khác	210 33 100 49 28	100 15,7 47,6 23,3 13,4
6	Số năm công tác - Dưới 5 năm - 5-10 năm - Trên 10 năm	210 13 21 176	100 6,2 10,0 83,8

Phần II: NỘI DUNG KHẢO SÁT

C1: Theo Ông/bà nông nghiệp sinh thái là gì?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Phương thức canh tác kết hợp tôn trọng tự nhiên, tối ưu hóa các nguồn tài nguyên với phương pháp sản xuất ứng dụng KHCN tiên tiến	25/210	11,9
- Phương thức canh tác dựa vào triết lý, phong cách sống của cộng đồng hòa hợp truyền thống với thiên nhiên đảm bảo đa dạng sinh học	16/210	7,6
- Phương thức canh tác cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững	12/210	5,7
- Tất cả các ý trên	157/210	74,8

C2: Theo Ông/Bà vai trò của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững như thế nào?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Rất quan trọng	181/210	86,2
- Quan trọng	29/210	13,8
- Không quan trọng	0/210	0
- Không biết	0/210	0

C3: Theo Ông/Bà nông nghiệp sinh thái góp phần giải quyết những vấn đề gì?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế địa phương	181/210	86,2
- Bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH	190/210	90,5
- Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp	162/210	77,1
- Xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và bất bình đẳng giới	154/210	73,3

C4: Theo Ông/Bà những hình thức nào là nông nghiệp sinh thái?	Có		Không	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Nông nghiệp xanh, hữu cơ, chính xác, thông minh, tuần hoàn	202	96,2	8	3,8
Nông lâm kết hợp	199	94,8	11	5,2
Thực hành nông nghiệp tốt, an toàn thực phẩm VietGAP, GlobalGAP, OCOP	193	91,9	17	8,1
Nông nghiệp bảo tồn và cảnh quan	176	83,8	34	16,2
Hệ thống tổng hợp trồng trọt – chăn nuôi/thủy sản (VAC, RVAC)	185	88,1	25	11,9
Quản lý dịch hại/cây trồng tổng hợp IPM, IPHM...	200	95,2	10	4,8

C5: Theo Ông/Bà vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái như thế nào?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Rất quan trọng	182/210	86,7
- Quan trọng	28/210	13,3
- Không quan trọng	0/210	0
- Không biết	0/210	0

STT	C6: Ông/Bà cho biết mức độ cần thiết phải thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở địa phương?	Mức độ (%)				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Không biết
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế	67,3	29,3	2,7	0	0,7

41.PL

	NNST					
2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	40,7	37,4	13,8	1,6	0
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	65,3	32,0	2,0	0	0,7
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	55,3	38,6	4,7	0,5	0,9
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	59,2	34,7	4,7	0,7	0,7
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	64	31,3	4,0	0	0,7

STT	C7: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện những nội dung sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào? <i>(Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)</i>	Điểm trung bình
1	Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST	2,66
2	Tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện thực hóa mục tiêu NNST	2,72
3	Tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá	2,69

	trị, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm	
4	Thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST	2,55
5	Tham gia quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với NNST	2,67
6	Thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội	2,73

TT	C8: Theo Ông/Bà chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái gồm những nội dung nào?	Tỷ lệ lựa chọn (%)	
		Đúng	Sai
1	Lấy sản lượng làm mục tiêu	58,0	42,0
2	Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu	91,3	8,7
3	Tích hợp đa giá trị vào sản phẩm	94,7	5,3
4	Bán cái mình có	52,7	47,3
5	Bán cái thị trường cần	92,0	8,0
6	Khác (ghi rõ):		

TT	C9: Ông/Bà đã làm gì để giúp nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở địa phương?	Tỷ lệ lựa chọn (%)	
		Có	Không
1	Truyền thông về tư duy kinh tế NNST cho nông dân bằng các hình thức khác nhau	90,7	9,3
2	Vận động nông dân tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST	98,0	2,0
3	Tìm hiểu nhu cầu của thị trường và lợi thế của địa phương để quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm	83,3	16,7

43.PL

4	Giúp nông dân gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm	80,0	20,0
5	Hướng dẫn nông dân giảm chi phí sản xuất hợp lý	92,0	8,0
6	Xúc tiến thương mại và kết nối thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	78,7	21,3
7	Hỗ trợ nông dân tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp	94,7	5,3
8	Khác (ghi rõ):		

C10: Ông/Bà có tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương không?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Có	204/210	97,1
- Không	6/210	2,9

C11: Ông/Bà có tham gia vận động nông dân chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái không?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Có	200/210	95,2
- Không	10/210	4,8

C12: Theo Ông/Bà nông dân gặp khó khăn gì trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất NNST?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Thiếu kiến thức và kỹ năng về nông nghiệp sinh thái	96,7
2. Thiếu sự hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức	56,7
3. Thiếu vốn	86,0
4. Thiếu khoa học công nghệ	86,7
5. Thiếu khả năng tiếp cận thị trường	82,0
6. Kết cấu hạ tầng phục vụ NNST còn yếu kém	78,7

TT	C13: Ông/Bà đã thực hiện những nội dung nào sau đây để giúp nông dân tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ở địa phương?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1	Ban hành các nghị quyết, cơ chế chính sách và vận động nông dân tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương	81
2	Kết nối nông dân với doanh nghiệp và các tổ chức khác	70,7
3	Vận động nông dân tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác	84,0
4	Thúc đẩy nông dân tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST	72,7
5	Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tự liên kết với nhau tổ chức sản xuất NNST	73,3
6	Tham gia tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp cho nông dân và các chủ thể khác	68

STT	C14: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ sau để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở địa phương? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Ban hành các nghị quyết, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nâng cao hiểu biết cho nông dân về <i>hội nhập quốc tế</i> , thay đổi tư duy sản xuất	2,67
2	Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất cho nông dân	2,65

45.PL

3	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi mô hình sản xuất tuân thủ nghiêm các quy định về nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của thế giới	2,72
4	Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tiến hành các dự án hợp tác, nghiên cứu NNST với các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu	2,72
5	Chuyển giao tiến bộ KHCN cho nông dân thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế	2,75

STT	C15: Theo Ông/Bà mức độ thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái ở địa phương như thế nào? <i>(Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)</i>	Điểm trung bình
1	Xóa đói, giảm nghèo nâng cao thu nhập	2,77
2	Tạo công ăn việc làm cho nông dân	2,87
3	Giải quyết bất bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST	2,87
4	Lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp	2,93
5	Lan tỏa truyền thống đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái, sống có trách nhiệm	3,02
6	Thay đổi phương thức sản xuất hủy hoại môi trường sang phương thức sản xuất thân thiện với môi trường	2,8
7	Tái chế chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí và ô nhiễm môi trường	2,73
8	Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp	2,8

STT	C16: Ông/Bà đánh giá mức độ thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo an ninh, an toàn con người ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên	2,27
2	Thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn	2,87
3	Thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh	2,87

C17: Địa phương Ông/Bà phổ biến đến nông dân về sản xuất nông nghiệp sinh thái thông qua những hình thức nào?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (Truyền hình, báo, đài, hệ thống truyền thanh)	88,0
2. Đưa vào nội dung họp thôn, xóm, chi bộ cơ sở	80,7
3. Tổ chức tập huấn thông qua các hội, đoàn thể	80,0
4. Tuyên truyền bằng pano, áp phích, tờ rơi	63,3
5. Thông qua những người có uy tín trong cộng đồng	73,3

C18: Ông/bà cho biết các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác có thường xuyên quan tâm tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST đến nông dân không?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Thường xuyên	84,0
2. thỉnh thoảng	14,0
3. Không thường xuyên	1,0
4. Không biết	0,0

STT	C19: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái của những tổ chức, cá nhân sau ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Chủ thể nông dân	2,89
2	Cấp ủy, chính quyền các cấp	3,05
3	Các tổ chức chính trị - xã hội	3,05
4	Các tổ chức xã hội nghề nghiệp	2,86
5	Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp	2,94
6	Các tổ chức tín dụng, ngân hàng	2,95

STT	C20: Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các nội dung sau của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ đoàn thể ở địa phương như thế nào? (Thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm)	Điểm trung bình
1	Tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của nông nghiệp sinh thái đối với sự phát triển bền vững	3,07
2	Tuyên truyền về vị trí vai trò của nông dân trong xây dựng NNST và vận động nông dân tham gia xây dựng NNST	3,11
3	Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án về phát triển NNST	3,06
4	Tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch phát triển nông nghiệp và các chính sách liên quan đến NNST ở địa phương	3,13
5	Chuyển đổi cơ cấu, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và xu thế phát triển xanh, bền vững của thế giới	2,98
6	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, chia sẻ kiến thức, kỹ thuật về sản xuất NNST	3,03
7	Ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân, HTX, doanh	3,02

	ng nghiệp... tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	
8	Có cơ chế chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi số trong nông nghiệp	2,97
9	Mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng thương hiệu, kết nối tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	2,85
10	Có chính sách hỗ trợ, giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	2,84
11	Có các cơ chế, chính sách đảm bảo việc thụ hưởng các giá trị của NNST cho nông dân	2,89
12	Thường xuyên đánh giá, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về NNST	2,97

C21: Theo ông/bà những chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng NNST đã đảm bảo giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội chưa?	Số người	Tỷ lệ (%)
- Đảm bảo tốt	115/210	55,0
- Tương đối đảm bảo	78/210	37,0
- Chưa đảm bảo	17/210	8,0

C22: Theo Ông/bà, những nguyên nhân nào sau đây khiến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở địa phương còn hạn chế?	Tỷ lệ lựa chọn (%)
1. Nhận thức của nông dân về tầm quan trọng của NNST còn hạn chế	91,3
2. Nông dân chưa chủ động, tích cực tham gia thực hiện các chủ	84,4

49.PL

trương, chính sách về NNST, vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại	
3. Trình độ mọi mặt của nông dân còn hạn chế	77,3
4. Vai trò hỗ trợ, định hướng của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chưa hiệu quả	58,7
5. Các cơ chế, chính sách về xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn	75,3
6. Nhận thức và trình độ của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng NNST chưa đáp ứng yêu cầu	66,7
7. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NNST còn hạn chế	85,3
8. Khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán lạc hậu, hạ tầng nông thôn yếu kém	76,0